

Thà Chết Vinh  
Hơn Sống Nhục

HUỶNH ẨM TỔNG



050615  
280815  
281215



Mục lục .....	3
Tựa .....	5
Chương thứ nhất: Vài nét về Miền Nam trước 30-4-1975 ....	7
Chương thứ hai: Năm vị tướng QLVNCH tuần tiết .....	13
1) Thiếu tướng Phạm Văn Phú (1929-1975) .....	14
2) Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ (1933-1975) .....	25
3) Chuẩn tướng Trần Văn Hai (1925-1975) .....	45
4) Chuẩn tướng Lê Văn Hưng (1933-1975) .....	53
5) Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam (1929-1975).....	99
Chương thứ ba: Từ cấp Tá cho đến anh binh nhì tuần tiết .	129
1) Trung tá Nguyễn Văn Long (1919-1975) .....	131
2) Trung tá Đặng Sỹ Vĩnh (19 -1975) .....	139

Chương thứ tư: Những trận chiến sau cùng .....	148
Chương thứ năm: Cựu viên chức VNCH tuần tiết .....	153
1) Trần Chánh Thành (19 -1975) .....	154
Chương thứ sáu: Anh hùng tử .....	169
1) Đại tá Hồ Ngọc Cẩn (1938-1975) .....	170
Chương thứ bảy: Phát biểu của những nhà lãnh đạo .....	195
1) Đề nghị Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu .....	196
2) Đề tam Tổng Thống VNCH Trần Văn Hương .....	197
3) Thư của Đề tứ Tổng Thống VNCH gửi cho N.C. Thi ...	199
Phụ lục: Danh sách những quân nhân tuần tiết .....	201





*Tựa*

*Để vinh danh người chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tôi tìm hiểu về những cái chết trong giờ phút cuối cùng, từ những sĩ quan, hạ sĩ quan cho đến anh binh nhì, có người để lại tên tuổi nhưng nhiều người là chiến sĩ vô danh.*

*Tại sao họ phải chọn cái chết ? Bởi vì họ sống có lý tưởng, phục vụ cho đất nước, bảo vệ lãnh thổ, giữ gìn an ninh, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho người dân.*

*Nay nước đã mất, dân chúng sẽ rơi vào cảnh lầm than, nhọc nhằn, đời khổ lại thêm sẽ không còn được tự do từ vật chất cho đến tinh thần.*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Người có trách nhiệm nhận thức được bốn phận mình phải làm gì, và người binh sĩ cũng thấy mình đã không đóng góp làm tròn trách nhiệm, họ chọn cái chết để bảo toàn danh dự, chính vì vậy người đời sau cho rằng họ đã tuấn tiết.*

*Cái chết của họ không thay đổi được chi hết, vận mệnh đất nước đã sang tay, lịch sử đã sang trang.*

*Ngày nay nhìn lại, để biết rõ giờ thứ 25, 30... đó họ đã làm gì, những người gần bên họ, hay chứng kiến những giờ phút sau cùng đó, họ đã ghi lại cho chúng ta thấy, hành động những người tuấn tiết rất hào hùng.*

*Tướng Lê Văn Hưng người hùng tử thủ An Lộc, vào mùa Hè đỏ lửa năm 1972, ngày cuối cùng của miền Nam, ông đã tuấn tiết, để đi vào thiên thu danh tướng.*

Ngày 14 tháng 6 năm 2015





### **Chương thứ nhất: Vài nét về Miền Nam trước ngày 30-4-75**

Sau Hiệp định Geneve 1954, Miền Nam là một nước độc lập, tự do do Ngô Đình Diệm lãnh đạo, được Mỹ yểm trợ, thành một nước tiền đồn chống Cộng sản quốc tế, theo thuyết Domino nếu Việt Nam rơi vào tay Cộng sản thì các nước Đông Nam Á sẽ rơi vào quỹ đạo Cộng sản.

Trong khi đó miền Bắc dưới sự lãnh đạo của đảng Lao Động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Cộng hòa Liên bang Xô Viết và Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa chi viện khí tài tối đa cho miền Bắc để thôn tính miền Nam.

Miền Nam sau khi dẹp lực lượng Bình Xuyên, giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. Từ năm 1955 cho đến năm 1963, có một thời thanh bình đã phát triển về các mặt kinh tế, giáo dục, xã hội ... Đến năm 1963, vì vấn đề kỳ thị tôn giáo, phát sinh những cuộc biểu tình chống chính phủ, làm cho xã hội bất ổn, nhất là về mặt chính trị, đã tạo ra sự thuận lợi cho lực lượng du kích cộng sản ở miền Nam phát triển phá hoại đường sá, cầu cống và lực lượng chánh quy miền Bắc đã thâm nhập vào miền Nam, tạo ra sự bất ổn cho xã hội miền Nam từ thôn quê cho tới đô thị.

Để bảo vệ tiền đồn tự do trước sự xâm nhập của Cộng sản, ngày 8-3-1965 Lữ đoàn 9 Thủy quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào bờ biển Đà Nẵng, từ đó Mỹ can thiệp vào Việt Nam với quân đội Nam Hàn, Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân.

Năm 1968, trận chiến ác liệt xảy ra, khi quân cộng sản không tôn trọng ngừng bắn vào dịp Tết Mậu Thân, đồng loạt tấn công vào các thành phố miền Nam từ Quảng Trị cho đến Cà Mau. Có ba đợt tấn công, kéo dài 300 ngày, trong đó có mặt trận

đánh chiếm thành phố Huế, đã giữ được đến 25 ngày, trong những ngày Huế chực chiếm hàng ngàn người dân vô tội bị giết, dùi dập trong những nắm mồ tập thể ở đồng bằng và khe, suối trên núi.

Năm 1972, chiến sự ở Quảng Trị dữ dội, quân đội chính quy Bắc Việt đã chiếm cố thành, đẩy lùi quân đội Việt Nam Cộng Hòa về tận sông Thạch Hãn. Tại Bình Long, trận chiến An Lộc từ 13-4-1972 đến 12-6-1972 mới được giải tỏa. Hai mặt trận ác liệt này xảy ra vào mùa Hè, nên được gọi tên là “Mùa Hè đỏ lửa”, cuối cùng VNCH chiếm lại cố thành Quảng Trị và giữ vững An Lộc, tướng Lê Văn Hưng được vang danh từ đó, nhờ vào sự cố thủ. Từ đó, miền Nam truyền tụng:

*An Lộc địa sử ghi chiến tích,  
Biệt kích dù vị quốc vong thân.*

Đến 27-1-1973, Hiệp định đình chiến được ký kết tại thủ đô Paris của Pháp, gồm có 4 bên: Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Mỹ rút toàn bộ quân đội về nước, các nước Đồng Minh tham chiến cũng vậy, Nam Việt Nam và Cộng sản giữ nguyên trạng. Nhưng sau đó, phía Cộng sản đã đánh chiếm tỉnh Phước Long ngày 7-1-1975, đương nhiên là tự xé bỏ Hiệp định Paris 1973.

Ngày 10-3-1975, quân đội Bắc Việt tiến chiếm tỉnh Darlac.

Miền Nam không được Mỹ can thiệp, nhất là không tiếp tục viện trợ khí tài, nên ngày 14-3-1975, Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu họp với các tướng lãnh ở Cam Ranh, đã đi tới quyết định bỏ Cao nguyên, để tái bố trí lại lực lượng phòng thủ.



Ngày 15-3-1975, Quân đoàn 2 triệt thoái từ Cao nguyên về Duyên Hải.

Và từ đó, miền Nam đã mất vào tay miền Bắc từ Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng... nhiều nơi, thành phố bị bỏ ngõ, quân đội Bắc Việt không tiến quân kịp để tiếp thu.

Vào lúc 19 giờ 30 ngày 21-4-1975, Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu bàn giao cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, để bỏ nước ra đi cùng Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm.

Vào lúc 17 giờ ngày 28-4-1975, Tổng Thống Trần Văn Hương theo yêu cầu của các đoàn thể, tôn giáo đã bàn giao chức vụ cho Đại Tướng Dương Văn Minh.

Vào lúc 10 giờ 15 ngày 30-4-1975, đài phát thanh Sài Gòn đã phát lời kêu gọi của Tổng Thống Dương Văn Minh:

*“Đường lối chủ trương của chúng tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải của người Việt Nam để khỏi thiệt hại xương máu của người Việt Nam. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa hãy bình tĩnh, không nổ súng và ở đâu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng. Chúng tôi ở đây chờ gặp Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận lễ bàn giao chính quyền trong một trật tự, tránh đổ máu vô ích của đồng bào”.*

Từ giờ phút đó, những Tướng, Tá... cho đến binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã tuân tiết, để giữ tròn khí tiết của quân nhân miền Nam.

Theo tài liệu của Hà Nội phổ biến như sau: Lúc 11 giờ 30 ngày 30.4.1975, chiếc xe Jeep của Đại Úy Phạm Xuân Thệ, Trung Đoàn Phó Trung Đoàn bộ binh 66 thuộc Sư Đoàn 304, vọt theo xe tăng của Đại đội 4, Lữ đoàn thiết giáp 203, do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận chỉ huy tiến vào trước cửa Dinh Độc Lập. Trong lúc Đại đội trưởng Thận lên kéo cờ giải phóng trên nóc Dinh Độc Lập, Trung đoàn phó Thệ cùng với các cán bộ chiến sĩ của Trung đoàn xông lên gác tiến vào phòng họp nơi Tổng thống Nguyễn quyền Dương Văn Minh và toàn bộ nội các có mặt đông đủ. Khi mọi người chưa kịp làm gì tiếp thì Trung Tá Bùi Tùng, Chính Ủy Lữ Đoàn Xe Tăng 203 tới. Ông Minh thấy ông Tùng người to cao thì lễ phép chào và nói:

– Thưa ông, chúng tôi đợi các ông vào lâu rồi để bàn giao chính quyền.

Trung Tá Tùng nói:

– Các ông là người bại trận. Các ông không còn gì để bàn giao mà chỉ có đầu hàng vô điều kiện.

Ông Tùng buộc Tổng Thống Dương Văn Minh và Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu đến đài phát thanh Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ông Vũ Văn Mẫu nói:

– Nếu đưa chúng tôi sang đài phát thanh Sài Gòn thì phải có xe bọc thép đưa đi, nếu không phe đối lập sẽ gây nguy hiểm cho chúng tôi.

Ông Bùi Tùng nói:

– Bây giờ không còn phe đối lập nào ở Sài Gòn nữa, mà toàn là quân giải phóng.

Khi ra sân Dinh Độc Lập để sang đài phát thanh Sài Gòn, ông Bùi Tùng ngồi xe thứ hai, còn ông Phan Văn Thệ và ông Dương Văn Minh ngồi xe đầu. Khi hai ông vào bên trong đài

phát thanh thì cô coi máy ghi âm vẫn còn ngồi đó, nhưng rất sợ hãi, tay lóng cóng không thể nào điều khiển máy ghi âm được. Sinh viên phản chiến Nguyễn Hữu Thái phải mất hơn một tiếng mới tìm ra được ông Trần Văn Bảng, một kỹ thuật viên có thể vận hành máy ghi âm và đài. Bản tuyên bố đầu hàng do Chính Trị Viên Bùi Tùng thảo, ông Minh phải đọc vào máy ghi âm. Ký giả Borries Gallasch, phóng viên tờ Der Spiegel của Đức, có mặt tại phòng ghi âm lúc đó, đã kể lại rằng lần đầu tiên ông Minh chần chừ vì được yêu cầu phải đọc: *“Tôi, Dương Văn Minh, tổng thống chính quyền Sài Gòn”*. Ông ấy chỉ muốn đọc: *“Tôi, đại tướng Dương Văn Minh...”*. Họ tranh luận qua lại, nhưng Chính Trị Viên Bùi Tùng không nhượng bộ. Cuối cùng ông Minh phải đọc: *“Tôi, đại tướng Dương Văn Minh, tổng thống của chính quyền Sài Gòn”*.

Không biết vì bản viết tay khó đọc hay vì quá xúc động, mặc dầu bản tuyên bố chỉ có vài hàng, ông Minh đọc sai nhiều lần. Đến lần thứ ba ông Minh cũng đã đọc xong bản tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Bản tuyên bố này được phát trên đài phát thanh Sài Gòn vào lúc 13 giờ 30, nguyên văn như sau:

*“Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng Thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam”*.

Liên sau đó, Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu phát biểu trực tiếp:

*“Trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôi, Giáo sư Vũ Văn Mẫu, Thủ Tướng, kêu gọi tất cả các tầng lớp đồng bào hãy vui vẻ chào mừng ngày hòa bình của dân tộc, và trở lại sinh hoạt bình thường. Chuyên viên của các cơ quan hành chính quay trở về vị trí cũ dưới sự hướng dẫn của chính quyền Cách Mạng”*.

Tiếp theo là lời Chính Ủy Bùi Tùng:

*“Chúng tôi đại diện lực lượng quân Giải phóng miền Nam Việt Nam long trọng tuyên bố Thành phố Sài Gòn đã được giải phóng hoàn toàn, chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của ông Dương Văn Minh, Tổng Thống chính quyền Sài Gòn.”*

Cho đến khi ký Hiệp định Paris năm 1973, quân nhân Mỹ đã tử trận tại Việt Nam là 58, 682 người, Nam Hàn 5,099 quân nhân, Thái Lan 351 quân nhân, Phi Luật Tân 552 quân nhân, Úc 426 quân nhân, Tân Tây Lan 55 quân nhân. Về phía Việt Nam Cộng Hòa có từ 250,000 đến 316,000 quân nhân, về phía Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa có 937,000 hải cốt liệt sĩ và 240,000 mất tích. Mỗi bên có khoảng 2 triệu thường dân bị thiệt mạng.

Những tướng lãnh, quân nhân VNCH chọn cái chết trong ngày mất nước, họ sẽ được sử ghi tên tuổi lưu lại cho nghìn sau, họ đã “Chết Vinh Hơn Sống Nhục”.

Tài liệu tham khảo:

- *Những giờ hấp hối* Blog: [thienthanh2.wordpress.com](http://thienthanh2.wordpress.com)

## **Chương thứ hai: Năm vị tướng QLVNCH tuấn tiết**

Trước năm 1975, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa có khoảng 980,000 quân số, gồm: 1/10 cấp Tá và cấp Tướng tổng cộng 9,600, cấp úy 80,000. Còn lại Hạ sĩ quan và Binh sĩ.

Cấp Tướng có tất cả là 169 tướng lãnh, trong đó có 1 Thống tướng, 5 Đại tướng (Đô đốc), 46 Trung tướng (Phó Đô đốc), 49 Thiếu tướng (Đề đốc) và 72 Chuẩn tướng (Phó Đề đốc).

Cấp tướng tại ngũ, tính đến 30-4-75 là 112 vị, bị tù cải tạo 32 tướng, trong số đó có 4 vị được thả sau cùng ngày 5-5-1992, họ đã bị Học tập cải tạo đến 17 năm, là Thiếu tướng Đỗ Kế Giai, Thiếu tướng Trần Bá Di, Thiếu tướng Lê Văn Thân và Thiếu tướng Lê Minh Đảo.

Còn lại 80 tướng lãnh, đa số di tản qua Mỹ, một số nhỏ không bị đi Học tập cải tạo như Đại tướng Dương Văn Minh, Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh và 5 vị tướng đã tuấn tiết. Đó là Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ, Chuẩn tướng Trần Văn Hai và người hùng An Lộc Chuẩn tướng Lê Văn Hưng.

## 1) Thiếu Tướng Phạm Văn Phú



### **Thiếu tướng Phạm Văn Phú (1929-1975)**

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú sinh năm 1929 tại Hà Đông.

Năm 1953, Phạm Văn Phú tốt nghiệp Học viện Võ bị Liên quân Đà Lạt khóa 6, sau đó phục vụ trong binh chủng Nhảy dù của quân đội Liên Hiệp Pháp.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ông chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Pháp. Ông đã từng bắt nhịp bài La Marseillaise (Quốc ca Pháp) cho lính Quốc gia Việt Nam vừa hát vừa xông lên phản kích ở đồi C1 nên được các sĩ quan Pháp cảm kích. Khi Điện Biên Phủ thất thủ, Việt Minh bắt giam cùng với Bréchnac, Botella, Clédic, Mackowiak và nhiều quân nhân khác.

Sau Hiệp định Geneve, ông được trao trả và phục vụ trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Năm 1962, Phạm Văn Phú thăng cấp Thiếu tá và giữ chức vụ Liên đoàn trưởng Liên đoàn Quan sát 77 Lực lượng Đặc biệt.

Năm 1964, Phạm Văn Phú được thăng Trung tá và giữ chức Tham mưu trưởng Lực lượng Đặc biệt.

## THÀ CHẾT VINH HƠN SÔNG NHỰC

Năm 1966, được thăng cấp Đại tá, giữ chức Tư lệnh Phó Sư đoàn 2 Bộ binh sau đó làm Tư lệnh Phó Sư đoàn 1 Bộ binh.

Năm 1968, Phạm Văn Phú được cử giữ chức vụ Tư lệnh Biệt Khu 44 và năm 1969 được thăng cấp Chuẩn tướng.

Năm 1970, ông giữ chức vụ Tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt và sau đó được bổ nhiệm giữ chức Tư lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh.

Năm 1971, ông được thăng Thiếu tướng. Năm 1974, Phạm Văn Phú giữ chức vụ Tư lệnh Quân đoàn II Vùng II Chiến thuật.

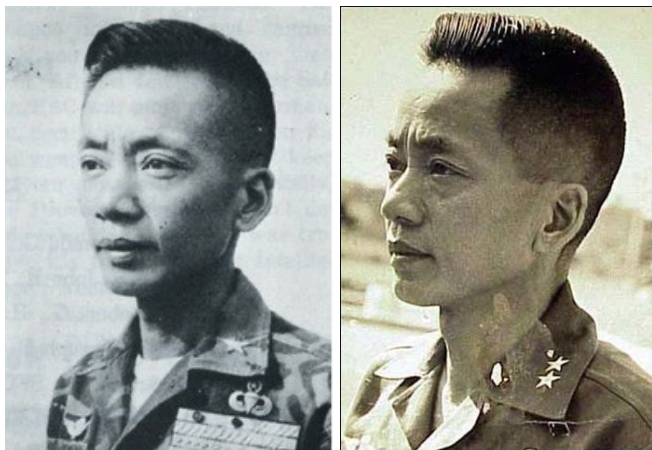


Ngày 10-3-1975, chiến dịch Tây Nguyên của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm Banmethuôt. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho Tướng Phạm Văn Phú, bỏ lãnh thổ Cao Nguyên, triệt thoái về Duyên Hải. Sau đó, ông bị triệu về Sài Gòn, ông vào nằm dưỡng bệnh ở Tổng Y Viện Cộng Hòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975, tại nhà riêng ở đường Gia Long, Phạm Văn Phú tự sát bằng cách uống một liều thuốc cực mạnh, được gia đình đưa vào bệnh viện Grall và chết vào trưa ngày 30 tháng 4, sau khi Tổng thống Dương Văn Minh kêu gọi binh sĩ buông súng chờ bàn giao.

Tài liệu:

## Những Ngày Cuối Cùng Của Tướng Phạm Văn Phú



Trước khi cuộc chiến Cao Nguyên (năm 1975) bùng nổ, Tướng Phú được Đại Tá Trịnh Tiểu, Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn trình bày về các khả năng Cộng quân sẽ mở cao điểm tại Ban Mê Thuột, thế nhưng không hiểu vì sao, Tướng Phú không tin và nhận định rằng Pleiku mới là chiến trường trọng điểm, còn Ban Mê Thuột là mặt trận phụ mà Cộng quân muốn tạo thế trận nghi binh. Trận chiến Ban Mê Thuột đã bùng nổ vào rạng sáng ngày 10 tháng 3-1975. Bốn ngày sau, vào trưa ngày 14 tháng 3-1975, trong một cuộc họp đặc biệt tại Cam Ranh, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh cho Thiếu Tướng Phạm Văn Phú triệt thoái toàn bộ Quân Đoàn 2 khỏi Cao nguyên.

Sau khi lực lượng Quân Đoàn 2 triệt thoái khỏi Nha Trang, 1 giờ 45 trưa ngày 2 tháng 4/1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú và vài sĩ quan thân tín đã bay đến ngọn đồi "Lầu Ông Hoàng" để chờ Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu - Tư Lệnh Phó Quân Đoàn 3 - tới nhận bàn giao phần lãnh thổ cuối cùng của Quân Khu 2 được lệnh sát nhập vào Quân Khu 3. Vào giờ phút đó, quanh Tướng Phú chỉ có: Đại Tá Đức - nguyên Phụ Tá Tư



Lệnh Quân Đoàn 2 đặc trách lực lượng diện địa; Thiếu Tá Vinh, chánh văn phòng; Thiếu Tá Hóa, sĩ quan tùy viên, và Thiếu Tá Phạm Huân, sĩ quan Báo chí. Chính tại đây, Tướng Phú đã có quyết định tự sát, nhưng Đại Tá Đức đã kịp thời cản ông. Theo lời kể của Thiếu Tá Phạm Huân, vào lúc 2 giờ 12 phút cùng ngày, Thiếu Tá Hóa tới trình cho Tướng Phú là trực thăng của Tướng Hiếu sắp đáp xuống. Khi đó, Thiếu Tá Huân đứng gần Tướng Phú, thấy đôi mắt Tướng Phú như muốn tóe lửa. Và sau khi Thiếu Tá Hóa quay gót, Tướng Phú vắt điều thuốc lá đang cầm trên tay xuống đất. Rất nhanh, ông rút khẩu súng ngắn nòng ra khỏi vỏ. Nhưng tiếng hét thất thanh của Đại Tá Đức: "Thiếu Tướng". Khẩu súng trên tay Tướng Phú bị gạt bắn xuống đất. Sự việc này xảy ra quá bất ngờ...

Giữa tháng 4-1975, Tướng Phú lâm bệnh, vào điều trị tại Tổng Y Viện Cộng Hòa. Ngày 15 tháng 4-1975, Đại Tá Phạm Văn Chung, cựu Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến, nguyên tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Quảng Nam, đã vào thăm Tướng Trưởng và Tướng Phú đang nằm dưỡng bệnh. Chính trong lần thăm này, Đại Tá Chung đã nghe Tướng Phú trần trối, và kể lại như sau:

Rời phòng Trung Tướng Trưởng, tôi (Đại Tá Chung) qua phòng kế bên cạnh là phòng của Thiếu Tướng Phú, cũng đang nằm dưỡng bệnh kế đó. Bước vào phòng tôi thấy Thiếu Tướng Phú đứng dậy ngay và bắt tay tôi bằng một giọng hần học, tức tối: "*Anh Chung, anh từng hành quân với tôi đã lâu...*"

Nói đến đây Thiếu Tướng Phú ôm tôi và khóc tiếp với giọng nghẹn ngào, tức tối:

*"...mà đêm qua, Tổng Thống Thiệu lên đài nói chuyện và đổ tội cho các tướng lãnh là hèn nhát bỏ chạy. Anh cứ về hỏi Trung Tướng Trưởng xem, trong buổi họp hôm trước, có cả Trung Tướng của anh nữa đấy, tôi đã xin Tổng Thống cho tôi giữ Pleiku bằng mọi giá, Tổng Thống không chịu, bắt tôi phải rút... có cả Đại Tướng Viên và Đại Tướng Khiêm nghe nữa mà bây*

*giờ Tổng Thống nói chuyện với toàn dân đồ tội cho chúng tôi, thật cái nhục này tôi không biết tỏ cùng ai, không biết đồng bào có hiểu không, chỉ có cách chết mới hết nhục".*

Tôi (Đại Tá Chung) không khỏi ngậm ngùi thương xót chia xẻ nỗi oan ức của một vị đàn anh đáng kính như Thiếu Tướng Phú, nên tôi hết lời an ủi và khuyên Thiếu Tướng hãy bình tĩnh và nên tĩnh dưỡng.

Đó là lần cuối cùng Đại Tá Chung gặp Tướng Phú. Sáng ngày 29 tháng 4-1975, tại căn nhà riêng ở đường Gia Long, chờ khi vợ và các con rời nhà để đi về phía Trường Đua Phú Thọ tìm cách di tản, Tướng Phú đã uống một liều thuốc cực mạnh tự tử. Người em trai của bà Phú sau khi biết tin này đã chạy tới và cho bà biết.

Cả gia đình quay về. Theo lời kể của con trai Tướng Phú, đã vượt biên sang Mỹ, những giờ cuối của Tướng Phú được ghi nhận như sau: Nhờ có các bác sĩ Pháp gần nhà giúp đỡ, Tướng Phú được đưa vào bệnh viện Grall để cấp cứu. Nhưng Tướng Phú mê man liên miên, mãi đến trưa ngày 30-4-1975, ông mới tỉnh được giấy lát và thều thào hỏi người vợ đang ngồi cạnh:

- Tình hình đến đâu rồi?

Bà Phú nói:

- Tướng Dương Văn Minh ra lệnh Quân đội bỏ súng đầu hàng, và Cộng sản đã vào tới Sài Gòn!

Nghe xong Tướng Phú nhắm mắt lại và "ra đi".

Vương Hồng Anh

**Một bà mẹ vất vả ngược xuôi**  
**Bà quả phụ Thiếu Tướng Phạm Văn Phú**  
*Ngọc Thủy*

*Bà Quả Phụ Thiếu tướng PHẠM VĂN PHÚ, nữ danh ĐỖ THỊ LÂM ĐỀ, sinh năm 1935, tại Thượng Hải-(TQ), đã tạ thế lúc 8:10AM ngày 12 Feb. 2011 tại San José. Hưởng thọ 76 tuổi.”*

Vào một buổi trưa trong dịp một số các vị cựu quân nhân Biệt Kích ở Bắc Cali tổ chức buổi họp mặt cách đây khoảng bốn năm – không nhớ đó có phải là buổi hội ngộ hằng năm không – tôi được mời đến trong một không khí ấm áp, đậm đà tình nghĩa Huynh Đệ Chi Binh giữa những người từng một thời vào sinh ra tử bên nhau. Sau khi được anh chị Trần Hoàng giới thiệu với những người chung bàn và thật bất ngờ vì đó là điều hân hạnh đối với tôi khi được biết mình đang ngồi bên cạnh bà quả phụ cố Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, là một trong những vị Tướng đã tận tụy để giữ tròn sĩ khí của một Quân Nhân khi miền Nam Cộng Hòa vừa rơi vào tay Cộng Sản Bắc Việt trong ngày 30 tháng Tư năm 1975. Qua vài câu xã giao, tôi và bà nhanh chóng đi vào những tâm tình cởi mở. Với vóc người khá cao lớn, giọng nói mạnh mẽ cùng tiếng cười sang sảng, cho tôi thấy đó là một vị nữ lưu trực tính và quả cảm. Khi ấy, dù đã ngoại lục tuần, bà Phạm Văn Phú vẫn giữ được sự duyên dáng và nét tinh anh qua đôi mắt sáng, nụ cười tươi tắn với lời nói chuyện bộc trực trẻ trung.

Hôm ấy, tuy đang hạnh phúc trước cảm tình trân quý nồng ấm của mọi người hiện diện dành cho cố T/T Phạm Văn Phú và bà, nhưng có lúc tôi thấy đôi mắt bà ngấn lệ. Giọng nước mắt lăn chậm ấy như cũng bay vào mắt tôi khi giọng bà tự dung khàn nhỏ lại bên tai: “Cô Ngọc Thủy cũng là người kẹt lại với biển cố ấy thì chắc cũng thấu hiểu được nỗi khổ đau cùng tận

đến thế nào rồi. Cùng một lúc, tôi và các con chịu hai cái tang lớn nhất trong cuộc đời, mất miền Nam, mất chồng mất cha, xem như mất tất cả rồi, lại trong lúc Sài Gòn của chúng ta đang kinh hoàng đến hỗn loạn như thế. Mọi người phải tự lo lấy thân mình còn chưa xong còn lo được đến chuyện của ai. Cùng tám đứa con mồ côi trước mắt chưa biết phải xoay sở ra sao mà sống mà nuôi con, nhưng trước hết là phải lo cho ông Phú tôi được chôn cất tử tế chứ. Thế là phải nén chặt lại tất cả sự khổ đau để cố lo tang lễ cho ông ấy được đàng hoàng. Dù đang không, ông Phú tôi đành dứt áo bỏ lại tôi cùng tám đứa con bỏ bơ vơ, nhưng việc ông làm là đúng khi thế thời như thế. Việc ông làm cho đất nước như vậy, tôi nào đâu dám trách. May mà bên cạnh tôi lúc ấy cũng có vài người thân thiết có nghĩa tình bên cạnh giúp đỡ phần nào đấy cô”.

Buổi gặp gỡ lần đầu đã để lại cho tôi sự thấm thía xót xa về tất cả những mất mát của mọi hoàn cảnh nằm trong sự tan vỡ của quê hương vào tháng tư năm 1975, niềm quý mến về người phụ nữ đã một mình chống đỡ với bao phong ba bão táp xảy đến dồn dập trước và ngay sau biến cố trọng đại tang thương ấy. Lòng tôi thầm nhủ lúc chia tay là sẽ điện thoại thăm bà luôn để mong bà có thể thêm chút niềm vui trong thời gian đầu mới vừa rời nơi cư ngụ quen thuộc ở Nam Cali để lên vùng nắng ấm San Jose với các con. Thế mà có khi cả hàng năm mới có dịp gọi phôn thăm hỏi được một lần, dù ngẫu nhiên qua vài lần thăm hỏi đó tôi cũng biết thêm là nhà tôi và nhà bà cùng ở vùng North Valley, cách nhau chỉ độ mấy khoảng đường dài. Nỗi đau tâm sự của bà kể lại trong câu chuyện hàn huyên vẫn lớn vồn trong trí nhớ tôi, kèm thêm biết bao hồi ức đau buồn khác đã xảy đến cho tất cả mọi người trong giai đoạn tối đen của đất nước và cuộc sống lúc ấy.

Tình hình nghiêm trọng cho thấy là phiên họp ngày 11-3-75 tại Dinh Độc Lập, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu còn muốn giữ lại thị xã Ban Mê Thuột nhưng tới phiên họp khẩn báo ngày 14-3-75 tại Cam Ranh, tức chỉ ba ngày sau, Tổng Thống cùng Bộ Tổng Tham Mưu đã ra quyết định cho Thiếu Tướng Phạm Văn Phú thi hành kế hoạch rút quân. Cuộc di tản diễn ra khá thuận lợi trong hai ba ngày đầu vì bất ngờ, CSBV không biết để đánh chặn đường. Con đường duy nhất để tháo quân lúc đó là liên tỉnh lộ 7B từ Phú Bổn nối liền với các tỉnh lân cận. Trên đoạn đường này về đến Tuy Hòa và Phan Rang, Phan Thiết đã trở thành bờ vực từ lộ dưới làn mưa pháo của Cộng quân ráo riết nhắm vào đoàn người di tản gồm nhiều binh lính thuộc các lực lượng, sư đoàn của Quân đoàn II và gia đình binh sĩ cùng mấy trăm ngàn thường dân từ các tỉnh nhập vào.

Dù phải thừa hành theo lệnh tối cao nhưng sự thất bại của Quân Đoàn II cũng là phần trách nhiệm của Tướng Phú nên không ai hiểu nỗi đau đớn xót xa nào bằng của ông trong lúc ấy chính là người vợ luôn sát cánh cùng ông trong mọi hoàn cảnh khôn khó hoặc vui buồn từ trước giờ. Bà đã hết lòng an ủi ông, nhưng ông vẫn không thể nguôi ngoai nỗi khổ đau to lớn đó khi nghĩ đến cái chết oan khiên tức tưởi của nhiều sinh mạng chứ không riêng gì sự mất mát những vùng đất thân yêu máu thịt của miền Nam VN, đến mức mang tâm bệnh não nề. Buổi sáng ngày 29 tháng Tư, trời Sài Gòn đã u ám mây đen. Tình hình miền Nam sắp mất gây thành nỗi kinh hoàng cho mọi người. Họ phải thoát chạy khỏi Cộng sản lần nữa bằng mọi cách, mọi phương tiện tìm được.

Giữa giòng người ấy, bà Phạm Văn Phú đang mang bảy người con (người con trai lớn mười tám tuổi vừa được xuất ngoại du học) ra phi trường. Bà nóng lòng nghĩ đến lời ông buổi sáng đục giã bà hãy mang các con đi trước, ông sẽ cố gắng thu xếp

mọi việc rồi sẽ gặp nhau sau. Bà còn nhớ lời bà nức nở khi tạm chia tay: “Ông nhớ đừng làm chuyện gì nguy hại đến tính mệnh. Tôi không đủ sức nuôi nổi tám đứa con thơ một mình đâu”. Ông không trả lời, chỉ xiết chặt tay bà như nắm bảo, không đau, nhưng ánh mắt của ông nhìn bà lúc ấy, sao thương yêu mà thê thiết quá. Rồi ông đẩy nhẹ lưng bà, khe khẽ nhắc: “Em và các con đi nhanh lên kẻo trễ”. Bà có ngờ đâu, đó là cái chạm tay lần cuối.

Nhớ lại những cử chỉ khác thường của ông lúc đó, bà bỗng thấy nao nao và lòng dạ như có ai đốt lửa. Bà ngập ngừng giữa sân bay, chưa nỡ rời xa quê mẹ lẫn người chồng thân yêu còn ở lại, dù đang được người bạn Hoa Kỳ thúc hối lên máy bay gần cất cánh. Vừa lúc đó bà nghe người thân tin chạy vội tới báo tin: Tướng Phú vừa uống thuốc độc tự tử, đang cấp cứu ở nhà thương Grall. Không cần suy nghĩ gì nữa, bà tức tốc đem các con trở về hết. Vừa thấy bà và các con vào thăm, Tướng Phú lộ vẻ đau đớn trong ánh mắt, bởi lúc đó ông đã không cử động hoặc nói năng gì được nữa, ông đang trong tình trạng hấp hối bởi độc dược chưa làm ông chết ngay được. Và ông đã vĩnh viễn ra đi vào trưa ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Hình ảnh mới hôm nào của ngày Tết mùa xuân 1975, hai ông bà Phạm Văn Phú chụp cùng các con trong niềm vui hạnh phúc gia đình tràn đầy, có ngờ đâu vài tháng sau, hình ảnh tang thương một góa phụ cùng đàn con dại, bé nhất mới lên năm, lại quần khăn tang bên cạnh quan tài người chồng, người cha, không tiếng súng tiễn đưa, không lá quốc kỳ phủ mộ. Chỉ có một nỗi buồn đau lớn lao chung gộp lại: niềm đau vận hạn tang thương của đất nước lẫn người thân yêu đã vĩnh viễn ra đi.

Thân cò lặn lội nuôi con từ đó, một người phụ nữ goá chồng với tám đứa con thơ lúc ấy chỉ mới vừa ba mươi chín tuổi.

Thương con, thương chồng bà ở vậy, vất vả nuôi con trong bủa vây khốn khó của buổi giao thời dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Bao ngày tháng qua đi mang theo bao giòng nước mắt tủi cực đắng cay của người mẹ yếu ớt che chở nuôi dạy đàn con thơ. Căn nhà đang cư ngụ trên đường Gia Long, đối diện nhà thương Grall ngay sau ngày 30-04-75 đã bị những cán bộ miền Bắc tràn vào tiếp thu. Bà Phạm Văn Phú gạt nước mắt xa lìa nơi chốn ấm êm hạnh phúc của những ngày tháng qua một cách bàng hoàng tức tưởi, vội vã tìm thuê ngay một căn nhà nhỏ khác để tạm ổn định cuộc sống mới, rồi bươn chải lo cho các con – mà đứa lớn nhất chỉ mới mười lăm mười sáu và bé nhất năm tuổi, khi ấy giống như chú gà con bước đi chưa vững đã phải bám theo chân mẹ và đàn anh chị lợi qua cánh đồng lầy cuộc sống không nhìn thấy tương lai. Và người phụ nữ ấy giống như trăm ngàn người phụ nữ khác sau cuộc đổi đời cay đắng, không bị mất chồng trong biến cố tang thương thì cũng phải chịu cảnh thân cò lặn lội nuôi con vì chồng, cha đã bị ở trong trại tù “cải tạo” xa xôi mờ mịt, không biết khi nào mới có ngày trở về.

Bà Phú đã ngược xuôi khắp ngã đường “chợ trời” để mua bán chiụ chất từng đồng cắt, độn cháo rau khoai sắn qua ngày cho các con thơ. Bà cũng quá quen thuộc với con đường xe lửa chạy hàng trên tuyến đường Sài Gòn, Phan Thiết, Nha Trang. Cảnh mắt nhắm mắt mở ngủ vội vàng trên toa, cảnh xô vai té ngã rồi gượng đứng lên để cố chen nhau mua hàng bán họ kiếm chút đồng lãi mua gạo cho con, thật ra có thấm gì với sự khổ đau trong tâm hồn và bao sóng cảnh nghiệt ngã khác mà gia đình bà và của biết bao người phải hứng chịu từ ngày miền Nam đổ vỡ tan hoang.

Chịu đựng gần mười tám năm với cuộc sống khó khăn ở ngay chính quê hương mình, mỗi ngày thêm mệt mỏi, buồn phiền

khi một số bạn bè người thân còn kẹt lại cũng lần lượt ra đi như ba người con trai bà cũng đã vượt biển và tới được bến bờ tự do từ mấy năm trước. Đang lúc chơi với nhất thì bà may mắn nhận được giấy xuất cảnh từ sự bảo lãnh người con trai trưởng bên Hoa Kỳ.

Ngày Mother's Day năm nay, bà quả phụ Phạm Văn Phú đã ngoài bảy mươi. Hạnh phúc của bà là các con, năm trai và ba gái, giờ đây đều đã trưởng thành và rất hiếu thảo, thương kính mẹ. Những lúc cùng các con với các buổi tiệc thịnh soạn do các con chúc mừng Mẹ, đặc biệt là ngày lễ Mẹ hôm nay thì bà lại nhớ những ngày cùng cực đói khổ trong cuộc sống cam go đã trải qua. Bà rơi nước mắt ngậm ngùi nhưng cũng rất hãnh diện với sức mạnh của lòng mẹ đã giúp bà vượt qua tất cả. Vì các con và cho các con.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Văn Phú Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Những ngày cuối cùng của Tướng Phạm Văn Phú* Web: [honviet.co.uk](http://honviet.co.uk)



## 2) Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ



### **Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ (1933-1975)**

Lê Nguyên Vỹ sinh ngày 22 Tháng Tám năm 1933 tại Sơn Tây.

Năm 1951 ông theo học khóa 2 (Lê Lợi) trường Võ bị Địa phương Huế.

Ông nguyên là sĩ quan binh chủng Nhảy Dù, dưới thời Thiếu Tá Đỗ Cao Trí giữ chức Liên Đoàn Trưởng. Ông tham dự nhiều cuộc hành quân từ Bắc vào Nam.

Năm 1955, sau cuộc tảo thanh Bình Xuyên ở Saigon - Chợ Lớn, ông được thăng cấp Đại Úy.

Ít năm sau, rời Nhảy Dù, Ông ra phục vụ tại Sư Đoàn 5 BB.

Năm 1965, ông được thăng Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2/9.

Năm 1966, ông được Thăng Trung tá làm Trung đoàn trưởng Trung Đoàn 9 của SD5 BB.

Năm 1967, được thăng Đại tá giữ chức Trung Đoàn trưởng Trung Đoàn 8 của SD5 BB

Năm 1972, ông tham gia trong chiến trường An Lộc tử thủ căn cứ chỉ huy. Sau khi chiến thắng, được đề bạt lên làm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Tướng Lê Văn Hưng là Tư Lệnh.

Năm 1973, Đại tá Lê Nguyên Vỹ đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh

Năm 1974, ông được thăng chuẩn tướng sau khi học một khóa học chỉ huy và tham mưu cao cấp tại Hoa Kỳ.

Cuối tháng 4 năm 1975, quân Cộng Sản Bắc Việt từ nhiều ngả tiến về Saigon. Nhưng cánh quân phía Đông Bắc không thể vượt qua căn cứ Lai Khê, mặc dù có lực lượng đông gấp nhiều lần. Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ đã làm tròn nhiệm vụ..

Sáng ngày 30-4-1975, Tổng thống VNCH ra lệnh cho quân đội buông súng đầu hàng. Tướng Vỹ triệu tập sĩ quan và binh sĩ dưới quyền lần cuối. Ông tuyên bố: *“Vì tôi là tướng chỉ huy mặt trận, tôi không thể thi hành được lệnh này Tôi nghĩ thân làm tướng, phần nào đã hưởng vinh dự và ân huệ của quốc gia hơn các anh em, nên tôi phải chọn lấy con đường đi cho riêng tôi.”* Đoạn ông bình tĩnh bước ra sân, nghiêm trang đứng dưới cột cờ của Bộ Tư Lệnh, và rút súng ra tự sát. Lúc đó là 11 giờ sáng 30 tháng 4 năm 1975.

Thi thể Tướng Lê Nguyên Vỹ được an táng trong rừng cao su gần doanh trại Bộ Tư Lệnh, sau đó được thân nhân bốc lên đem về cải táng ở Hạnh Thông Tây, Gò Vấp. Năm 1987, hài cốt ông được thân mẫu (mẹ) hỏa thiêu và đem về thờ ở từ đường họ Lê Nguyên tại quê nhà ở tỉnh Sơn Tây.

Tài liệu:

**Tướng Lê Nguyên Vỹ chết theo thành**

Nguyễn Văn Hải, MA  
Cựu SVSQ/K21 Trường VBQGVN  
Cựu Thiểu tá Quận Trưởng Quận Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương  
(VNCH)

*Kính dâng Anh Hồn Tướng Lê Nguyên Vỹ  
Kính tặng các chiến sĩ Quân Lực VNCH.*

Các bạn thân của tôi thường nhắc tôi viết về Tướng Lê Nguyên Vỹ, Cựu Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Mọi người Việt Nam đều biết Tướng Vỹ đã tự sát để đền nợ nước tại Bộ Tư Lệnh SĐ5BB ở Lai Khê Bến Cát, tỉnh Bình Dương vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Nhưng các bạn tôi cho rằng đến bây giờ mọi người chắc chỉ biết về hành động anh hùng của Tướng Vỹ và mọi người rất cần biết thêm nữa về ông. Sở dĩ các bạn tôi quay sang đề nghị tôi viết về ông bởi vì họ biết tôi là người làm việc với ông từ khi mới ra trường Đà Lạt, từ là một Trung đội trưởng của Trung đoàn 8 BB mà Trung tá Lê Nguyên Vỹ là Trung đoàn trưởng, rồi lên dần đến Tiểu đoàn Trưởng của SĐ5BB và Đại tá Lê Nguyên Vỹ là Tư Lệnh Phó, cuối cùng là Tư Lệnh SĐ5BB.

Nói như vậy, tôi chắc chắn chỉ có thể viết một phần nào về con người làm việc của Tướng Vỹ qua những lần tiếp xúc với ông, nhận lệnh và thi hành lệnh của ông, còn cuộc đời riêng tư của ông tôi hoàn toàn không biết gì cả. Tuy thế viết đến những dòng chữ này, tôi cảm thấy rất hãnh diện vì đã có thời gian thật dài làm việc dưới quyền Tướng Vỹ và tri ơn ông, bởi ông là người giới thiệu tôi đi làm Quận Trưởng Quận Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương. Hơn thế nữa ông lại thường hãnh diện xác nhận với nhiều người trước đây rằng chính ông là người từng chỉ huy tôi từ lúc tôi mới ra trường, làm Trung đội trưởng của Trung đoàn 8BB, mỗi khi ông có dịp nói một điều gì về tôi. Tôi không hãnh diện sao được khi tôi được phục vụ dưới quyền của một vị Tướng Anh Hùng, của một Trần Bình Trọng,

của một Nguyễn Tri Phương bất khuất trước quân thù, lấy thân mình để đền nợ nước!

*Vài nét đáng ghi nhận từ tướng Võ*

Tướng Võ là người trực và nóng tính, hăng say làm việc và học hỏi. Ngoài Việt Cộng là kẻ thù không đội trời chung với Tướng Võ, về phía Quốc Gia chắc cũng có một số người không thích ông, có thể cả ngay bây giờ là lúc tôi đang viết về ông đây. Tuy nhiên đây cũng phản ánh được ý ông là chẳng thà để người ta ghét, nhưng ông không bao giờ muốn người ta khinh ông.

Tướng Võ nói giỏi hai ngoại ngữ Pháp và Anh văn, sau này ông học thêm chữ Trung Hoa, nhưng ông chỉ biết đọc, viết mà không nói được. Ông học theo lối học chữ Nho của các cụ ta hồi xưa. Ông kể lại cho tôi nghe, khi được Quân Đoàn 3 cho qua Đài Loan du lịch, mỗi khi vào tiệm ăn ông phải viết lên giấy các món ăn. Ông có công đầu trong trận An Lộc vào mùa hè đỏ lửa 1972, chính tay ông đầu tiên đã dùng súng M72 bắn chặn đứng được chiến xa của VC tấn công vào An Lộc, kích động lại tinh thần chiến đấu của các đơn vị tham chiến VNCH lúc bấy giờ. Trước khi Tổng Thống Thiệu lên An Lộc, Tướng Võ được trực thăng bốc về Lai Khê để được thưởng “du ngoạn Đài Loan”. Còn việc lên lon, gắn Bảo Quốc Huân Chương hoặc các huy chương khác phải nhường lại cho những người khác. Nghe nói Tướng Võ không được gặp Tổng Thống Thiệu vì ông không nằm trong “BĂNG” lúc bấy giờ. Trước khi được trực thăng bốc về Lai Khê, Tướng Võ có ghé thăm chỗ đóng quân của tôi, tôi có con gà làm cơm mời ông ăn cơm trưa. Cũng vì bữa cơm tiền chân ông mà tôi bị người ta gán cho là thuộc “BĂNG” Đại Tá Võ lúc bấy giờ. Tuy nói ông là người trực và nóng tính, nhưng sau vụ khen thưởng bất công của Tổng Thống Thiệu tại An Lộc, ông không hề bày tỏ ý kiến bất mãn hoặc chê bai ai cả, ông coi như không có gì xảy ra. Ông lại tỏ ra rất vui và hãnh diện khi có người về tặng ông một bức tranh mô tả ông đang dùng súng M72 ngắm bắn chiến xa VC tại mặt trận An Lộc.

Ông dùng nhiều thời giờ vào việc nghiên cứu các trận đánh hoặc học chữ Nho. Tướng Võ thường khuyên tôi cần phải ghi danh học Đại học để có bằng cấp, sau này nếu tôi có làm lớn không bị chê là võ biên. Tôi theo lời khuyên của ông nên bắt đầu trở lại học college vào tuổi 50 ở đất Mỹ này, thời gian trong tù VC tôi cũng dấu sách học tiếng Trung Hoa để đọc được chữ Tàu, nhưng tôi cũng giống ông làm “Tàu câm”, vì tôi cũng không học nói tiếng Trung Hoa.

Tướng Võ rất thích người nào thực sự làm việc, còn người nào hay báo cáo láo, thoạt đầu ông có thể tin, nhưng nếu sau ông khám phá ra là báo cáo giả thì người báo cáo rất khó làm việc với ông. Bởi trong buổi họp nào những người lười biếng hay báo cáo láo thường được ông đưa ra làm ví dụ để răn đe những người khác.

Tướng Võ có trí nhớ rất dai, nhất là những lệnh ông đã ban ra, ông luôn theo dõi việc thi hành lệnh ra sao của thuộc cấp. Trước khi ông đề cử tôi đi làm Quận trưởng Phú Giáo, ông đã bí mật gọi những người tôi cho về phục vụ ở trại gia binh Trung đoàn 8. Tôi còn nhớ khi ông còn làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 8BB, Đại tá Võ đã có văn thư gửi cho các Đại đội của Trung đoàn, chọn 3 hoặc 4 người lính tốt, đã từng bị thương ở chiến trận được ưu tiên về phục vụ tại trại gia binh của Trung đoàn ở Bình Dương. Tôi được những người lính mà tôi đã cho về phục vụ trại gia binh (theo lệnh của Tướng Võ) khoảng 7 năm trước đó, nói lại rằng đích thân tướng Võ gọi từng người vào đập bàn, đập ghế để cướp tinh thần họ và hỏi xem những người này đã phải nộp cho Thiếu tá Hải (lúc đó tôi là Trung úy Hải, ĐĐT Đại đội 5/TĐ2/8) bao nhiêu tiền để được về phục vụ tại trại gia binh? Giá thử tôi đã không đứng đắn trong việc thi hành lệnh của ông cách đó 7 năm, thì bao nhiêu cố gắng trước của tôi cũng coi như đổ biển hết. Khi đụng trận, ông thường xuyên mở máy theo dõi tới cấp Trung đội, Đại đội để xem chúng tôi điều động quân như thế nào. Làm việc dưới quyền ông, các đơn vị phải luôn sẵn sàng ở vị trí

chiến đấu, mọi bất cNn gây thiệt hại cho binh sĩ, đơn vị đều không được chấp nhận. Khi thăng thưởng cho thuộc cấp Tướng Vỹ cũng làm hết lòng ông và nhất là không đòi hỏi một điều kiện gì, tiền bạc hoặc quà cáp chẳng hạn. Với ông muốn lên lon, lên chức nhanh thì điều kiện duy nhất là phải làm việc giỏi và đánh giặc giỏi.

Tướng Vỹ là cấp chỉ huy về chiến thuật rất giỏi ông thường nghĩ cách đánh lừa địch dễ như chơi. Kế hoạch rút quân khỏi Bình Long của ông đã chứng tỏ ông có khả năng vận toàn chỉ huy từ tấn công đến lui binh. Sau cuộc rút quân đầy máu và nước mắt tại Đại lộ KINH HOÀNG của Quân khu 2, nhiều người lầm tưởng rằng các cấp chỉ huy chiến thuật của Quân Lực VNCH chỉ biết chỉ huy tấn công mà không biết rút quân. Cuộc rút quân khỏi Bình Long của Tướng Vỹ là câu trả lời đích đáng cho những lời nhận xét sai lầm trên. Theo lệnh của Tướng Vỹ, cuộc rút quân khỏi Bình Long đã được giữ bí mật cho đến lúc hoàn tất. Sự liên lạc của các đơn vị qua máy truyền tin được đặc biệt giới hạn, mã hóa. Trong khi rút quân, trực thăng vẫn ò-ạt chuyên chở những khẩu súng pháo binh và đạn dược vào Bình Long. Những ổ quan sát của VC quanh Bình Long chắc chắn đã thông tin cho cấp chỉ huy của chúng là Bình Long đang được tăng viện quân và vũ khí, đạn dược, cho đến khi VC biết được sự thật Bình Long đã bị bỏ trống thì đã muộn. Bởi vì những khẩu pháo binh trực thăng vận vào Bình Long kia toàn là súng giả làm bằng giấy!

Tôi xin kể thêm một trận đánh rất ngoạn mục ở Phú Giáo, cũng nói lên tài đánh lừa địch của Tướng Vỹ. Khi tôi mới về làm Quận trưởng Phú Giáo được khoảng một tháng thì VC mở một cuộc tấn công đại quy mô vào Phú giáo và Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tướng Vỹ đoán biết trước được ý định của địch quân, nên ông đã bí mật dấu 6 khẩu pháo binh trong vườn mía tại Tân Hưng, xã Tân Bình của Phú Giáo. Khi VC mở ò-ạt hai mũi tấn công, một vào quận Bến Cát do SĐ18BB trách nhiệm, một vào Phú Giáo (ngay cầu sông Bé). Quận Bến Cát bị VC tràn ngập xã An Điền, còn đơn vị giữ cầu sông Bé của tôi cũng

đang hấp hối gọi tôi xin pháo binh bắn yểm trợ ngay trên đầu họ. Các ồ pháo binh của Phú Giáo, Bình Dương và ngay cả ở Lai Khê của SĐ5 hầu như bị tê liệt, bởi các khẩu pháo của VC (VC bao giờ cũng nghiên cứu kỹ vị trí pháo binh của ta trước các trận đánh) đang bắn dữ dội khóa họng các ồ pháo của ta. Trong giây phút thập tử nhất sinh, VC đã tràn lên cầu sông Bé, Tướng Võ đã ra lệnh 6 khẩu pháo binh dẫu tại Tân Hưng (không nằm trong danh sách phải khóa họng của VC) đồng loạt khai hỏa hàng ngàn quả lên đầu giặc đang xung phong lên chiếm cầu. Trận đánh này tôi cũng phải “liều thân tranh đấu”, mặc thường phục lẫn lộn với đám dân chạy loạn, lọt được vào cầu sông Bé để tô chức lại đơn vị Địa Phương Quân giữ cầu đang hấp hối ở đây, mà sau đó Tướng Võ đã gọi máy nói đùa với tôi rằng “Tao nghe mày xuống cầu sông Bé để sắp xếp lại đơn vị, tao sợ cho mày mà muốn đái cả ra quần” (xin chân thành cáo lỗi với độc giả vì đã trích lời nói tục của Tướng Võ,). Tướng Võ không thích văng tục, cộc cằn như các cấp chỉ huy khác, nhưng ông thích nói tiếu lâm, đôi khi tiếu lâm của ông cũng hàm ý châm biếm nhẹ.

*Thêm vài kỷ niệm với tướng Võ*

Tháng 7 năm 2006, tôi và bà xã cùng con gái, cháu trai ngoại tôi qua Nam Cali dự Đại hội Võ Bị Đà Lạt K21. Nhân dịp này tôi đã được gặp một Niên Trưởng cấp Tướng, là Trung đoàn trưởng cũ của tôi. Gặp ông ở chung một khu khách sạn, mới đầu ông không nhận ra tôi, nhưng sau khi tự giới thiệu thì ông mới nhớ ra và nói với mấy người bạn cùng khóa của tôi rằng “anh Hải cũng là người hùng ở trận An Lộc đấy”. Sau khi nghe ông nói vậy, tôi thật chẳng có tí phản ứng hãnh diện gì cả, bởi đó chỉ là câu nói xuông, “great, wonderful” của người Mỹ. Tuy không được vui lắm với câu khen xuông của ông, nhưng tôi vẫn điềm tĩnh, xin phép ông chạy vào phòng gọi bà xã tôi ra để chào ông cho đủ lễ nghĩa của một đàn em đối với đàn anh. Sau vài câu giới thiệu và chào hỏi xã giao, không hiểu ngẫu hứng làm sao, ông lại nói một câu rất là trịch thượng, câu nói của một người có quyền uy thuở trước, chắc để lấy le với vợ tôi

chăng?: “Khi còn là Tư lệnh Sư Đoàn, tôi thấy Tiểu đoàn trưởng nào làm lâu rồi, tôi đều cho đi làm Quận trưởng”. Đến lúc này thì tôi muốn nhịn cũng không nổi rồi, định mở miệng hỏi ông một câu cho ra lẽ. Nhưng chợt liếc thấy vợ tôi nháy mắt ra dấu im; tôi lại đành câm miệng hên – chắc do bản tính sợ vợ của tôi - bởi vợ tôi không muốn tôi phá vỡ cảnh gặp gỡ thân mật này!

Đến khi vào phòng vợ tôi hỏi tôi: “lúc nãy anh muốn nói gì mà mặt mày anh đỏ gay lên vậy?”

Tôi trả lời: “anh định hỏi ông ta rằng cho đi làm Quận trưởng như vậy có phải đóng tiền không?”

Qua đất Mỹ này từ năm 1991, tôi rất ít khi đi dự hội hè, tiệc tùng gì. Ngoài mấy kỳ đi dự Đại hội khóa, tôi chỉ có hai lần theo chân vợ đến nhà hai người bạn học Trung Vương cũ của vợ tôi để ăn cơm thân mật bạn bè và tân gia. Nhưng cả hai lần mỗi khi chủ nhà giới thiệu đến tôi và nhắc rằng trước đây tôi đã làm Quận trưởng thì đều bị các thực khách khác cười ồ lên, có người còn muốn làm bẽ mặt tôi hơn bằng cách đặt câu hỏi:

“Tôi hỏi thật anh Hải đi làm Quận trưởng trước đây, anh phải đóng hụi chết bao nhiêu tiền vậy?”

Đối với những câu hỏi móc lò, tôi luôn điềm tĩnh trả lời rất gọn:” Đất nước mình trước đây thực sự có việc mua quan bán tước, nhưng cũng có những trường hợp không phải mua, đâu phải ai cũng giống ai”.

Có vài thực khách không tin vào câu trả lời của tôi nên đã mạnh dạn kể đích danh những người đi làm Quận trưởng phải hối lộ cho các Tỉnh Trưởng, Tư lệnh Sư đoàn, Quân đoàn như thế nào và bao nhiêu?

Tôi còn nhớ rõ, một ngày của tháng 3 năm 1974, tôi đang dẫn tiểu đoàn hành quân trong rừng, anh lính truyền tin Tiểu đoàn



dừng lại và đưa ông nghe cho tôi để nói chuyện với Trung đoàn trưởng, Trung tá Vượng.

Trung tá Vượng qua máy truyền tin nói với tôi:”báo cho Hải một tin mừng là Tư Lệnh Sư đoàn chọn Hải đi làm Quận trưởng”

Thay vì tôi phải hỏi lại ông là cho tôi đi làm Quận trưởng quận nào, tôi lại đặt điều kiện với Trung tá Vượng rằng:”cho tôi đi làm thì tôi làm, nhưng tôi xin nói trước là tôi không có tiền bạc đóng góp đâu nhé”

Nghe tôi nói vậy, Trung tá Vượng hét lên trong máy:” ông Tư Lệnh nếu mở tần số này và nghe máy nói thế này, thì máy sóng không nổi với ông ấy đâu”

Tôi nhấn mạnh thêm lần nữa: “tôi nói thật là tôi không có tiền đâu”

Trung tá Vượng muốn nổi điên, hét to hơn nữa trong máy:”không có tiền bạc gì cả”. Rồi ông cúp máy không thèm nói chuyện với tôi nữa. Như vậy trong ngày đầu tiên được đề cử đi làm Quận trưởng, tôi chưa biết mình sẽ đi coi quận nào nữa. Vài ngày sau được trực thăng bốc về BCH Trung đoàn, lúc đó tôi mới biết tôi được đề cử đi coi quận Phú Giáo. Trước khi lên đường đi nhận nhiệm vụ mới, tôi còn đặt điều kiện với Trung đoàn trưởng là phải cho Đại úy Lạc khóa 22 Đà Lạt, đàn em của tôi được thay tôi, nếu không tôi sẽ không đi làm Quận trưởng.

Đó là sự thực việc tôi được cử đi làm Quận trưởng quận Phú Giáo. Hôm nay tôi cũng xin thành thật xin lỗi Tướng Vỹ vì đã nghi oan sự đứng đắn của ông khi đề cử tôi đi làm Quận trưởng. Tôi nghĩ rằng hôm nay tôi xin lỗi ông chắc ông mới biết, bởi vì Trung tá Vượng cũng thương tôi nên chẳng bao giờ tiết lộ cho ông biết về những phản ứng vô lễ của tôi khi Trung tá Vượng thông báo tin vui cho tôi.

Tôi là người biết Tướng Vỹ mà còn nghi oan sự đứng đắn của ông, huống hồ gì những người khác, nhất là những người không thích ông. Bởi vì ngay khi tôi về làm Quận trưởng Phú giáo được khoảng một hoặc hai tháng thì Bộ Tổng Tham Mưu đề cử một vị Đại tá xuống điều tra tôi ngay. Tôi gặp phái đoàn điều tra tại hậu cứ Trung đoàn 9, Sư đoàn 5BB. Vị Đại tá điều tra đã nói với tôi rằng:

- Có người đã viết đơn tố cáo ông Tư Lệnh Sư đoàn 5BB cho Thiếu tá Hải đi làm Quận trưởng để làm kinh tài cho ông. Vậy Thiếu tá Hải hãy khai thật anh đã nộp cho ông Vỹ bao nhiêu tiền để được đi làm Quận trưởng và đã kiếm được bao nhiêu tiền cho ông Vỹ rồi.

- Tôi đề nghị ngay với vị Đại tá điều tra:” Tôi mới về làm Quận trưởng, nếu đã đóng tiền cho ông Vỹ chắc chắn bây giờ tôi chưa kiếm đủ vốn. Vậy tôi đề nghị Đại tá hãy cho ngưng chức tôi để công việc điều tra của Đại tá được dễ dàng, nếu không có thể tôi lại dùng quyền hành ngăn cản việc khai báo của những thuộc cấp dưới quyền tôi.

Sau khi nghe tôi tự nguyện xin thôi việc, vị Đại tá lập tức hủy bỏ cuộc điều tra!

Không biết tôi có chủ quan hay không, nhưng tôi có cảm tưởng Tướng Vỹ có khuynh hướng muốn huấn luyện tôi thành một sĩ quan hiện dịch mỗi ngày được hoàn hảo hơn. Những lúc được rảnh rỗi qua thăm ông, ông thường bảo tôi ở lại ăn cơm với ông, trong bữa cơm ông thường nói cách điều quân của ông cho tôi nghe và học hỏi, ông bắt tôi đặt câu hỏi hoặc ông hỏi tôi. Nếu tôi trả lời đúng ý ông thì ông gật- gù rất thích thú. Ông cũng muốn những vị sĩ quan quanh ông mến tôi, nên ông thường khen tôi trước mặt họ: “Hải là vua mìn bẫy”, ông kể cho người khác nghe cách phục kích mìn bẫy của tôi từ khi tôi còn là Đại đội trưởng, có tuần tổng số VC bị Đại đội 5 của tôi giết còn hơn cả tổng số Trung đoàn giết VC. Khi về làm Quân

trưởng, tôi xử dụng toán thám báo quận phục kích đặt mìn phá hủy được 2 hoặc 3 chiếc xe vận tải chở vũ khí, tiếp liệu của VC trong mật khu Rang-Rang, ráp danh với tỉnh Long Khánh, ông cho trực thăng đón tôi qua gặp ông ngay sáng sớm.

Trong bữa điểm tâm, ông nói với tôi:”Moa nghe toa không muốn làm Quận trưởng nữa, nếu toa về lại Sư đoàn moa sẽ đề toa làm Trung đoàn trưởng hoặc Trung đoàn phó”. Tôi lúc bấy giờ là thằng háo danh, nghe “Trung đoàn trưởng” thì vừa tai, nhưng nghe tới “Trung đoàn phó” thì tôi thối lui ngay. Nhưng tôi chỉ cười, không tỏ ý muốn hay không muốn về lại Quân đội. Lúc đó tôi nghĩ mà không nói ra rằng “thời gian làm phó của Thiếu Tướng trước kia đã mai một tên tuổi của Thiếu Tướng, sao ông lại còn muốn tôi về Sư đoàn 5 để làm Trung đoàn phó”. Mặc dầu tôi biết nếu tôi về làm Trung đoàn phó cho Trung tá Vượng, Trung đoàn Trưởng Trung đoàn 7 thì chẳng bao lâu tôi cũng sẽ được thay Trung tá Vượng. Trung tá Vượng theo tôi được biết đang chờ lên Đại tá vào ngày Quân Lực 19 tháng 6 năm 1975 để đi giữ một nhiệm vụ mới, tốt hơn. Trung tá Vượng sống được lòng Tướng Vỹ và nhiều người khác. Trung tá Vượng cũng muốn giao Trung đoàn cho tôi khi ông đi, nên đã nhiều lần ông hỏi ý tôi, phân tích thiệt hơn cho tôi nghe.

Như trên tôi không về lại Sư đoàn 5 là do “tính háo danh” của tôi, ngoài ra còn một lý do chính đáng nữa mà Tướng Vỹ và Trung tá Vượng chắc không để ý đến đó là vào giờ phút cuối cùng của cuộc chiến Việt Nam, tôi thực sự không muốn giao Quận Phú Giáo cho ai cả. Tôi biết trước sẽ có cuộc rút quân ra khỏi Phú Giáo, nếu tôi giao lại cho một người mới đến điều động quân (gồm 3 Tiểu đoàn Địa Phương quân, mấy chục Trung đội Nghĩa quân, Cảnh sát, Nhân dân Tự vệ..., tất cả đều trang bị súng), chỉ một sơ suất nhỏ cũng đưa đến hỗn loạn, vô chính phủ, không tránh khỏi những đổ vỡ tang thương, chẳng khác chi Đại lộ Kinh Hoàng miền Trung!

Lại nữa đã có những dấu hiệu nổi loạn trong các đơn vị, tôi

phải ra tay dập tắt. Tôi xin nói thêm, các Tiểu đoàn Địa Phương Quân tuy đã thành lập thành Liên đoàn, nhưng vẫn chịu sự điều động tác chiến trực tiếp của tôi và tôi chỉ can dự vào việc điều động tác chiến, không hề xen vào hoạt động nội bộ của các Tiểu đoàn trong Liên đoàn ĐPQ 935. Tôi nhớ Thiếu Tướng Ân Tư Lệnh Phó Quân Khu 3, có lần thăm Phú Giáo đã ra lệnh cho tôi hãy chờ khi nào các Tiểu đoàn Địa Phương Quân phát lương, tôi hãy xuống bắt chốt kiểm soát tình trạng lính ma, lính kiêng của các Tiểu đoàn ấy ra sao và cho ông biết. Tuy tôi dạ vâng để Thiếu Tướng Ân vui lòng nhưng tôi đã không thi hành, bởi thi hành theo lệnh của ông tôi sẽ đụng chạm rất nặng, chỉ từ chết đến bị thương cho tôi, nên tôi chẳng đại gì mà húc đầu vào tường đá. Các Tiểu đoàn trưởng của Liên đoàn 935 Địa Phương Quân tỉnh Bình Dương vẫn nhất mực tin ở tôi và tuân lệnh của tôi vào thời điểm thập tử nhất sinh của cuộc chiến Việt Nam. (Nếu có cơ hội tôi sẽ viết một bài nói về cuộc rút khỏi Phú Giáo của Quân và Dân Phú Giáo do tôi điều động).

Tướng Võ có đầu óc rất thực tế như người Mỹ vậy, dù tin ai nhưng vẫn phải kiểm soát (đặt camera, máy nghe lén ...)! Có lần tôi phải đi họp ở Tỉnh, ông đáp trực thăng ghé ngay Quận Phú Giáo và vào chỗ ăn ngủ của tôi để kiểm soát sự sinh hoạt hàng ngày của tôi. Tôi không hề buồn ông, bởi tôi nghĩ rằng chẳng thà để ông biết rõ mọi việc tôi làm còn hơn để ông nghi ngờ. Tôi chấp nhận như thế, nên khi người lính trong quận báo cáo cho tôi biết Tướng Võ mới ghé quan sát phòng ốc của tôi khi tôi đi họp ở Tỉnh thì tôi vẫn vui vẻ như thường. Tướng Võ rất ghét đóng kịch, ai kiểm được súng ở đâu mà lập trận giả để báo cáo chiến công, giết VC, thu vũ khí thì ông khám phá ra ngay. Tướng Võ rất thông hiểu thuộc cấp, hiểu rõ tính nết của mỗi cấp chỉ huy trực thuộc. Vì Tướng Võ hiểu rõ về thuộc cấp nhiều quá mà bị một số người không thích ông chăng?

Có một vị Trung đoàn Trưởng của Sư đoàn 5BB, trước ngày miền Nam mất, đến thăm và than với tôi rằng ông không hiểu Tướng Võ muốn gì mà mỗi lần Tướng Võ xuống thăm đơn vị

của ông, tướng Võ luôn la rầy, giận dữ ông. Vị Trung đoàn Trưởng này (rất thân với tôi) nhờ tôi rà xem (như rà mìn vậy) Tướng Võ muốn gì để ông lo. Tôi thực tình cũng chịu thua chẳng biết Tướng Võ muốn gì nữa. Tiện đây tôi xin thành thực xin lỗi vị Trung đoàn Trưởng trên vì tôi đã nói ra điều này. Tôi không muốn ám chỉ Trung tá thích đút lót, hối lộ mà chỉ muốn nói lên nỗi buồn phiền, trách móc của Trung tá khi Trung tá đã làm hết bốn phận rồi mà sao Tướng Võ vẫn không được hài lòng. Tôi biết đến giờ này Trung tá vẫn còn giận Tướng Võ lắm. Thôi hãy bỏ qua chuyện cũ đi, Trung tá! Tôi biết Trung tá rất thương tôi và tin tôi nên tôi mới dám đề nghị Trung tá bỏ qua chuyện cũ để cùng tôi ca tụng một vị Anh Hùng của Quân Lực VNCH, nào mấy ai có thể làm được như ông. Tôi còn nhớ mãi, hôm tôi và Trung tá ngồi chung trong hội trường của trại tù VC ở Cát Lái (Trường Quân Khuyển cũ) – lúc đó chỉ có tôi và Trung tá – Trung tá đã lớn tiếng và lấy tay chỉ vào mặt ảnh thằng Hồ Chí Minh treo trên hội trường mà nguyên rủa nó thậm tệ; vì nó mà dân tộc Việt Nam điêu linh thống khổ, không cất đầu lên được. Tôi biết Trung tá làm vậy để cho bỏ cơn giận với thằng khốn nạn Hồ Chí Minh, nhưng ít nhất Trung tá cũng phải tin và thương tôi nên Trung tá mới dám ngang nhiên xỉ vả nó chứ. Bởi nhờ tôi bán đứng Trung tá bằng cách đi bá cáo cho VC, lập công với chúng thì sao, phải không Trung tá? Tôi biết ông vẫn còn tin và thương tôi, vậy Trung tá hãy nghe đàn em bỏ qua những chuyện cũ đi nhé!

*Kỷ niệm sau cùng nhưng mãi mãi với tướng Võ*

Vào năm 1973, tôi thường có dịp gặp tướng Lê Nguyên Vũ, lúc bấy giờ ông còn là Đại tá Tư Lệnh Phó Sư đoàn 21BB cho Tướng Lê Văn Hưng. Tôi được trò chuyện hàn huyên với ông nhiều nhất vào thời gian ông bị thương nằm tại Tổng Y Viện Cộng Hòa vì máy bay quan sát chở ông bị rớt trong khi ông đi quan sát mặt trận tại vùng 4 chiến thuật. Một điều mà ông thường nhắc đi nhắc lại trong các lần tôi nói chuyện với ông là “Hải ơi, coi chừng mình sẽ bị mất nước đó”. Lúc bấy giờ tôi chỉ biết lắng nghe mà không bày tỏ một ý kiến nào. Có thể tôi

chưa có khái niệm gì về sự mất nước cũng như hậu quả của nó chẳng? Cũng có thể tôi là một cấp chỉ huy chiến thuật rất tự tin vào mình và đơn vị, nên tôi không bao giờ lại tin là Quân Lực VNCH sẽ thua quân VC để đến nỗi phải mất nước. Nhưng dần dà tôi cũng đã thấy được cuộc chiến VN không được quyết định bằng các trận đánh thắng của Quân lực VNCH ngoài mặt trận và tôi cũng đã linh cảm miền Nam khó giữ được đất đai vẹn toàn. Vào những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến VN, tuy biết miền Nam sẽ thua nhưng tuyệt nhiên tôi không có một ý định nào bỏ trốn khỏi đơn vị để kiếm sự an toàn cho bản thân và gia đình. Những lời khuyên bảo của anh chị ruột tôi, các em gái tôi, phải bỏ đơn vị về Sài Gòn để trốn khỏi VN, đều bị tôi để ngoài tai. Tướng Võ ít nhất hai hoặc ba lần nói với tôi hãy tìm cách lo cho vợ con đi an toàn, còn tôi hãy ở lại chiến đấu với đơn vị.

Khoảng hơn một tuần lễ trước khi mất nước, Tướng Võ cho trực thăng đón tôi qua Lai Khê để gặp ông bàn việc. Trong khi trò chuyện ông thường nhắc đi nhắc lại là đến giờ này Tông Thống Thiệu vẫn còn cố chấp, không chịu nghe lời ai cả. Gặp Tướng Võ xong, ra đến bãi đậu trực thăng, hai sĩ quan lái trực thăng cho Tướng Võ nói với tôi rằng tôi hãy cố thuyết phục Tướng Võ để cho họ chở Tướng Võ và tôi ra Đệ Thất Hạm Đội. Hai vị Sĩ quan không quân còn nhấn mạnh rằng mọi người đang lo chạy trốn cả rồi Tướng Võ và tôi còn đánh làm gì nữa. Tôi chỉ gật-gù cảm ơn lòng tốt của họ và không nói thêm gì cả. Hai vị Sĩ quan này chắc nghĩ tôi thân với Tướng Võ, nên tôi có thể thuyết phục được ông, nhưng tôi lại nghĩ rằng tôi đã không muốn bỏ chạy thì tôi đại gì lại đi thuyết phục người khác hãy bỏ chạy để bỏ tôi ở lại một mình. Hơn nữa tôi cũng biết Tướng Võ đã quyết định đánh đến cùng rồi. Về đến quận, vừa ngã lưng nghỉ mệt, người lính gác công chạy vào báo cô Quý, em gái ruột tôi từ Sài Gòn lên muốn vào gặp tôi. Tôi căn dặn người lính gác ra nói dối với em tôi rằng tôi đi họp chưa về. Tôi đoán biết Mẹ tôi cho cô em tôi lên thúc tôi bỏ quận để về Sài Gòn lo việc chạy trốn khỏi Việt Nam.

Tuy tôi đã quyết định ở lại chiến đấu cùng đơn vị, nhưng tôi nghĩ rằng tôi cũng cần phải lo cho vợ con tôi, nên ngày 27 tháng 4 năm 1975 tôi quyết định về Sài Gòn thăm gia đình như lời khuyên của Tướng Võ trước đây. Thực sự buổi về Sài Gòn này tôi đã chỉ dám ghé nhà bố mẹ vợ tôi tại đường Nguyễn Bình Khiêm để khuyên vợ tôi hãy mang hai con tôi bám theo mẹ, anh và các em gái tôi mà chạy khỏi VN. Tôi trở về Phú Giáo ngay trưa hôm 27 tháng 4, không dám ghé đường Lê Văn Duyệt gặp mẹ, bởi tôi biết mẹ tôi sẽ bất cứ giá nào giữ tôi ở lại Sài Gòn để cùng gia đình chạy trốn. Tôi đã tự lựa chọn con đường cho tôi đi, mặc dù tôi biết con đường này không có lối thoát! Nhưng tôi không thể bỏ trốn mọi người quân cũng như dân Phú Giáo, mọi người đang trông chờ sự dẫn dắt khéo léo của tôi để may ra được thoát chết trong giờ phút tuyệt vọng của cuộc chiến.

Sáng 30 tháng 4 năm 1975, tôi hoàn toàn mất liên lạc với tỉnh Bình Dương! Tôi nói với Thiếu tá Hùng Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 306 Địa Phương Quân hãy cố gắng đánh mở đường đưa tôi về tỉnh, vì tôi đã mất liên lạc với Đại tá Cửa, Tỉnh trưởng Bình Dương. Khoảng nửa giờ sau đó, Thiếu tá Hùng cho tôi biết phía trước đường tiến quân có một cái chốt cấp Đại đội của VC chặn đường. Tôi nhất quyết ra lệnh cho Thiếu tá Hùng phải vượt qua chốt VC. Thiếu tá Hùng đã phải vượt lên tuyến đầu để chỉ huy đánh chốt VC. Chừng nửa giờ quyết chiến, Thiếu tá Hùng báo cáo Tiểu đoàn tràn ngập chốt của VC. Tôi liền ra lệnh toàn thể các đơn vị kéo quân về hướng Hòa Lợi 2 và tiến về Bình Dương. Khôn nổi thay! Đồng thời lúc đó một anh lính đưa cho tôi nghe lệnh đầu hàng qua một radio nhỏ cầm tay của Tổng Thống Dương Văn Minh và Chuẩn Tướng Nguyễn Ngọc Hạnh, tự xưng là Tổng Tham Muu Trưởng Quân Lực VNCH. Tôi bàng hoàng, nước mắt ràn-rụa, nói với mấy người lính đứng bên cạnh: "thôi chúng mình mất nước rồi"! Tôi còn nhớ hôm bố tôi chết vào dịp Tết Mậu Thân 1968, khi VC đánh vào tỉnh Phan Thiết, tôi cũng không khóc nhiều như thế. Nước mắt ở đâu cứ ràn -rụa đổ ra! Nhưng chỉ ít phút sau tôi lấy

lại được bình tĩnh và đang dự định lấy tần số liên lạc với Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 5, thì Trung tá Vương Trung đoàn trưởng Trung đoàn 7 kéo bộ chỉ huy đến và bảo tôi cùng kéo quân về Lai Khê gặp Tướng Võ đề nhận lệnh.

Đến hàng rào căn cứ Lai Khê, Trung tá Vương và tôi phải cố gắng thuyết phục những người lính gác ở đây mới lọt được vào cổng của căn cứ, vì đã có lệnh “nội bất xuất, ngoại bất nhập” của Tướng Tư Lệnh Sư đoàn 5.

Vừa bước vào phòng họp, tôi thấy hầu hết các sĩ quan thuộc Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 5 đang đứng, ngồi quanh Tướng Võ, nào Đại tá Tường Phụ tá Hành Quân, Pháo binh, các sĩ quan tham mưu, tôi không thấy Đại tá Thoàn Tư Lệnh Phó và Đại tá Từ Vấn Tham mưu Trưởng Sư đoàn. Tướng Võ ngồi ngay giữa một chiếc bàn nhỏ, trên bàn là bát canh măng khô nấu với vịt, bên cạnh là chén nước mắm ớt. Sau khi tôi và Trung tá Vương chào ông theo đúng quân cách, Tướng Võ nói:

- Vương, Hải vào ăn cơm luôn thể. Giọng nói của ông vẫn khàn khàn, bình thản như mọi khi.

Tuy không nói ra nhưng tôi thấy ngán-ngẫm và nghĩ trong đầu: ”Trời ơi! Giờ này còn ăn uống gì nữa”.

Sau khi mời chúng tôi xong, Tướng Võ tự cầm chén lên xới cơm, chan canh măng vịt và ăn rất nhanh như người bị đói đã lâu. Vừa ăn ông vừa nói: ”món măng khô nấu vịt là món moa thích nhất”. Ăn đúng ba chén cơm đây ông mới buông đũa. Tôi cũng cầm chén ăn cơm, nhưng không sao nhai nổi lưng chén cơm. Tướng Võ, sau khi uống ngụm nước cho trôi cơm, ông đứng phất dậy và vẫy tôi ra một chỗ để nói riêng. Nhưng tôi hỏi ông trước: -Thiếu tướng có lệnh gì cho tôi không?

Ông đáp rất gọn: "Moa lo cho moa, toa lo cho toa”



Tôi chung hứng đáp: "Tôi biết lo làm sao bây giờ, Thiếu tướng. Lính của tôi đã bố trí sát hàng rào Lai Khê rồi"

Khoảng hơn một tháng trước 30 tháng 4 năm 1975, Tướng Võ có dặn tôi hãy chuẩn bị một số người lính trung thành để đưa ông và tôi đi. Tôi đoán biết sẽ đi Vùng 4 Chiến Thuật để tiếp tục chiến đấu, vì ở đó có Tướng Hưng, Tướng Nam là những người Tướng Võ có thể tin tưởng được (Tướng Võ đã đã nhận định không sai chút nào, vì hai Tướng Hưng, Nam cũng đều là những Tướng Anh Hùng, vị quốc vong thân!).

Tướng Võ mỉm cười nhìn chăm-chấp vào tôi, nhắc lại y như trên một lần nữa và thêm: "Coi chừng tiêu đó Hải". Nói xong ông quay lưng bỏ đi ngay.

Câu trả lời của Tướng Võ đã làm tôi hoàn toàn thất vọng. Tôi có cảm giác bị bỏ rơi và nghĩ rằng: "hay Tướng Võ đã có trực thăng sẵn sàng bốc ông rồi!". (Tôi lại nghi oan cho ông lần nữa)

Không đầy một phút sau, tôi giật mình vì nghe có tiếng súng nổ. Tôi thấy Đại úy Nguyễn tùy viên của Tướng Võ chạy ra nói lớn như khóc: "Tướng Võ đã tự sát rồi!"

Tôi trách Đại úy Nguyễn: "Sao anh không tìm cách dấu súng của ông Tướng trước đi"

Đại úy Nguyễn trả lời: "Tôi biết ông có 6 khẩu súng cả thảy, tôi đã dấu hết, khẩu ông dùng để tự sát, tôi không biết ông lấy ở đâu".

Viên đạn súng colt đã xuyên từ cổ lên đầu Tướng Võ làm ông ra đi ngay. Tôi và Trung tá Vượng đã vào chào ông lần cuối. Cả hai chúng tôi sau đó đã bị VC bắt giữ và đi tù ngay cùng chiều hôm 30 tháng 4 năm 1975. Sau này tôi có nghe nhiều người nói rằng khi tên chỉ huy VC vào căn cứ Lai Khê thấy Tướng Võ tự sát đã tỏ lòng khâm phục và nói: "Làm Tướng chết theo thành như Tướng Võ mới xứng đáng làm Tướng".

Tướng Võ đã tự sát đền nợ nước đúng ngày 19 tháng 3 năm Ất Mão (Âm Lịch), tức ngày 30 tháng 4 năm 1975 (Dương Lịch). Khi còn ở Việt Nam, dù còn ở trong nhà tù VC tôi đều tìm cách giỗ ông vào ngày 19 tháng 3 âm lịch mỗi năm. Nhưng khi qua đất Mỹ này rồi tôi sợ quên, nên tôi đổi ngày giỗ ông vào ngày 30 tháng 4 Dương Lịch mỗi năm. Sau đây là một bài thơ tôi đã làm để kỷ niệm những ngày tôi làm giỗ Tướng Lê Nguyên Vỹ:

Măng Khô Nấu Vịt

*Măng khô nấu vịt Bác không rời,  
Lời Bác, lòng tôi luôn nhắc tôi.  
Ngày cuối tháng tư, tôi giỗ Bác,  
Lịch đầu năm mảo, Bác chào Trời.  
Tôi vui như lúc tôi còn Bác,  
Bác chết là khi Bác sống đời.  
Đốt nén hương thơm tôi khấn Bác,  
Măng khô nấu vịt, Bác về xơi.*

Cuộc đời của tôi và biết bao các chiến hữu khác kể từ 30 tháng 4 đen, 1975 trở đi đã bước vào một khúc quanh mới của lịch sử Việt Nam, trong đó chúng tôi phải gánh chịu mọi gian nan, đọa đầy, chết chóc trong bệnh tật, đói khát và hắt hủi của những tên lính bị tức tưởi thất trận mà có kể ra cho ai nghe đã mấy người tin rằng thật. Bởi có nhiều người đã mơ tưởng rằng sau khi im tiếng súng vào 30 tháng 4 năm 1975, hai miền Nam Bắc sẽ nhận ra cuộc chiến huynh đệ tương tàn đã kéo dài trong bao nhiêu năm chính là do các thế lực bên ngoài cố ý tạo ra cho dân Việt, để rồi anh em ôm nhau mà khóc trên cầu Bến Hải vĩ tuyến 17, cùng tha thứ cho nhau những nhầm lẫn đáng tiếc trong quá khứ và cùng nhau đoàn kết xây dựng lại quê hương Việt Nam đã đổ và rách nát vì bom đạn, vì những thứ chủ nghĩa ngoại lai, những mớ lý thuyết và giáo điều lỗi thời, không tưởng.

Trái hẳn với các mơ ước viễn vông trên của các sư, cha, những chính khách xôi thịt, thiên cận, vì rằng sau màn chém giết là đến những màn trả thù độc ác và có hệ thống khác, cũng đầy đầy những xác người, ràn-rụa nước mắt gây ra do đói khát, cướp bóc, tố khổ và phân ly. Hai cây cùng trồng nhưng mọc không đều, một cây mọc thật nhanh cao hơn hẳn cây bên cạnh mọc quá chậm; bây giờ muốn cho hai cây cao ngang bằng nhau, thay vì phải dùng phân bón, vun xới cho cây mọc chậm được mọc nhanh hơn, VC đã dùng một phương pháp thật là “cách mạng” để giải quyết vấn đề, đó là dùng dao chặt đứt phần ngọn của cây mọc nhanh cho ngang bằng với cây mọc chậm. Kế hoạch bất chợt đổi tiền xảy ra sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 của VC, trong đó mỗi người dân chỉ được phép đổi lấy một số tiền mới nhất định từ những đồng tiền cũ, chính là phương pháp san bằng tài sản rất độc đáo giữa người giàu và người nghèo của VC, y hệt phương pháp chặt cây vừa trình bày ở trên. Mọi người trong xã hội như thế chắc chắn sẽ được nghèo như nhau!

Sau 33 năm, ngày Tướng Võ chết theo thành niêm đau mất nước vẫn còn trong tâm khảm những người Việt Quốc Gia thật sự yêu quê hương xứ sở, dân Việt vẫn còn phải sống trong đói rách lầm than, chưa bao giờ được thở hít không khí tự do, bởi ách Thực dân, Đế quốc tuy đã được gỡ bỏ, nhưng ách Cộng sản lại đã được trồng vào cổ dân Việt, nặng nề gấp ngàn lần.

.....

Tôi viết đến cuối bài “Tướng Võ Chết Theo Thành” vào đúng cuối tháng 3, chuẩn bị bước vào tháng 4 đen mỗi năm mà mọi người Việt ở hải ngoại không ai không nhớ đến. Riêng tôi cũng đã sẵn sàng hương đèn để tưởng nhớ đến Tướng Võ. Tôi không những làm giỗ ông vào ngày 30 tháng 4, hàng năm vào dịp Tết Nguyên Đán tôi luôn mời ông về chung vui Tết với Tổ Tiên, Ông Bà và Cha Mẹ tôi. Thực lòng tôi đã xem ông như người thân trong gia đình tôi vậy. Ông là biểu tượng của Anh Hùng

Bất Khuất mà tôi luôn ngưỡng mộ và tin tưởng. Tôi thành tâm xin thưa với ông rằng sau tháng tư đen, 1975 mặc dù tôi đã đánh mất tất cả, nhưng tôi đã không đánh mất tôi, tôi vẫn còn giữ lại được một chút gì gọi là liêm sỉ để trong lời nói cũng như việc làm, tôi không khi nào nói hoặc làm có lợi cho Cộng sản, kẻ thù không đội trời chung của ông, của tôi và của toàn dân Việt yêu chuộng Tự do.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Nguyên Vỹ Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Tướng Lê Nguyên Vỹ chết theo thành* Web: [hon-viet.co.uk](http://hon-viet.co.uk)

## Chuẩn tướng Trần Văn Hai



### Chuẩn tướng Trần Văn Hai (1925-1975)

Trần Văn Hai sinh vào tháng Giêng năm 1925 tại Gò Công. Tốt nghiệp Tú tài.

Năm 1952, thi hành lệnh động viên nhập ngũ vào Quân đội Quốc gia, mang số quân: 45/102.692. Theo học khoá 7 Ngô Quyền tại Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt, khai giảng: 1-5-1952, mãn khoá: 25-2-1953, tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy.

Năm 1953, ra trường ông được điều đi phục vụ Tiểu đoàn 4 Việt Nam do Thiếu tá Đặng Văn Sơn làm Tiểu đoàn trưởng.

Năm 1954, sau hiệp định Genève, ông được thăng cấp Trung úy phục vụ tại Phòng 2 thuộc Đệ tứ Quân khu Cao Nguyên do Đại úy Đặng Hữu Hồng làm trưởng phòng.

Năm 1955, ông làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 262 đóng tại Ninh Hoà, Khánh Hoà. Cuối năm được thăng cấp Đại úy làm

Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 81 Địa phương đồn trú tại Phan Thiết.

Năm 1961, đầu tháng 8, ông là một trong những người đầu tiên thành lập Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân Dục Mỹ do Thiếu tá Vĩnh Biểu làm Chỉ huy trưởng đầu tiên.

Năm 1962, là Trưởng khoa Hành quân kiêm Huấn luyện viên lớp "Biệt động Rừng núi sinh lầy".

Năm 1963, làm Trưởng khối Huấn luyện Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân Dục Mỹ. Tháng 8 cùng năm, thăng cấp Thiếu tá.

Năm 1965, ông được bổ nhiệm làm Tỉnh trưởng Tỉnh Phú Yên thay thế Trung tá Phạm Anh

Ngày 1-11-1965, ông được thăng cấp Trung tá.

Cuối năm 1967, ông được thăng cấp Đại tá.

Tháng 3-1968, ông bàn giao chức Tỉnh trưởng Tỉnh Phú Yên lại cho Trung tá Nguyễn Văn Bá

Tháng 4-1968, ông nhận chức Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy biệt động quân Trung ương. Đầu tháng 6, bàn giao chức Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Biệt động quân lại cho Trung tá Trần Công Liễu. Ngay sau đó ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng nha cảnh sát Quốc gia thay thế Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan được đề cử giữ chức vụ Thanh tra Bộ Quốc phòng.

Tháng 7-1970, vinh thăng Chuẩn tướng. Bàn giao chức Tổng giám đốc Cảnh sát Quốc gia lại cho Thiếu tướng Trần Thanh Phong, để đi nhận chức Tư lệnh Biệt khu 44 (gồm 4 tỉnh: Kiến Tường, Kiến Phong, Châu Đốc và An Giang).

Đầu năm 1972, nhận chức Tư lệnh phó Quân đoàn II đặc trách Biên phòng.

Tháng 7-1972, ông được chuyển đi làm Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Lam Sơn kiêm Chỉ huy trưởng Huấn khu Dục Mỹ thay thế Chuẩn tướng Võ Văn Cảnh được chuyển làm Chỉ huy trưởng Trường Hạ sĩ quan Đồng Đế.

Cuối tháng 10-1974, ông bàn giao chức Chỉ huy trưởng Lam Sơn & Huấn khu Dục Mỹ lại cho Đại tá Nguyễn Hữu Toán.

Đầu tháng 11-1974, ông nhận chức Tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ binh thay thế Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam lên làm Tư lệnh Quân đoàn IV & Quân khu 4.

Trước sự kiện 30 tháng 4, 1975 khoảng hơn một tuần, đích thân Tổng Thống Thiệu cho máy bay riêng xuống rước Chuẩn tướng Hai di tản nhưng ông từ chối.

Chiều ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi cho binh sĩ rời quân ngũ theo lệnh của Tổng thống Dương Văn Minh, khoảng 6 giờ chiều, ông đã dùng thuốc Optalidon (uống nguyên ống 20 viên) tự vẫn trong phòng làm việc tại căn cứ Đồng Tâm, Mỹ Tho. Thi thể ông được Thân mẫu và bào đệ đem về an táng tại Nghĩa trang Vĩnh Nghiêm, Hóc Môn, Sài Gòn ngày 2-5-1975.

Tướng Trần Văn Hai được đánh giá là một tướng thanh liêm, chăm lo tốt đời sống binh sĩ thuộc quyền.

Phu nhân của ông là Bà Phạm Thị Cúc. Ông bà có 4 người con gồm 3 trai và 1 gái.

Tài liệu:

### **Những Giờ Phút Cuối Cùng của Tướng Trần Văn Hai**

*Trịnh Văn Ngạn*

viết theo lời kể của Trung úy Huỳnh Văn Hoa, tùy viên của  
tướng Trần Văn Hai

*Lời người viết: Trong khoảng thời gian 1975-1977, người viết bị giam tại trại Cải Tạo Suối Tre, Long Khánh. Tại đây người viết ở chung D (tương đương cấp tiểu đội) với trung úy Huỳnh Văn Hoa, sĩ quan tùy viên của chuẩn tướng Trần Văn Hai, tư lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh kiêm chỉ huy trưởng Căn Cứ Đồng Tâm. Trước đó, chuẩn tướng Trần Văn Hai đã từng là chỉ huy trưởng Binh Chung Biệt Động Quân, và cũng từng làm Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia.*

Trong thời gian đi cải tạo, anh Hoa đã kể cho người viết nghe những giờ phút cuối cùng của chuẩn tướng Trần Văn Hai. Ông đã chọn cho mình một cái chết anh hùng như một số tướng lãnh khác của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa: thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, thiếu tướng Phạm Văn Phú, thiếu tướng Lê Nguyên Vỹ,...

Hôm nay, nhân ngày Quân Lực 19.06.1994, người viết xin ghi lại những giờ phút cuối cùng của chuẩn tướng Trần Văn Hai để chúng ta cùng suy gẫm và cùng đề đốt lên nén hương tưởng niệm các "Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân", đã hy sinh cho công cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Chi tiết về thời gian có thể lầm lẫn, vì chuyện kể cách đây đã hơn 15 năm rồi, nhưng nội dung câu chuyện thì không thể nào sai lạc được, vì cái chết của chuẩn tướng Trần Văn Hai cũng như một số tướng lãnh khác của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã gây ấn tượng mạnh trong tâm não người viết. "Tôi" trong bài chính là trung úy Hoa.

"...Căn cứ Đồng Tâm, một căn cứ quân sự quan trọng nằm ngay yết hầu trên cửa ngõ từ miền Tây về Sài Gòn. Một ngày nhận nhíp xe cộ, kẻ ra người vào, hôm nay vắng lặng như tờ... Lúc bấy giờ là 14giờ 30 ngày 30.4.1975.



Sau khi theo vị tư lệnh họp mặt với các sĩ quan thuộc quyền ông lần cuối tại câu lạc bộ sĩ quan sư đoàn, tôi trở về phòng riêng trong dãy cư xá sĩ quan độc thân để thu xếp đồ đạc cá nhân và chờ lệnh. Mới cách đây 2 tiếng đồng hồ thôi, sau khi nhận được lệnh đầu hàng của tổng thống Dương Văn Minh và chờ "phía bên kia" đến bàn giao, chuẩn tướng Tư Lệnh đã triệu tập tất cả sĩ quan và ông đã ngỏ lời cảm ơn cùng chào từ giã các sĩ quan thuộc cấp của mình, đồng thời ông ra lệnh cho tất cả mọi người trở về gia đình thu xếp cho vợ con, tránh đụng độ với quân địch, đổ máu vô ích. Đúng 15 giờ, điện thoại Tư Lệnh gọi tôi lên văn phòng của ông. Sau lễ nghi chào kính như thường lệ, tôi đứng nghiêm đợi lệnh. Khác với mọi ngày, chuẩn tướng Tư Lệnh không ngược nhìn tôi, ông ngồi im như pho tượng gỗ, dường như ông đang suy tư một điều gì... Một lúc sau ông ra dấu cho tôi ngồi xuống chiếc ghế tiếp khách, trước bàn làm việc của ông. Khi tôi đã an tọa, ông mới bắt đầu lên tiếng một cách từ tốn:

*"Anh cảm ơn em đã ở bên cạnh anh trong giờ phút cuối cùng này. Vận nước đã đến hồi như vậy, không thể làm gì hơn được. Là quân nhân chúng ta phải tuyệt đối chấp hành lệnh thượng cấp".*

Sau đó ông hỏi thăm gia cảnh tôi. Cuối cùng, ông mở ngăn kéo làm việc, lôi ra một món đồ gói bằng giấy báo, ông đưa cho tôi và nói rằng:

*"Sáng sớm ngày mai, em có thể trở về với gia đình. Anh nhờ em đưa gói đồ này cho mẹ anh và nói với bà rằng, đây là quà của anh gửi cho bà và bảo bà đừng lo lắng gì cho anh cả. Bây giờ em có thể về doanh trại thu xếp đồ đạc, từ giờ đến tối lúc nào cần anh sẽ gọi".*

(Sau này tôi được biết trong gói quà ấy có 70,000 đồng cũng như có một số vật dụng cá nhân hàng ngày của chuẩn tướng Tư Lệnh).

Đứng dậy chào vị TưLệnh trở về doanh trại, lòng tôi bất ổn. Tôi linh cảm như sắp có điều gì ghê gớm xảy ra cho ông. Chờ mãi đến hơn 6giờ chiều, không thấy điện thoại Tư Lệnh gọi, lòng tôi hết sức bồn chồn, đứng ngồi không yên. Cuối cùng, tôi quyết định chạy bộ lên văn phòng Tư Lệnh...

Căn cứ Đồng Tâm rộng lớn chìm trong hoang vắng. Càng đến gần văn phòng Tư Lệnh tôi càng hồi hộp. Và rồi tôi cũng đến nơi. Đèn đuốc trong văn phòng vẫn sáng như mọi ngày, nhưng một bầu không khí lạnh lẽo bao trùm. Tôi rón rén bước lại cửa văn phòng, nghe ngóng động tĩnh...Vẫn hoàn toàn yên lặng! Sau cùng, tôi liều đẩy mạnh cánh cửa phòng làm việc của Tư Lệnh bước vào, một khung cảnh hiện ra trước mắt làm tôi hết sức ngỡ ngàng...

Chuẩn tướng Tư Lệnh ngồi gục đầu mê man trên bàn làm việc. Một ly rượu lớn đã cạn còn ở trên bàn. Tôi biết điều gì đã xảy ra... Tôi cấp tốc liên lạc với tiểu đoàn Quân Y và bệnh xá Sư Đoàn. Lúc ấy còn một vị thiếu tá bác sĩ ở bệnh xá. Tôi liền trình bày nhanh qua điện thoại tình trạng của chuẩn tướng Tư Lệnh. Chờ một lúc sau, ông thiếu tá bác sĩ lái chiếc xe jeep cứu thương đến văn phòng Tư Lệnh. Chúng tôi đặt chuẩn tướng Tư Lệnh nằm trên băng-ca và chở xuống bệnh xá Sư Đoàn ngay. Lúc này ông đã mê man bất tỉnh. Tại bệnh xá, sau một hồi tận lực cấp cứu, vị thiếu tá bác sĩ buồn rầu báo cho tôi biết, vì thuốc độc đã ngấm vào máu khá lâu, chuẩn tướng Tư Lệnh không qua được cơn nguy kịch...

Chúng tôi lặng lẽ lau mặt cho ông, đặt ông nằm ngay ngắn trên băng-ca và đứng nghiêm chào vị Tư Lệnh đáng kính lần cuối. Sau khi lấy chân đậy thi hài ông lại, tôi trở về doanh trại thu xếp đồ đạc và quyết định khuya nay sẽ về Sài Gòn báo tin cho gia đình ông biết...

Khi về tới Sài Gòn, tôi được biết gia đình Tư Lệnh gồm vợ, con và mẹ đã chạy vào lánh nạn ở nhà thương Grall. Sau khi

gặp được gia đình ông trong nhà thương, gia đình ông quyết định bằng mọi cách phải mang xác ông về Sài Gòn.

Sáng hôm 01-05-1975, mẹ ông và tôi, một già một trẻ, bao nguyên chiếc xe Lambretta, loại xe ba bánh, xuống căn cứ Đồng Tâm. Chúng tôi đến nơi vào khoảng 10giờ sáng. Khác với hôm qua, hôm nay căn cứ tràn ngập người ra vào. Kẻ đi tìm con, người tìm chồng, kẻ đi hỏi của,... Xe Honda chạy loạn xạ trong căn cứ. Khi xe lam của chúng tôi chạy đến cổng thì gặp một bộ đội cộng sản địa phương chặn lại. Như đã sắp đặt trước, mẹ của Tư Lệnh xuống xe mếu máo:

*"Con ơi, má có thằng con bị bắt đi quân dịch, nghe nói đâu nó chết hôm qua, cho má vào nhận xác nó đi con! Tội nghiệp má quá, hòa bình rồi con ai cũng về nhà, riêng con má không về nữa..."*

Nói xong, không đợi cho tên bộ đội trả lời, bà giục tôi lên xe và hối tài xế xe lam chạy lẹ vào căn cứ. Tên bộ đội trẻ cứ đứng há hốc miệng ra nhìn, chẳng hiểu ra sao cả. Tôi hướng dẫn tài xế xuống bệnh xá Sư Đoàn. Sau đó cùng khiêng thi hài Tư Lệnh lên xe, và đưa về Sài Gòn. Về đến nhà thương Grall thì trời đã tối hẳn. Người ta xầm xì báo cho nhau biết chiều nay, ở đây, vừa cử hành đám tang tướng Phạm Văn Phú. Phần tôi lúc này quá mệt mỏi, đầu óc vô cùng căng thẳng, không biết vợ con hiện giờ ở đâu...

Sau khi tầm liệm xác Tư Lệnh xong, tôi đứng yên lặng nhìn ông lần cuối, không dám chào theo nghi thức quân đội vì sợ bị lộ tung tích, gia đình ông sẽ gặp nhiều phiền toái. Cuối cùng, tôi cũng phải từ giã vị Tư Lệnh đáng kính với hai hàng nước mắt đầm đìa để về tìm vợ con...

Tôi cũng xin nhắc lại một chi tiết đáng lưu ý, trước ngày 30-04-1975 một tuần lễ, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có phái một chiếc trực thăng xuống căn cứ Đồng Tâm đón chuẩn tướng Tư Lệnh về Sài Gòn, nhưng ông đã từ chối. Ông chỉ cho

HUỖNH ÁI TÔNG

vợ con về Sài Gòn, và sau cùng ông đã chọn một cái chết anh hùng như tôi đã kể cho anh nghe..."

*Công dân ơi!*  
*Mau hiến thân dưới cờ...*  
(Quốc ca VNCH)

Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Hai Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Những giờ phút cuối cùng của tướng Trần Văn Hai* Web: [www.vlink.com](http://www.vlink.com)

#### 4) Chuẩn tướng Lê Văn Hưng



#### **Chuẩn tướng Lê Văn Hưng (1933-1975)**

Lê Văn Hưng sinh ngày 27 Tháng Ba năm 1933 tại quận Hóc Môn tỉnh Gia Định.

Tháng 1-1955, tốt nghiệp khóa 5 (Vi Dân) Sĩ quan trừ bị Thủ Đức.

Sau ngày ra trường, ông đã có một thời gian dài chiến đấu tại chiến trường Miền Tây qua các chức vụ chỉ huy từ cấp đại đội, tiểu đoàn, Trung đoàn thuộc Sư đoàn 21 Bộ binh (BB).

Năm 1966, ở cấp Thiếu tá, ông là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2/Trung đoàn 31 BB. Cũng trong năm 1966, ông được các phóng viên chiến trường vinh danh là một trong năm ngũ hổ U Minh Thượng (ngoài Tiểu đoàn trưởng Lê Văn Hưng, 4 sĩ quan khác là: Thiếu tá Lưu Trọng Kiệt, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 42 BĐQ; Thiếu tá Nguyễn Văn Huy, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 44 BĐQ, Đại úy Vương Văn Trỏ, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3/33BB; Đại úy Hồ Ngọc Cẩn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1/33BB).

Năm 1968, ở cấp bậc Trung tá, Sĩ quan Lê Văn Hưng là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31 BB. Ông đã chỉ huy Trung đoàn 31 BB lập nhiều chiến tích tại chiến trường Hậu Giang. Cũng trong thời gian chỉ huy trung đoàn 31BB, ông đã được thăng cấp Đại tá.

Giữa tháng 6-1971, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 5 BB khi còn mang cấp Đại tá, hơn 9 tháng sau, ông được thăng cấp chuẩn tướng, tiếp tục giữ chức Tư lệnh Sư đoàn này. Ông là người hùng của An Lộc, sau 2 tháng tử thủ năm 1972, hai câu thơ vinh danh QLVNCH:

*An lộc địa sử ghi chiến tích  
Biệt Cách Dù vị quốc vong thân.*



*Ảnh Đại tướng Cao Văn Viên, Chuẩn tướng Lê Văn Hưng,  
Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tại An Lộc, sau trận chiến năm  
1972.*

Ngày 3-9-1972, ông được cử giữ chức Tư lệnh phó Quân khu 3.

Năm 1973, Tướng Hưng được bổ nhiệm làm Tư lệnh Sư đoàn 21 BB, thuộc Quân đoàn 4.

Cuối tháng 10-1974, ông đảm nhận chức vụ Tư lệnh phó Quân đoàn 4 và Quân khu 4, bản doanh đặt tại thị xã Cần Thơ.

Vào tối ngày 30-4-1975 tại văn phòng riêng ở bộ chỉ huy phụ của Quân đoàn 4 (đồng thời là nơi gia đình Tướng Hưng tạm cư trú), sau khi nói lời từ giã với gia đình và bắt tay từ biệt tất cả quân nhân bảo vệ bộ chỉ huy. Sau đó, ông đã quay vào văn phòng, khóa chặt cửa và tự sát bằng súng lục vào lúc 8 giờ 45 phút. Năm đó ông tròn 42 tuổi, có 21 năm quân ngũ.

Tài liệu:

### **Phút cuối cùng của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng**

#### **Vào chuyện**

Lúc đó khoảng 8h30 tối ngày 30-4-75, bộ quân phục nghiêm chỉnh vẫn còn trên người Chuẩn Tướng và tôi. Bên trong phòng ngủ, ngay sát đầu cầu thang trên lầu, nụ hôn vĩnh biệt của Bà Chuẩn Tướng vừa kịp đặt lên má chồng, Ông đã vội đẩy Bà ra phía ngoài và đóng nhanh cánh cửa. Lúc quay người lại, còn thấy tôi trong phòng, giọng ông thảng thốt:

- Nghĩa! Mày đi ra...

Vừa nói Ông vừa nắm lấy tay tôi lôi về phía cửa. Tôi bệu bạo:

- Tôi ở lại cùng Chuẩn Tướng.

Sự dứt khoát của nghiêm lệnh hằng ngày trong giây phút xúc động mãnh liệt làm giọng Chuẩn Tướng lạc đi, cái núu đẩy tôi ra ngoài, sự va chạm ngăn ngủi đầy bi thương ấy khiến tôi có cảm giác cục nam châm đang cố gắng rút khỏi thanh sắt. Ôi! Cái chết hoàn toàn được sắp đặt trước, lần đầu tiên trong đời tôi mới chứng kiến. Tôi chột oà khóc và cùng Bà Chuẩn Tướng quỳ mọp xuống nền cửa, bên tai còn vọng nghe tiếng rít khô khốc của tiếng then cài. Mọi sự diễn ra không đầy một phút

sau đó. Tiếng nổ chát chúa vang lên đằng sau cánh cửa. Tôi hoảng hốt đứng bật dậy. Với tiếng nổ đó, tôi đau đớn nhận rõ chắc chắn sự gì đã xảy ra. Trong phòng Chuẩn Tướng không một tiếng động, tôi bước tới đưa tay thử lay mạnh cánh cửa, rồi lùi lại nhìn xuống chân cầu thang, tôi kêu lớn khi thấy có ba bốn cái đầu đang nhón nhác nhìn lên.

- Con dao... cạy cửa mau!

Người tài xế tên Giêng cầm con dao to nhọn chạy nhanh lên và đích thân nạy cánh cửa bật ra. Mọi người cùng ùa vào phòng. Tôi bàng hoàng khóc ngất, tất cả cũng khóc và chạy đến chỗ giường ngủ của Chuẩn Tướng, nơi nửa thân trên ông nằm ngửa trên tấm nệm trải drap trắng, hai cánh tay buông ngang, khuy cổ và ngực áo bung ra, màu máu tươi nhuộm thắm phần ngực trái chiếc áo thun trắng bên trong, cả phần chân Chuẩn Tướng buông thõng bên ngoài, hai gót giày chằm đất. Có lẽ Chuẩn Tướng đã ngồi cạnh thành giường, một tay cầm hai khuy áo trên, tay kia đưa nòng colt 45 ấn vào làn da chỗ trái tim. Chúng tôi đặt Chuẩn Tướng nằm lại ngay ngắn trên giường, gương mặt Ông xanh tái, lâm lâm mồ hôi. Chuẩn Tướng há miệng rướn đầu cố gắng lấy hơi thở mệt nhọc, đôi mắt biểu lộ sự đau đớn cực độ. Đầu Chuẩn Tướng vừa đặt lên gối cũng là lúc Bà Chuẩn Tướng vuốt mắt cho chồng. Chuẩn Tướng đã nghi yên. Viên đạn oan nghiệt theo vị trí nòng súng đã xuyên thật chính xác qua tim. Đứa con trai đầu lòng Lê Uy Hải khi đó vừa tròn 6 tuổi đã nhặt được đầu đạn đưa cho mọi người xem, rồi mím môi, khép năm ngón tay giữ chặt “kỳ vật”. Nhìn cử chỉ ấy, tôi nghĩ tuổi thơ ngây dại của cháu đã trôi qua mất kể từ buổi tối hôm ấy rồi. Trước đó một tiếng đồng hồ, một anh trai và một em gái 3 tuổi còn đùa giỡn trên tấm nệm cao su đặt dưới nền gạch cạnh phòng cha, hai đứa bé không hề hay biết lát nữa đây vành khăn tang trắng sẽ phủ lên tuổi ấu thơ hồn nhiên của mình.

Ngay cả chính chúng tôi, những sĩ quan cận thuộc, Chuẩn Tướng cũng không hề nói hay biểu lộ điều gì cho thấy Ông sẽ



tự sát nêu vùng IV lọt vào tay địch. Giờ đây sau hơn 30 năm, ngồi viết lại những dòng hồi ký này, tôi nghĩ mình đã có thể tự trả lời: là vì Ông không phải là vị chỉ huy cao cấp nhất có trách nhiệm thống lĩnh vùng IV như lúc Ông còn đảm trách chiến trường An Lộc.

Trở lại cái chết của Chuẩn Tướng Hưng, quả thật tôi chỉ biết rõ được quyết định của Chuẩn Tướng vào thời điểm Cần Thơ-thủ phủ Miền Tây-thật sự đã vô chủ.

Cần Thơ chỉ bước vào cuộc trong đêm 29-4-75. Mười giờ đêm tôi đang ngủ, điện thoại T.O.C/ Quân Đoàn gọi sang trình Chuẩn Tướng diễn tiến tình hình: Các trục thẳng từ Quân Đoàn III, từ Sài Gòn bay lẻ loi về miền Tây đáp bất kỳ nơi nào đáp được. Từ đó tôi thức luôn đến sáng vì điện thoại gọi đến liên tục.

Mười hai giờ đêm, có tiếng xô xao ồn ào ngoài cổng dinh, tôi bước ra và nhìn thấy hàng hàng người đang cuộn cuộn kéo đi trên đại lộ phía bên kia công viên. Cuộc diễu hành náo loạn như lúc ban ngày! Tôi kinh ngạc hỏi người lính gác cổng họ đi đâu vậy? Người trung sĩ, Trưởng toán bảo vệ tư dinh nơi đó cho tôi biết họ ra bến Ninh Kiều để lên tàu Hải Quân ra đi. Tôi ngỡ ngàng tự nhủ, như vậy là Phó Đề Đốc Thăng tự động dẫn đoàn tàu của ông di tản ư? (Cần nhớ là các lực lượng Không Quân, Hải Quân, lực lượng Đặc Chung ở miền Tây đều nằm trong hệ thống điều động của BTL/ QĐ IV). Trong làn sóng người lục tục kéo đi, bất chợt tôi nhìn thấy xe của Chuẩn Tướng Chương Dzênh Quây, Tham Mưu Trưởng QĐ IV. Tôi quay vào, gọi ngay cho Thiếu Tá Trưởng toán trực T.O.C hỏi ông có biết việc này không? Rồi vội vã lên lầu trình Chuẩn Tướng. Chính ông cũng đang thức như tôi. Chuẩn Tướng bảo tôi gọi để nói chuyện cùng Đại Tá Trang, Tư Lệnh Hải Quân Vùng IV sông ngòi. Tôi nhìn đồng hồ trên tường nơi phòng ngủ Chuẩn Tướng, lúc đó đã 3 giờ sáng ngày 30-4-75. Tôi đã thấm mệt nhưng vẫn cố nường mắt chịu đựng. Giờ này giá như có Trung Úy Phúc thì đỡ biết mấy. Phúc khoẻ mạnh, tháo

vát, giỏi giang, nhưng giờ này Phúc đang ở Sài Gòn. Trước đó vài ngày, nhân cơ hội Đại Tá Nguyễn Đình Vinh trình mượn trực thăng Chuẩn Tướng về Sài Gòn đón gia đình đang chuẩn bị sẵn, rồi quay trở lại Cần Thơ ngay, Phúc trình Chuẩn Tướng xin tháp tùng cùng lý do, nhưng trở lại bằng đường bộ ngày hôm sau, vì Phúc chưa kịp thông báo cùng gia đình. Cũng đêm hôm đó, Cộng quân tấn công và cố cắt đứt quốc lộ Long An với Sài Gòn, trận chiến đấu đằng dai nhiều ngày, đường bộ chưa khai thông được.

Bảy giờ ba mươi sáng ngày 30-4, tại phòng họp Bộ Tư Lệnh, như thường lệ, Phòng 3 thuyết trình về tình hình trong đêm trước hai vị Tướng cùng các quan chức. Lần này có vẻ nghiêm trọng hơn. Ngoài lực lượng Hải quân vùng 4 Duyên Hải di tản, lên tàu còn có Chuẩn Tướng Tham Mưu Trưởng; Đại Tá Chánh sở Tài chánh số 5, thiếu tá Đức chánh văn phòng tư lệnh QĐ, đại tá Diệp, Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Phong Dinh (Cần Thơ). Sau năm 1975, có bài viết phát hành tại Hoa Kỳ, kể lại chuyến đi riêng của ông vào chiều 30-04; tuy nhiên ông đã rời BCH/TK từ ban sang. Vào giữa tháng 4/75 chính phủ đã ra thông tư ban hành quyết định đối với những quan chức “tự ý vắng mặt tại nhiệm sở. Do đó trong buổi họp sáng 30-04, thiếu tướng Nam đã tuyên bố những đơn vị trưởng vắng mặt không lý do đều là bỏ nhiệm sở”. Đại tá Diệp đã không có mặt tại buổi họp theo lệnh triệu tập của BTL và BCH/TK cũng không báo cáo được tình hình của ông.

Tám giờ ba mươi sau buổi họp, có thiếu tá Trịnh Đức Phương hiện đang cư trú tại Mỹ tháp tùng Chuẩn Tướng Hưng đưa Đại Tá Thiên đến Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Phong Dinh tạm thời đảm trách chức vụ Tiểu Khu Trưởng.

Chín giờ ba mươi, hai vị Tướng lãnh Quân đoàn gặp nhau trong phòng làm việc của Tư Lệnh Phó. Chuẩn Tướng bảo tôi gọi đề ông nói chuyện với Chuẩn Tướng Lạc, Tư Lệnh Sư Đoàn 9 đang chỉ huy giải toả quốc lộ Long An, kêu ông khẩn trương dùng trực thăng bay về Bộ Tổng Tham Mưu để biết rõ

tình hình thực tại. Tướng Lạc trên đường bay không bắt liên lạc được với không phận Sài Gòn nên phải quay về. Chuẩn Tướng lệnh cho tôi gọi về Bộ Tổng Tham Mưu để ông gặp Chuẩn Tướng Thọ, Trưởng Phòng 3. Tôi lạnh người khi nghe tiếng người tuỳ phái cho biết:

- Bộ Tổng Tham Mưu hiện không còn ai, Tướng lãnh và các sĩ quan cao cấp đang ở tại cơ quan MACV của Hoa Kỳ từ hôm qua (tức 29-4).

Tôi hiểu liền các vị ấy có mặt nơi đó để làm gì. Sau vị Nguyên thủ quốc gia, Bộ Tổng Tham Mưu cũng đã lặng lẽ đóng cửa, và như vậy, có nghĩa riêng QĐ IV phải tự định liệu lấy! Buồng ống điện thoại xuống, tôi đứng ì tại chỗ, một cảm giác tê cứng chạy dọc thân thể: “Đất nước đã thật sự mất rồi ư?”

Tôi bước vào phòng trình hai vị Tướng, tôi thấy mắt Chuẩn Tướng hơi chùng xuống, rồi Ông gật gật đầu tỏ ý không cần thêm gì nữa. Tôi bước ra ngoài, người nhân viên văn phòng trao chiếc radio nhỏ cho biết Đài Phát Thanh Sài Gòn thông báo dân chúng chờ đón nghe thông điệp khẩn của Tổng Thống Dương Văn Minh. Tôi trở vào trình Chuẩn Tướng. Lúc này Thiếu Tướng Nam đã trở qua văn phòng Ông, Chuẩn Tướng vội vã rời phòng bước xuống bậc thêm hướng về toà nhà Tư Lệnh. Mười lăm phút sau, tôi ghi vội nội dung lời phát biểu cuối cùng của Tổng Thống Minh, rồi bước ra ngoài định sang trình cùng hai vị Tướng. Đúng lúc đó Chuẩn Tướng đang bước xuống bậc tam cấp, tôi trao tờ giấy, vừa nói vắn tắt với Ông:

-Tổng Thống Minh đã đầu hàng...

Chuẩn Tướng nhanh nhẹn đẩy cửa vào Phòng Tư Lệnh. Rồi mười lăm phút sau, Chuẩn Tướng trở lại văn phòng mình và bảo tôi gọi để nói chuyện cùng 16 Tiểu Khu Trưởng. Đó là kể từ giờ phút này, ban hành lệnh “Thiết quân luật” trên toàn lãnh thổ Quân Đoàn IV. Các đơn vị dừng quân và bố trí tại chỗ chờ lệnh Quân Đoàn, nếu chúng nó “bung” thì làm lại liền!

Thiếu Tướng Tư Lệnh cũng gọi cho 3 vị Tư Lệnh Sư Đoàn 7, 9 và 21 để ban truyền lệnh trên.

Mặc dù nhận rõ thông điệp của Tổng Thống Minh, nhưng hai vị Tướng lãnh trách nhiệm sinh tử Vùng IV lúc này muốn ngăn trở những hỗn loạn có thể xảy ra trong bối cảnh tối tăm này. Chính vậy, mà giờ phút này, Chuẩn Tướng vẫn liên lạc cùng Tướng Tần, Tư Lệnh Sư Đoàn 4 Không Quân, hỏi ông về việc sử dụng đến bom CPU.

Tôi không rõ kết quả cuộc thảo luận của hai vị Tướng về việc này, nhưng một tiếng đồng hồ sau đó, sau khi rời phòng họp, Chuẩn Tướng Tần cùng các sĩ quan của ông đã lên các phi cơ rời căn cứ nổi gót lực lượng Hải Quân.

Giờ phút đó, tôi đang giúp Chuẩn Tướng điều chỉnh lại bộ dây ba chạc trên người ông. Chuẩn Tướng đang tư thế đối đầu tại chiến tuyến. Cửa phòng chợt mở, có ba, bốn Đại Tá tất bật kéo nhau vào phòng. Các vị này ở trong bảy Đại Tá được Thiếu Tướng Tư Lệnh đề cử vào chức vụ Phụ Tá Tư Lệnh Phó đặc trách về Bình Định Xây Dựng, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân... Thấy điệu dạng họ như vậy, Chuẩn Tướng cười mỉm:

- Các ông làm gì vậy, tôi còn đây mà!

Thì ra các vị đến để yêu cầu Chuẩn Tướng trình Tư Lệnh xin để họ đảm nhiệm chức vụ Trung Đoàn Trưởng lấp vào chỗ các ông đã tự ý rời nhiệm. Thông thường, các Trung Đoàn đều được cấp trực thăng C & C sử dụng trong ngày. Tôi được biết Đại Tá Bùi Huy Sánh, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 33 cũng vừa rời bỏ chức, không rõ ông có đi tản được không?

Khi ban hành lệnh thiết quân luật, Vùng IV có vẻ đang chuẩn bị đối phó với tình hình hơn là chấp nhận treo cờ rũ. Ngay khi hay tin Sài Gòn thất thủ, chợ búa, hàng quán, dân chúng Cần Thơ mua vội bán vội cố thu xếp nhanh chóng trở về nhà. Khuôn mặt ai nấy đều lo âu. Xe lướt nhanh hơn, người đi bộ

gần như chạy, đường phố giống như đang trồn chạy cơn mưa giông lớn.

Sau bức thông điệp đọc trên đài phát thanh của Tổng Thống Minh, mọi liên lạc viễn thông với Sài Gòn đều bị cắt đứt, chúng tôi không biết gì về tình hình thủ đô. Tuy vậy, cho đến trưa-gần mười hai giờ-tình hình Cần Thơ cũng như mười sáu tỉnh miền Tây vẫn yên tĩnh. Chưa có một nhóm Cộng quân nào vào các thị xã, các tiểu khu vẫn còn liên lạc tốt với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn.

Buổi cơm trưa thật là lạnh lẽo. Tôi không thấy đói, nuốt vội qua loa, rồi để nguyên bình phục kể cả giày, ngả lưng trên giường, tôi biết rằng kể từ giờ phút này biến cố sẽ xảy ra bất kỳ lúc nào. Buổi sáng tôi đã tự ý gọi Đại Đội Trưởng Tổng Hành Dinh yêu cầu đồ đầy xăng chiếc Jeep Tư Lệnh Phó, xe tôi, xe Falcon Custom mang số ẩn tể dùng cho gia đình Chuẩn Tướng. Cho đến giờ phút này tôi chưa hề được Chuẩn Tướng ra lệnh lạc nào cả.

Mười ba giờ, chúng tôi trở vào Bộ Tư Lệnh cách tư dinh Tư Lệnh Phó chừng 300 mét. Tôi thấy xe Falcon đen cũng đưa bà Chuẩn Tướng cùng hai con rời cổng dinh nhưng rẽ trái, chạy ngược hướng chúng tôi. Tôi hơi ngạc nhiên và lo lắng, vào đến văn phòng tôi gọi về tư dinh để biết cho rõ xem Bà đi đâu. Có tiếng ồn ào phía phòng 2 Quân Đoàn, tôi bước vào hành lang để ra phía sau cho rõ sự tình. Mắt tôi chạm phải một núi giấy tờ đang được đốt cháy. Có lẽ nhân viên phòng 2 đang thiêu huỷ các hồ sơ quan trọng. Tôi không rõ Đại Tá Bình, Trưởng Phòng 2 có còn hiện diện, và việc thiêu huỷ giấy tờ này là do lệnh của ai? Ngay giờ phút này tôi cũng không rõ các trưởng phòng có còn đầy đủ hay không? Chuẩn Tướng cũng không gọi đến một vị nào cả, ngay cả Trung Tá Tông, Trưởng Phòng 3. Tôi tự hỏi trong tình huống này, hai vị Tướng lãnh có còn chỉ huy cấp dưới được nữa hay không...

Khuôn viên Bộ Tư Lệnh vắng ngắt, nghệt thờ.

Mười bốn giờ ba mươi Chuẩn Tướng trở về lại tư dinh. Ông bước lên bậc thềm nhưng không bước vào như mọi ngày, mà đứng nơi hiên tiền đình nhìn mông lung ra khoảng sân phía trước. Tôi đứng bên trái Chuẩn Tướng, cách vài bước hơi chệch phía sau, hướng tầm mắt theo Ông. Mới vào mùa hè mà cảnh vật như đã thu, đông. Trời chiều ảm đạm, thê lương, từng mảng mưa bụi lạnh lẽo thả xuống tầng phượng vĩ hoa nở đỏ ôi giữa sân. Hình ảnh của Chuẩn Tướng bất động trước mặt, tất cả mang đến cho tôi một cảm giác u buồn, tan tác. Bất chợt, Ông quay lại hỏi tôi:

- Cô đi đâu?

- Thưa Cô đến nhà thờ xin lễ rửa tội.

Tôi đang lúng túng sợ Chuẩn Tướng hỏi tiếp nhà thờ ở đâu thì cửa cổng dinh mở toang, chiếc Falcon trườn vào sân. Tôi thở ra nhẹ nhõm.

Thật sự mấy ngày nay tôi cảm thấy có chuyện hơi kỳ lạ ở trong dinh: Tình hình nguy ngập như vậy, mà người thợ may riêng không ngớt giải quyết mớ vải vóc mới tinh cho Bà Chuẩn Tướng cùng thân quyến. Bây giờ Bà và các con lại đi xin lễ. Tôi không bao giờ ngờ được Ông Bà Chuẩn Tướng đã âm thầm cùng bàn bạc chuẩn bị cái chết cho toàn gia đình, và Bà Chuẩn Tướng cũng đã dọn mình bằng chính cung cách riêng của bà. Chính Bà muốn khi từ giã cõi đời sẽ cùng con cái được đón nhận là con chiên của Chúa và bước vào áo quan bằng bộ đồ mới tinh trong trắng. Chỉ đến giờ phút cuối khi thấy hai con ngây dại, Chuẩn Tướng mới thay đổi ý và năn nỉ Bà hãy ở lại đùm bọc hai con.

Buổi sáng, ngay sau khi bản thông điệp của Tổng Thống Dương Văn Minh vừa dứt, bà Chuẩn Tướng gọi điện thoại sang văn phòng tôi bảo tìm cho Bà càng nhiều càng tốt thuốc valium 5mg. Bà vốn bị bệnh mất ngủ đã lâu năm nên việc Bà cần loại thuốc này không có gì đặc biệt đối với tôi. Nhưng khi

tôi gọi Trung Tá Lưu, Liên Đoàn Trưởng 74 Quân Y, ông khuyên tôi đừng nên can dự vào việc này để sau này lương tâm khỏi day dứt. Không nghe theo lời khuyên của ông, rốt cuộc tôi cũng xuống trạm xá Quân Đoàn và người sĩ quan trợ y đã dốc hết số thuốc còn lại trên trăm viên đưa tôi. Buổi trưa về tư dinh, tôi trao số thuốc đó cho Bà và Bà đón nhận rất điềm nhiên. Sau đó Bà đến nhà thờ xin Cha rửa tội.

Gương mặt Chuẩn Tướng thoáng chút mừng rỡ khi thấy vợ con về đến dinh an toàn. Ông bước đến bên xe đón Bà, trao đổi vài lời rồi lên xe trở lại Bộ Tư Lệnh.

Đã ba giờ chiều. Tôi được biết có cuộc hẹn gặp gỡ thảo luận về tình hình tiếp thu giữa BTL/QĐ IV và đại diện của phía Cộng quân vào giờ này. Mọi sự sẽ diễn ra tại văn phòng Tư Lệnh. Tôi không rõ ngoài hai vị Tướng còn có những ai khác, phía Cộng quân bao nhiêu người và ai sẽ thảo ra bản văn đề đôi bên cùng đồng ý ký kết.

Bốn giờ chiều Chuẩn Tướng rời Bộ Tư Lệnh và đây cũng là giờ phút hiện diện cuối cùng của ông tại bản doanh này. Xe chúng tôi vừa ra khỏi cổng chánh, Chuẩn Tướng đã ra hiệu dừng lại và bước xuống xe tỏ ý muốn biết sự gì xảy ra phía trước. Bên kia đường đối diện vòng đai và cổng chánh Bộ Tư Lệnh có rất nhiều thanh niên. Kẻ quần tây, người quần đùi, ở trần đang nói cười thành hàng dài phóng chân rảo nhanh. Tôi ra hiệu cho người quân cảnh sang bên đường đón chặn hỏi một người trong số họ. Thì ra những thanh niên này thoát ra từ trại Tuyên Mộ Nhập Ngũ đã bỏ ngõ. Giờ phút này có lẽ không gì thần tiên bằng là họ đang được trở lại nhà. Hèn gì họ vừa chạy vừa biểu lộ vẻ vui mừng ríu rít. Nhìn cảnh tượng trước mắt, tự dưng tôi thấy dâng lên trong lòng nỗi cô độc, trống vắng làm sao. Hình như giờ phút này chỉ còn mỗi xe Jeep chúng tôi độc hành trên con đường cũ mà bây giờ đang dài lê thê. Đến góc ngã tư nơi tiếp giao giữa Bộ Tư Lệnh với dinh Tư Lệnh Phó và dinh Tiểu Khu Trưởng Phong Dinh, Chuẩn Tướng ra hiệu

ngừng xe. Ông bước xuống nhìn bao quát có vẻ như đang sắp xếp một thế trận.

Tôi nhìn ra bốn phía lộ và nhận ra vẻ trống vắng rờn rợn. Lác đác vài xe gắn máy, xe thô, người đi xe đạp đang hối hả gò lưng. Cả một góc phố im im, thoi thóp khiến tôi liên tưởng đến những đoạn phim có cảnh tương tự mà tôi đã xem thời còn đi học: Les Sept Mercenaires, O.K Coral....Bỗng từ phía chân cầu Nhị Kiều xuất hiện một chiếc xe Jeep lao nhanh về phía chúng tôi rồi ngừng lại cạnh xe Chuẩn Tướng. Người ngồi trên xe là Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, tân Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Ông là một trong vài vị Tư Lệnh được Tổng Thống Thiệu ra sắc lệnh thăng cấp trước khi lên phi cơ rời khỏi Việt Nam. Trên xe bây giờ chỉ còn một mình Ông và người tài xế. Chuẩn Tướng Trường bước xuống xe trình cùng Chuẩn Tướng Tư Lệnh Phó Quân Đoàn điều gì tôi không nghe được, nhưng với vẻ hấp tấp và gương mặt đầy lo âu cộng với tình hình trước mắt, tôi đoán có lẽ Bộ Tư Lệnh của ông hiện đã tan rã. Chuẩn Tướng bảo Chuẩn Tướng Trường theo Ông về dinh.

Tại phòng khách, hai vị Tướng cùng ngồi trên ghế canapé. Với giọng cứng cỏi, quả quyết, Ông nói cùng Chuẩn Tướng Trường rằng giờ này ông chỉ huy, và bảo Chuẩn Tướng Trường cùng Trung Tá Thành, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 9 Kỵ Binh đến đóng bản doanh tại dinh Tiểu Khu Trường. Chuẩn Tướng bảo Trung Tá Thành lệnh cho 2 chi đoàn thiết vận xa M.113 đang ở vùng quận lỵ Bình Minh lập tức quay về Cần Thơ và cho người đến tận bên bắc lệnh cho toán chuyển vận phải tức trực ưu tiên cho đoàn thiết vận xa vượt sông. Nói xong, Chuẩn Tướng đứng lên bước vào phòng rửa mặt. Chuẩn Tướng Trường cũng vội vã ra xe để đến dinh Tiểu Khu Trường. Lúc trở ra, Chuẩn Tướng cũng đến ngồi tại ghế trang kỹ.

Đèn phòng vừa bật sáng, tôi giật mình ngó qua khung cửa sổ, bóng tối đã nhợt nhờ ngoài sân. Phía cuối phòng, Bà Chuẩn Tướng và gia đình đã ngồi vào bàn ăn có vẻ như an bình của



một bữa cơm tối như mọi ngày. Một người lính phục dịch đặt trên bàn tiếp khách chỗ ngồi Chuẩn Tướng một cái đĩa, muống và hai quả trứng gà ngâm trong ly nước sôi. Đó là buổi ăn tối của Ông hôm nay.

Tôi đứng cạnh bàn viết đặt sát cửa sổ phòng khách, cách chỗ ngồi Chuẩn Tướng hơn 1 mét. Trên bàn có 2 máy điện thoại: một tự động và một qua tổng đài viên, tối nay tôi tăng cường thêm 1 PRC 25 mở tần số của BTL/SĐ 21 và Thiết Đoàn 9 để tiện việc liên lạc, theo dõi. Hình như hệ thống truyền tin của Bộ Tư Lệnh đã ngưng hoạt động từ 5 giờ chiều, vì từ giờ phút trên, tôi gọi không có tiếng người tổng đài viên trả lời, còn điện thoại tự động giống như bị cắt. Lúc này, Thiếu tá Trịnh Đức Phương bước vào và đến đứng phía sau chỗ ngồi Chuẩn Tướng. Cả ba chúng tôi im lặng hồi hộp nhìn về phía màn hình TV đặt sát đầu tủ cạnh bàn ăn. Đã bảy giờ tối, màn hình TV vẫn sáng im im.

Phái đoàn hai bên rời Bộ Tư Lệnh/QĐ đã gần 2 giờ đồng hồ, và khoảnh khắc này là giờ qui định phát thanh. Chúng tôi không phải chờ đợi lâu thêm, có tiếng nói vọng ra từ TV tự xưng là phát ngôn viên của BTL/QĐ và đọc bản văn thông báo “Bộ Tư Lệnh đã đầu hàng, các đơn vị phải buông trao vũ khí”. Bản văn vẫn tắt nhưng thật rõ ràng, đầy đủ. Gấp rút đến đổi TV lúc này cũng trở thành đài phát thanh. Nghe đọc bản văn như vậy, tất cả chúng tôi, những người hiểu rõ về nội dung bản văn chung đều chết điếng: Bản văn được hai bên ký kết đã bị tráo đổi!

Lập tức Chuẩn Tướng bảo tôi chuyển máy PRC 25 đến chỗ ông ngồi. Dích thân ông cầm ống liên hợp gọi “Hổ Cáp” (danh hiệu Trung Tá Thành trong đặc lệnh truyền tin) bảo ông dùng M 113 lái đến dinh để đi cùng Chuẩn Tướng đến đài phát thanh. Nghe đến đó, tôi vội lùi một bước về phía cửa lớn để ra hiệu cho Trung Sĩ Sao (cận vệ) chuẩn bị sẵn sàng di chuyển. Tôi bước về chỗ cũ vừa kịp nghe lời đáp của Trung Tá Thành vang lên trên loa khuếch đại, lời lẽ vẫn còn mang vẻ lễ độ của

một cấp thừa hành, nhưng rõ ràng đó là lời chối từ thi hành mệnh lệnh. Thật ra khó mà đoán chắc có lực lượng đáng kể nào của Cộng quân đã có mặt ở thị xã hay Bộ Tư Lệnh hay chưa, nhưng với văn bản vừa phát ra, chắc sẽ hung hiểm vô cùng nếu tự nhiên xuất hiện một chiến xa rầm rộ di chuyển trong đường phố lúc này. Tôi tin rằng Chuẩn Tướng thừa hiểu rõ điều đó. Trong cảnh biến động này, tuy lòng có lo âu và hãi sợ nhưng nhìn thấy đức tính gan dạ, bất khuất của Ông-như một dũng tướng tới bước đường cùng vẫn tả xung hữu đột-tôi khâm phục Ông xiết bao. Với một tinh thần tự nhận trách nhiệm tối cao, hai vị Tướng Lãnh muốn được bảo đảm sự an toàn tốt nhất, cũng như lo lắng cho sinh mệnh những binh sĩ khi họ không còn được quyền cầm vũ khí trong tay nữa. Sau bản thông điệp của Tổng Thống Dương Văn Minh, có ai biết được chắc chắn về số phận của những đơn vị trước đó đang trực tiếp giao tranh ác liệt cùng các lực lượng Cộng quân, và rồi bỗng dưng họ phải buông súng trong cơn hận thù còn sôi sục của đối phương?

Đang miên man, tôi giật mình khi điện thoại trên bàn chỗ tôi đứng reo vang. Nhắc ông nghe lên tôi vội chuyển liền cho Chuẩn Tướng khi nhận ra giọng trầm trầm của Thiếu Tướng Tư Lệnh đầu bên kia. Có lẽ Thiếu Tướng hỏi Chuẩn Tướng về bản văn đọc vừa rồi. Tôi nghe Chuẩn Tướng trình bày là mọi việc đã giao cho Đại Tá Sáu, Tham Mưu Phó Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn, đại diện cùng đi với phe Cộng quân. Nhưng vì sao bản văn chung bị tráo và tình trạng Đại Tá Sáu ra sao duy nhứt chỉ một mình Đại Tá Sáu biết rõ mà thôi. Đặc biệt tôi không nghe Chuẩn Tướng báo với Thiếu Tướng Nam về việc Ông tính đến đài phát thanh. Cuộc điện đàm giữa hai vị Tướng lãnh kết thúc. Buông ống điện thoại xuống, Chuẩn Tướng thù người bất động. Lần đầu tiên, tôi nhận rõ nét mặt mỗi tuyệt vọng trên gương mặt ông. Chỗ dựa cuối cùng đối với đơn vị và những đàn em thân tín ông từng chỉ huy giờ đã bật gốc! Trong một cử chỉ buông xuôi, Chuẩn Tướng đưa hai tay về phía trước và với giọng nói oai mãnh, bất khuất, ông đã quật về phía tôi và Thiếu Tá Phương một tràng lạnh lạnh, đánh thếp

khiến tôi rụng rời, vì biết sắp phải xa Ông, vị Tướng tôi luôn quý kính. Tôi cúi đầu lặng thinh, cả một khoảnh khắc chơi vơi để ba chúng tôi mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Chuẩn Tướng đứng lên bảo tôi tập hợp toán lính gác để Ông nói chuyện. Tiểu Đội bảo vệ tư dinh Tư Lệnh Phó do người Thượng Sĩ trưởng toán sắp xếp thành hai hàng bên hông dinh chỗ khúc sân lối ra vào. Bằng một giọng nói cảm động, chân tình, Chuẩn Tướng cảm ơn họ vẫn ở bên Ông đến giờ phút này, và bảo anh em ai muốn rời dinh cứ tùy ý...Bỗng có tiếng người lính gác trên cao báo động có xe Cộng quân đến. Lập tức Chuẩn Tướng chạy vào trong nhà, tôi hô toán cận vệ vào vị trí rồi xách máy PRC 25 chạy theo Ông lên lầu. Chuẩn Tướng vào phòng ngủ rồi trở ra với khẩu XM 18 trên tay, chạy ra bao lơn nằm xuống nhìn ra phía đường. Lúc này tôi mới nhận ra đường phố tối đen. Điện toàn bộ thị xã tắt ngúm. Như vậy điện hiện có trong dinh là do đường dây từ máy phát điện của BTL/QĐ. Trong bóng đêm u uất đó, hai vệt sáng rực phát ra từ hai đèn pha chiếc xe Jeep vừa rời cổng dinh Tiểu Khu Trưởng, quét thẳng về phía chúng tôi trông thật ghê rợn. Nhưng ra đến ngã tư, ánh đèn lại rẽ trái theo đại lộ Hoà Bình hướng về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Họ không đến chỗ chúng tôi. Chuẩn Tướng đứng lui trở về phòng, tôi cầm ống liên hợp PRC 25 gọi danh hiệu của Chuẩn Tướng Trưởng và Trung Tá Thành. Tôi gọi hai ba lần đều không có tiếng đáp lại. Có vẻ như hệ thống máy đã ngưng. Chắc chắn phải có biển còi bên dinh Tiểu Khu Trưởng nơi Chuẩn Tướng Trưởng và Trung Tá Thành đến đóng bản doanh hồi chiều. Dinh Tư Lệnh Phó và Tiểu Khu Trưởng chỉ cách nhau hơn 300m, nếu có tiếng súng nổ chúng tôi phải nghe được, nhưng sự việc máy không lực không còn tức trực chứng tỏ tình trạng Chuẩn Tướng Trưởng rất bi quan, có thể ông và Trung Tá Thành đã bị bắt. Và như vậy tình hình trong dinh chúng tôi rất nguy ngập, không rõ địch sẽ xuất hiện lúc nào? Có lẽ Chuẩn Tướng nhận rõ được thì giờ đang rất cấp bách. Ông bước đến đẩy cửa vào phòng Bà và đây chính là giờ phút Ông thuyết phục Bà cần phải sống. Hai cháu bé lúc đó đang vô tư đùa giỡn cùng nhau trên tấm nệm cao su đặt dưới nền gạch

lỗi ra bao lơn. Tôi trở xuống nhà để tìm gập dạn dò toán gác. Thật ra tìm họ cũng là tự trấn an tôi.

Mười phút sau Chuẩn Tướng gọi tôi lên lầu gặp Ông. Tại đây, tôi thấy ngoài tôi và Thiếu Tá Phương, còn hiện diện đông đủ những binh sĩ đã từng phục dịch Chuẩn Tướng cùng gia đình rất lâu năm. Chuẩn Tướng đứng nơi phòng ngủ, hai cánh tay ghi chặt đũa con gái ba tuổi để cho đầu cháu tựa vào má Ông. Bà Chuẩn Tướng đứng cạnh bên. Hai bàn tay măng non cháu bé hồn nhiên lùa trên tóc cha, làm lòa xòa vài lọn tóc rối trên trán Chuẩn Tướng. Bức tranh bi thảm ấy khiến lòng tôi ngậm ngùi tê cứng. Bằng giọng nói tha thiết ân cần, Chuẩn Tướng gọi lại Bà cùng hai con cho chúng tôi. Ông quả quyết từ giờ cho đến sáng sẽ không có gì xảy ra, bảo chúng tôi cố gắng hộ tống Bà Chuẩn Tướng và hai đứa bé về Sài Gòn rạng sáng ngày mai 01-05. Đó là lời uỷ thác cuối cùng của Ông. Dù đã từng xông pha bao nhiêu trận mạc, nhưng trong giờ phút tử biệt cùng người thân, Chuẩn Tướng cũng không nén được nổi uất nghẹn trong lời nói. Ông lấy lại trầm tĩnh thật nhanh, quát bảo tất cả trở xuống dưới nhà, chỉ còn mình tôi và Bà Chuẩn Tướng ở lại. Để rồi giây phút vĩnh quyết đã đến...

Lúc đó đã quá chín giờ đêm 30-4. Chúng tôi xúm quanh giường ngủ giúp bà Chuẩn Tướng lau rửa thân thể, thay y phục cho Chuẩn Tướng. Lúc đỡ lưng Ông lên, mọi người lại đau lòng rầm rứt khóc khi thấy vẫn còn máu tươi rỉ ra chỗ viên đạn thoát ra khỏi thân thể Ông. Tôi còn nhớ lúc Ông đã đảm nhiệm Tư Lệnh Sư Đoàn 21, có một buổi chiều sau giờ nghỉ việc, tôi theo Ông thả bộ và dừng lại nơi nhà nghỉ trong khuôn viên Bộ Tư Lệnh. Không biết đang suy nghĩ gì, Ông cười cười quay lại nói với tôi: “Mày còn nhớ không, lúc ở Trung đoàn tuy ở bất kỳ vùng hành quân nào, trước khi đi ngủ, Đồng hoặc mày đều gọi về Chương Thiện để tao nói chuyện với cô. Ở mặt trận An Lộc cũng vậy, tối nào tao cũng gọi về Lai Khê nói chuyện với cô” Chuẩn Tướng nói thêm: “Lúc đó tao chột nghĩ nếu tao bắn vào đầu chắc cô không dám nhìn mặt, nên tao đã quyết ý có gì thì bắn vào tim”

Chuông điện thoại lại reo lên. Tôi lật đật mời bà Chuẩn Tướng đối đáp khi nhận ra giọng của Thiếu tướng Tư Lệnh. Bà Chuẩn Tướng sục sùi báo tin Chuẩn Tướng đã ra đi...Cuối cùng bà nghẹn ngào cảm ơn Tư Lệnh đã gọi đến và thăm hỏi an ủi ...Đề rồi tám tiếng đồng hồ sau, vào lúc 5h30 sáng ngày 01-05, hai vị Tướng cao cấp nhất lãnh thổ vùng IV đều đã gặp nhau ở bên kia thế giới. Chuông điện thoại lại thúc lên inh ỏi. Nhắc ông nghe lên tôi giật mình khi nhận ra tiếng nói của Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Chương Thiện. Giọng ông thật khẩn cấp cần được nói chuyện cùng Chuẩn Tướng Tư Lệnh Phó. Tôi quyết định thật nhanh trong trí là sẽ không cho Đại Tá Cẩn biết Chuẩn Tướng đã tự sát. Hệ thống điện thoại hoặc đã bị ngắt, hoặc do đơn vị truyền tin này đã bỏ nhiệm sở từ chiều, không lý gì giờ này lại tái lập. Sau này, khi hồi tưởng lại tôi mới thấy mình thật ngu khờ, chỉ vì muốn bảo vệ thi hài Chuẩn Tướng mà tôi đã nói dối với Đại Tá là Chuẩn Tướng đang bận chỉ huy các đơn vị nên không thể rời máy được. Lúc ấy tôi nghĩ chỉ có cách đó mới ngăn được Đại Tá Cẩn thôi đòi gặp Chuẩn Tướng. Đồng thời tôi còn trả lời cùng ông rằng lệnh của Quân Đoàn do Chuẩn Tướng truyền đi hồi sáng vẫn không có gì thay đổi, khi Đại Tá hỏi đến điều này. Hậu quả là Đại Tá Cẩn cho Tiểu Khu của mình tử thủ, để rồi ông bị bắt, sau đó đưa về Cần Thơ và Cộng sản đã đưa Đại Tá ra xử bắn trước đám đông dân chúng. Trong lúc chỉ huy chiến đấu Đại Tá đã bị kèm chế từ sau lưng do chính thuộc hạ của mình. Tôi tin rằng chính vì vậy Ông đã không kịp thực hiện điều mà Chuẩn Tướng Tư Lệnh Phó đã làm, khi tiểu khu Chương Thiện của ông thất thủ. Ông vốn là Trung Đoàn Trưởng của Sư Đoàn 9 tăng viện chiến trường An Lộc mùa hè 72, được vinh thăng Đại Tá và trở thành Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Chương Thiện sau đó.

Pháp trường của “kẻ thắng” càng tô đậm thêm ý chí ngang tàng, bất khuất của người dũng sĩ hiên ngang trước mũi súng quân thù. Tổ quốc mãi mãi ghi nhớ ơn Ông cùng những người cho dù là hàng binh sĩ trong những giờ phút này còn ngã gục và thấm máu đào trên khắp đất nước non sông!

Có tiếng rè rè từ máy PRC 25 và loa khuếch đại vang lên tiếng gọi danh hiệu Chuẩn Tướng. Tôi nhìn lại bản đặc lệnh truyền tin và nhớ ra giọng nói của Thiếu Tá Điệp, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1/31 đang trong vùng hành quân thuộc quận lỵ Bình Minh. Chắc anh không liên lạc được cùng Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn và Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn nên mới gọi thẳng về Chuẩn Tướng. Tôi ngầm báo cho Thiếu Tá Điệp biết tình hình hiện nay của Chuẩn Tướng và cầu chúc anh may mắn. Trong đêm nay, còn bao nhiêu đơn vị đang trong tình trạng bơ vơ, lạc đàn như Tiểu Đoàn của anh, kêu gọi cấp chỉ huy trong vô vọng và chờ đợi ánh bình minh rạng sáng mới biết rõ số phận của mình. Từ đó tôi quyết định tắt hẳn máy không lục PRC 25.

Tôi bước trở lại phòng Chuẩn Tướng và nhìn thấy thân hình Ông ngồi sáng trong bộ lễ phục với đầy đủ quân hàm trên hai cầu vai, cùng dây biểu chương, huy chương... Bà Chuẩn Tướng đang xếp gấp tư lá cờ vàng ba sọc đỏ và lần tay mở nút áo đặt lá cờ ngay ngăn chỗ phần ngực Ông. Xong xuôi bà ngược lên nói với tôi rằng Bà mong muốn lễ tang Chuẩn Tướng sẽ được tổ chức đúng lễ nghi quân cách. Tôi gật đầu im lặng. Trong bối cảnh này, tôi thấy mình cần phải hết sức giúp đỡ Bà, còn việc thành, bại thì tùy thuộc vào số phận rủi may.

Trời đã khuya, chỉ còn gần nửa tiếng nữa là đã sang 0 giờ ngày hôm sau. Thân nhân Chuẩn Tướng bên cạnh Ông. Có lẽ cũng không ai nhắm mắt được trong đêm nay. Tôi đến cầu thang trở xuống nhà dưới, theo cửa sau vòng ra sân, với đầu óc trĩu nặng lo nghĩ: “Khi hay tin Chuẩn Tướng tuần tiết như vậy, liệu Cộng Sản có chấp nhận để yên cho mai táng Ông hay không? Hay là đêm nay tìm nơi nghỉ cho Ông chính tại khuôn viên dinh này?” Tôi lắc đầu bỏ ý nghĩ đó, và dừng lại chỗ cuối sân, nhìn ra phía cổng sắt. Đêm đen ghê rợn phủ trùm vạn vật. Trời tối đến nỗi tôi không nhận ra cánh cửa cổng, còn vọng gác im sừng trên cao đen thui thui không biết có còn ai gác hay không? Sự im lặng chết chóc khiến tôi hoảng sợ đứng ý tại chỗ, không dám nhích tới. Tôi có cảm giác đang bị bao vây, rình rập, dòm ngó từng động tác. Tôi trở gót theo cửa sau bước

lên phòng khách nhìn quanh quần. Nơi đây cũng tối om, chỉ có chút ánh sáng của ngọn đèn trên lầu hắt xuống cầu thang cho tôi nhìn rõ nhà dưới trống vắng không còn người lính phục dịch nào ở đó. Tôi quyết định nằm nghỉ nơi đây. Đêm nay nếu có sự kiện gì xảy ra từ phía ngoài vào, tôi sẽ là người hay biết và đón nhận trước tiên. Trong bóng đêm cô tịch, tôi ngồi hồi tưởng lại những việc vừa xảy ra. Tất cả nhanh chóng kết thúc tưởng chừng như giấc chiêm bao! Sự đời như bọt nước bèo mây, tụ rồi tan, mới hạnh phúc đó đã tan vỡ, mới cười vui đó đã ôm nhau khóc! Lòng tôi bỗng chơi vơi rung động nhớ lại lời nói ôn nhu của Trung Tá Nghiêm, Tham Muru Phó Chiến Tranh Chánh Trị Sư Đoàn 21 khi ông giới thiệu một pháp môn tu thiền cho tôi vào những ngày cuối năm 73 tại văn phòng Tư Lệnh Sư Đoàn ở Chương Thiện. Sự thôi thúc dâng lên kỳ lạ, tôi xúc động ngồi lại ngay ngắn chấp hai tay trước ngực, thành khẩn hướng đến Đức Thầy Lương Sĩ Hằng xin Ngài thu nhận tôi là môn sinh. Từ đó đến nay đã 24 năm trôi đi, không ngờ tôi vẫn tiếp tục đeo đuổi nỗi đam mê với môn tu tập này. Tôi tin chắc chính nhờ sự ổn định được tâm trí đã có thể giúp tôi viết lại bản anh hùng ca này một cách tuần tự, rõ ràng, nhớ rõ như mọi chuyện mới vừa xảy ra.

Sau đó tôi nằm xuống và tạm quên được mọi việc trong giấc ngủ. Lúc tôi trở giấc, trời vẫn còn tối, lòng tôi lại nặng trĩu khi đối diện với thực tại. Tôi bước ra sau về phòng mình.

Tôi trở lên lầu vào phòng Chuẩn Tướng, gặp Thiếu Tá Thuyên, Phụ Tá Trưởng Phòng Tổng Quản Trị Quân Đoàn, đang đứng cạnh giường Chuẩn Tướng thút thít khóc. Anh vừa mới đến. Như vậy nguồn tin về Chuẩn Tướng trong đêm đã lan truyền ra ngoài. Sự tao ngộ cũng thật vội vàng, ngắn ngủi. Anh rời dinh liền sau đó, lúc trời vẫn còn mờ tối. Đó là vị sĩ quan duy nhất của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn đã đến nghiêng chào trước thi hài Chuẩn Tướng. Tôi bàn định cùng bà Chuẩn Tướng lo thu xếp những gì cần thiết mang đi, đề phòng trước nếu bị buộc phải rời dinh. Trong lòng tôi lúc đó đang nghĩ đến người bạn chí thân hồi cùng ở Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 31-Trung Úy Nguyễn

Vĩnh Thành. Mấy năm nay Thành đã thuyên chuyển về Sở Hành Chánh Tài Chánh số 5 và cùng gia đình đang ở Cần Thơ, nhờ vậy chúng tôi vẫn thường xuyên gặp nhau. Hiện tại chắc chắn tôi phải nhờ đến Thành rất nhiều. Trong lúc chờ đợi sáng, tôi bàn cùng Thiếu Tá Phương là anh đảm trách phần việc tại dinh, còn tôi ra ngoài tìm Thành và mua quan tài. Lúc đó gia đình Chuẩn Tướng còn ở trên lầu. Khi tôi tiến đến cổng chuẩn bị ra ngoài, tôi sững sờ khi thấy thái độ của mọi người. Trong ánh mắt của họ, tôi đọc được nỗi hoang mang, nghi ngại: dường như tất cả lo sợ rồi đây tôi sẽ không trở lại!

Tôi hé mở cánh cổng để vừa đủ đi qua, mắt tôi nhìn thấy Đại Tá C. một trong những Phụ Tá của Tư Lệnh Phó đang đứng nơi công viên Hoà Bình nhìn về phía cổng ra vào. Khi thấy tôi đã nhận ra ông, Đại Tá lật đật rào bước đi mất, may mà tôi chưa kịp gọi ông! Tôi vòng bên trái dinh, theo đường tắt đến nhà Thành. Trên đường đi, tôi mừng rỡ khi thấy Đại Tá Vinh đang hàn huyên cùng với ba, bốn người tại trước cổng Bộ Tư Lệnh/Đặc Nhiệm 4 của ông (Chức vụ cùng danh xưng có tính cách điều hành nội bộ của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV do Thiếu Tướng Tư Lệnh đề ra nhằm giải quyết số sĩ quan cao cấp “ôỉ động” tại BTL) Tôi thâm ngợi khen ông trông vẫn tinh táo và trẻ trung trong bộ áo quần thường dân. Trong buổi sáng hôm nay, không ai bảo ai, tất cả chúng tôi đều hoà nhập vào lớp thường dân. Gặp được Đại Tá, tôi đặt thẳng vấn đề Chuẩn Tướng đã chết và Bà Chuẩn Tướng muốn chôn ông đúng theo quân cách, xin Đại Tá với tư cách một sĩ quan cao cấp đến gặp họ (Cộng Sản) để nói giúp. Khi Đại Tá Vinh đoan quyết đó là trách nhiệm của ông trong lúc này, tôi có cảm giác mình vừa giải quyết được một gánh nặng to lớn.

Đến nhà cha mẹ vợ của Trung Úy Thành, tôi thật sự cảm động khi thấy mọi người trong gia đình đều ủa ra đón tôi. Tất cả đã biết tin Chuẩn Tướng mất nên rất lo cho số phận của tôi. Tôi kể sơ Chuẩn Tướng chết như thế nào, Ông dặn dò ra sao và tôi đang rất cần được giúp đỡ. May mắn là nhà vợ Thành có khoảng sân khá rộng, tôi xin được gởi chiếc Falcon và chiếc



Jeep sơn xanh mang biển số ẩn tể dân sự. Trong cơn nguy kịch, tôi không biết làm sao hơn khi đã mang một bản án đến cho gia đình Thành. Rất may là những ngày sau đó, khi chúng tôi đã rời Cần Thơ, gia đình Thành vẫn yên ổn, không bị tố giác. Viết lại những dòng này, tôi muốn nói rằng tôi vẫn luôn ghi nhớ mãi tấm lòng của cả hai bên gia đình Trung Úy Thành đối với gia đình Chuẩn Tướng.

Tôi cùng Thành lên chiếc Vespa của anh đi đặt mua chiếc quan tài rồi trở lại Sở của anh. Do ý kiến Thành, tôi định tìm gặp Trung Tá Bia, Phụ Tá Chánh Sở Hành Chánh Tài Chánh số 5 để nhờ ông chỉ dẫn và giúp lo việc tẩm liệm Chuẩn Tướng. Ông hiện thay cho vị Đại Tá Chánh Sở đã vắng mặt, đang chờ đợi người của Cộng Sản đến để bàn giao. Trung Tá Bia hứa là ông sẽ đến dinh liền sau khi xong nhiệm vụ ở đây và căn dặn tôi chuẩn bị những thứ cần thiết cho việc tẩm liệm. Tôi cùng Thành hướng xe về phía chợ. Khác với ngày 30-4, buổi sáng hôm nay là ngày 1-5, thị xã Cần Thơ thật ồn ào, rộn rịp. Gần như nhà nhà đều có người đổ xô ra đường. Có những con lộ nghẹt cứng, dân chúng đi bộ tràn ra cả lòng đường, chúng tôi phải xuống xe dẫn bộ, len lỏi tìm lối vượt qua. Tôi chợt nhìn thấy Trung Úy Việt, Tuỳ Viên Tư Lệnh đang đứng trong sân nhà của Trung Úy Minh, sĩ quan Quân Sự Bộ Tư Lệnh, tôi lật đật kéo Thành tấp vào. Gặp Việt, tôi hỏi ngay về tình trạng của Thiếu Tướng Tư Lệnh. Tin Thiếu Tướng Nam tự sát tôi đã nghe vào buổi sáng trước khi rời dinh, nhờ một hạ sĩ quan văn phòng báo cho biết khi anh đến trao cho tôi tờ giấy ghi tên họ tôi đã “đăng ký trình diện”. Trung Úy Việt xác nhận với tôi điều đó. Anh cho biết xe cấp cứu Quân Y Viện Phan Thanh Giản do anh và Trung Úy Danh gọi, đã đến và mang Tư Lệnh về Quân Y Viện trong tình trạng Thiếu Tướng hấp hối. Việt kể lúc đó vào khoảng 5 giờ sáng, Thiếu Tướng đang ở dưới hầm, Ông tìm cách cho hai tuý viên lên nhà, rồi dùng Colt cá nhân tự sát ngay khi còn một mình. Tôi không tiện hỏi han thêm vì còn quá nhiều việc để làm. Xe chúng tôi chạy ngang qua nhà Thiếu Tá Q. Trưởng Phòng 1 Sư Đoàn 21, tôi nhìn thấy Thiếu Tá ngồi nơi bàn đặt ở ngoài sân đang hí hoáy ghi, một số người

đang đứng vây quanh ông. Tôi vỗ vai nói Thành chạy chậm lại để kịp đọc được dòng chữ ghi trên tấm bảng đặt sát bàn viết “Nơi đăng ký trình diện Ngụy quân”. Tôi ngờ ngờ, phải chăng Thiếu Tá Q. là do Cộng Sản đã cài đặt vào từ trước?

Ra đến khu chợ, tôi ghi nhận một điều là hầu hết các tiệm ăn đều chật cứng thực khách. Lúc đó tôi cảm thấy đói và nhớ ra từ đêm qua mình chưa có thứ gì vào bụng. Tôi cùng Thành ngồi để ăn sáng. Tiếng cười nói trao đổi giữa các thực khách vang lên om tồm, có hai người ngồi cùng bàn với chúng tôi nói với nhau: “Ăn cho đã! Ngày mai biết còn xài tiền được nữa không?”

Tôi để Thành nơi quán, một mình đi sâu vào chợ. Mắt tôi choáng ngợp trước toàn màu đỏ bày bán khắp nơi. Dân chúng nơi đây quả đã sớm “hội nhập” với hoàn cảnh mới! Tôi mua các thứ trà, đèn cầy, nhang, vải liệm...rồi cùng Thành phóng nhanh về dinh. Quan tài đã được đem đến và đặt trên hai giá gỗ chính giữa nhà. Tôi hơi phập phồng khi thấy có hai cán binh Cộng sản miền Nam đang ở trên vọng gác. Họ không đả động gì tới bên trong dinh, hình như họ chỉ được lệnh ở trên đó mà thôi. Có lẽ cũng yên tâm phần nào, Bà Chuẩn tướng nói với tôi và anh Phuong rằng Bà dự định quàng đám tang trong ba ngày. Tôi thấy cổ áo quan khá sơ sài, khiêm tốn. Tôi bàn Thành đến Quân Y Viện Phan Thanh Giản tìm xin một bộ ny lông. Tôi cũng muốn nhân dịp này để biết đích xác tình trạng của Thiếu Tướng Tư Lệnh. Xe chúng tôi tới trước cổng Quân Y Viện, lát đác còn vài thương binh đang khập khểnh cùng thân nhân hối hả ra cổng. Những người này có lẽ vì thân nhân ở xa nên mới vừa đến kịp để đón họ. Khi vào trong sân tôi thấy nơi đây im lìm, trống vắng, y sĩ, nhân viên lẫn thương binh đều đã rời Viện tự bao giờ. Duy nhứt có một người đàn ông trạc tuổi tôi còn đang đứng trong sân cạnh chiếc xe gắn máy của anh. Tôi thầm hy vọng gặp đúng nhân vật có vai trò như Trung Tá Bia. Tôi liền đến gần và đánh bạo bọc bạch cùng anh mục đích việc tôi đến đây. Rất may tôi gặp đúng người. Anh trao cho tôi một

bộ ny lông giấu nơi yên xe, kèm lời nói: “Thật may quá anh, chỉ còn một bộ duy nhất. Từ sáng tới giờ tôi đã phát hết”

Tôi hỏi thêm:

-Thiếu Tướng Nam nằm ở đâu?

Anh chỉ phòng lựa thương cách đó chừng 30m và dặn dò tôi coi chừng, vì đã có “chúng nó”. Tôi cẩn thận nhìn quanh một lượt. Khi thấy chỉ có 3 chúng tôi, tôi cảm ơn anh lần nữa rồi lên xe bảo Thành chạy đến đậu sát bậc thềm căn phòng, xong ngồi trên xe chờ trong lúc tôi vào bên trong. Vừa bước đến cửa phòng, mắt tôi đã chạm phải một thi thể được phủ kín bằng tấm drap trắng chỉ lộ ra ngoài chỗ bàn chân vẫn còn mang đôi giày da quân đội. Thi hài để nằm trên chiếc băng ca đặt trên đầu hai cái giá sắt cao gần 1m. Một chiếc bàn nhỏ đặt trước đầu băng ca, trên có một lon nhôm đựng cát dùng thay bát hương, một hộp quẹt diêm và một thẻ nhang nhỏ đã bóc ra. Trong phòng vắng ngắt. Tôi đoán chắc đây là thi thể của Thiếu Tướng Tư Lệnh. Tôi cúi người mục kích nỗi cô độc của Ông. Tôi bước tới đưa tay kéo nhẹ tấm vải phủ trên đầu để được nhìn thấy gương mặt Thiếu Tướng hiện từ như người đang ngủ. Một vết đạn khoét từ thái dương trái trở một đường kính cỡ trái chanh nơi thái dương phải, vết máu đã thấm đen chạy dài từ đó xuống gò má, đến cổ và đọng lại trên bầu áo làm lem lấm “hai ngôi sao” thêu màu đen. Toàn bộ quân phục tác chiến vẫn ôm kín trên người Thiếu Tướng. Tôi đốt một nén hương cắm trên lon cát đã có ba chân nhang của ai đó đã đến từ trước. Tôi kéo tấm vải phủ lại như cũ, rồi lặng lẽ rời Quân Y Viện, trong lòng nặng nề, mệt mỏi như một người bệnh. Giờ phút cấp bách này tôi không thể làm gì hơn được cho vị Tướng Tư Lệnh quý kính. Nhưng tôi hy vọng quý vị quân y sĩ của bệnh viện sẽ không bỏ mặc Ông. Tôi trở về dinh để chờ đón Trung Tá Bia. Hai mươi phút sau ông ấy xuất hiện.

Sau lớp vải là đến chiếc túi ny lông ôm chặt thi thể Chuẩn Tướng. Chúng tôi đưa thi hài xuống nhà dưới. Trung Tá Bia

bảo tôi nâng giữ phần đầu. Lễ tân liệm đơn sơ nhanh chóng do Trung Tá Bia chỉ dẫn cho tất cả mọi người trong dinh thực hiện. Tôi đứng ở đầu quan tài lặng nhìn Trung Tá Bia điều khiển mấy người lính trong dinh làm động tác cuối, từ từ đẩy nắp áo quan. Bỗng có tiếng la lớn uất nghẹn:

-Trời ơi...Ông “thầy” ơi!

Rồi bóng một người lao đến bên quan tài, cả người anh xúc động gần như quỵ xuống. Tôi nhận ra đó là Thiếu Tá Lành, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3/33. Tiểu Đoàn của anh sáng nay cũng tuân lệnh giải giao vũ khí, cởi bỏ quân phục tại chỗ, từ trong vùng hành quân lộ bộ ra lộ, ai nấy tự tìm phương tiện về nhà. Thiếu Tá Lành được tin cái chết của Tướng Hưng nên tìm đến tư dinh. Anh xuất thân từ trường Thiếu Sinh Quân, sau khi rời quân trường về Tiểu Đoàn 2/31 cuối năm 1968. Do đã từng phục vụ dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Lê Văn Hưng, thuở đó là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 31, nên anh vẫn nhớ và kính vị “Thầy” của mình. Đúng lúc đó Phúc xuất hiện. Anh cùng vợ con đạp xe đò từ Sài Gòn xuống tới. Mọi việc xong xuôi, Trung Tá Bia từ già chúng tôi để về nhà vì từ đêm qua 30-4, ông vẫn ở trong Sở theo lệnh cấm trại ban hành từ hơn một tuần nay của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Một người lính vào nói nhỏ cho tôi biết những gì anh nghe được, một nguồn tin rất bất lợi cho chúng tôi. Do vậy, tôi, Phúc và anh Phương thuyết phục Bà Tướng nên an táng ngay cho Ông và rời dinh càng sớm càng tốt. Chúng tôi phân chia nhau: Phúc cùng vài nhân viên đến khu đất nhà ở Cái Răng lo đào huyệt. Phần tôi lo xe tang. Thành đưa tôi đến Hội Mai Táng Từ Thiện của các chủ xe đò Cần Thơ. Rất may cho chúng tôi là người đại diện của Hiệp Hội ưng thuận cung ứng cho dù biết đó là đám tang của Chuẩn Tướng. Ông bảo là còn phải lo cho một đám tang khác lúc 3 giờ chiều, vậy chúng tôi cần phải chuẩn bị sẵn sàng, lúc xe tang đến là di chuyển liền. Từ lúc đó cho đến khi xe tang xuất hiện, chúng tôi lo thu xếp mọi thứ đem theo để khi rời dinh sẽ không trở lại nữa. Riêng phần gia đình Chuẩn Tướng, buổi sáng sớm sau khi gặp Thành tôi đã trở về hướng dẫn xe

Falcon và xe Jeep dân sự đến gửi ở nhà bên vợ Thành với số hành lý chứa trong cốp xe. Giờ phút trôi qua chậm chạp trong nỗi lo lắng chờ đợi của tôi. Đến 4 giờ chiều, tôi bắt đầu sốt ruột, bức rứt không yên. Những mảng nắng chiều vàng vọt còn cố níu lại trên đỉnh hàng sao cao ngất. Đúng lúc tôi đang bối rối với chút mỏng manh hy vọng, bỗng có tiếng ồn ào, rồi hai cánh cổng dinh mở toang. Chiếc xe tang sơn màu đen đưa phần đuôi tròn lui vào sân. Các nhân viên trên xe nhanh nhẩu nhảy xuống chạy vào nhà. Đã chuẩn bị sẵn, chúng tôi cùng họ đưa quan tài lên xe. Năm phút sau tất cả chúng tôi bắt đầu rời dinh. Anh Phương, Phúc và tôi cùng gia đình bà Tướng ngồi trên xe tang. Thành và những nhân viên khác dùng phương tiện riêng chạy theo sau. Lúc xe rời cổng lớn độ một đoạn, tôi nhìn lại thấy có nhiều người đang chạy ủa vào dinh. Vĩnh biệt tất cả! Vĩnh biệt cả con chó berger chúng tôi đau lòng phải bỏ lại...Xe queo ra đại lộ Hoà Bình để hướng về Cái Răng.

Tại huyết mộ, một cậu bé trạc độ 14 tuổi, nhưng đôi tay thật thông thạo, nhịp nhàng, miệng vừa hô điều khiển lên xuống đòn tay, vừa rút dây khéo léo đưa quan tài êm thắm đến đáy huyết. Họ nhanh chóng phụ giúp chúng tôi lấp đất và đắp vung lên thành hình ngôi mộ. Chúng tôi ngậm ngùi chào từ biệt Chuẩn Tướng, để lại mình Ông nằm đơn độc như cố Thiếu Tướng Nam mà tôi đã gặp vào buổi sáng.

Chúng tôi về đến Cần Thơ thì trời đã tối. Bà Chuẩn Tướng cùng gia đình Thiếu Tá Phương, Phúc đến nương náu tại một ngôi chùa. Sau này chính các vị sư ở chùa này đã giúp xây mộ cho Chuẩn Tướng. Tôi về nhà Thành để trông coi hai chiếc xe. Chúng tôi hẹn gặp nhau lúc 8 giờ sáng ngày mai, 2-5 để cùng về Sài Gòn. Tôi khẩn khoản yêu cầu Thượng Sĩ Nhất Triệu, tài xế xe Falcon cố gắng giúp đưa gia đình bà Chuẩn Tướng về đến Sài Gòn, một lần này nữa thôi! Buổi tối, tôi mở tất cả va li trong cốp xe ra kiểm soát lại. Tôi đem thiêu huỷ tất cả những hình ảnh binh bị của Chuẩn Tướng. Ban chiều tôi đã trình bày cùng Bà Chuẩn Tướng là không nên giữ lại những gì sẽ có hại cho gia đình Bà, vì trên đường về chưa biết bắt trắc ra sao. Hơn

10 giờ đêm, tôi vào giường thao thức không ngủ được. Tôi nghĩ đến chuyện di chuyển ngày mai. Nếu vì bất cứ lý do gì, người tài xế vắng mặt, thì tôi phải đảm trách phần việc khó khăn này của anh. Tôi chỉ lái xe Jeep mà chưa từng lái chiếc xe tương đối công kênh này, khó khăn nhứt là lúc lên xuống bên bắc. Chiếc Jeep giao cho gia đình Thiếu Tá Phương, và Trung Úy Phúc.

Buổi sáng ngày 2-5, tôi vô cùng mừng rỡ và cảm động khi thấy Thượng Sĩ Nhất Triệu xuất hiện. Như vậy không chỉ riêng chúng tôi mà người hạ sĩ quan già trong thời gian chờ giấy xuất ngũ vẫn tận tụy với Chuẩn Tướng đến giờ phút hiểm nguy nhất. Đêm qua, khi về đến nhà Thành, Trung Sĩ Nhất Sao, hạ sĩ quan cận vệ của Chuẩn Tướng mới bị rịt từ già tôi ra bên xe để về với gia đình chắc chắn đang rất trông chờ anh. Không biết có còn dịp gặp lại nhau nữa không, tôi nghẹn ngào chia tay người bạn tâm đầu ý hợp và gia đình Trung Úy Thành rồi lên xe đến điểm hẹn. Xe tôi đi đầu, xe Phúc theo sau, bắt đầu xuống bắc Cần Thơ trực chỉ Sài Gòn. Chúng tôi cùng chung tâm trạng mong nhanh chóng rời khỏi nơi đây. Qua bên kia bờ, mới đi được vài cây số, xe tôi gặp một toán Cộng quân miền Nam đứng rải trên đường chặn lại xét hỏi. Nhờ vậy xe Phúc thoát qua lọt. Một phụ nữ có vẻ là Trưởng toán, cổ quàng khăn rằn biểu tượng cán binh miền Nam, vai mang chiếc radio nhỏ đang phát vang rền âm điệu một bài ca vọng cổ. Cô ta tiến đến bảo tôi mở cửa xe. Thấy chiếc va-li, họ lôi xuống bảo mở ra xem. Trong đó chỉ toàn là quần áo. Tôi mừng thầm là họ không khám phá ra chỗ cốp xe. Đến lượt cái bóp tay của bà Chuẩn Tướng, trong đó có một xấp tiền độ một trăm ngàn. Tôi choáng váng khi thấy cô ta lôi ra một xấp hình ảnh, chú mục từng tấm. Toàn là hình của Chuẩn Tướng mặc quân phục tại chiến trường. Có tấm còn chụp chung với cô vấn Hoa Kỳ nữa! Không kịp trấn tĩnh, tôi trả lời họ đây là vị Tướng đã chết rồi. Thế là họ ra lệnh bắt giữ bà Chuẩn Tướng và tôi với những tang vật đó. Trong lúc rộn ràng, tôi lấy có đên đóng cửa xe, rồi ra đầu bảo tài xế rồ máy chạy đi, mặc cho bà Chuẩn Tướng và

tôi. Tôi hy vọng, khi không thấy xe tôi, Phúc sẽ ngừng xe lại chờ.

Chúng tôi bị đưa về Bộ Chỉ Huy quận Bình Minh hiện do Cộng sản chiếm giữ. Cùng chung số phận bị bắt còn có đôi nam nữ tuổi trạc 20-25 với lý do rất ngộ nghĩnh: họ mang theo người số tiền gần 40 ngàn mà không có...“đăng ký”. Tại Bộ Chỉ Huy quận, nữ cán binh áp giải chúng tôi đứng ra “Tổ giác tội trạng” chúng tôi trước hơn chục dân chúng hiếu kỳ. Vốn bản chất chất phác của người miền Nam, họ chưa quen hình thức “đấu tố” này bao giờ nên chỉ trở mắt đứng nghe. Thao thao đã mồm, cô ta giao cả bốn chúng tôi cho một ông già, nói là cô đi dùng cơm trưa. Trong phòng bây giờ chỉ còn lại một nhân viên này. Tôi thề khấn nguyện Chuẩn Tướng linh hiển độ trì cho chúng tôi sớm rời được nơi đây. Một lát sau, bỗng dung ông già trông giữ chúng tôi đem giao trả mọi thứ và cho chúng tôi đi. Có lẽ ông ta không phải là Cộng sản chính gốc. Chúng tôi lập tức lên xe thò ra quốc lộ đón xe đò hướng về Vĩnh Long. Ngồi yên trên xe đò, tôi mới lần dò kiểm lại các thứ: Mặc dù số tiền có bị vơi đi, nhưng tôi vẫn chia lại cho đôi nam nữ số tiền họ bị mất trắng. Trước đó, tôi đã thề ước nguyện có mất tiền cũng được miễn sao được tự do thì thôi.

Trên chuyến xe đò ọp ẹp chật ních người, nhưng ai nấy đều biểu lộ nét rạng rỡ, sung sướng. Họ cùng nhau phát biểu ca tụng cảnh hoà bình hôm nay, tha hồ đi suốt từ Nam chí Bắc...Thậm chí có người còn không tiếc lời chê bai, nguyên rủa đội quân trước đây đã từng bảo vệ họ. Tôi lơ đãng nhìn qua cửa hông xe ngắm cảnh đồng ruộng bên ngoài, nhưng những âm điệu trong xe vẫn rót vào tai. Cảnh vật vút qua như dòng đời trôi chảy. Tôi liên tưởng đến một ngày không xa, năm hay mười năm nữa, thề mong rằng vẫn còn đó những nụ cười nhiên hậu này.

Chúng tôi về đến Phú Lâm đã gặp Phúc đứng chờ. Xe Phúc đã chờ gặp xe Falcon và cùng nhau về đến Sài Gòn an toàn. Tuy

vậy chiếc xe Jeep bị giữ lại và “Xung vào tài sản nhân dân” khi gần đến Mỹ Tho.

Rốt cuộc, tất cả chúng tôi cũng đã đến được Sài Gòn đông đủ. Ngày hôm sau 03-05, đến lượt xe Falcon cũng rời chúng tôi. Tôi không tiếc rẻ chi việc đó. Người tài xế thông báo xe đã bị giữ và nhắn lại lời từ giã để trở lại Cần Thơ trong lúc tôi vắng nhà.

Khi bà Chuẩn Tướng và gia đình tạm có chỗ ở, thì cũng đúng lúc đó tôi phải đi vào “Trại cải tạo”. Buổi trưa ngày 26-6-1975, thời hạn cuối, tôi cùng em trai tôi, Trung Úy Huỳnh Quang Trung, Phòng 2 Tiểu Khu Kiên Giang thu xếp hành trang gọn nhẹ lên đường. Chúng tôi rủ thêm vài sĩ quan cùng xóm. Tại chỗ tập trung, một cán binh mang khẩu AK mặt mũi còn non choẹt đứng án ngữ tại cổng ra vào ra lệnh cho mọi người bày biện hành trang ra khám xét. Chúng tôi phải ngồi xổm nơi nền xi măng với mớ vật dụng trước đôi mắt cú vọ của tên cán binh Cộng sản con đó! Cảnh tượng này khiến tôi chua chát nhớ lại lời nói của Chuẩn Tướng đêm hôm 30-4.

Âm hưởng giờ đây vọng lại hồn tôi rõ ràng từng lời, nhức nhối như từng vết dao đâm: “Nghĩa, tùy mày. Tao đã quyết định cuộc đời của tao! Chuẩn Tướng, Thiếu Tá hay Trung Úy không là gì cả, cái quan trọng là có SỐNG NHỰC được hay không?”

### **Thay lời kết**

Chúng tôi dành riêng phần kết này, kính xin phép phu nhân Cố Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, được thay mặt Tướng quân phu nhân, để chân thành tri ân gửi đến quý hội đoàn, quý tôn giáo, cùng cá nhân, bạn bè, không ngần ngại bởi cơn nguy cấp hay sợ liên lụy, đã giúp đỡ chúng tôi hoàn tất việc mai táng thi hài Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng:

-Quý vị Đại sư ngôi chùa thị xã Cần Thơ

-Hội Mai Táng Từ Thiện của Liên Hiệp Xe Đò Cần Thơ.



-Đại tá Nguyễn Ngọc Điệp nguyên Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Bạc Liêu đã giúp toàn bộ tài chánh cho việc xây mộ phần Chuẩn Tướng.

-Gia đình hai bên Trung Úy Nguyễn Vĩnh Thành

-Quý vị tiền đưa.

S.Q, HSQ, BS đã tận tụy vì Chuẩn Tướng.

Huỳnh Quang Nghĩa (28-04-1999)

### **Sự Thật về Cái Chết Của Tướng Lê Văn Hưng**

Ngày 21-4-1975, khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, trao quyền lại cho cụ Trần Văn Hương, tôi còn nhớ rõ lời ông Thiệu nói: “Mất một Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, quân đội còn Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, đồng bào còn một chiến sĩ Nguyễn Văn Thiệu. Tôi nguyện sẽ chiến đấu kế bên anh em chiến sĩ.” Lời tuyên bố của ông Thiệu đã gây cho tôi sự xúc động.

Thế rồi lời tuyên bố ấy cũng đã bay theo gió, khi số lớn cấp chỉ huy trực tiếp điều hành guồng máy quốc gia đã vỗ cánh chim bay sang ngoại quốc, tìm nơi ẩn trốn an lành, bỏ mặc quê nhà, dân tộc và quân đội đang chết đuối trong cuồng phong súng đạn tơi bời, Thiếu Tướng Nam, Hưng, Hai, Vỹ, Phú. Nhắc đến đây tôi không ngăn nổi tiếng nấc nghẹn ngào.



Ôi tiếng súng nổ rền vang trên khắp lãnh thổ. Mùa hè năm 1972, nhà văn Phan Nhật Nam đã mệnh danh là mùa hè đỏ lửa. Mùa hè máu. Mùa hè cuối đày yêu đương. Mùa hè tận cùng vực thẳm. Còn mùa hè 30/4/1975 bi thương thê thảm ngàn nào? Chúng ta còn đủ ngôn từ để diễn tả tận cùng nỗi thương tâm kinh hoàng của sinh ly, tử biệt, cuống cuồng ấy không ? Tin thất trận từ các Vùng 1,2,3 bay về đồn dập. Có những nơi chưa đánh đã bỏ cho địch tràn vào. Cũng có nơi quyết liều tử chiến. Thảm thương thay, cuộc rút quân hỗn loạn bi đát chưa từng có trong lịch sử và quân sử.

Đài VOA và BBC tuyên bố những tin thất bại nặng nề về phía QLVNCH khiến lòng dân càng thêm khiếp đảm. Những đoàn quân thất trận, tả toi manh giáp, không người chỉ huy, cuống quýt chạy như đàn vịt bị săn đuổi. Tinh thần binh sĩ rối loạn hoang mang tột độ. Họ thì thảo bảo nhau: “Tổng Thống Thiệu, Thủ Tướng Khiêm, Đại Tướng Viên đã cao bay xa chạy, còn đánh đấm gì nữa. Ông Tướng này, ông Tỉnh nọ, đã trốn đi ngoại quốc, chúng ta còn đánh làm gì.” Họ còn hỏi nhau: “Bao nhiêu năm chúng ta chiến đấu cho tổ quốc, hay chiến đấu cho tập đoàn tham nhũng? Hay cho cá nhân của ai đây?” Mất người chỉ huy, những quân nhân như rắn không đầu, rối rít, tan rã. Lại có những câu hỏi: “Quân không Tướng chỉ huy thì sao?” Có những kẻ chủ tâm dè bieu, thường chỉ trích chê bai: “Có những ông Tướng mà biết đánh giặc cái gì! Chỉ có lính đánh đê các ông Tướng hường.”

Lời phê bình của những kẻ bất mãn hay những kẻ có tâm địa hạn hẹp, thật chẳng khác nào ếch ngồi đáy giếng. Cho dù có những vị Tướng bê bối, làm cho quân đội bị nhục, thì cũng có những vị Tướng trong sạch đức độ, lỗi lạc, tài ba, đáng cho dân quân khâm phục. Những phần tử bất mãn ấy đã vô tình hay cố ý không thấy việc tối quan hệ của sự hỗ tương, hỗ trợ, giữa các

Tướng Lãnh, Sĩ Quan, và Binh Sĩ thật cần thiết cho quân đội và quốc gia như thế nào. Đối với những vị cao minh, hiểu biết giá trị hy sinh của những người tuân tiết, tôi trang trọng cúi đầu cảm tạ, tri ân.

Có nhiều người đã nêu lên câu hỏi với tôi: “Tại sao Tướng Nam, Tướng Hưng chết làm chi cho ổng? Tại sao các ông Tướng ấy không tiếp tục chiến đấu? Tại sao các ông không trốn sang ngoại quốc?” Lại có người nghiêm khắc trách tôi: “Bà thật dở. Nếu là tôi, tôi quyết liệt can ngăn không để cho các ông ấy chết. Vợ con như thế này, ông Hưng chết đành bỏ vợ con lại sao?” Ngay cả vài vị phu nhân của các Tướng Lãnh, hoặc còn ở trong tù, hoặc đã an nhàn nơi xứ người, cũng thốt ra những lời chỉ trích tôi. Nghe những lời phê bình ấy, tim tôi đau nhói. Tôi tôn trọng sự nhận xét “theo tầm hiểu biết của họ”. Tôi ngán ngẩm không trả lời, chỉ mỉm cười lắc đầu. Nhưng hôm nay tôi phải lên tiếng. Lên tiếng để tạ ân những người đang âm thầm chiến đấu ở Việt Nam, để tạ ân những người hùng can đảm đã, đang, và sẽ tiếp tục đánh đuổi Cộng Sản cứu quê hương, để trả lời những người đã nêu lên nhiều câu hỏi đó. Tôi trân trọng xin những vị nào đã có những lời chỉ trích nên bình tâm suy nghĩ lại, trước khi phán đoán vì...những vị Tướng Lãnh bách chiến bách thắng lại lẽ nào chịu xuôi tay nhục nhã trước nghịch cảnh, trước kẻ thù? Những vị Tướng đã từng xông pha trong mưa đạn, bao lần thử thách với tử thần, với nhiều chiến công từ cấp bậc nhỏ lên tới hàng Tướng Lãnh, đã từng khắc phục gian nguy, xoay ngược thế cờ, chuyển bại thành thắng trên khắp mặt trận, lẽ nào những vị Tướng ấy chỉ nghe hai tiếng “buông súng” rồi giản dị xuôi tay tự sát hay sao?

Viết đến đây tôi mạn phép nêu lên câu hỏi: “Thưa toàn thể quý vị sĩ quan QLVNCH. Ngày quý vị nhận lãnh chiếc mũ sĩ quan

của trường Võ Bị, quý vị còn nhớ sáu chữ gì trên chiếc mũ ấy không? Sáu chữ mà quý vị trình trọng đội lên đầu là: “Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm.” Ngày mãn khóa sĩ quan với những lời tuyên thệ, quý vị hẳn nhớ? Cũng như những điều tâm niệm ai lại chẳng thuộc lòng? Những vị bỏ nước ra đi trước binh biến, những vị ở lại bị sắp hàng vào trại tù Cộng Sản, tôi xin tạ lỗi, vì thật tình tôi không dám có lời phê phán nào. Tôi chỉ muốn nói lên tất cả sự thật về cái chết của hai vị Tướng Nguyễn Khoa Nam và Lê Văn Hưng. Hai vị Tướng này đã ba lần từ chối lời mời di tản sang ngoại quốc của viên cố vấn Mỹ, cương quyết ở lại tử chiến, bảo vệ mảnh đất Vùng 4. Viên cố vấn Mỹ hối thúc, đợi chờ không được, sau cùng chán nản và buồn bã bỏ đi.

Trước đó, vào ngày 29-4-1975, lời tuyên bố của Vũ Văn Mẫu và Dương Văn Minh trên đài phát thanh Sài Gòn ra lệnh tất cả người Mỹ phải rời Việt Nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ, thì chính lúc “kế hoạch hành quân mật của hai Tướng Nam Hưng đã hoàn tất.”

Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, người thay thế Tướng Vĩnh Lộc vào những ngày giờ cuối tới tập điện thoại về Cần Thơ. Ông Hạnh đã dùng tình cảm chiến hữu, dùng nghĩa đàn anh thân thuộc, khẩn khoản yêu cầu Tướng Hưng về hợp tác với Dương Văn Minh và Nguyễn Hữu Hạnh. Thâm tâm có lẽ ông Hạnh lúc đó muốn dò xét thái độ của hai Tướng Vùng 4 như thế nào. Nhiều lần, qua cuộc điện đàm với Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Tướng Hưng đã luôn khẳng định: “Không hợp tác với Dương Văn Minh. Không đầu hàng Cộng Sản. Tử chiến đến cùng.”

Khi Tổng Thống Thiệu từ chức, trao quyền lại cho cụ Trần Văn Hương, và rồi vì hoàn cảnh đắm chìm của vận mệnh đất nước, trước nhiều áp lực nên cụ Hương đã trao quyền lại cho

Dương Văn Minh, để rồi “ông Tướng hai lần làm đổ nát quê hương, ô hoen lịch sử này, hạ mình ký tên dâng nước Việt Nam cho Cộng Sản.” Vị Tướng Lãnh trấn thủ một vùng, tùy hoàn cảnh đất nước, và tình hình chiến sự địa phương, trọn quyền quyết định, xoay chuyển thế cờ, không cần phải tuân lệnh một cách máy móc theo cấp chỉ huy đầu não đã trốn hết, thì còn chờ lệnh ai? Phải tuân lệnh ai? Tóm lại, lúc đó lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh và lời kêu gọi của Nguyễn Hữu Hạnh đã không được Tướng Nam và Tướng Hưng đáp ứng.

Viết đến đây, tôi xúc động lạ thường. Tôi ghen ngào rơi lệ khi nhớ đến một số sĩ quan binh sĩ đã bật oà khóc lên khi nghe lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh. Anh em đã ôm lá cờ tổ quốc, ôm khẩu súng vào lòng nức nở. Có những chi khu trưởng và những đồn trưởng nhất định đã không chịu đầu hàng. Họ đã tử thủ đến viên đạn chót. Và viên đạn chót dành để kết liễu đời mình. Cấp bậc của những anh em ấy không cao, chỉ chỉ huy khu nhỏ, hay một đồn lẻ loi, nhưng tinh thần tranh đấu của anh em cao cả và hùng thế đấy.

Trong khi Sài Gòn bỏ ngõ đầu hàng thì Cần Thơ vẫn an ninh tuyệt đối. Kế hoạch hành quân đã thảo xong. Vũ khí lương thực đạn dược sẵn sàng. Tất cả đều chuẩn bị cho các cánh quân di chuyển, sẽ đưa về các tuyến chiến đấu. Kế hoạch di quân, phản công, và bắt tay nằm trong lệnh mật quân hành đó. Vùng 4 có nhiều địa thế chiến lược, có thể kéo dài cuộc chiến thêm một thời gian. Bởi lúc đó, cho đến ngày 29 tháng 4 năm 1975, chưa có một đồn nào, dù ở quận lỵ xa xôi hẻo lánh ở Vùng 4 đã lọt vào tay giặc Cộng.

Nhưng, Cần Thơ, sáng ngày 30-4-1974, dân chúng nhón nháo hoang mang. Đã có một số binh sĩ bỏ ngũ. Tại thị xã, cảnh náo loạn đáng buồn chưa từng có đã xảy ra. Từng nhóm đông đảo

bọn ác ôn và thừa nước đục thả câu đã ra tay cướp giật tài sản ở các cơ sở Mỹ, và ở những nhà tư nhân nào đã bỏ trống, bắt chấp tiếng súng nổ can thiệp của cảnh sát duy trì an ninh trật tự công cộng. Chúng cướp giật, đập phá, hò hét như lũ điên. Chắc chắn trong số này có bọn Cộng Sản nằm vùng có ý đồ gây rối loạn áp đảo tinh thần binh sĩ.

Lúc ấy Tướng Nam và Tướng Hưng vẫn còn liên lạc với các cánh quân chạm địch. Nhiều cánh quân nồng cốt được đưa về thị xã Cần Thơ để bảo vệ Bộ Chỉ Huy Quân Đoàn, nằm chung quanh vòng đai Alpha. Từ 2 giờ đến 4 giờ chiều ngày 30 tháng 4, giờ đã điếm. Đúng theo kế hoạch lệnh hành quân bắt đầu. Nhưng hỡi ôi, khi liên lạc đến các cấp chỉ huy của các đơn vị thì mới hay họ chưa biết tí gì về kế hoạch, chưa rục rịch chi hết, ngoài việc thay đổi các cuộc bố trí từ sáng đến giờ phút này.

Tim kiếm Đại Tá anh ninh, người mà đã lãnh nhiệm vụ phân phối phóng đồ và lệnh hành quân mật đến các đơn vị, thì mới vỡ lẽ ra vị sĩ quan này đã đưa vợ con tìm đường tẩu thoát sau khi ném tất cả mật lệnh vào tay vị Đại Úy dưới quyền. Ông này cũng đã cuốn gói trốn theo ông Đại Tá đàn anh, cho có thầy, có trò. Các phóng đồ và lệnh hành quân mật cũng đã biến mất. Thiếu Tướng Nam và Thiếu Tướng Hưng tức uất không sao tả nổi. Tôi không ngăn nổi tiếng nấc nghẹn ngào khi hồi tưởng lại về bối rối của Thiếu Tướng và sự đau khổ thất vọng của Hưng. Những đường gân trán nổi vòng lên, răng cắn chặt, biểu lộ sự đau đớn và chịu đựng kinh hồn. Người đập tay đánh âm xuống bàn khi thấy kế hoạch sắp xếp thật tinh vi bị kẻ phản bội hèn nhát làm gãy đổ bất ngờ. Hưng ngược mắt nhìn tôi như muốn hỏi : “Có đồng ý đem con lánh nạn không?” Tôi cương quyết từ chối. Tôi không cầu an ích kỷ, tìm sống riêng, bỏ mặc người trong cảnh dầu sôi lửa đỏ. Tôi nhất định ở lại, cùng chịu hoạn

nạn, cùng liều chết. Hưng hỏi tôi: “Thành công là điều chúng ta mong ước, nhưng rủi thất bại, em định liệu lẽ nào?” Tôi đáp: “Thì cùng chết! Các con cũng sẽ thế. Em không muốn một ai trong chúng ta lọt vào tay Cộng Sản.”

Và để khỏi phải sa vào tay giặc Cộng, tôi bình tĩnh thu xếp cho cái chết sắp tới cho mẹ con tôi, đường giải thoát cuối cùng của chúng tôi. Bốn giờ 45 chiều ngày 30-4-75, Tướng Hưng rời bỏ văn phòng ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 4, về bộ chỉ huy phụ, nơi chúng tôi tạm trú. Hưng không muốn chứng kiến cảnh bàn giao ô nhục sắp tới giữa Thiếu Tướng Nam và tên Thiếu Tá Việt Cộng Hoàng Văn Thạch. Năm giờ rưỡi chiều ngày 30 tháng 4, khi Hoàng Văn Thạch tiến vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn là lúc Hưng gọi máy liên lạc với Tướng Mạch Văn Trường, ra lệnh đưa hai chi đội thiết giáp tới án ngữ ở dinh Tỉnh Trưởng để bảo vệ Bộ Chỉ Huy Sư Đoàn 21 mới về đóng nơi đây. Sau đó Hưng tiếp tục liên lạc với các đơn vị đang tiếp tục chạm súng ở các tiểu khu. Đồng thời Hưng mời Tướng Mạch Văn Trường cùng các đơn vị trưởng ở chung quanh vòng đai thị xã Cần Thơ về họp.

Sáu giờ 30 chiều ngày 30 tháng 4, khi các vị sĩ quan vừa ra đến cổng, có một toán thân hào nhân sĩ quen biết tại Cần Thơ đang chực sẵn. Họ gồm khoảng 10 người. Họ xin gặp Tướng Hưng, với tư cách đại diện dân chúng thị xã, yêu cầu: “Chúng tôi biết Thiếu Tướng không bao giờ chịu khuất phục. Nhưng xin Thiếu Tướng đừng phản công. Chỉ một tiếng lệnh của Thiếu Tướng phản công, Việt Cộng sẽ pháo kích mạnh mẽ vào thị xã. Cần Thơ sẽ nát tan, thành bình địa như An Lộc. Dù sao, vận nước đã như thế này rồi, xin Thiếu Tướng hãy vì dân chúng, bảo toàn mạng sống của dân, dẹp bỏ tánh khí khải, can cường...” Nghe họ nói, tôi cảm thấy đau lòng lẫn khó chịu. Tôi cũng không ngạc nhiên về lời yêu cầu đó. Bởi mới tuần lễ trước,

Việt Cộng đã pháo kích nặng nề vào khu Cầu Đồi, cách Bộ Tư Lệnh không xa, gây thiệt hại cao về nhân mạng và tài sản của đồng bào. Dân chúng Cần Thơ còn khiếp đảm. Hưng như đứng chết lặng trước lời yêu cầu ấy. Một lát sau, Hưng cố gượng nở nụ cười trả lời: “Xin các ông yên lòng. Tôi sẽ cố gắng hết sức để tránh gây thiệt hại cho dân chúng.” Toán người ấy ra về. Hưng quay sang hỏi tôi: “Em còn nhớ tấm gương cụ Phan Thanh Giản? Bị mất ba tỉnh miền đông, rồi cũng vì dân chúng mà cụ Phan đã nhún mình nhường thêm ba tỉnh miền tây cho quân Pháp. Cụ Phan không nở thấy dân chúng điêu linh và cũng không để mất tiết tháo, không thể bó tay làm nhục quốc sĩ. Cụ Phan Thanh Giản đã nhịn ăn rồi uống thuốc độc quyên sinh.” Trầm ngâm vài giây, Hưng tiếp: “Thà chết chứ đâu thể bó tay trông mắt nhìn Việt Cộng tràn vào.”

Sáu giờ 45 chiều ngày 30 tháng 4, Tướng Nam điện thoại cho Hưng, hỏi tình hình các nơi. Hưng báo với Tướng Nam về việc đại diện dân chúng thị xã đến yêu cầu thả với Hưng. Hưng cũng cho Tướng Nam biết đặc lệnh truyền tin mới nhất sẽ giao cho người tin cần phân phối. Tướng Nam cho Hưng hay là ông đã cho thu băng lời kêu gọi dân chúng và lời yêu cầu này sẽ cho đài Cần thơ phát thanh. Nhưng mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Thêm một lần nữa, sự gây đổ đau lòng. Đài Cần Thơ bị nội ứng trước đó, khoảng một giờ, viên giám đốc đài bị uy hiếp, thay vì phát thanh cuốn băng của Thiếu Tướng Nam trước, chúng thay cuốn băng có lời kêu gọi của Thiếu Tá Cộng Sản Hoàng Văn Thạch. Khoảng mười phút sau, đài mới phát thanh cuốn băng của Tướng Nam. Muộn màng rồi. Không còn níu kéo được sự tin tưởng nơi dân chúng và binh sĩ được nữa. Hàng ngũ các đơn vị đã thua thốt lại càng thêm thua thốt.

Bây giờ 7 giờ 30 tối ngày 30 tháng 4, Hưng gọi tôi lên văn phòng làm việc. Đây là giờ phút nghiêm trọng nhất, không có



ai hiện diện hết. Sau khi kể cho tôi nghe hết sự đồ võ từ trưa đến giờ phút đó, Hưng nhấn mạnh: “Hoàng, em đã hiểu sự thất bại do các nguyên nhân sau đây: Vị Đại Tá không tuân lệnh, nên giờ chót không điều động quân về các vị trí chiến lược, trù liệu theo kế hoạch. Việc níu kéo sự tin tưởng của dân chúng và binh sĩ không thành. Lời kêu gọi trể tràng của Tướng Nam không có tiếng vang. Cũng như lời yêu cầu của dân chúng thị xã Cần Thơ. Quắc đôi mắt sáng, Hưng nhìn tôi dằn giọng: “Em phải sống ở lại nuôi con.” Tôi hoảng hốt: “Kìa mình, sao mình đổi ý?” “Con chúng ta vô tội, anh không nỡ giết con.” “Nhưng không thể để con sống với Cộng Sản. Em sẽ thay mình làm chuyện đó. Chỉ cần chích thuốc ngủ cực mạnh cho con. Chờ em một chút, chúng ta cùng chết một lúc.” “Không thể được. Cha mẹ không thể giết con. Anh van mình. Chịu nhục, cố sống. Ở lại thay anh, nuôi con trở thành người công chính. Phú quý vinh hoa địa vị hãy đề phòng, những thứ đó dễ làm mờ ám lương tri. Nhớ, giang san tổ quốc là trọng đại hơn hết. Gắng chịu cúi lòn, nhục nhã để nuôi con và cũng nuôi luôn ý chí để có ngày còn phục hận cho đất nước chúng ta.” “Nếu vì con, mình thương con, sao mình không đi ngoại quốc?” Hưng đành mặt lại, nghiêm khắc nhìn tôi trách móc: “Em là vợ anh. Em có thể nói được câu ấy sao?” Biết mình vụng về, lỡ lời xúc phạm đến người, tôi vội vàng tạ lỗi: “Xin mình tha thứ. Chẳng qua vì quá thương mình nên em mới nói thế.”

Giọng Hưng thật nghiêm trang mà cũng thật trầm tĩnh: “Nghe anh nói đây. Người ta trốn chạy được. Chớ anh không gao giờ trốn chạy. Mấy ngàn binh sĩ dưới tay, hồi nào sinh tử có nhau, giờ bỏ mặc họ tìm sống riêng mình sao? Anh cũng không đầu hàng. Bây giờ thì rút cũng không kịp nữa, vì vào mật khu mà không có nguồn tiếp liệu vũ khí, đạn dược, lương thực thì không cầm cự được lâu. Đã muộn rồi. Việt Cộng đang kéo vào

đừng để anh không dẫn được nổ súng vào đầu chúng, thì gây thiệt hại cho dân chúng và anh em binh sĩ. Anh không muốn thấy bóng dáng một tên Việt Cộng nào.” Tôi phát run lên hỏi: “Nhưng mình ơi, còn em? em phải làm gì trong lúc này?” Nắm chặt tay tôi, Hưng nói: “Vợ chồng tình nghĩa bao nhiêu lâu, anh hiểu em và em hiểu anh. Em tuy chỉ là con cá nhỏ nhưng biết mang ý chí kinh ngư. Gắng chịu nhục. Dù phải chịu trăm ngàn sự nhục nhã để nuôi con, để phục hận cho quê hương. Cải trang, cải dạng, len lỏi mà sống. Anh tin em. Vì anh, vì con, vì nợ nước, tình nhà, em có thể chịu đựng nổi! Nghe lời anh đi. Anh van mình, anh van mình.”

Tôi không sao từ chối được trước ánh mắt van nài, trước những lời tha thiết ấy: “Vâng, em xin nghe lời mình.” Hưng sợ tôi đổi ý, tiếp lời thúc giục: “Em hứa với anh đi. Hứa một lời đi.” “Em xin hứa. Em xin hứa mình ơi. Nhưng xin cho em hai điều kiện. Nếu Cộng Sản bắt em phải sống xa con, nếu giặc Cộng làm nhục em, lúc ấy em có quyền tự sát theo mình chứ?” Hưng suy nghĩ giây lâu, gật đầu đồng ý, và ra lệnh cho tôi: “Em mời má và đem các con lên lầu gặp anh.”

Tôi quay đi. Ánh mắt bỗng chợt đập vào lá cờ vẫn dựng ở góc phòng. Tôi vội vàng đem cờ đến bên người. Tôi nói: “Bao nhiêu năm chiến đấu để bảo vệ tổ quốc. Bây giờ mình hãy giữ nó.” Chúng tôi nhìn nhau cảm thông. Hưng ôm lá cờ, áp vào mặt, đôi mắt Hưng chợt ướt. Sau cùng Hưng cũng rán đứng lên hỏi tôi: “Mau mời má và mấy đứa nhỏ lên.” Khi mẹ tôi và các con lên văn phòng, Hưng nói rõ cho mẹ tôi hiểu vì sao người phải chết và tôi phải sống.

Vâng lệnh Hưng, tôi mời tất cả sĩ quan binh sĩ còn tụ họp dưới nhà lên văn phòng. Mọi người đứng xếp hàng nghiêm trang và vô cùng cảm động. Giờ phút từ biệt sanh ly giữa những người

từng bao ngày sống chết bên nhau. Hưng đồng dạc nói: “Tôi không bỏ các anh và đưa vợ con trốn sang ngoại quốc. Như các anh đã biết, cuộc hành quân chưa chi đã bị gãy đổ nửa chừng. Tôi không phản công vào phút chót là vì dân chúng. Tôi không muốn Việt Cộng pháo kích bừa bãi, biến Cần Thơ thành An Lộc thứ hai. Tôi cũng không chịu nhục đầu hàng. Các anh đã từng cộng tác với tôi, những lúc các anh lầm lỗi, tôi rầy la. Rầy la không có nghĩa là ghét bỏ. Rầy la để mến thương nhau, để xây dựng nhau. Mặc dầu đất nước ta bị bán đứng, bị dâng cho Cộng Sản, nhưng các anh không trực tiếp chịu tội với quốc dân. Chính những người trực tiếp nắm vận mệnh các anh, mới chính là những kẻ trọng tội. Xin các anh tha thứ cho tôi những lỗi lầm, nếu có. Tôi bằng lòng chọn cái chết. Tướng mà không giữ được nước, không bảo vệ được thành, thì phải chết theo thành, theo nước, chớ không thể bỏ dân, bỏ nước, trốn chạy, cầu an. Tôi chết rồi, các anh hãy về với gia đình, vợ con. Nhớ rõ lời tôi căn dặn: Đừng bao giờ để bị Cộng Sản tập trung các anh, dù tập trung dưới bất cứ hình thức nào. Tôi có lời chào vĩnh biệt các anh.”

Tướng Hưng đưa tay chào và bắt tay từng người một. Mọi người đều khóc. Đến bên Thiếu Tá Phương, Trung Úy Nghĩa, Hưng gói gắm: “Xin giúp đỡ giùm vợ con tôi. Vĩnh biệt tất cả.” Mọi người đều đứng yên không ai nói lên được lời nào. Mẹ tôi nhào lại ôm chầm lấy người, xin được chết theo. Hưng an ủi mẹ tôi. Yêu cầu mẹ tôi cố gắng chăm lo cho cháu ngoại. Hưng ra lệnh cho tất cả mọi người phải ra ngoài.

Không ai chịu đi. Hưng phải xô từng người ra cửa. Tôi van xin: “Mình cho em ở lại chứng kiến mình chết.” Người từ chối. Nghĩa hoảng sợ bỏ chạy. Hưng quay vào văn phòng đóng chặt cửa lại. Tôi gọi giật Nghĩa: “Nghĩa trở lại với tôi.” Tôi bảo Giêng tìm dao nạy cửa. Giêng bỏ chạy như bay. Nghĩa trở lên,

đứng trước cửa chờ đợi. Có tiếng súng nổ. Tiếng nổ nghe chát chúa. Tôi đưa tay xem đồng hồ: 8 giờ 45 phút tối ngày 30 tháng 4 năm 1975. Ngày kết liễu cuộc đời của chúng tôi. Lê Văn Hưng, anh đã chết. Giêng run run lấy dao nạy cửa. Cửa bật ra. Nghĩa lách mình nhường tôi chạy vào phòng trước. Hưng ngã người nằm trên, nửa người nằm dưới, hai cánh tay dang ra, cong lên và giật mạnh, toàn thân run rẩy từng cơn. Đôi mắt Hưng mở to căm hờn. Miệng Hưng há ra, đôi môi mấp máy. Tôi ôm chầm lấy Hưng hỏi: “Minh, mình ơi! Minh còn lời gì dặn dò em nữa không?” Hưng không còn trả lời được tiếng nào. Nghĩa gào lên nức nở: “Thiếu Tướng! Trời ơi, Thiếu Tướng!” Giêng chạy vào phụ Nghĩa đỡ lưng và chân, tôi đỡ đầu Hưng, đặt nằm ngay ngắn trên giường. Máu tim nhuộm thấm áo trận, ướt đỏ cả tấm drap trắng. Tôi đưa tay vuốt mắt cho người. Nghĩa vẫn gào khóc: “Thiếu Tướng! Thiếu Tướng ơi!”

Tôi bảo Giêng: “Nói Hòa đưa Hải, Hà, Quốc lên nhìn xác ba lần cuối. Dặn Phương cho Khiết, Hoàng giữ ở cầu thang, bất cứ giá nào chũng phải ngăn chặn Việt Cộng.” Tôi đi tìm đầu đạn và đuôi đạn. Còn khẩu súng, lạ lùng thay không biết khẩu súng ở đâu. Đến lúc tắm rửa người, thay drap đầy máu, tôi mới hiểu. Trước khi hồn lià xác, với ý chí cuối cùng, người còn bình tĩnh nhét khẩu súng, giấu dưới nệm. Có lẽ người sợ tôi quá xúc động, quên lời hứa, tự sát theo. Bé Hải lúc ấy năm tuổi, ôm hai chân ba, khóc than, kể lẽ thảm thiết. Bé Hà hai tuổi, thơ ngây ôm chai sữa, lên nằm trên bụng ba, bé mở tròn đôi mắt to, ngạc nhiên không thấy ba đưa tay bế bé như mọi khi.

Nghĩa điện thoại khắp nơi tìm Thiếu Tướng Nam, không thấy trả lời. Tôi vội vã mở đặc lệnh truyền tin, lên máy gọi liên lạc với Thiếu Tướng. Lúc ra máy, chỉnh tần số, tôi chỉ nghe những giọng nói rặc mùi Cộng Sản trên các tần số thuộc đơn vị của

chúng ta. Lữ Việt cộng, ngày 30 tháng 4, tràn vào nhà. Phương cương quyết chặn chúng ở cầu thang. Chín giờ rưỡi, 30 tháng 4, chuông điện thoại reo vang: “Alô, Alô, ai đây?” “Dạ thưa chị đó à? Hồ Ngọc Cẩn đây.” Tôi bàng hoàng: “Anh Cẩn! Có chuyện gì cần không?” Tôi cố gắng giữ giọng nói cho bình thường, để Cẩn không nhận biết sự việc xảy ra. Trong điện thoại, về phía Cẩn, tôi có nghe tiếng súng lớn nhỏ thì nhau nổ ầm ầm. Cẩn hỏi: “Thiếu Tướng đâu chị? Cho tôi gặp ông một chút.” Tôi lúng túng vài giây: “Ông đang điều động quân ngoài kia.” “Chị chạy ra trình Thiếu Tướng, tôi cần gặp. Trung Úy Nghĩa đâu chị?” “Nghĩa đang ở bên cạnh Thiếu Tướng. Cẩn chờ một chút nhé.” Tôi áp chặt ống điện thoại vào ngực. Mím môi, nhìn xác Hưng rồi nhìn sang Nghĩa tôi hỏi: “Đại Tá Cẩn đòi gặp Thiếu Tướng, làm sao bây giờ Nghĩa?” Nghĩa lúng túng: “Cô nói Thiếu Tướng chết rồi.” “Không thể nói như vậy được. Đại Tá Cẩn đang cự chiến với Việt Cộng.”

Trí óc tôi chợt lóe sáng phi thường. Tôi muốn Cẩn chiến đấu anh hùng. Sống anh hùng. Chết anh hùng. Tôi đưa máy lên giọng quyết liệt: “Thiếu Tướng không thể vào được. Cẩn cần gì cứ nói. Tình hình ở Chương Thiện ra sao? Anh còn đủ sức chiến đấu không? Tinh thần binh sĩ thế nào? Địch ra sao?” “Tụi nó dằn tụi tui quá. Tinh thần anh em vẫn cao. Chị hỏi Thiếu Tướng còn giữ y lệnh không?” “Cẩn vui lòng chờ chút.” Tôi lại áp chặt ống điện thoại vào ngực. Cẩn chặt môi suy nghĩ. Tôi hiểu lời Cẩn hỏi. Trong tích tắc tôi biết khó cứu vãn tình thế. Nhưng tôi muốn Hồ Ngọc Cẩn phải luôn hiên ngang hào hùng. Tôi quyết định: “Alô. Cẩn nghe đây: Lệnh Thiếu Tướng. Ông hỏi Cẩn có sẵn sàng tử chiến?” Cẩn đáp thật nhanh; “Lúc nào cũng sẵn sàng, chờ chị!” “Tốt lắm, vậy thì y lệnh.” “Dạ, cảm ơn chị.” Tôi buông máy gục xuống bên xác Hưng. Nước mắt trào ra, tôi kêu nho nhỏ: “Vĩnh biệt Cẩn. Vĩnh biệt Cẩn!”

“Anh Cần ơi, hồn linh anh có phảng phát đầu đay, khi tôi ngồi viết lại những dòng này, nước mắt rơi trên giấy, Anh có biết cho rằng trả lời điện thoại với anh rồi, tôi đau khổ tột cùng không? Tha thứ cho tôi!” Đại Tá Hồ Ngọc Cần đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, anh đã hiên ngang hào hùng đến giờ phút chót của cuộc đời. Hiểu rõ Hưng, hiểu rõ tôi, bên kia thế giới không thù hận, chắc anh hiểu rõ tâm trạng của tôi lúc bấy giờ, hẳn anh tha thứ cho tôi?” Kính thưa toàn thể quý vị thuộc thân bằng quyến thuộc của Đại Tá Cần. Kính thưa quý vị đã đọc những giòng chữ này. Xin quý vị chớ trách tôi sao dám quyết định. Ngộ biến từng quyền. Tướng Hưng đã chết. Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam chưa liên lạc được. Vợ người lính nghĩa quân trưởng đồn, khi Việt Cộng tấn công, chồng chị bị tử thương, chị đã thay chồng phản công ác liệt. Tôi không thể để một người như Hồ Ngọc Cần đưa tay đầu hàng, hạ mình trước Việt Cộng vào dinh tỉnh trưởng Chương Thiện.

Mười một giờ đêm ngày 30 tháng 4, 1975. Điện thoại lại reo. Lần này, chính giọng của Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam: “Alô, chị Hưng!” Tôi vừa khóc, vừa đáp lời Thiếu Tướng: “Thưa Thiếu Tướng...” Giọng Tướng Nam buồn bã u uất: “Tôi biết rồi, chị Hưng. tôi chia buồn với chị, nghe chị Hưng.” tôi vẫn nức nở: “Thiếu Tướng nghĩ sao về kế hoạch đã gây đổ?” “Hưng đã nói với chị nghe hết rồi hả? Đành vậy thôi. Không phải lỗi chúng ta hèn nhát hay bỏ cuộc. Sự sụp đổ không cứu vãn được vì lệnh hành quân không được Đại Tá...thi hành, phóng đồ và lệnh không tới tay các đơn vị trưởng, lời yêu cầu của dân chúng, lời kêu gọi của tôi quá muộn màng, không hiệu quả, khó cứu vãn nổi tình hình.” Nói đến đây, Thiếu Tướng Nam hỏi tôi: “Chị biết vụ đài phát thanh bị nội ứng chứ?” “Thưa biết. Hưng cũng bảo tôi như Thiếu Tướng đã vậy. Bây giờ Thiếu Tướng định liệu lẽ nào, có định phản công không?”

“Chị quên còn dân chúng sao? Cộng Sản coi rẻ mạng dân, còn mình thì...Đàng chị thế nào?” “Thưa Thiếu Tướng, chúng nó đã tràn đầy dưới nhà. Có vài tên định nhào lên, nhưng bị Giêng cương quyết đuổi xuống. Hiện chúng đang thu dọn tài sản. “Còn mấy chú đầu hết?” “Chỉ có Nghĩa và vài ba người lính ở lại. Còn tất cả đã bỏ đi hết. Hưng đã chết rồi, tôi không màng đến tài sản. Miễn là chúng đừng đụng đến xác Hưng.” “Chị tẩm liệm Hưng chưa?” “Thưa chưa. Vừa tắm rửa, thay quần áo xong thì Thiếu Tướng gọi tới.” “Chị nên tẩm liệm Hưng ngay đi. Tôi sợ không còn kịp. chúng nó sẽ không để yên.”

“Thiếu Tướng còn dạy thêm điều gì không? Chẳng lẽ Thiếu Tướng chịu đầu hàng thật sao?” Người thở dài trong máy. Người nói những lời mà đến chết tôi cũng sẽ không quên: “Số phận Việt Nam khôn nạn thế đó, chị Hưng ơi! Tôi và Hưng đã sắp đặt tỉ mỉ, hoàn tất kế hoạch xong xuôi, còn bị phản bội giờ chót.” Người chép miệng thở dài: “Thôi chị Hưng ơi.” Bỗng giọng người trầm xuống, ngậm ngùi: “Hưng chết rồi, chắc tôi cũng chết! Chúng tôi làm Tướng mà không giữ được nước thì phải chết theo nước.” Giọng người bình tĩnh và rần rời: “Cố gắng can đảm lên nhé chị Hưng. chị phải sống vì mấy đứa nhỏ. Đêm nay có gì nguy cấp, nhớ gọi tôi. Nếu gọi không được, dặn Nghĩa gọi Thụy, lấy mật mã mới.” “Dạ, cảm ơn Thiếu Tướng.”

Nói chuyện với Thiếu Tướng xong, tôi bước ra lan can nhìn xuống. — dưới sân, sĩ quan và lính tráng đã đi hết. Trừ có Nghĩa còn ở lại. Cổng rào bỏ ngỏ. Gió thổi đong đưa cánh cửa rít lên những tiếng kéo kẹt bi ai. Mảnh trăng cuối tuần 19 tháng 3 âm lịch chênh chếch soi, vẻ ảm đạm thê lương như xót thương cho số phận Việt Nam Cộng Hòa, cho trò đời bể dâu hưng phế. Viết đến đây, tôi nhớ lại từng lời của Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, của Đại Tá Tỉnh Trưởng tỉnh Chương

thiện Hồ Ngọc Cẩn. Trọn đời tôi, làm sao tôi có thể quên giọng nói gấp rút của anh Cẩn, giọng trầm buồn của Tướng Nam.

Bảy giờ sáng ngày 1 tháng 5, năm 1975. Vừa tung dứt đoạn kính Sám Tỉnh Thế trong nghi thức cầu siêu cho Hưng, tôi nghe có tiếng nấc sau lưng. Quay lại, chính là Trung Tá Tùng, bác sĩ trưởng Quân Y Viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Ông đến thăm Hưng lần cuối. Ông cho biết phải trở lại Quân Y Viện ngay vì Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam đã tự sát, xác còn nằm tại Quân Y Viện. Tướng Nam đã bắn vào thái dương, lúc 6 giờ sáng ngày 1 tháng 5, 1975. cho đến chết, mắt Tướng Nam vẫn mở trừng trừng, uất hận, miệng người há hốc, đờn đàu. Sau cuộc điện đàm với người, tôi đã linh cảm, biết trước chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng khi nghe bác sĩ Tùng báo tin, tôi xúc động vô cùng, tôi quỳ xuống, hướng về Quân Y Viện, nơi Tướng Nam còn nằm đó, cầu nguyện: Xin Thiếu Tướng tha thứ. Tôi không dám bỏ xác Hưng để đến vuốt mắt Thiếu Tướng và lo việc tẩm liệm cho Thiếu Tướng. Bây giờ linh hồn của Thiếu Tướng đã gặp Hưng, xin linh thiêng phò hộ cho mẹ con tôi thoát khỏi tay Cộng Sản. Xin thương xót cho quê hương, cho dân tộc chúng ta. Xin thương xót cho toàn thể anh em binh sĩ.

Trung Úy Nghĩa thay tôi đến viếng xác người. Trung Úy Thành, vị ân nhân can đảm đặc biệt, đến với tôi trong giờ phút nguy nan đó. Thành đã mời được Trung Tá Bia đến tẩm liệm cho Hưng. Những vị ân nhân trong cơn biến loạn ấy, trọn đời tôi xin ghi khắc ơn sâu. Tám giờ sáng ngày 1 tháng 5, 1975, các sĩ quan quân đoàn, mặc thường phục, đến viếng xác Hưng. Màu nhiệm thay, khi gặp lại những cộng sự viên cũ, trong thoáng chốc, mắt Hưng hé mở, nhìn lên. Và từ trong đôi mắt người chết, có hai giòng lệ chảy. Mặt người chợt đỏ bừng lên.



Người khóc cho quê hương đất nước bắt đầu đắm chìm trong điêu linh. Người khóc cho đám tàn quân khốn khổ. Cho lúc đến chết, hai Tướng Nam và Hưng chỉ phân tách nguyên nhân thất bại, làm hỏng kế hoạch của hai người. Chớ không ai lên tiếng nặng lời trách móc vị Đại Tá kia. Xin quý vị hiểu rõ giùm tôi. Tôi tôn trọng danh dự của hai ông, vợ con và gia đình hai ông. Trong hoàn cảnh căng thẳng của đất nước, khi lòng người mất niềm tin, hai ông cũng như nhiều người khác, thật sự đáng thương hơn đáng trách. Không hiểu hai ông có đi thoát, hay bị bắt ở lại.

Vận nước ngàn cân treo sợi tóc, một vài người dù đánh đổi cả vận mệnh cũng không nâng đỡ nổi tòa nhà Việt Nam đang sụp đổ tang thương. Nhưng, một ngày chúng ta còn mang trong người dòng máu của dân tộc Lạc Hồng, còn hít thở được khí trời, là một ngày chúng ta còn nợ nần quê hương. Đó là món nợ thiêng liêng và cao quý mà ngôn từ loài người chưa thể diễn tả được sát nghĩa, và thật đúng ý. Sao chúng ta không noi gương oanh liệt của tổ tiên, của cha ông, nói tiếp ý chí bất khuất của tiền nhân, để trang trải món nợ ân tình đó? Sao chúng ta cứ lo chê bai, công kích, hãm hại, đập chà nhau, để rồi vô tình làm lợi cho bọn cướp nước Cộng Sản?

Đọc những gì tôi kể ở đoạn trên, những vị từng hỏi hay mỉa mai tôi, đã hiểu tất cả sự thật vì sao Tướng Nam và Tướng Hưng đã phải tự sát để bảo tồn tiết tháo. Không ai đem việc thành bại luận anh hùng. Cũng chớ bao giờ lấy tâm địa tiểu nhân để đo lòng người quân tử. Chúng ta, những người còn sống, những người Việt Nam ở trong nước hay lưu vong khắp bốn phương trời, chúng ta phải tự nêu lên câu hỏi: “Chúng ta đã làm được gì cho đừng hổ thẹn với những người đã nằm xuống? Họ đã nằm xuống không phải là vì họ hèn nhát! Họ đã nằm xuống là vì muốn bảo toàn sáu chữ mà họ từng mang trên

đầu: Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm. Nếu chưa làm được gì cho quê hương, xin hãy thận trọng lời phê phán vô ý thức. Đừng vô tình thành tàn nhẫn sỉ nhục những người dám chết cho tổ quốc.

Bà Lê Văn Hưng  
nhũ danh Phạm Thị Kim Hoàng

Tài liệu tham khảo:

- Lê Văn Hưng Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Phút cuối cùng của Tướng Lê Văn Hưng* Blog: [haingoaiphiedam.com](http://haingoaiphiedam.com)
- *Sự thật về cái chết của Tướng Lê Văn Hưng* Web: [generalhieu.com](http://generalhieu.com)

## 5) Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam



### **Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam (1927-1975)**

Tướng Nguyễn Khoa Nam sinh ngày 23 tháng 9 năm 1927, tại Đà Nẵng gốc Làng An Cựu Tây, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên, xuất thân từ một gia đình văn học, tôn sùng đạo Phật.

Thân phụ ông là cụ Nguyễn Khoa Túc, Thanh Tra Học Chánh thời Pháp thuộc tại Đà Nẵng, hồi hưu năm 1941. Thân mẫu ông là cụ Công Tôn Nữ Mộc Cẩn, thuộc dòng Tuy Lý Vương. Trong nhiều khía cạnh, ông được thừa hưởng tất cả tinh anh của hai bên nội, ngoại.

Ông là con trai giữa trong gia đình có năm anh em, nhưng hai anh lớn mất sớm, đến năm 1975 chỉ còn lại ba chị em. Chị ông là bà Nguyễn Khoa Diệu Khâm, phục vụ trong ngành Y Tế tại Sài Gòn và đã hồi hưu. Em trai là ông Nguyễn Khoa Phước, phục vụ trong ngành Giáo Dục và cũng là cựu Nghị Sĩ dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Tướng Nguyễn Khoa Nam đậu bằng Thành Chung Pháp năm 1944 sau đó bằng Tú Tài I năm 1946. Ông tốt nghiệp Trường Hành Chánh Huế, làm việc tại Sở Ngân Sách Trung Việt cấp bậc Chủ Sự Phòng từ năm 1951.

Cũng như nhiều thanh niên cùng lứa tuổi, ông đã bị gọi động viên, gia nhập Khóa 3 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức vào tháng 4 năm 1953. Mãn khóa hồi tháng 10 năm 1953, ông đã gia nhập binh chủng Nhảy Dù với cấp bậc Thiếu Úy.

Trong suốt thời gian từ tháng 12 năm 1953 cho đến ngày chia đôi đất nước vào tháng 7 năm 1954, trên cương vị một Trung Đội Trưởng thuộc Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù, Thiếu Úy Nam đã tham gia nhiều cuộc hành quân trên chiến trường Bắc Việt.

Vào mùa hè năm 1955, là Đại Đội Trưởng thuộc Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù, Trung Úy Nam đã tham gia chiến dịch hành quân tảo thanh lực lượng Bình Xuyên ra khỏi Thủ Đô Sài Gòn.

Cuối năm 1955, ông được bổ nhiệm chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội Kỹ Thuật Dù. Trong thời gian này ông được cử đi viếng thăm các trung tâm huấn luyện Nhảy Dù tại Pau (Pháp) và tại Nhật.

Đầu năm 1961, ông được thăng cấp Đại Úy.

Năm 1962, Đại Úy Nam được đề cử tham dự khóa học về Chiến Tranh Rừng Rậm tại Fort Braggs rồi năm sau, khóa Bộ Binh Cao Cấp tại Fort Benning, Hoa Kỳ.

Cuối năm 1965, ông được thăng cấp Thiếu Tá và giữ chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù. Tháng 2 năm 1966, đơn vị ông tham dự cuộc Hành Quân Liên Kết 66 tại Quảng Ngãi do Sư Đoàn 2 Bộ Binh tổ chức nhằm tấn công một đơn vị của Sư Đoàn 2 Bắc Việt và do chiến công này Thiếu Tá Nam được trao tặng Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương.

Sau đó, ông được vinh thăng Trung Tá và được đề cử giữ chức vụ Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 3 Nhảy Dù. Cuối năm 1967, chiến đoàn Dù do ông chỉ huy đã chiến thắng trận đánh đồi Ngok Van 1416 ở Kontum, tiêu diệt một trung đoàn chủ lực Bắc Việt. Ông được ân thưởng Đệ Tam Đẳng Bảo Quốc Huân Chương và là sĩ quan thứ hai của Sư Đoàn Nhảy Dù, sau Trung Tướng Đỗ Cao Trí, được trao tặng huy chương cao quý này lúc còn mang cấp bậc trung tá. Ông cũng được gắn huy chương Distinguished Service Medal của tổng thống Hoa Kỳ.

Đầu năm Mậu Thân 1968, các chiến đoàn Dù được nâng cấp thành các lữ đoàn. Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù được điều động về Sài Gòn tham gia trong trận Mậu Thân 1 và 2 ở ven đô Đô Thành Sài Gòn - Chợ Lớn và ông được vinh thăng Đại Tá trong thời gian này.

Đầu năm 1970, ông được đề cử giữ chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh kiêm Tư Lệnh Khu Chiến Thuật Tiền Giang.

Giữa năm 1970, ông được vinh thăng Chuẩn Tướng Nhiệm Chức tại mặt trận, cho đến tháng 10 năm 1971 thì được vinh thăng Chuẩn Tướng Thực Thụ. Năm 1972, ông được vinh thăng Thiếu Tướng Nhiệm Chức và tháng 10 năm 1973 được lên Thiếu Tướng Thực Thụ.

Vào tháng 11 năm 1974, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV - Quân Khu 4.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, với tư cách là Tư Lệnh Quân Đoàn IV - Quân Khu 4, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam đã quyết định không đầu hàng địch và đã tuân tiết vào sáng ngày 1 tháng 5 để bảo toàn khí tiết một vị tướng lãnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông tự sát khi mới 48 tuổi.

Tài liệu:

### **Những giờ phút sau cùng của Tướng Nguyễn Khoa Nam**

Tình hình chung vào tháng 3 năm 1975 rất căng thẳng. Vùng 1, vùng 2 đang đánh lớn còn Vùng 3 và 4 vẫn còn nguyên vẹn. Tư lệnh đi họp liên tục ở Tổng Tham Mưu, ở dinh Độc Lập gặp Tổng thống, lúc ở dinh phó Tổng thống. Thời gian còn lại, Tư lệnh thường đến các Tiểu khu và Sư đoàn nhưng đến nhiều nhất là tiểu khu Long An, Định Tường, Kiến Tường và Châu Đốc. Vào đầu tháng 4, VC tấn công mạnh, nhằm vào quốc lộ 4 thuộc hai tiểu khu Định Tường và Long An. Sư Đoàn 7 Bộ Binh chịu trách nhiệm khu vực tiểu khu Định Tường còn Sư

Đoàn 22 Bộ Binh rút từ Vùng 2 về chịu trách nhiệm khu vực tiểu khu Long An. Vào buổi trưa Tư lệnh đến tiểu khu Long An để biết tình hình địch, VC đã pháo rớt một quả hỏa tiễn 122 ly trên giữa cầu Long An nhưng không gây thiệt hại gì. Địch càng ngày càng tấn công mạnh vào quốc lộ 4, Tư lệnh ngày đêm đến các đơn vị hay gọi điện thoại khích lệ tinh thần chiến đấu, không để mất vị trí hay bỏ chạy nên VC không chiếm được một vị trí nào cả.

Có một đêm, địch pháo kích trên 10 hỏa tiễn 122 ly vào thành phố Cần Thơ, mục tiêu chính là Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV và tư dinh Tư lệnh. Vị trí pháo hướng đông chi khu Bình Minh thuộc tiểu khu Vĩnh Long, bay qua dinh Tư lệnh rớt bên xóm nhà đèn cách dinh độ 300 thước, kết quả tổn thất nhẹ về phía dân chúng.

Tình hình càng ngày càng căng thẳng, dân chúng di tản bằng tàu thủy hay máy bay có nhiều chuyên chở về Quân đoàn IV đổ dân xuống vùng Tri Tôn, Sa Đéc. Trong lúc này, Tư lệnh rời bờ lớp lo phòng thủ, lớp lo thăm viếng an ủi dân đã di tản từ vùng ngoại ô. Thiếu tướng ra lệnh các Tiểu khu ra sức cứu trợ nạn nhân chiến cuộc. Tư lệnh chỉ thị các đơn vị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Quân đoàn IV và nhất là giữ quốc lộ 4 đừng để VC cắt đứt. Tư lệnh đặc biệt đến thăm tiểu khu Châu Đốc, đi bộ thăm vòng đai phòng thủ quy mô của tiểu khu. Những ngày kế tiếp họp liên tục với các Tiểu khu và Sư đoàn. Trong lúc tình hình hỗn loạn, nhiều máy bay trực thăng từ hướng Sài Gòn lữ lượt bay về phi trường Trà Nóc và một số bay ra hướng Phú Quốc.

Sáng ngày 24 tháng 4, Tư lệnh đi họp ở bộ Tổng Tham Mưu, nội dung tôi không rõ. Sáng 25 tháng 4, họp ở tiểu khu Định Tường, có tướng Trường tham dự. Ngày 27 tháng 4, Tư lệnh ra lệnh giới nghiêm, các đơn vị ở thế sẵn sàng chiến đấu, không được rời vị trí. Sáng 28 tháng 4, cố vấn Mỹ có đến văn phòng Tư lệnh để nói chuyện, nội dung tôi không rõ. Ngày 29, Tư lệnh vẫn đi bay, buổi chiều 29 về họp với tướng Mạch Văn

Trường ở Bộ Tư lệnh Sư đoàn 21 Bộ binh ở gần phi trường Trà Nóc. Trên đường về, tôi thấy dân chúng lao xao, nhón nhác chạy lung tung đi lượm đồ của tòa Tổng Lãnh Sự Mỹ rút đi bỏ lại, giấy liệm đầy mặt đại lộ Hòa Bình, quần áo, lon, ly, đồ hộp lon bia vất tứ tung.

Áp lực địch vẫn nặng ở quốc lộ 4, Tiểu khu trưởng Tiểu khu Long An xin gặp Tư lệnh báo cáo tình hình nguy ngập và xin giết sập cầu Long An. Tư lệnh không cho và ra lệnh các đơn vị tiếp tục phòng thủ. Tư lệnh viết Nhật Lệnh đưa thiếu tá Đức, Chánh văn phòng chuyển đến phòng Chiến tranh Chính trị để đọc trên đài Phát thanh và Truyền hình để trấn an dân chúng và anh em binh sĩ. Vào buổi chiều, tôi thấy được hình Tư lệnh và kèm theo là Nhật lệnh, nội dung ngắn gọn trấn an dân chúng không được bạo động còn việc tử thủ không được đọc trên đài truyền hình. Sau khi thấy đọc, Tư lệnh buồn buồn chấp tay về phía sau đi tới đi lui trong phòng làm việc ở Bộ Tư lệnh. Sau đó, tướng Hưng, Tư lệnh phó vào gặp Tư lệnh (Nội dung cuộc nói chuyện tôi không rõ). Về sau, tôi được biết nội dung bản Thông cáo đã bị sửa lại, không chính xác như lời Tư lệnh đã viết.

Đêm 29, VC tấn công mạnh ở phi trường thuộc tiểu khu Vĩnh Bình. Địch đã nhiều lần đánh rát vào phi trường nhưng bị đẩy lui và thiệt hại nặng. Tư lệnh bảo tôi gọi Trung tá Sơn, tiểu khu trưởng tiểu khu Vĩnh Bình để ông nói chuyện. Trong lúc VC tấn công mạnh vào phi trường, tiểu khu xin máy bay yểm trợ nhưng không có máy bay.

Sáng sớm 30 tháng 4, Tư lệnh bay xuống họp ở tiểu khu Định Tường. Cuộc họp nhanh và xong bay về Cần Thơ. Trở lại Quân đoàn, nói rõ về phòng làm việc của Tư lệnh, phòng làm việc chia hai tầng. Tầng trên có sẵn từ trước, thêm tầng dưới là hầm dưới chân phòng làm việc chính thức. Ở hầm này, rộng và cao, thiết trí giống như phòng làm việc ở tầng trên, có lối đi xuống từ văn phòng Tư lệnh. Hầm làm việc này mới được xây lúc Vùng 1 và 2 đang xảy ra việc đánh lớn.



Tình hình sáng 30 tháng 4 rất vắng vẻ, dân chúng thưa thớt đi lại, xe cộ hạn chế. Về tinh thần binh sĩ vẫn hăng say chiến đấu, các đơn vị không nơi nào bỏ vị trí, không nơi nào bị địch chiếm đóng mặc dù địch tăng cường những cuộc tấn công mạnh.

Vào 10 giờ sáng, tôi được báo cáo là Thiếu tá Chánh văn phòng rời văn phòng bỏ đi cùng với đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Tiểu khu Phong Dinh cùng một số sĩ quan, lộ trình sông Hậu ra biển. Tôi vội xuống hầm, nơi làm việc mới của Tư lệnh, tôi thấy Tư lệnh đang ngồi và viết ở bàn làm việc. Tư lệnh thấy tôi theo thường lệ kéo lệch cặp mắt kiếng xuống và hỏi:

- Có gì không?

-Trình Thiếu tướng, thiếu tá Chánh văn phòng và đại tá Tỉnh trưởng Phong Dinh đã bỏ đi cùng với một số sĩ quan bằng tàu theo sông Hậu."

Tư lệnh điềm nhiên không giận và nói:

- Đi hả! Đi làm chi vậy.

Nói xong, Tư lệnh tiếp tục xem giấy tờ, thái độ trầm tĩnh không la không buồn. Tôi bước lên cầu thang về phòng làm việc của mình, lúc này tôi mở radio 24/24 đi theo dõi tình hình ở Sài Gòn.

Tư lệnh bấm chuông gọi tôi vào và bảo:

- Gọi đại tá Thiên gặp tôi.

- Dạ.

Đại tá Thiên mới nhận chức vụ Tiểu khu trưởng Tiểu khu Phong Dinh kể từ sáng ngày 30 tháng 4.

Bất chợt, tiếng của tổng thống Dương Văn Minh vang lên trên đài phát thanh. Ông tuyên bố đầu hàng vô điều kiện với VC và nói:

- Tất cả các đơn vị trưởng và anh em binh sĩ ở yên tại chỗ, bàn giao vị trí cho Chính Phủ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Tôi vội xô cửa vào phòng làm việc của Tư lệnh và nói:

- Tổng thống Dương Văn Minh đã .....

Tôi nói chưa hết câu, Tư lệnh nhỏ nhẹ cắt ngang lời tôi:

- Qua đã nghe rồi.

Tôi lặng người chằm chằm bước ra. Trong lúc này, nhiều lần Tư lệnh phó liên tục đi vào cửa chánh gặp Tư lệnh. Qua điện thoại, Đại tá Tiểu khu trưởng Tiểu khu Long An xin gặp gấp Tư lệnh, lần thứ hai, Đại tá xin giật sập cầu Long An để cắt đường VC chuyển về Vùng 4. Tư lệnh bảo tôi chuyển lời, cầu để yên không được phá sập.

Trưa 30 tháng 4, sau khi đi ăn cơm trưa ở câu lạc bộ Cửu Long về, Tư lệnh đi thẳng vào phòng làm việc. Qua lỗ kiếng nhỏ thông qua phòng làm việc, tôi thấy Tư lệnh đang soạn một số giấy tờ để trên bàn. Tư lệnh nhìn từ trang một, rồi từ từ xé bỏ vào sọt rác. Khoảng 2 giờ chiều, Tư lệnh xuống phòng làm việc dưới hầm. Tôi không biết Tư lệnh làm gì bởi vì phòng làm việc này không có nơi nhìn thấy Tư lệnh được. Tư lệnh bấm loa gọi tôi:

- Danh xuống đây tôi bảo.

Tôi vào phòng trên đi theo cầu thang xuống gặp Tư lệnh. Ông đang ngồi ở sofa nhìn về hướng bản đồ Vùng 4, thấy tôi đến Tư lệnh nói:

- Danh tháo bỏ những ranh giới, những mũi tên trên bản đồ ." (Những đường ranh và những mũi tên làm bằng những băng keo màu xanh đỏ). Tôi từ từ tháo bỏ, nhìn tổng quát, tôi thấy bản đồ chia ra từng ô nhỏ, những mũi tên xanh đỏ châu đầu vào nhau, những răng bừa màu xanh với những mũi tên đỏ chĩa vào (Có thể đây là bản đồ về Hành Quân Mật theo như tin đồn). Tôi tháo gỡ tất cả những băng keo bỏ vào sọt rác, tháo xong tôi nói:

- Trình Thiếu tướng, em đã tháo xong.

- Được rồi.

Tư lệnh buồn buồn theo cầu thang lên phòng làm việc tầng trên, tôi chậm chậm bước theo Tư lệnh và ra phòng làm việc của tôi. Độ 10 phút sau, Tư lệnh bấm loa gọi tiếp:

- Danh vào tôi bảo.

- Dạ.

Tôi xô cửa đi nhanh vào, Tư lệnh nhìn tôi nói:

- Tháo bỏ những vị trí trên bản đồ này.

- Dạ.

Tôi đang lúi húi tháo và liếc nhìn, tôi thấy Tư lệnh chấp tay về phía sau chậm chậm đi tới, đi lui.

Tôi tháo xong:

- Trình Thiếu tướng, em đã tháo xong.

Nói về phòng làm việc của Tư lệnh, trước khi vào phải qua ba vọng gác: Từ ngoài vào, vọng gác 1 ngoài đầu đường trước khi vào phòng chờ đợi. Vọng gác 2 ngay phòng chờ đợi sát cổng

Bộ Tư lệnh. Vọng gác 3 lên tam cấp trước cửa vào phòng làm việc của Tư lệnh.

Vào khoảng 4 giờ chiều, Quân cảnh ở phòng chờ đợi (Vọng gác 2) lên gặp tôi nói:

- Có hai ông VC mặc đồ thường phục, trên dưới 50 tuổi xin vào gặp Tư lệnh. Tôi nói:

- Anh bảo họ chờ một chút để tôi trình Tư lệnh."

Tôi gõ cửa vào gặp Tư lệnh và nói:

- Trình Thiếu tướng, có hai VC mặc thường phục xin vào gặp Thiếu tướng.

- Được, mời họ vào.

Tôi xuống phòng khách gặp hai VC, tôi thấy hai người đang chờ ở đây, một người cao ốm nước da trắng, tóc hoa râm độ trên 50 tuổi, ăn mặc thường phục giống như thầy giáo, một người hơi thấp, nước da ngăm đen cũng mặc thường phục, họ đi tay không, không mang giấy tờ và vũ khí. Tôi hướng dẫn hai người này lên bậc tam cấp vào phòng làm việc của Tư lệnh. Tư lệnh chào hỏi và mời ngồi sofa, tôi bước nhanh ra phòng làm việc gọi người hạ sĩ quan mang trà vào. Tôi mang vội khẩu súng colt và lấy khẩu AR15 lên đạn và bước nhanh vào phòng làm việc Tư lệnh. Tôi đứng sau hai ông VC này với tư thế sẵn sàng cách khoảng 4 thước, tôi sợ hai ông này ám sát Tư lệnh, tay súng sẵn sàng nếu hai ông này có hành vi lạ là tôi nổ súng bắn liền. Tư lệnh ngồi đối diện với họ, đang nói chuyện rất nhỏ tôi không nghe được. Bất chợt Tư lệnh ngược lên, nhìn tôi và bảo:

- Danh đi ra ngoài đi tôi nói chuyện.

Tôi áp ứng trả lời:

- Dạ ... em ở đây với Thiếu tướng.
- Được rồi không sao đâu! Em ra ngoài đi.
- Dạ

Tôi ra lại phòng làm việc, súng vẫn thế thủ, mắt nhìn về hướng theo kẻ hở của cánh cửa đang hé mở. Tôi thấy Tư lệnh với họ vừa uống trà vừa nói chuyện. Cuộc nói chuyện kéo dài trên 10 phút. Tư lệnh và hai người chỉ nói chuyện không đưa ra sổ sách hay giấy tờ gì cả. Hai người đứng dậy giả từ. Tư lệnh bắt tay, rồi hai người theo cửa trước xuống bậc tam cấp ra về.

Tư lệnh ngồi buồn, kẻ đứng dậy đi tới đi lui như lúc trước, thời gian này rất căng thẳng và ngột thở. Tôi suy nghĩ lung tung, nếu VC chiếm được Vùng 4 thì Tư lệnh sẽ ra sao? Tại sao Tư lệnh vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra, bây giờ còn đi ngoại quốc được không? Còn máy bay không? Hay là Thiếu tướng có người thân phía bên kia? Những câu tự hỏi đã vây chặt trong tôi.

Bất chợt tiếng la ó vang dậy ở ngoài đường. Đoàn người rất đông chạy ngang qua cửa Bộ Tư Lệnh, chạy dài xuống cầu Cái Khế. Họ vừa chạy vừa la hét vui mừng, thì ra đó là những người tù vừa được thoát trại giam, tôi thò đầu ra cửa sổ nhìn ra ngoài đường, tôi thấy bọn tù trên dưới 50 người, quần áo xộc xệch, có người mặc quần cụt, có người cởi trần vừa chạy vừa nhảy lên vừa reo hò vui vẻ nhưng họ không phá phách.

Khoảng 6 giờ chiều, điện thoại có tiếng lạ. Thông thường khi có chuông reo, tôi thường nói: Tôi trung úy Danh, tùy viên Tư lệnh, xin lỗi ai đầu dây? Ở đầu dây xưng cấp bậc tên họ chức vụ rồi nói nhu cầu. Đàng này sau khi tôi nói, bên kia đầu dây đáp:

- A lô ai đó? A lô ai đó?

Và tiếng lạ tôi không quen thuộc, tôi gác máy không trả lời. Còn đường dây Hotline trực tiếp của Tư lệnh tôi không rõ. Như vậy VC đã vào đường dây điện thoại. Trong lúc rối rắm, tôi qua phòng Tư lệnh gặp trung úy Nghĩa, tùy viên Tư lệnh phó. Lúc gặp anh Nghĩa, tôi nói tình trạng điện thoại đã bị VC chiếm và tôi đã nghe có tiếng lạ. Tôi đề nghị, nếu Tư lệnh và Tư lệnh phó muốn nói chuyện với nhau mình phải dùng máy PRC25, đồng thời tôi viết một loạt tần số để xử dụng máy PRC25 và đánh số thứ tự A, B, C, D ... để Tư lệnh nói chuyện kín hơn.

Khoảng 6 giờ rưỡi, Tư lệnh sửa soạn về tư dinh, Thiếu tướng nói với tôi:

- Danh chuẩn bị xe đi thăm bệnh viện Phan Thanh Giản.
- Dạ.

Xe chở Tư lệnh từ văn phòng đi thẳng vào bệnh viện. Tư lệnh đến từng giường hỏi thăm thương binh, kẻ nằm người ngồi, băng tay băng đầu, có người mất một chân, chân còn lại quấn dây băng treo lên trên giá. Tư lệnh đến bên thương binh này hỏi:

- Em tên gì?
- Dạ em tên ...
- Em ở đơn vị nào? Có khỏe không?
- Dạ khỏe, em là Địa phương quân ở tiểu khu Vĩnh Bình.

Tư lệnh nói tiếp:

- Em nằm nghỉ dưỡng bệnh.

Tư lệnh đi từ đầu phòng đến cuối phòng hỏi thăm từng bệnh nhân, rồi Tư lệnh đi qua dãy kế bên và tiếp tục hơn một giờ

buồn tẻ và nặng nề chầm chậm trôi qua. Gần giường một thương binh, anh cụt hai chân, vải băng trắng xóa, máu còn rỉ ra lóm đóm đỏ cuối phần chân đã mất. Tư lệnh đứng sát bên và hỏi:

- Vết thương của em đã lành chưa?

- Thưa Thiếu tướng, vết thương mới mấy ngày còn ra máu chưa lành.

Với nét mặt buồn buồn, Tư lệnh nhíu mày lại làm cặp mắt kiếng đen lay động. Tư lệnh chưa kịp nói, anh thương binh này bất chợt chụp tay Tư lệnh méo máo:

- Thiếu tướng đừng bỏ tụi em nhe Thiếu tướng.

- Qua không bỏ các em đâu! Qua ở lại với các em.

Qua ánh đèn của bệnh viện, tôi thấy Tư lệnh đưa tay nâng sửa cặp mắt kính đen và hai giọt nước mắt từ từ chảy lã dãi trên khuôn mặt đau thương. Tư lệnh nén đau thương, người đã khóc, khóc không thành tiếng và những giọt nước mắt tự nhiên tuôn trào. Tư lệnh vịn vai người thương binh nói trong nghẹn ngào:

- Em cố gắng điều trị .... có qua ở đây.

Tư lệnh bước hơi nhanh ra cửa bệnh viện, ra sân Tư lệnh dừng lại quay mắt nhìn lại bệnh viện. Tư lệnh đứng yên bất động khoảng một phút rồi bước vội ra xe không nói gì cả, sự im lặng quá nặng nề, suốt trên đường về tư dinh, Tư lệnh không nói một lời nào.

Về đến tư dinh, tôi thấy Quân cảnh vẫn còn gác ở cổng, tôi đi một vòng xung quanh, những vọng gác vẫn còn người gác, tuy nhiên tôi thấy ít lính đi tới đi lui như mọi hôm, có lẽ họ đã bỏ đi bớt. Sau khi cất khẩu Colt đeo trên người, tôi xuống nhà bếp

gặp trung sĩ Ngô quản gia xem hôm nay anh nấu món gì vì hôm nay thăm bệnh viện về trễ. Gặp anh Ngô, tôi nói:

- Anh Ngô bắt một con gà làm và luộc để Thiếu tướng dùng."

- Dạ con gà nào Trung úy?

- Đàn gà nòi Thiếu tướng nuôi anh chọn một con.

Lúc này trên 8 giờ tối, phía Cồn Cát cách một con sông phía sau dinh, thỉnh thoảng VC bắn bồng những loạt AK đạn lửa bay đỏ xé màn đêm đen ngịt, càng lúc VC bắn càng nhiều. Con gà, anh Ngô làm và nấu xong, đích thân tôi ra sau trailer mời Thiếu tướng vào ăn cơm. Tư lệnh ngồi vào bàn ăn và nói:

- Danh ngồi ăn cơm cho vui.

Đi các đơn vị hay tiêu khu, tôi ăn cơm chung với Tư lệnh, còn ở dinh Tư lệnh thường ăn cơm một mình, vừa ăn cơm vừa xem truyền hình rất lâu. Hôm nay, lần đầu tiên Tư lệnh gọi tôi ăn cơm chung ở dinh, tôi thấy có điều gì, hơn nữa sự việc xảy ra tùm lum bụng dạ đâu mà ăn với uống. Tư lệnh thấy thịt gà xé nhỏ, còn nước luộc gà làm canh, Tư lệnh hỏi:

- Thịt gà đâu vậy?

Tôi gượng cười nói:

- Dạ mấy con gà Thiếu tướng nuôi ở sau, em bảo anh Ngô làm một con để Thiếu tướng dùng.

- Làm thịt chi vậy, ăn như vậy được rồi. Thôi ăn để nguội.

Tư lệnh không ăn cơm, chỉ dùng vài muỗng canh, vài miếng thịt gà. Còn tôi thì no hơi, ăn hết vô, qua loa vài miếng vôi buồng đũa và nói:

- Dạ em ăn xong, Thiếu tướng dùng tiếp.



Thiếu tướng nói:

- Ăn tiếp, sao Danh ăn ít vậy, thịt còn nhiều.

Vừa nói, Tư lệnh gấp bỏ cho tôi một miếng thịt xé phay dài. Trời! Ăn gì nôi, bình thường ăn thấy ngon bây giờ ăn thịt gà cũng như ăn cây mực, miệng đắng nghét, tôi cố gắng nuốt trôi hết miếng thịt này, xong xin phép Thiếu tướng ra phòng làm việc. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy vắng lạnh, một sự vắng vẻ đáng sợ, một số anh em quân nhân đã bỏ đi, số còn lại một vài người đã mặc thường phục, một số vẫn còn mặc đồ lính. Còn hướng phòng trung úy Hi, sĩ quan bảo vệ cũng vắng ngắt, chắc có lẽ anh đã bỏ đi (nhà trung úy Hi ở gần phi trường Trà Nóc). Còn trung úy Việt cùng vợ 2 con vẫn còn ở lại nhà cạnh bờ sông. Việt và tôi gặp nhau chỉ biết lắc đầu, rồi Tư lệnh đến bàn làm việc của tôi nói:

- Có liên lạc với tướng Hưng không hè?

- Dạ điện thoại bị mất liên lạc, có tiếng lạ em không dám gọi. Tôi nói tiếp:

- Dạ, Thiếu tướng muốn nói chuyện với Tư lệnh phó?

- Qua muốn nói chuyện.

Tôi nói với Tư lệnh:

- Vào lúc 5 giờ chiều, hệ thống điện thoại có tiếng lạ, em có cho anh Nghĩa, tùy viên Tư lệnh phó một số tần số PRC25 để lúc cần Thiếu tướng nói chuyện, nhưng bây giờ em không liên lạc được.

Tôi nói tiếp:

- Để em đi lại dinh Tư lệnh phó nói mở máy PRC25 để Thiếu tướng nói chuyện.

Tư lệnh làm thinh, tôi bảo anh Thông tài xế lấy xe jeep chở đi từ tư dinh đến dinh Tư lệnh phó đối diện dinh Tỉnh trưởng Phong Dinh. Sắp sửa rẽ phải vào dinh Tư lệnh phó thì thấy phía bên trái trước dinh tỉnh trưởng có một VC với khẩu AK ở tư thế sẵn sàng, để súng cạnh sườn, mũi súng chĩa lên trời. Anh Thông tài xế kêu tôi và chỉ:

- VC đã vô tới rồi.

Tôi bảo tài xế:

- Quay trở lại đi không ổn rồi.

Tài xế lái nhanh về dinh Tư lệnh và đóng cửa dinh lại. Tôi xuống xe bảo các anh em còn lại kéo khoảng 4-5 vòng kẽm gai rào chặn từ cổng vào hướng cột cờ, rào xong tôi vào trailer báo Tư lệnh:

- Trình Tư lệnh, VC đã vào đến dinh Tỉnh trưởng. Em thấy có một VC cầm súng AK ở trước dinh Tỉnh trưởng.

Tư lệnh làm thinh không nói gì cả, khoảng hai phút sau, tôi nói với Thiếu tướng:

- Em đi lần nữa, để Thiếu tướng nói chuyện với Tư lệnh phó. Tư lệnh nhỏ nhẹ nói:

- Thôi đừng đi coi chừng nó bắt.

- Dạ không sao!

Nói xong, tôi cởi bỏ áo lính, vẫn mặc quần lính mang giày với áo thun vội ra sân gọi anh tài xế:

- Anh Thông đâu đến tôi nhờ một chút.

Tôi la lên, không một tiếng trả lời. Anh Ngô quân gia nói:

- Em vừa thấy anh Thông ra cổng. Anh đã bỏ đi rồi.

Bất chợt có một anh (tôi quên cấp bậc và tên):

- Trung úy cần gì em giúp.

- Anh muốn đến dinh Tư lệnh phó.

- Được rồi để em đưa ông thầy đi.

Anh lính lấy chiếc Honda màu đỏ chạy đến và nói:

- Đi Honda tiện hơn Trung úy.

Rồi anh chở tôi về hướng dinh Tư lệnh phó, rẽ vào dinh anh đậu cách đây khoảng 10 mét bên lề đường.

Dinh Tư lệnh phó, trước và sau có cổng ra vào bằng cửa sắt, xung quanh xây tường cao độ 2 mét. Cửa trước đối diện với dinh Tỉnh trưởng, cửa sau quay ra mặt đường. Cửa trước và sau đều đóng và khóa chặt, từ cửa trước nhìn vào tôi đi sát hông tường bên phải, có một cây ổi mọc từ phía trong xòe nhánh phủ ra bên ngoài. Trong dinh im lặng không một tiếng động, tôi gọi lớn:

- Nghĩa ơi Nghĩa, Phúc ơi Phúc, tao là Danh.

Tôi gọi 4, 5 lần nhưng vẫn thấy im lặng không có tiếng trả lời.

Tôi linh cảm không ổn, tôi gọi tiếp và quay lại định trở về, tôi thậm chí nói không lẽ mình bỏ cuộc. Tôi nói qua với anh lính đậu bên kia đường:

- Anh ráng chờ tôi một chút.

Bất chợt có tiếng nổ đùng, có tiếng xô xao, tiếp theo tiếng khóc. Tôi chạy lại vách tường có nhánh cây ổi xòe ra, tôi quyết

định đu nhánh ôi này nhảy vào, tay phải níu nhánh ôi, tay trái vịn vào vách tường miệng liên tục la lớn:

- Tôi trung úy Danh đừng bắn, tôi trung úy Danh đừng bắn. Miệng la tay níu kéo leo vào, tôi lên được đỉnh tường theo đà cây ôi tuột xuống đất. Gặp tôi, anh Nghĩa vừa nói vừa khóc:

- Chuẩn tướng tự sát chết rồi Danh.

- Lúc nào?

- Mới đây, chắc có lẽ hồi này Danh nghe tiếng súng nổ.

Anh nói tiếp:

- Chuẩn tướng đang ăn cơm, nghe tiếng động, ông bỏ bàn ăn đứng dậy, bà Tướng chạy theo ông ngăn lại. Tư lệnh phó vào đóng cửa lại và bắn vào ngực tự sát.

Tôi đến cửa, thấy cửa phòng hé mở, tôi xô nhẹ cánh cửa bước vào, tôi thấy tướng Hưng nằm bất động trên giường, bà Hưng đang ôm chầm Tư lệnh phó khóc, còn hai đứa con nhỏ đứng kê bên vô tư lự như không có gì xảy ra, kể bên những anh lính đang sụt sùi khóc. Tôi quay ra nói với anh Nghĩa:

- Thôi Danh đi về.

Tôi không nói anh Nghĩa mở tần số máy PRC25 gì nữa, chuẩn tướng đã chết rồi. Tôi tình hình rối ren, bận rộn, tôi không nhờ mở cửa, tôi trèo cây ôi lên đầu tường rồi nhảy ra ngoài. Xuống đến mặt đất, tôi suy nghĩ lung tung: Tại sao Tư lệnh phó tự sát? Nếu Tư lệnh hay được thì ra sao? Hay là lúc tôi la to gọi anh Nghĩa, Phúc, ở đây tưởng VC vào tới nên Chuẩn tướng tự sát hay là ... tôi vừa suy nghĩ vừa cúi đầu bước đi đến anh lính đậu xe Honda lúc này. Trời! xe và người biến đâu mất, tôi đảo mắt nhìn quanh vẫn không thấy, chắc anh bỏ đi rồi, tôi không trách anh, anh đã giúp tôi như vậy cũng đủ lắm rồi. Tôi lợi bộ từ đây cặp theo lộ Hòa Bình đi thẳng về dinh, trên đường phố vắng

hoe không một bóng người lai vãng, chỉ có những mảnh giấy vụn vất bừa bãi đầy đường, thỉnh thoảng bay tứ tung theo cơn gió (giấy tờ của tòa Tổng Lãnh Sự Mỹ dân hôi của vất ra đường từ hôm trước).

Tôi đi bộ mất trên 15 phút về đến dinh, anh lính vệt từng vòng kềm gai tôi đi vào rồi kéo lại vị trí cũ. Tôi đi nhanh về phía sau vào trailer để trình Tư lệnh sự việc đã xảy ra, vừa thấy Tư lệnh tôi vội vã nói:

- Trình Thiếu tướng em đến dinh Tư lệnh phó, đến nơi ông vừa tự sát chết, Tư lệnh phó đã bắn vào ngực.

- Tướng Hưng chết hả? Chết làm chi?

Tư lệnh chỉ nói vậy. Tôi trở ra về nơi làm việc, ngồi trên sofa suy nghĩ liên miên. Tư lệnh phó đã tự sát, chắc Tư lệnh sẽ tự sát theo. Tôi xuống nhà gặp trung úy Việt và nói Tư lệnh phó đã tự sát còn Thiếu tướng không biết thế nào? Hai đứa tôi không tìm ra câu trả lời.

Lúc này khoảng 11 giờ đêm, cứ khoảng 15 hay 20 phút tôi vào trailer một lần. Mỗi lần vào liếc nhìn, tôi thấy Tư lệnh nằm nghỉ nhưng giày vẫn còn mang. Lần khác vào, Tư lệnh ngồi dậy đi về hướng tôi và hỏi:

- Có gì không?

- Em vào xem Thiếu tướng có sai bảo gì không?

Tư lệnh nói:

- Sao em không đi ngủ đi! khuya rồi.

Tôi nhỏ nhẹ nói:

- Trình Thiếu tướng, nếu VC vào dinh tụi em đánh không Thiếu tướng?

- Thôi đừng đánh nhau, họ vào để tôi ra nói chuyện.

Tôi rời trailer đi ra ngoài. Khoảng 10 phút sau, Tư lệnh ra phòng làm việc tôi đưa một gói hình chữ nhật dài độ 2 tấc, rộng 1 tấc, dày 5 phân và nói:

- Danh cát tiền này dành để xài. (Có thể đây là tiền lương của Thiếu tướng không dùng để dành).

Xong Tư lệnh đi vào trailer, tôi hé mở gói này, bên trong toàn bạc 500, tôi đoán chừng trên 400 ngàn đồng và tôi để vào ngăn kéo nơi bàn làm việc. Tôi tiếp tục rón rén vào trailer để quan sát, tôi sợ Tư lệnh tự sát.

Khoảng 12 giờ 30 khuya, Tư lệnh ra gặp tôi nói:

- Sao Danh không đi ngủ? Thức cả đêm à?

- Dạ em ngủ không được.

Tư lệnh móc từ trong túi ra một khẩu súng nhỏ, ngắn hơn gang tay và nói:

- Danh cất khẩu súng này dành để hộ thân.

Tôi nhận khẩu súng bỏ vào ngăn kéo chung với gói tiền lúc này. Tôi xuống nói chuyện với anh Việt và anh Ngô, Thiếu tướng đã cho tôi súng, không hiểu Tư lệnh có ý định gì?

Khoảng sau 1 giờ sáng, anh lính hơ hải chạy vào gặp tôi:

- VC tự động mở cửa vào dinh.

- Anh bảo họ chờ tôi một chút.

Tôi vội vã vào trailer để gặp Tư lệnh, tôi thấy Tư lệnh nằm nghỉ. Tôi trình:

- Trình Thiếu tướng, bọn VC đang vào dinh.

- Bảo họ chờ tôi ra nói chuyện.

Tôi đi nhanh ra trước cổng dinh, lúc bấy giờ tôi vẫn mặc áo thun, quần lính, mang giày. Gần đến cổng dinh, tôi thấy lối nhỏ 6, 7 người đang vệt kẽm gai đi vào hướng cửa dinh. Đến gần, tôi thấy 4 nam, 1 nữ có vấn đầu tóc lũng lằng phía sau ót và một em bé độ 10 tuổi. Nam trang bị 1 khẩu AK, một người mang khẩu Carbin, một người mang súng lục (súng loại cảnh sát xử dụng) số còn lại tay không, không mang giấy tờ hay máy móc gì cả. Nhóm người này tuổi dưới 40, đến vòng kẽm gai thứ ba từ ngoài vào, còn hai vòng nữa từ cửa dinh ra, tôi vệt kẽm gai và gặp họ tại đây. Một người trong nhóm quay qua hỏi tôi:

- Anh làm gì ở đây?

Tôi nói:

- Tôi làm quản gia.

Tôi nói trớ, không dám nói là tùy viên sợ bọn chúng bắn. Người mang khẩu AK hỏi tiếp:

- Anh cấp bậc gì?

- Tôi Trung sĩ.

Bất chợt người mang AK lên đạn đưa mũi súng vào phía sườn tôi và nói:

- Đi.

Tôi lúc bấy giờ hồn phi phách tán, chết là cái chắc. Trong nhóm có người nói:

- Ở đây nó làm lớn không hà, tính nó đi.

Bọn chúng từ từ hướng vào cửa dinh, đến gần cột cờ, đưa trẻ con ôm chầm lấy khẩu súng đồng thời Pháp, súng đặt dưới chân cột cờ để làm kiếng, đưa trẻ reo lên:

Súng ngộ và đẹp quá.

Chị bới tóc tiếp theo:

- Nhờ có dịp này mới được vào dinh Tướng.

Tôi nghe và thấy những việc trên cõi lòng xe lại. Bất chợt, nhóm người này dừng lại, người mang khẩu AK hất mặt ra dấu tôi đi qua hướng nhà bếp, ngang qua phòng ngủ của tôi. Chết rồi, chắc bọn chúng bắn mình ở đây, tôi chầm chậm bước đi, đầu ngoái lại cửa vô dinh. Tôi thấy Tư lệnh bước ra, đẩy nhẹ cánh cửa (cửa lưới chắn ruồi trước khi vào phòng làm việc). Bọn người này bảo tôi dừng lại, ba người bước vào phòng (một người tay không, một người mang khẩu P-38, một người mang khẩu Carbin). Số còn lại lảng vảng phía ngoài, người mang AK vẫn hướng súng về phía tôi.

Khoảnh khắc, trung sĩ Ngô từ phòng Thiếu tướng đang nói chuyện với VC chạy đến tôi nói:

- Thiếu tướng bảo Trung úy lấy thuốc lá hút.

Có cơ vào gặp Tư lệnh, người mang AK bỏ thông súng xuống, tôi lạng lẽ bước đi, nhưng sợ hãi nó đằng sau bắn tới. Vô sự thế là thoát nạn, vào phòng tôi mở ngăn tủ lấy gói thuốc Capstan đầu lọc mời Thiếu tướng một điếu, 3 người mỗi người một điếu (Tư lệnh hút thuốc 3 số 555 nhưng thỉnh thoảng hút thuốc Capstan đầu lọc). Tôi thấy Tư lệnh ngồi trên sofa băng dài, người tay không ngồi trên ghế nhỏ đối diện Tư lệnh, người mang khẩu P-38 ngồi dưới sàn nhà, tay cầm khẩu súng để trên đầu gối mũi súng hướng về phía Tư lệnh, còn người mang khẩu carbin đứng ngay cửa phòng tư thế tác chiến.



Xong nhiệm vụ tôi bước ra ngoài, người mang AK vẫn ở thế tác chiến nhưng không để ý đến tôi nữa. Trên dưới mười phút nói chuyện, nhóm người này rời dinh ra về, tôi vào phòng thấy Tư lệnh vừa đứng dậy bước ra ngoài với khuôn mặt buồn buồn, nhìn trên sofa tôi thấy điều thuốc của Thiếu tướng còn cháy dở dang, mới 1/3 điều nằm trên sofa bốc khói làm lung một lỗ nhỏ, tôi lấy vất đi. Cuộc nói chuyện này chỉ đơn phương, không có viết giấy tờ hay ký tên gì cả cũng không có máy móc khi hai bên gặp nhau. Tư lệnh vào trailer nằm nghỉ, tôi vào lần nữa thấy Tư lệnh nằm yên, chắc Tư lệnh đã mệt. Trong suốt đêm 30 tháng 4, Tư lệnh và tôi hầu như không ngủ, khoảng 3 giờ sáng, tôi rón rén vào phòng Tư lệnh lần nữa, thấy Tư lệnh đang nằm yên không biết ngủ hay thức vì trong lúc nằm nghỉ vẫn mang cặp kính đen. Tôi cũng quá mệt ra phòng làm việc ngã lưng trên sofa một chút, vang vang bên tai những loạt AK nổ liên hồi, chắc đối phương nổ súng mừng chiến thắng.

Trong lúc nửa tỉnh nửa mê bỗng nghe tiếng chuông "boong, boong, boong", tôi bật mình ngồi dậy, nhìn đồng hồ thấy hơn 6 giờ, qua đến bàn Phật, tôi thấy 3 cây nhang Tư lệnh đã đốt và cắm sẵn trên lư hương khói bay nghi ngút. Tư lệnh mặc quân phục hằn hoi đang nghiêng mình xá Phật. Tôi vội đi nhanh làm vệ sinh cá nhân, xong mặc quân phục vào và đến đứng nghiêm chào Thiếu tướng. Thiếu tướng đưa tay lên cỡ tầm ngực đáp lại và hỏi:

- Đêm qua, Danh ngủ được không?

- Mệt quá em nằm nghỉ một chút.

Tư lệnh vẫn ngồi trên sofa nơi phòng thờ Phật, tôi đi sang qua phòng làm việc. Một lúc sau, Tư lệnh đến bên tôi hỏi:

- Gặp tướng Trường được không hè?

Lúc này khoảng 6 giờ 30 sáng.

- Dạ ... dạ. Tôi ấp úng trả lời. Hồi chiều tối hôm qua ở trên lầu em thấy tướng Trường chạy xe jeep ngang qua dinh.

Tur lệnh hỏi tiếp:

- Có phải Trường không?

- Em ở trên lầu hơi xa, em thấy giống tướng Trường.

- Thôi đừng đi tìm, kéo bị chúng bắt.

- Dạ.

Rồi Tur lệnh đi ra sau vào trailer, một lát sau Tur lệnh đi ra hai tay xách hai vali gặp tôi và anh Việt ngay ở cửa ra vào phòng thờ Phật. Tur lệnh đưa cho tôi một cái màu cam, còn trung úy Việt một cái màu đen hay nâu tôi không nhớ rõ. Tur lệnh buồn buồn nói:

- Danh giữ cái này, Việt giữ cái này.

Tur lệnh chỉ nói ngắn gọn không nói thêm gì, hình như cổ ông nghẹn lại. Tur lệnh vội bước đi, cách vài bước Tur lệnh quay lại nói tiếp:

- À, quên chìa khóa. Rồi Tur lệnh đi thẳng về sau vào trailer, một lúc sau trở ra trao cho tôi hai chìa khóa và nói:

- Cái này của Danh, cái này của Việt.

Tôi linh tính sắp có điều gì sẽ xảy ra. Tur lệnh chậm chậm bước theo nấc thang lên tầng trên, tôi và anh Việt nối bước theo sau. Tur lệnh ra sân thượng, đứng sát bên lan can, mắt nhìn ra lộ Hòa Bình trước cửa dinh, tôi đứng bên tay phải Tur lệnh, anh Việt đứng bên trái. Trước lộ vài xe qua lại, người thừa thớt vắng vẻ như chiều 30 Tết. Bất chợt, Thiếu tướng bật khóc. Tướng cố nén tiếng khóc không bật thành tiếng, những giọt nước mắt cuộn tròn chảy dài trên khuôn mặt đau buồn vì nước

mất nhà tan. Tôi cũng khóc theo, anh Việt cũng vậy, ba người đứng ở đây mặc cho nước mắt tự do tuôn chảy. Tôi nghĩ Tư lệnh đi ngoại quốc hết kịp rồi, tới đây VC có bắt Tư lệnh không? Có làm hốt bắn Tư lệnh không? Nếu sự việc xảy ra thì phải giải quyết làm sao? Tôi đang miên man suy nghĩ, Tư lệnh xoay lưng chậm chậm theo bậc thang xuống tầng dưới. Tư lệnh sắp tự sát

Từ ngoài nhìn vô bàn Phật, Tư lệnh ngồi trên ghế sofa phía bên phải, đôi mắt nhắm chiêm nhìn lên bàn thờ. Anh Việt bước ra cửa về thăm vợ con, còn trung sĩ Ngô đang thập thò trước cửa. Tư lệnh đứng dậy đến bàn thờ lấy ba cây nhang đốt, xá ba xá cắm vào lư hương, gõ ba tiếng chuông "boong, boong, boong" xong xá 3 xá tiếp, xong Tư lệnh về ngồi nơi cũ, hai tay để trên thành gỗ sofa nhịp nhịp như không có chuyện gì sắp xảy ra. Bất chợt, Tư lệnh xoay qua bảo tôi:

- Danh ra ngoài bảo Việt dẫn vợ con đi đi.

- Dạ.

Tôi tôi thầm nghĩ Tư lệnh và tôi độc thân chắc Tư lệnh nghĩ cách khác.

Tôi đẩy nhẹ cánh cửa bước ra sân hướng về phòng trung úy Việt. Tôi vừa đi khỏi cột cờ một chút nghe tiếng nổ "đùng" phát ra từ hướng bàn thờ Phật, tôi xoay người trở lại chưa kịp bước trung sĩ Ngô thất thanh chạy la lên:

- Đại úy ơi! Đại úy ơi! Thiếu tướng tự sát chết rồi.

Trong lúc sợ hãi, anh Ngô gọi tôi là Đại úy. Tôi chạy nhanh vào thấy cảnh tượng hãi hùng chưa bao giờ gặp. Tư lệnh ngã ngửa hơi lệch về phía sau sofa, đầu hơi nghiêng về bên trái, khẩu Colt 45 vẫn còn trong tay buông thõng xuống lòng Tư lệnh nhưng những ngón tay cầm súng đã rời lỏng, đầu đạn xuyên qua màng tang phải qua trái, ngược mắt nhìn lên trần

nhà. Tư lệnh chưa chết, nhưng nói không được, giật run rẩy người, miệng há hốc, từ trong cổ họng nấc lên tiếng "khọc, khọc, khọc" từng chập và từ từ nhỏ dần. Anh Ngô thấy vậy vội nói:

- Thôi mình chờ Thiếu tướng đi bệnh viện.

Tôi và anh Ngô ôm chầm lấy Thiếu tướng vừa khóc vừa nói:

- Chắc trễ rồi, vết thương ở đầu vô phương cứu chữa, hơn nữa Thiếu tướng đã quyết định tự sát. Hèn chi hôm qua Thiếu tướng đi thăm anh em thương binh ở bệnh viện Phan Thanh Giản rất lâu và nói với anh em thương binh qua ở lại với các em.

Anh Ngô nói tiếp:

- Em đâu dám đến gần Thiếu tướng. Đứng ở ngoài cửa em chỉ thấy lưng Thiếu tướng. Em thấy Thiếu tướng móc từ trong túi ra, em tưởng Thiếu tướng lấy thuốc hút, nào ngờ Thiếu tướng nổ súng liền em chạy lại đâu kịp.

Vừa nói anh Ngô khóc nức nở, chúng tôi vẫn ôm chầm lấy Tư lệnh khóc. Trong lúc bối rối và hết hồn, tôi đâu có tâm trí đi xem đồng hồ, khoảng 7 giờ 30 ngày 1 tháng 5 năm 1975.

Lê Ngọc Danh

### **Cải táng mộ Tướng Nguyễn Khoa Nam**

Đầu năm 1984...vừa ra Tết Nguyên Đán năm Giáp Tý, có người ở Cần Thơ lên báo cho tôi biết Nghĩa Trang Quân Đội Cần Thơ sắp bị giải toả, các mộ phần trong nghĩa trang cần được bốc đi trước tháng 5-1984. Tôi biết mình phải làm gì.

Sau tháng 5-1975, từ lúc chồng tôi đi cải tạo dài hạn, năm đầu ở trong Nam, năm sau chuyển ra Bắc, tôi quen phải đối phó với nhiều tình huống xảy ra trong gia đình chồng. Vì phải quán

xuyên một phần lớn công việc nhà chồng, tôi nhiều lúc lo không xuể, nên cần sự giúp đỡ của chị chồng, Nguyễn Khoa Diệu Khâm, các cháu Diệu Thu, Diệu Thúy và các bác, các chú trong gia đình.

Tôi lên nhà chị Diệu Khâm để cùng bàn chuyện đi Cần Thơ cải táng mộ Tướng Nguyễn Khoa Nam. Lúc bấy giờ chị chồng tôi đã lớn tuổi, không thể lặn lội đường xá xa xôi, nên nhờ cô con gái lớn là Diệu Thu cùng đi với tôi. Ngày 15-2-1984, tôi và cháu Diệu Thu ra bến xe đò miền Tây thật sớm để kịp chuyến xe 5 giờ sáng và khoảng 1 giờ trưa hai vợ cháu đến Cần Thơ. Chúng tôi dò hỏi rồi tìm đến ngôi nhà của chú Hai, nằm bên kia đường đối diện với nghĩa trang. Chú Hai là một cựu quân nhân thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà cũ, giữ việc trông coi nghĩa địa này. Chú thím Hai, đều khoảng 50 tuổi, tính tình thật thà đôn hậu, nhất là khi biết chúng tôi là người nhà của Tướng Nam thì chú thím tỏ ra rất chân tình và sẵn lòng giúp đỡ. Tôi ngỏ ý muốn cải táng mộ phần Tướng Nam với chú thím. Chú thím Hai đồng ý giúp ngay, nhưng hẹn vài tuần sau chúng tôi sẽ trở lại gặp chú vì chú phải chuẩn bị các phương tiện cần thiết cho việc bốc mộ. Ngay 3 giờ chiều cùng ngày, tôi và Diệu Thu ra bến xe trở về Sài Gòn để khởi ngủ lại đêm.

Hai tuần sau, tôi viết thư cho chú thím Hai định ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tý, tức là ngày 14-3-1984 chúng tôi sẽ có mặt tại Cần Thơ để nhờ chú thím lo lắng giùm chuyện bốc mộ. Đúng ngày 14-3-1984, vì Diệu Thu bận việc ở trường, nên lần này tôi và Diệu Thúy, em của Diệu Thu, khởi hành đi Cần Thơ cũng thật sớm. Hai vợ cháu chúng tôi đến Cần Thơ khoảng 3 giờ chiều cùng ngày và thấy chú thím Hai đã chuẩn bị sẵn sàng tất cả dụng cụ cần thiết cho công việc.

Hai vợ chồng chú thím Hai và chúng tôi đi theo đường chính vào công Nghĩa Trang Quân Đội Cần Thơ, rồi rẽ vào phía góc trái. Chú Hai vừa nói vừa chỉ vào một ngôi mộ nằm trong góc:

"Đây là ngôi mộ của Tướng Nguyễn Khoa Nam, 9 năm qua tôi vẫn thường đến chăm sóc và cầu nguyện cho ông. Tôi cũng thấp hương và cầu xin ông giúp đỡ gia đình tôi được nhiều bình an... Hồi xưa, mỗi lần ông Nam đến đây thăm mộ chiến sĩ, tôi vẫn đứng xa nhìn ông với tất cả niềm tin yêu và kính trọng."

Ngưng một chút, chú Hai nói thêm:

"Cách đây 2 tháng, bà mẹ của Bác Sĩ Tựu cũng đã về đây nhờ tôi bốc mộ cho ông rồi. Ông Bác Sĩ Tựu cũng tự bắn chết ngày 30-4-1975 tại Quân Y Viện Cần Thơ."

Nói xong, chú Hai bắt tay vào việc. Hai vợ chồng chú Hai đào mộ thật nhanh vì đã quen công việc này. Chẳng mấy chốc, nắp quan tài đã hiện ra, phần lớn nắp đã mục nát. Khi mở nắp quan tài Tướng Nam, tôi thấy bộ quân phục tác chiến của ông cũng đã mục hết rồi. Chú Hai tìm ra được tám thẻ bài quân nhân và đưa cho tôi xem. Tám thẻ bài có sợi dây chuyền đã rỉ sét một phần, trên mặt có ghi rõ tên Nguyễn Khoa Nam, số quân 47Axxxxxx. Dần dần, chú Hai tìm thấy một bọc plastic nhỏ bằng bao thuốc lá trong là cuốn Kinh Chú Lăng Nghiêm còn nguyên một phần nhờ được bao kín và một khẩu Browning ở túi áo phía dưới. Tôi để tất cả kỷ vật này trong túi ny lông và giao cho cháu Diệu Thúy giữ.

Xương sọ của Tướng Nam còn nguyên với hai hàm răng thật tốt, có lẽ chưa hề thấy răng người nào tốt như vậy. Tôi nói đùa với Diệu Thúy: " Dòng Nguyễn Khoa răng ai cũng tốt... răng cậu Phước cũng vậy, Đông à!" Tất cả xương cốt được chú Hai xếp lên một tấm tôn rồi chú rưới xăng lên đồng xương hoá thiêu. Tôi và cháu Diệu Thúy đứng nhìn, miệng niệm Phật mà lòng thương cảm vô cùng. Sau đó, chúng tôi trở về nhà chú Hai ngôi nghỉ, chờ cho việc hoá táng hoàn tất. Khoảng 6 giờ chiều, trời bắt đầu tối, đoạn đường đi ngang nghĩa trang đã vắng người, ánh nắng chiều đã tắt hẳn sau hàng tre của nghĩa trang, bỗng dưng tôi cảm thấy lạnh người. Tôi và Diệu Thúy đi theo

chú Hai vào lại nghĩa trang, đến chỗ hoá táng bên mộ Tướng Nam, tôi thấy trên tấm tôn chỉ còn lại một đồng tro hài cốt. Chú Hai xúc tất cả tro cốt vào trong hai túi ny lông, bọc kỹ nhiều lớp và giao cho tôi. Chúng tôi lặng lẽ đi ra công nghĩa trang, trả thù lao, cảm ơn và từ giã chú thím Hai.

Tôi và Diệu Thúy đi bộ một quãng cách xa nghĩa trang rồi gọi xích lô về khách sạn ở ngay trung tâm thành phố Cần Thơ. Hai mợ cháu lặng lẽ mở cửa phòng khách sạn, cất hết kỷ vật và hai bao ny lông hài cốt Tướng Nam vào dưới đáy xách tay đựng áo quần và hành lý rồi cùng nhau ra phố ăn cơm tối, định sáng mai sẽ khởi hành về Sài Gòn. Tôi hơi lo vì sợ công an xét hỏi dọc đường nên thì thầm khẩn vái" " Em đem hài cốt anh về Sài Gòn để thờ ở trong Chùa, xin anh phù hộ cho em đi về bình an."

Sáng hôm sau, hai mợ cháu ra bến xe đò thật sớm để về Sài Gòn. Tới bắc Cần Thơ, hai mợ cháu xuống phà trở qua bên kia Sông Hậu. Đứng trên phà Cần Thơ nhìn mặt nước mênh mông và khung cảnh mộc mạc hai bên bờ sông, tự nhiên tôi có ý nghĩ : "Có lẽ mình nên rải một ít tro của Tướng Nam ở đây vì thuở sinh tiền người đã chiến đấu và chết cho vùng đồng bằng sông Cửu Long này." Nghĩ là làm ngay, tôi đi lần ra phía mũi phà, trong lúc không có ai để ý, tôi mở một bao ny lông đựng tro cốt Tướng Nam và rắc xuống sông một nửa. Tro cốt hoà vào làn nước đục phù sa, và ít bụi tro theo làn gió sông lướt qua mặt tôi lạnh lạnh. Tôi có cảm tưởng như anh linh của Tướng Nam và các vị tướng sĩ khác vẫn hiện diện khắp nơi trên núi sông đất nước để phù trợ, quan phòng cho quê hương và dân tộc Việt Nam. Tôi gói bao ny lông còn nửa phần tro cốt lại, định sẽ làm như vậy khi qua sông Tiền Giang ở bắc Mỹ Thuận. Khi qua bắc Mỹ Thuận, tôi cũng rải tro cốt Tướng Nam xuống sông y như tôi đã làm ở sông Hậu Giang, và tôi chỉ còn một bao cốt khi về đến Sài Gòn.

Về đến Sài Gòn, tôi đem cốt lên chùa Già Lam ở Bình Hoà, Gia Định là chùa do Thượng Toạ Thích Trí Thủ trụ trì, Hoà

Thượng Thích Trí Thủ là một vị sư nổi tiếng và có những thâm tình với dòng họ Nguyễn Khoa từ lúc ngài còn ở Huế và đã trụ trì chùa Bà La Mật một thời gian khá lâu. Tro cốt của Tướng Nguyễn Khoa Nam được đựng trong một bình sứ có in hình màu và có ghi họ tên ở dưới tấm hình. Tôi trình lên Hoà Thượng Thích Trí Thủ để xin làm lễ cầu siêu và ký cốt.

Hoà Thượng ngày xưa là bạn của ông nhạc và cha chúng tôi nên ngài đã chấp thuận đứng ra chủ lễ mặc dù trong khoảng thời gian này chùa đang gặp khá nhiều chuyện rắc rối. Buổi lễ được tổ chức rất trọng thể và trang nghiêm. Gia đình tôi cố tình giữ kín nhưng bà con và thân hữu, đặc biệt là nhiều sĩ quan thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hoà cũ đã tham dự đông đảo ngoài sự tưởng tượng của chúng tôi và nhà chùa.

Tôi cũng không ngờ sau buổi lễ cầu siêu cho Tướng Nam một tuần, Thượng Toạ Thích Trí Thủ bị đưa vào Bệnh Viện Thống Nhất (Bệnh Viện Vi Dân cũ) với bệnh trạng không rõ và Ngài đã viên tịch sau đó mấy ngày. Lễ cầu siêu cho Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam được tổ chức vào ngày 18-3-1984 tính đến ngày Thượng Toạ Trí Thủ viên tịch chỉ khoảng 12 ngày. Ngài đã đứng ra chủ lễ cầu siêu cho Tướng Nam và đó cũng là buổi hành lễ cuối cùng trong đời của Hoà Thượng Thích Trí Thủ.

Trần Thị Kim Đính

(Cô Trần Thị Kim Đính, Giáo Sư Vạn Vật - Phu nhân của  
Thầy Hiệu Trưởng Trường Hồ Ngọc Cẩn Nguyễn Khoa  
Phước)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Khoa Nam Blog: [viteuu.blogspot.com](http://viteuu.blogspot.com)
- *Những giờ phút cuối cùng của Tướng Nguyễn Khoa Nam*  
Blog: [ongvove.wordpress.com](http://ongvove.wordpress.com)
- *Cải táng mộ Tướng Nam* Blog: [diendantrunghochn.com](http://diendantrunghochn.com)



### **Chương thứ ba: Từ cấp Tá cho đến binh sĩ tuần tiết.**

Trong danh sách những người tuần tiết, có những vị Đại tá, Trung tá, Thiếu tá chẳng hạn như Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42, Sư Đoàn 22 Bộ Binh, ông thuộc khóa 16 Đà Lạt tạt sát ngày 31-3-1975 tại Quy Nhơn; Trung Tá Nguyễn Đình Chi Phụ Tá Chánh sở 3 ANQĐ, Cục An Ninh Quân Đội, tạt sát ngày 30-4-1975 tại Cục An Ninh; Trung Tá Phạm Đức Lợi, phụ tá Trưởng Khối Không Ảnh P2/Bộ TTM, tạt sát ngày 30-4-1975; Hải Quân Thiếu Tá Lê Anh Tuấn (bào đệ của Trung Tướng Lê Nguyên Khang), tạt sát ngày 30-4-1975; Thiếu Tá Không Quân Nguyễn Gia Tập, đặc trách khu vực tại Bộ Tư Lệnh KQ, tạt sát ngày 30-4-75 tại BTLKQ; Thiếu Úy Nhảy Dù Huỳnh Văn Thái, khoá 5/69 Thủ Đức, tạt sát tập thể ngày 30-4-1975 cùng 7 lính Nhảy Dù tại Ngã 6 Chợ Lớn; Thượng Sĩ Bùi Quang Bộ, trường Truyền Tin Vũng Tàu. Tạt sát ngày 30-4-1975 cùng gia đình 9 người tại Vũng Tàu...

Và còn nữa, họ là những Hạ sĩ quan, thậm chí chỉ là những quân nhân mà thôi, họ cũng biết "thà chết vinh hơn sống nhục" chẳng hạn như Hồ Chí Tâm Bình nhì, Tiểu Đoàn 490 Địa Phương Quân (Mãnh Sư) thuộc Tiểu Khu Ba Xuyên (Cà Mau), tự sát bằng súng M16 trưa ngày 30-4-1975 tại Đầm Cùn, Cà Mau.

Tiếc rằng chúng tôi không có đủ tài liệu về những vị anh hùng này, để trình bày cho độc giả cùng khâm phục những người giữ tròn khí tiết, đã làm rạng danh cho Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

## 1) Trung tá Nguyễn Văn Long



### Trung tá Nguyễn Văn Long (1919-1975)

Nguyễn Văn Long sinh ngày 1 tháng 6 năm 1919, tại Phú Hội Huế.

Năm 1975, ông Long là Chánh Sở Tư Pháp Vùng I Chiến thuật, người mới từ Đà Nẵng di tản về Sài Gòn.

Gia đình ông Long rất đông con, có tất cả 13 anh chị em, 6 trai 7 gái. Con trưởng là Thiếu úy biệt động quân Nguyễn Công Phụng (1942-1968) hy sinh tại Quảng Tín. Trong số 6 người con trai (Phụng, Hoàng, Minh, Tiến, Quang, Hội) có đến 5 người đi lính: 2 người vào Không quân, 1 Thiết giáp, 1 Cảnh sát và 1 Biệt động quân. Trong số 7 người con gái (Đào, Tâm, Thiện, Hòa, Hảo, Hiền, Huê) chỉ có 3 chị em ở Hoa Kỳ, số còn lại đều sống tại Việt Nam.

Sau năm 2003, người ta mới tìm ra thân nhân của Trung Tá Long. Bà Tâm, con gái thứ hai của ông Long kể về những ngày cuối cùng:

*“Lúc đó vào cuối tháng 3/75 ở Đà Nẵng ba vẫn làm việc trong trại, không về nhà. Hai cậu em không quân, một ở Đà Nẵng,*

*một ở Biên Hòa. Một cậu đưa cả nhà vào sân bay Đà Nẵng chờ di tản. Nhưng rồi cũng không đi được. Vào ngày cuối cha về nhà không thấy gia đình. Ông nghĩ rằng vợ con có thể đã đi thoát trong phi trường. Ông xuống bãi và ra đi bằng tàu về Sài Gòn... ”*

Vào đến Sài Gòn đã có cô con gái lớn đón ông về ở tạm, lúc đó mới biết vợ con còn kẹt ở Đà Nẵng, ông Long vào trình diện Tổng nha Cảnh sát.

Trưa ngày 30-4-75 khi radio phát thanh lời Tổng thống kêu gọi đầu hàng, Trung tá Long, chính tề trong bộ cảnh phục, đến bức tượng TQLC trước Quốc hội... Một phát súng được bắn vào thái dương, ông ngã xuống và buông khẩu súng nhỏ theo lệnh Tổng thống! Khẩu súng tùy thân Trung tá Long vẫn mang theo từ Huế, Đà Nẵng vào đến Sài Gòn.

Do giấy tờ tùy thân ghi địa chỉ ở Đà Nẵng, nên bệnh viện báo tin cho thân nhân ở Đà Nẵng. Khi gia đình được tin, vì Đà Nẵng mất mau quá, ông Long chưa kịp lãnh lương tháng ba nên nhà không có tiền vào Sài Gòn. Chỉ có cô Tâm, con thứ ba vào nhận xác. Tới Sài Gòn ngày 17 tháng 5 cô Tâm cùng với một người chị thứ hai tên Đào và người em gái tên Thuận đang làm việc tại Saigon tới bệnh viện Grall để nhận xác ông Long.

Tại đây nhân viên Bệnh Viện, như có được lệnh của Ban Giám Đốc, đã dành mọi dễ dàng, chỉ vẽ tận tâm chu đáo và tỏ ra có thiện cảm đặc biệt với người chết. Họ tắm rửa, thoa thuốc, uốn nắn và chăm sóc thi thể nhẹ nhàng từ tế đến độ làm cho thân nhân cảm động và ngạc nhiên. Ngày chôn cất có ban hậu sự bệnh viện mặc sắc phục và xe tang đàn hoàng, đưa tiễn tới Nghĩa Trang. Tất cả đều hoàn toàn miễn phí. Thi hài được mai táng tại Nghĩa Trang Giáo Xứ Công Giáo Bà Quẹo với đầy đủ lễ nghi tôn giáo. Có Linh mục đến làm phép xác. Rõ ràng là người chết vì nước, đáng mặt anh hùng nên được bệnh viện của Pháp kính trọng. Ít năm sau gia đình cải táng. Lần này có mặt đầy đủ vợ, con và các cháu, xác được hỏa thiêu. Tro ký

THÀ CHẾT VINH HƠN SỐNG NHỰC

thác tại Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn, đường Kỳ  
Đông.

Tài liệu :

**Máu Trung Tá Long đã thấm xuống lòng đất mẹ**



Tôi không hiểu, trong Dinh Độc Lập, Dương văn Minh và bọn hàng thần lơ láo đến mức độ nào trước ống kính xác xược của bọn phóng viên cộng sản và trước những câu hạch hỏi hỗn láo của bộ đội giải phóng cấp tá. Họ có nghe những tiếng súng

danh dự, trách nhiệm, tổ quốc của lính văn nghệ diệt T-54 ở cầu Thị Nghè, của lính nhảy dù cách cổng Dinh Độc Lập chẳng bao xa? Chúng tôi vào trung tâm thành phố. Dân chúng đang bu kín công viên dựng hai người chiến sĩ thủy quân lục chiến Việt Nam hơng súng nhắm thẳng vào Hạ Viện. Những chiếc loa gắn trên cây cao đã oang oang giọng nói mới chào mừng giải phóng miền Nam. Bài hát Tiến vào Sài Gòn ta quét sạch giặc thù muốn rung chuyển thành phố. Nhưng trời vẫn thiếu nắng. Cộng sản đã tiếp thu Đài phát thanh, Bưu điện... Giọng nói cây cáo của Lý Quý Chung và ca khúc Nổi vòng tay lớn không còn nữa.

Chúng tôi lách đám đông. Dưới chân tượng đài của thủy quân lục chiến, xác một người cảnh sát nằm đó. Máu ở đầu ông ta chảy ra tươi rói. Người sĩ quan cảnh sát đeo lon Trung tá. Ông ta mặc đồng phục màu xanh. Nấp túi ngực in chữ Long. Trung tá cảnh sát Long đã tự sát ở đây Cộng sản để mặc ông ta nằm gối đầu trên vũng máu. Phóng viên truyền hình Pháp quay rất lâu cảnh này. Lúc tôi đến là 14 giờ 30. Dân chúng đứng mặc niệm trung tá Long, nước mắt đầm đìa. Những người không khóc thì mắt đỏ hoe, chớp nhanh. Tất cả im lặng, thây kệ những bài ca cách mạng, những lời hoan hô bộ đội giải phóng.

Trung tá Long đã chọn đúng chỗ để tuần tiết. Tướng giữ thành Sài Gòn là Tổng trấn Sài Gòn đã đào ngũ. Tướng giữ thành Sài Gòn là Đô trưởng Sài Gòn đã đào ngũ. Tướng giữ thành Sài Gòn là Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia đã đào ngũ. Không có Hoàng Diệu, ở những trạng lịch sử chó đẻ của thời đại chúng ta. Và trên những tiểu thuyết đấu tranh, những hồi ký chiến đấu của những con người tự nhỡ sống hùng mọi hoàn cảnh, người ta không thấy một dòng nào viết về cái chết tuyệt vời của trung tá Cảnh sát tên Long. Cộng sản đã chẳng ngu dại phong anh hùng, liệt sĩ cho quốc gia. Họ độc quyền anh hùng, liệt sĩ. Ở

những cuộc đấu thầu anh hùng, liệt sĩ quốc gia tại hải ngoại, chưa thấy một nén tâm hương tưởng mộ trung tá Long. Có lẽ, liệt sĩ đích thật không lái lớn bằng liệt sĩ giả vờ thế thì thời đại chúng ta đang sống là cái thời đại gì nhỉ? Nó không chịu, không thích vinh tôn cái thật, đã đành, nó còn nhận chìm cái thật và vấy bẩn lên cái thật một cách thô bạo, ầm ỹ và lạnh lùng. Khi cái thật bị nhận chìm, bị vấy bẩn, cái giả nổi bật, sáng giá và chói lọi, thơm tho. Như vậy, mọi giá trị về tinh thần, về đạo nghĩa bị nhòe chìm theo. Rốt cuộc, bọn giả hình sống với cái giả của chúng, huyễn hoặc mọi người bằng cái giả với bạo lực của quyền uy hợp pháp và cả quyền uy ảo tưởng hậu thuẫn. Và người công chính thụ động, buông xuôi. Cuối cùng, con cháu chúng ta sẽ chỉ biết liệt sĩ đất sét, anh hùng gian dối, vĩ nhân phùng tuồng.

Tôi muốn biểu dương trung tá Long như Hoàng Diệu hôm nay, Hoàng Diệu của Sài Gòn. ông ta đang nằm kia, dưới chân tượng đài thủy quân lục chiến Việt Nam anh dũng. Máu trung tá Long đã thấm xuống lòng đất mẹ. Cái chết của trung tá Long nếu chưa thức tỉnh được sự u mê của thế giới tự do thân cộng, của bọn phản chiến làm đáng thì, ít ra, nó cũng biểu lộ cái khí phách của một sĩ quan Việt Nam không biết hàng giặc. Tôi không mấy hy vọng cái chết của trung tá Long lay động nổi cái bóng tối vô liêm sỉ trùm đặc tâm hồn những ông tướng đào ngũ. Chúng ta hãnh diện làm người Việt Nam lưu vong vì chúng ta còn trung tá Long không đào ngũ, không đầu hàng giặc và biết chết cho danh dự miền Nam, danh dự của tổ quốc.

- Tôi chứng kiến tự phút đầu.

- Ông nói sao?

- Tôi nhìn rõ ông ta rút súng bắn vào thái dương mình.

- Thật chứ?
- Đáng lẽ tôi phải nói dối.
- Tại sao?
- Vì nói thật lúc này không có lợi.

Tôi nghe hai người Sài gòn nói chuyện. Và tôi được nghe "Huyền sử một người mang tên Long" do một trong hai người kể. Truyện như vậy: 10 giờ 30, Dương văn Minh đọc lệnh đầu hàng, quân đội và cảnh sát tuân lệnh Tổng thống, lột quần áo, giày vớ, nón mũ, vất súng đạn bỏ chạy về nhà mình hay nhà thân nhân của mình. Một mình trung tá Long không lột chiến bào, không phi tang tích huân chương, không liệng súng đạn. Trung tá Long từ nơi nào đến, chẳng ai rõ. ông xuất hiện ở công viên trước Hạ Viện hồi 12 giờ. Ngồi trên ghế đá, ông ta trầm ngâm hút thuốc. Rồi ông ta nhìn trước, nhìn sau, ngó ngang, ngó dọc. Rồi ông ta đưa tay ôm lấy đầu, cúi thấp. Khi ấy, Sài gòn đã ồn ào tiếng hoan hô cộng sản giải phóng. Bất chợt, ông ta đứng dậy, chậm rãi bước gần chân tượng đài. Trung tá Long đứng thẳng. ông ta ngẩng mặt. Thản nhiên, ông ta rút khẩu Colt, kê họng súng vào thái dương mình bóp cò. Tiếng đạn nổ trùm lấp tiếng hoan hô cộng sản. Trung tá Long đổ rạp.

- Đó, diễn tiến cái chết của Trung Tá Long.
- Ông có mặt ở đây trước lúc trung tá Long xuất hiện?
- Phải. Tôi tuyệt vọng, không thiết về nhà nữa.
- Rồi sao?



- Dân chúng bu quanh xác trung tá Long. Cộng sản chưa có thì giờ kéo xác ông ta đi. Phóng viên truyền hình Pháp thu cảnh này kỹ lắm. Chỉ tiếc họ đã không thu được cái oai phong凛冽 của trung tá Long. Họ đến quá chậm và họ chỉ quay phim một xác chết. ông hãy nhìn cho kỹ. Trung Tá Long tuần tiết cùng chiến bào, cùng cấp bậc, cùng tên mình.

Tôi đã nhìn kỹ. Lịch sử của chúng ta đã có những vị anh hùng chỉ có tên mà không có họ. Như Đô đốc Tuyết, Đô đốc Long... Hôm nay, chúng ta có thêm trung tá Long. Những ai sẽ viết lịch sử? Và liệu sử gia đời sau có soi tỏ niềm u ất của Trung tá Long chảy máu mắt nhìn quê hương lạc vào tay quân thù mà bất lực cứu quê hương, mà chỉ còn biết đem cái chết tạ tội quê hương, dân tộc. Đã hàng tỉ tỉ chữ viết về những chuyện khốn nạn, viết về những tên khốn kiếp, viết về những sự việc khốn cùng. Dòng chữ nào đã viết về Trung tá Long? Người ta đã viết cả pho sách dày cộm để nguyên rửa xác chết. Người ta cũng đã viết cả pho sách dày cộm để suy tôn xác sống. Người ta ồn ào. Người ta vo ve. Dòng chữ nào đã viết về Trung tá Long? Ai đã làm công việc sưu tầm lý lịch đầy đủ của vị liệt sĩ đích thực này? Than ôi, lịch sử đã hóa thành huyền sử. Cho nên người ta nhìn quốc kỳ mà không cảm giác linh hồn tổ quốc phấp phới bay. Chúng ta đang bị sống trong cái thời đại của những ông tướng đào ngũ, của những ông tổng trưởng đào nhiệm không hề biết xấu hổ. Thời đại của chúng ta còn đòi đoan ở chỗ, kẻ sĩ và kẻ vô lại đồng hóa trong "lý tưởng" nguyên rửa xác chết và suy tôn xác sống.

Xưa, Hàm Nghi 8 tuổi, hỏi cận thân:

- Tay bản lấy gì rửa? Cận thân đáp:

- Nước.

Hàm Nghi hỏi thêm:

- Nước bần lấy gì rửa?

Cận thần ngờ ngác:

- Tàu bệ hạ, thần không hiểu.

Hàm Nghi nói:

- Nước bần lấy máu mà rửa!

Trung tá Long đã lấy máu rửa một vết ô nhục 30-4. Lính nhảy dù đã lấy máu rửa một vết ô nhục 30-4. Lính văn nghệ đã lấy máu rửa một vết ô nhục 30-4. Những kẻ tạo ra ô nhục 30-4 lấy gì nhi? Họ đang cầm ca, cầm đĩa xếp hàng giữa tay lấy cơm, lấy nước ở đảo Guam. Biết đâu chẳng xảy ra tranh cơm như tranh quyền bính. Và biết đâu chẳng bị ông quân cảnh Mỹ đen tặng một vài cái tát xiếc! Những kẻ này vẫn thừa thãi vô liêm sỉ để họp bàn, hiến kết cứu nước. Lịch sử lại thêm vài phụ trang chó đẽ.

Giải phóng quân đã đổ đầy trước thềm Hạ Viện. Cỏ đuôi chó hoan hô tung bùng. Dân chúng chiêm ngưỡng Trung Tá Long tản mạn. Trung Tá Long nằm nguyên chỗ ông ngã rạp cho máu rửa nhục Sài gòn. Giã từ liệt sĩ! Vĩnh quyết liệt sĩ. Xin hãy phù hộ tôi kéo dài cuộc sống hèn để có ngày được viết vài dòng về Trung Tá.

Duyên Anh

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Long Blog: [chinhhoiuc.blogspot.com](http://chinhhoiuc.blogspot.com)

- *Máu Trung Tá Long đã thấm xuống lòng đất mẹ* Web: [batkhuat.net](http://batkhuat.net)

## 2) Trung tá Đặng Sỹ Vĩnh



### **Trung tá Đặng Sỹ Vĩnh (19 -1975)**

Đặng Sỹ Vĩnh sinh quán ở miền Bắc.

Năm 1953, tốt nghiệp khóa 3 Liên trường Võ Khoa Thủ Đức.

Năm 1954, gia đình di cư vào Nam theo Hiệp định Geneve.

Từng phục vụ tại Phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH.

Cuối thập niên 1960, ông chuyển sang Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia.

Khoảng 2 giờ chiều, từ nhà Trung tá Đặng Sỹ Vĩnh phát ra những tiếng súng nổ, sau đó người ta phát hiện cả gia đình ông gồm 9 người đã tự sát, trong đó có Trung Úy quân y Đặng Trần Vinh sinh năm 1948 và hai cô con gái út sinh đôi khoảng 15 tuổi. Mỗi người đều có 1 phát đạn bắn vào màng tang, 7 người con nằm ngay ngắn, theo thứ tự từ anh cả cho đến em út, bà Trần Ánh Nguyệt phu nhân Trung tá Vĩnh nằm dưới chân các con, riêng Trung tá Vĩnh, dường như người tự sát sau cùng, nên không được nằm ngay ngắn trên chiếc giường nệm.

Người ta quan sát thấy trên bàn ăn, thức ăn tươm tất, mỗi người đều có một ly nước đã uống, dưới đáy ly còn đọng cặn màu trắng, người ta tin rằng, mỗi người đã uống thuốc ngủ

trước, rồi sau có lẽ ông Vĩnh đã bắn từng người thân yêu của mình, cuối cùng ông tuẫn tiết.

Tại liệu:

**CÂU CHUYỆN TUẦN TIẾT**  
**Thiếu tá Đặng Sỹ Vĩnh BTL CSQG**  
**30-4-1975 tự sát cùng vợ và 7 con**

Vào khoảng đầu năm 1974, Thiếu Tá Vĩnh, vợ và 7 người con dọn về sinh sống ở một khu bình dân, ngoài ngoại ô vùng Sài Gòn.

Theo một người hàng xóm cho biết. Và sau một thời gian rất ngắn, gia đình của Th/Tá Vĩnh được sự thông cảm, và quý mến của bà con lối xóm. Người con trai đầu lòng của Th/Tá Vĩnh chừng 30 tuổi, Tr/Uy Quân Y, sau khi tốt nghiệp trường Dược (Pharmacist Of medical School), và người con gái út khoảng 15 tuổi.

Gia Đình của Th/Tá Vĩnh là một gia đình sung sướng, hạnh phúc, nếu Sài Gòn đừng có rơi vào tay bọn Cộng-sản miền Bắc. Theo lời kể lại của hàng xóm về chuyện Th/Tá Vĩnh, người nắm một chức vụ trong Bộ Cảnh Sát Quốc Gia tại Sài Gòn. Chừng 2 giờ chiều ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi Tổng Thống Dương Văn Minh ra lệnh buông súng đầu hàng, thì bà con xung quanh kề cận với gia đình Th/Tá Vĩnh, nghe vài tiếng súng nổ, xuất phát từ trong nhà của Th/Tá Vĩnh.

Sau khi thấy không còn nguy hiểm, thì những người lối xóm bước vô trong nhà của Th/Tá Vĩnh. Họ đã chứng kiến Th/Tá Vĩnh, vợ, và 7 người con nằm kế bên nhau, trên một chiếc giường, tất cả đều đã chết, do thương tích từ viên đạn xuyên qua thái dương.

Kế bên là bàn ăn, là bữa ăn rất thơm tất. Kế đó là 9 cái ly uống nước trên bàn, mỗi cái ly đều có dấu vết tích để lại một chất bột màu hồng, đọng lại dưới đáy mỗi cái ly. Có lẽ đây là thuốc ngủ, mà trước đó Th/Tá Vĩnh đã cho mỗi người trong gia đình uống.

Sau đó tử tự bằng súng lục Colt45. Một cái tủ sắt đã mở sẵn, Th/Tá Vĩnh đã để lại vài trăm ngàn đồng tiền mặt, tương đương chừng \$500 US dollars, cùng với một bức thư ngắn, do chính tay Th/Tá Vĩnh viết:

*“Bà Con mến, Mong Bà Con niệm tình tha thứ cho gia đình chúng tôi, bởi vì chúng tôi không muốn sống dưới chế độ Cộng-sản này.*

*Nên chúng tôi đã chọn cái chết, và chính cái chết đó, có thể đem lại sự buồn phiền đến với bà con. Xin nhờ bà con báo tin này đến người chị (em) của tôi tên là ..., ở ..., và dùng số tiền này, để lo chôn cất cho gia đình chúng tôi.*

*Xin đa tạ Đặng Sĩ Vĩnh”.*

Tài liệu:

### **Chín nén nhang cho gia đình Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh**

Cuối tháng Tư năm nay, ba mươi năm sau ngày Sài Gòn sụp đổ. Đối với tôi, ở tuổi 11 vào năm 1975, tôi còn nhỏ. Xã hội quanh tôi cũng nhỏ: gia đình, vài đứa bạn tiểu học, hàng quán quanh nhà, chợ Ông Tạ, nhà thờ An Lạc, nhà thờ Nam Thái, trường Bắc Hải... Vậy thôi! Thế nhưng cái xã hội nhỏ và đơn giản của tôi phải mang một dấu ấn sắc, nhọn, nhầy nhụa, dã man. Ba mươi năm sau “ngày ấy”, tôi viết lại câu chuyện này để một lần nhìn vào dấu sẹo trong tâm hồn mình. Viết để lý giải về nó một cách bình tĩnh và trưởng thành hơn. Viết để nói với những người đã đem đến cho tôi kinh nghiệm kinh khủng đó. Nói chung, viết là lối giải tỏa tâm lý ẩn ức của người viết.

Ngày 30/4/1975, lời tuyên bố đầu hàng đã truyền đi. Lá cờ tai họa đã bay trên Dinh Độc Lập. Bố tôi từ Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị về nhà. Mắt ông đổ tia máu. Trước nhà tôi, những người lính cởi trần ngồi lê đường khóc. Họ chửi rủa rằng họ bị phản bội, bị bỏ rơi. Họ nói đến chuyện tự tử để không thẹn với hồn thiêng sông núi. Có cái gì đó khủng khiếp khi những người đàn ông khóc. Hàng xóm sum lại an ủi họ.

Trời chang chang nắng đỏ. Súng ống quân phục đầy đường từ Ngã Tư Bảy Hiền vào Lê Văn Duyệt. Tiếng súng do bọn thanh thiếu niên hoang loạn bắn từ vũ khí vương vãi trên hè phố nổ rền suốt mấy giờ liền. Đến khoảng 2 giờ chiều chỉ còn lác đác tiếng súng ở xa. Nỗi hoang mang tiếp tục gia tăng khi người ta bắt đầu nhìn thấy những người lính miền Bắc đeo ba-lô, đi dép râu, mặt mũi lơ lác, lạ lẫm bắt đầu đi vào con đường hẻm. Bất thình lình, trong cái oi bức, ngột ngạt của không gian, trong cái căng thẳng kinh hoàng của đầu óc, có những tiếng súng nhỏ vang lên trong một căn nhà.

Những tiếng súng ấy nhỏ và không vội vã như người ta bắn qua lại khi giao tranh. Những tiếng súng ấy bình tĩnh, cách nhau đều đặn. Chúng vang lên một cách chắc chắn, chắc chắn như quyết định của người nổ súng. Đó chính là tiếng súng mà Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh đã nổ để kết liễu mạng sống của cả gia đình gồm vợ với bảy người con và chính bản thân ông.

Tôi nhớ, trước đó, khoảng cuối năm 1974, Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh bán căn nhà trong Cư Xá Sĩ Quan Bắc Hải và dọn về ngôi nhà nhỏ xinh cách nhà tôi khoảng mười căn. Ngôi nhà màu xanh lá cây, cổng gạch trắng, không có garage đậu xe, mang số 98/39 đường Phạm Hồng Thái, Gia Định, thuộc Ấp Hòa Bình, quận Tân Bình. Đường hẻm lớn này thường được gọi là Hẻm Con Mát, Khu Ông Tạ. Ngôi nhà nay là 98/39 Cách Mạng Tháng Tám, quận Tân Bình.

Trung Tá Vĩnh thường mang xe sang gửi tại sân nhà ông Năm Châu xế cửa. Đó cũng là nơi tôi nhìn thấy Trung Tá lần cuối khi ông còn sống.

Bà Trung Tá Vĩnh tên tục là Trần Ánh Nguyệt, chị kế của phu nhân lão thi sĩ Hà Thượng Nhân. Ông bà từng làm chủ một nhà in. Ông tốt nghiệp khóa 3 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức năm 1953. Năm 1954, theo vận nước, ông bà Vĩnh vào Sài Gòn.

Ông bà có tất cả bảy người con. Người con cả, anh Đặng Trần Vinh, sinh năm 1948. Hai cô con gái út là một cặp sinh đôi, khoảng 15 tuổi vào năm 1975.

Trung Tá Vĩnh từng sự tại Phòng Nhì Bộ Tổng Tham Mưu và sang làm việc tại Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia từ cuối thập niên 1960. Theo thi lão Hà Thượng Nhân, ông Vĩnh là người rất hiền từ. Một số quý vị đã có dịp làm việc với ông Vĩnh cũng đồng ý như vậy. Theo các vị này, ông Vĩnh không hề cau có, cãi cọ với ai bao giờ. Ông điềm tĩnh và nhân hậu.

Trong ký ức tuổi thơ của tôi, ông Vĩnh lúc ấy 56 tuổi mà còn phong độ. Gặp bố tôi, ông trao đổi một vài câu chuyện với giọng thật hiền hòa, thân thiện. Anh Vinh, con ông lúc ấy 27 tuổi. Hai cô em gái sinh đôi của anh thường đùa nghịch cười rúc rích. Họ đồng tuổi với chị Trang của tôi. Da trắng, tóc dài, đen nhánh, buộc bằng nơ đỏ và xanh dương.

Âm thanh và hình ảnh của gia đình Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh, nếu chỉ có thể trong tôi, đã không trở thành ký ức kinh hoàng. Ký ức đó chỉ một thời gian ngắn sau, đã bằng những tiếng súng chuyển thành kinh hoàng.

Bố tôi nói buổi trưa ngày 30/4/1975, khi nghe tiếng súng: “Chắc bác Vĩnh tự tử rồi!”. Mắt ông vẫn đỏ tía máu. Tôi dư biết ông có khẩu súng lục và một trái lưu đạn trong ngăn kéo

trên lầu. Bố tôi không nói gì nữa. Ông ngồi đó mà không ăn trưa, hai mắt lừ lừ.

Tôi không tin lời bố tôi nói. Một đứa 11 tuổi chưa đủ khả năng để lượng định những áp lực tinh thần đang đè nặng trên vai kẻ sĩ trong lúc đất nước rơi vào tay giặc. Thật sự, dù có tin, tôi cũng không nghĩ đến cái chết của người khác vào lúc đó. Nhưng tôi sợ cái chết của bác Vĩnh và cả nhà sẽ khiến bố tôi quyết định cùng gia đình chọn cái chết hơn là sống với chế độ Cộng Sản.

Mẹ tôi lo ngại, lén lấy súng lục và lựu đạn của bố gói trong bao vải ném xuống kinh Nhiêu Lộc. Mẹ tôi chỉ nói ngắn gọn với bố: “Anh muốn làm gì cũng phải bàn với cả nhà, nhất là với mẹ, người sinh ra anh trên đời này”. Bà tôi thấy vậy cũng sợ, bắt chúng tôi bốn đứa âm thầm thay phiên nhau canh chừng bố. May thay sau đó bố tôi đã thoát được những ám ảnh từ gia đình bác Vĩnh.

Những tiếng súng trong căn nhà Trung Tá Vĩnh vang lên như vậy rồi lặng đi. Mãi đến ngày hôm sau, hàng xóm mới phá cửa vào nhà. Tôi chạy theo, hôi hã chen vào, để rồi chết lặng khi thấy mình đứng cách những xác chết không đầy một thước. Bố tôi nói không sai. Gia đình bác Vĩnh tự tử thật. Ngoài phòng khách, bác treo bộ quân phục đại lễ oai nghi. Nơi trong phòng, quạt máy trên trần vẫn chạy. Những tấm nệm lấy từ trên lầu xuống được xếp ngay ngắn. Xác của bảy người con bác Vĩnh cũng ngay ngắn. Họ nằm cạnh nhau trên nệm, đầu quay ra cửa. Anh Vinh lớn nhất nằm phía ngoài cùng, bên phải. Hai cô gái sinh đôi nằm ngoài cùng bên trái. Bác Vĩnh gái nằm quay ngang dưới chân các con. Mỗi người có một vết đạn duy nhất ở thái dương. Những vũng máu đông đặc. Bác Vĩnh trai nằm trong tư thế như không được ai sắp xếp cho.

Từ nơi tôi đứng có thể nhìn thấy bàn ăn. Thức ăn còn đầy trong đĩa, trong bát. Những ly nước trên bàn còn một nửa. Mỗi ly đều có một lớp đầy cặn màu trắng. Bác Vĩnh có để lại một lá



thư cho ông Đặng Sĩ Toàn, anh trai của bác. Trong một lá thư ngắn khác, bác có lời xin lỗi hàng xóm vì quyết định của gia đình bác có thể làm phiền lòng họ. Bác còn xin họ giúp báo tin cho thân nhân của bác để lo chôn cất. Bác cho biết bác còn một ít tiền để trong ngăn kéo.



*Trung tá Đặng Sĩ Vĩnh BTL CSQG đã tự sát cùng vợ và 7 con.*

Ngay buổi tối hôm bác Vĩnh cùng gia đình ra đi, bọn du thủ du thực trong ấp đã cạy cửa vào lục lọi khắp trong nhà bác và lấy hết tiền bạc cùng những gì chúng tìm thấy trước khi thân nhân đến nơi.

Hàng xóm đã làm theo lời bác yêu cầu. Họ báo với ông Đặng Sĩ Toàn. Ông Toàn báo với bà Hà Thượng Nhân. Chính bà Hà Thượng Nhân đã cùng chị là bà Chấn, chị dâu là bà Tâm, em

gái là bà Viên, làm tang lễ vội vàng tiễn đưa gia đình bác Vĩnh ra nghĩa trang Chí Hòa ngày hôm sau.

Quanh xóm tôi, người ta đoán gia đình bác Vĩnh đã uống thuốc ngủ hoặc một chất độc vì nhìn thấy nhiều cặn màu trắng trong những ly nước. Người ta đoán bác Vĩnh là người cuối cùng ra khỏi cuộc đời vì xác bác nằm không ngay ngắn.

Còn tôi, tôi lạnh người trong nhiều năm mừng tượng về giây phút cuối cùng của gia đình bác Vĩnh. Tôi thắc mắc đủ điều. Ai là người xướng ra đề nghị cả gia đình cùng tuân tiết? Tôi cứ cho rằng chỉ có thể là bác Vĩnh hay anh Vinh. Nhưng bác Vĩnh hay anh Vinh? Người hiền như bác Vĩnh sao đi đến quyết định như vậy? Bác Vĩnh hay anh Vinh có bàn thảo với bác Vĩnh gái trước không? Có nói gì với những người còn lại trong gia đình không? Nói thế nào? Nếu có nói, làm sao có thể thuyết phục người khác cùng chết với mình? Thuyết phục bằng nỗi sợ Cộng Sản? Thuyết phục bằng tình gia đình sống chết có nhau? Thuyết phục bằng lý tưởng không đội trời chung với Cộng Sản? Nếu bác Vĩnh là người ra đi cuối cùng, bác nghĩ gì vào giây phút ấy?

Sau này, người ta lấy nhà bác Vĩnh làm hợp tác xã, rồi phường đội, v.v... Những ai ngủ tại đó không bao giờ dám tắt đèn. Tôi nghĩ bác Vĩnh hiền thế, dọa họ làm chi. Tôi lại ước bác Vĩnh hay các anh chị con bác trở lại thế gian này khóc lóc như những vong hồn thác oan. Với riêng tôi, nếu có thể, hình ảnh gia đình bác không ám ảnh tôi. Thì ít nhất họ cũng thường tình: chết mà không muốn chết nên hiện về phá phách. Nhưng không, chẳng có ai hiện về. Chín thành viên gia đình bác Vĩnh tự tử mà như bằng lòng với chọn lựa của mình. Họ chết cái chết can đảm và chính trực.

Nhưng tại sao người chính trực phải chết thảm cả gia đình? Tiếng sùng của gia đình bác Vĩnh từ đó cho tôi cái nhìn trần tục hơn về xã hội chung quanh. Lý giải về người hiền người ác không chỉ có trong cổ tích trời giúp kẻ hiền lương. Nếu trời

luôn giúp kẻ hiền, sao cả gia đình bác Vĩnh chỉ còn một đường chết? Niềm tin của tôi không có chỗ dựa vững chãi: Thượng Đế tạo ra con gà, con thỏ xinh xinh, rồi lại tạo ra con cọp, con cáo làm gì? Tôi xét đoán về người đối diện một cách dè dặt hơn, bởi có ai đoán nổi quyết định của bác Vĩnh? Bác Vĩnh hiền còn dám thế, người hung hãn sẽ bán cả trời khi uất hận!

Tôi gõ cửa nhà ông bà Hà Thượng Nhân tìm một giải tỏa cho nỗi ám ảnh của mình. Tôi viết như viết tâm sự của mình khi kể lại chuyện thương tâm của gia đình Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh. Hình ảnh anh Vinh và hai chị sinh đôi cùng bốn anh chị em còn lại mặt trắng bệch, mắt nhắm nghiền, máu chảy thành vũng từ thái dương, tóc bay lơ thơ dưới quạt trần, từ nay xin là những đau thương của quá khứ. Chính từ những đau thương ấy, xin cho hiện tại được chăm chút trân trọng hơn. Xin cho tương lai được coi là quan trọng hơn hết khi kính mến những hy sinh, khổ sầu của người đã chết vì vạ nước.

Xin thắp một nén nhang cho mỗi người trong gia đình Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh. Xin gửi lời người đã khuất cầu nguyện cho đất nước, và cho chính tôi được nhẹ nhàng.

*(Bút ký của Nguyễn Hà Tường Anh)*

Tài liệu tham khảo:

- Trung tá Đặng Sỹ Vĩnh Blog:  
[baovecovang2012.wordpress.com](http://baovecovang2012.wordpress.com)
- *Chín nén nhang cho ...* Blog: [haingoaphiemdam.com](http://haingoaphiemdam.com)

## Chương thứ tư: Những trận chiến sau cùng.

Khi vị tư lệnh cuối cùng của Biệt Khu Thủ Đô đến Tổng Tham Mưu thì thấy chung quanh cột cờ lớn có khoảng hơn 300 binh sĩ Biệt Cách và sĩ quan chỉ huy họ đang đứng thành vòng tròn và hòem súng vào... lưng nhau, sẵn sàng nhả đạn tự tử tập thể. Tướng Phát phải nói với họ trong nước mắt rằng quân đội VNCH đứng vững cho đến giờ chót là nhờ tinh thần kỷ luật. Vậy lúc này đã có lệnh buông súng thì anh em ai về nhà nấy mà lo cho gia đình. Tự tử không có ích lợi gì cho mình cả. Các quân nhân nghe lời, chỉ có một vài sĩ quan trẻ tuổi đã tự tử. Đến 1 giờ trưa, tướng Phát bàn giao Biệt Khu Thủ Đô cho tướng Việt Cộng Ba Hồng. Sau đó tướng Ba Hồng mời tướng Phát đến Tổng Tham Mưu. Tại đây, khoảng 500 chiến xa T. 55 của Cộng quân nằm kín chung quanh cột cờ. Đáng lẽ những chiến xa này đã đi thẳng sang Tây Ninh theo đường vòng đại Saigon. Nhưng sự đầu hàng của Dương Văn Minh đã thay đổi hết kế hoạch tiến đánh Thái Lan của Cộng Sản (tướng Lâm Văn Phát đã từ trần trong tuổi già tại Santa Ana, California ngày 30 tháng 10 năm 1998)



Nhưng hai trận đánh trên đây cũng chưa phải là trận đánh cuối cùng trong ngày 30 tháng 4. Trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu đã chiến đấu mãnh liệt từ trong khuôn viên trường cho đến khoảng 2 giờ trưa. Lúc này, Cộng Sản đã cầm chắc cái thắng trong tay nên chúng không muốn chết thêm nữa. Chúng ngưng bắn và điều đình với các em. Các em đòi chúng phải ngưng bắn và rút ra xa để các em tự giải tán. Khoảng ba giờ chiều, các em hát bài quốc ca, làm lễ hạ cờ. Xong rồi bỏ đồng phục, mặc quần áo thường và từ từ ra khỏi trại, nước mắt ràn rụa trên má...



Tài liệu của ký giả người Pháp Jean Larteguy, đã chứng kiến những giờ phút cuối cùng ở Saigon ngày 29 và 30 tháng 4-75. Thứ Hai 28-4-75 Saigon sáng nay yên tĩnh. Các đơn vị của một lữ đoàn Dù chiếm đóng vị trí của họ trong thành phố, sau bức tường, trong những khu vườn. Họ không buồn rầu và không tuyệt vọng. Họ điều động như thể đang dự một một thao dượt. Đôi lúc họ còn cười với nhau và liệng cho nhau những chai Coca Cola. Họ không nuôi một ảo tưởng về số phận của họ, về kết quả của trận đánh tối hậu này. Nhưng tôi có cảm tưởng là họ nhất định chiến đấu tới cùng, và sẽ tự chôn mình trong những đống nát của Saigon. “Và những binh sĩ tuyệt vời này vẫn còn có được các cấp chỉ huy ở bên họ. Một trong các cấp ấy là một đại tá. Tôi hỏi ông ta xem tình hình ra sao? Ông trả lời: “Chúng tôi sẽ chiến đấu, và chúng tôi sẽ là những người lính

cuối cùng chiến đấu. Hãy nói cho mọi người biết rằng chúng tôi chết không phải vì Thiệu, vì Hương hay vì Minh.”

Sau khi Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng. Larteguy lại được chứng kiến tận mắt trận đánh cuối cùng của các đơn vị VNCH tại Saigon, và ghi lại như sau: “Gần Lăng Cha Cả, quân Dù đánh trận chốt. Họ chiến đấu tới 11 giờ 30 trưa, cho tới khi các cấp chỉ huy của họ từ dinh Tổng Thống trở về sau cuộc gặp gỡ bi thảm với tướng Minh. Các sĩ quan này khuyên họ nên ngưng chiến đấu. Họ vừa hạ được 5 xe tăng T-54. Những xe ấy còn đang cháy ngùn ngụt. Một chiếc nổ tung vì đạn trong xe. Quân Dù không để lại trên trận địa một thứ gì, dầu là vũ khí, đồ trang bị, người bị thương hoặc người chết.”



Từ ngày hôm trước các đơn vị cộng quân này đã bị chặn tại gần Hóc Môn, gần nơi có Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù do Lữ Đoàn 4 của Sư Đoàn Dù trấn giữ dưới sự chỉ huy của đại tá Vinh, sĩ quan to con, mặt phong trần, nhất định bất chấp lệnh ngưng bắn. “Đến chiều tối 400 chiến sĩ Mũ Đỏ (Dù) được gom từ trận Hóc Môn và từ phi trường, tụ lại quanh đại tá Vinh, và còn chiến đấu gần chợ chính và các nơi có ruộng lúa của tỉnh Chợ Lớn. Đến 10 giờ đêm, đại tá Vinh cho lệnh các binh sĩ chia thành toán nhỏ, lợi dụng bóng đêm để rút về đồng bằng...” Darcourt cho biết đại tá Vinh đã ở lại vị trí và tự sát.

(Trích từ *Người Chiến Sĩ VNCH ngày cuối cùng của cuộc chiến* trên Blog OVV)

Ở vùng IV, Tiểu khu Chương Thiện do Đại tá Hồ Ngọc Cẩn chỉ huy và chi khu Kiến Thiện do Thiếu tá Quận trưởng Trịnh Tấn Tiếp vẫn tiếp tục chiến đấu cho đến ngày 1-5-1975, khi hết đạn dược họ mới bị cộng quân bắt. Có lẽ Tiểu khu Chương Thiện là đơn vị cuối cùng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Đại tá Hồ Ngọc Cẩn bị bắt vào lúc 15 giờ ngày 1-5-1975.

Tại tỉnh Long Châu Tiền (gồm một số huyện của Đồng Tháp và An Giang ngày nay), Tiểu khu trưởng Sa Đéc, Tiểu khu trưởng Châu Đốc và một số sỹ quan Việt Nam Cộng hòa đã tập hợp trên 10.000 binh sỹ Địa phương quân và Nghĩa quân, từ các nơi dồn về Tổ Đình ở xã Hòa Hảo, huyện Phú Tân tuyên bố “tử thủ” và lập “khu tự trị” ở Long Xuyên và Châu Đốc. Sau đó, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, buộc binh sỹ phải đầu hàng vô điều kiện.

7 giờ ngày 3-1975, lực lượng bộ đội vào Tổ Đình, tiếp nhận bàn giao vũ khí của hơn 8.000 lính binh sỹ. Sau đó, một số binh sỹ kéo về Chợ Mới, tập trung tại chùa Tây An, coi đây là nơi tử thủ cuối cùng. Tỉnh Sa Đéc điều lực lượng đến và phát động quần chúng bao vây, tấn công làm tan rã lực lượng chống cự ở chùa Tây An. Ngày 6-5-1975, cờ giải phóng phát phơ tại sân chùa Tây An, cuộc chống cự ở Miền Nam chính thức chấm dứt từ đó.

### **Những vụ tự sát tập thể hào hùng**

Theo tài liệu 30-04 trong kho dữ liệu của hãng Thông tấn Nhật bản Kyodo về "*Bảy Hiệp Sĩ Việt Nam*". Ngày 30-04-1975 là ngày đau thương vì QLVNCH bị bức tử, người lính bị bẻ gãy súng bởi chiến lược toàn cầu của Mỹ thay đổi. Bảy người lính Dù do trưởng toán là thiếu úy Hoàng Văn Thái tụ họp tại một bùng binh ngã sáu trong Chợ Lớn, và họ chọn lựa sự buông

súng trong danh dự khi tự kết liễu đời mình sau khi hát xong bài quốc ca VNCH, họ xếp thành vòng tròn, mỗi người tay trong tay một quả lựu đạn, mở chốt một lượt. Một tiếng nổ chát chúa tiễn biệt họ ra đi vì danh dự.

Sự tự sát tập thể của 9 quân nhân Nhảy Dù, theo lời tường thuật của anh Trung úy Cảnh sát Nguyễn Văn Đình định cư ở Houston chứng kiến tại hiện trường sự tự sát tập thể của 9 quân nhân Nhảy Dù, họ nằm trong toán bảo vệ Đài Phát Thanh và Đài Truyền Hình. Khi lệnh buông súng ban ra toán quân nhân này đã xả súng bắn vào nhau, xác thân họ tan nát cho sự ra đi nhuộm màu máu anh hùng nhất, đáng kính nhất của QLVNCH.

(Từ [thongtinberlin.net](http://thongtinberlin.net))

Ở ngã tư Hồng Thập Tự và Lê Văn Duyệt, là nơi chỉ có 4 người lính Dù vũ trang đại liên và Bazzoka mà chiến đấu được trong 50 phút. Đến khi hết đạn, họ đi ra ngoài giữa đường, nắm vai nhau, lập thành vòng tròn rồi cho nổ một tràng lựu đạn tự sát.

### **Cá nhân tự sát.**

Một câu chuyện khác do tướng Lâm Văn Phát kể lại, là sau khi Dương Văn Minh điện thoại cho ông phải ra lệnh ngưng bắn thì ông xuống dưới nhà. Dưới chân cầu thang, một người Quân Cảnh đã đứng nghiêm chào ông và nói: “Vĩnh biệt thiếu tướng”, rồi rút súng bắn vào đầu tự tử.

(Trích: *Người Chiến Sĩ VNCH ngày cuối cùng của cuộc chiến*  
<https://ongvove.wordpress.com>)



**Chương thứ năm: Cựu viên chức VNCH tuấn tiết.**

Trong những viên chức của chánh thể Việt nam Cộng Hòa, có những người chết trong nhà tù Chí Hòa như cựu Thủ tướng Phan Huy Quát (1908-1979), trong trại cải tạo như cựu Phó thủ tướng Trần Văn Tuyên (1913-1976), riêng có luật sư Trần Chánh Thành cựu Bộ Trưởng Thông Tin dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đã tuấn Tiết tại nhà riêng, sau khi Cộng sản đã chiếm miền Nam.

## 1) Trần Chánh Thành



### Trần Chánh Thành (19?? -1975)

Đầu thập niên 1940, tốt nghiệp Cử Nhân Luật, Đại học Luật khoa Hà Nội.

Năm 1945, là Chánh văn phòng, Bộ Tư Pháp chánh phủ Trần Trọng Kim.

Năm 1946-1949, là Giám Đốc Tư Pháp Liên Khu 3, thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Năm 1949-1951, là Giám Đốc Kinh Tế Liên Khu 3, thời kỳ kháng chiến chống Pháp, rời bỏ chiến khu, dùng mảng nhỏ, vượt biển Sầm Sơn Thanh Hóa trở về vùng quốc gia.

Năm 1952-1954, hành nghề Luật thuộc văn phòng LS.Trương Đình Dzu tại Sài Gòn.

Năm 1954, tham dự phái đoàn của Bộ Quốc Phòng dưới thời Thủ Tướng Bửu Lộc, sang Paris dự hội nghị.

Năm 1954-1955, là Bộ Trưởng tại Phủ Thủ Tướng, dưới thời Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.

Năm 1955-1960, Bộ Trưởng Bộ Thông Tin, Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1955, phát động Phong Trào Tô Cộng, là Chủ Tịch Hội Đồng Tô Cộng gồm các Bộ Thông Tin, Tư Pháp, Quốc Phòng, Nội Vụ.

Năm 1955, Dân biểu trong Quốc Hội Lập Hiến, tham dự vào Ủy Ban soạn thảo Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1962- 1964, là Đại sứ Việt Nam tại Tunisie.

Năm 1970, là Tổng Trưởng Ngoại Giao, Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1975, ông quyết định không chịu ra trình diện đầu hàng quân Cộng Sản. Ngày 3 tháng 5 năm 1975, ông uống thuốc độc tự vận.

Tài liệu:

### **Cái chết của Bộ Trưởng Trần Chánh Thành**

Nhân kỉ niệm ngày quốc hận 30 tháng Tư lần thứ 35, chúng tôi xin đúc kết một số tài liệu để vẽ phác chân dung cựu Bộ trưởng Trần Chánh Thành và cái chết lẫm liệt của ông như một nén hương tỏ lòng thành kính, ngưỡng mộ ông.

Mỗi năm, vào dịp kỉ niệm ngày quốc hận 30 tháng Tư, lại thấy xuất hiện trên các phương tiện truyền thông khắp nơi hình ảnh các vị tướng tá đã coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, quyết hi sinh mạng sống để bảo vệ danh dự, tiết tháo của một cấp chỉ huy. Các vị ấy xứng đáng được tôn vinh là những anh hùng của Quân Lực VNCH, xứng đáng được lưu danh muôn thuở.

Cuộc chiến đấu bảo vệ miền Nam tự do suốt 20 năm là cuộc chiến đấu chống CS của toàn dân, mà trọng trách giao vào tay quân, cán, chánh. Khi nước mất, thành đổ, nếu đã có những vị

tướng tá quyết tự chọn lấy cái chết oai hùng để đền nợ nước thì đồng thời cũng ghi nhận có những viên chức bên phía chính quyền dám tuân tiết, không chịu để bị lọt vào tay bọn CS. Trong số các vị ấy, nổi bật lên sáng chói là cái chết bi đỗi của cựu Bộ trưởng Trần Chánh Thành. Ông đã an nhiên chọn lựa một cách chết trước quân thù, để gióng lên một lời tố cáo trước dư luận trong và ngoài nước về những hiểm họa sẽ giáng xuống dân tộc VN, một khi đất nước bị đảng CS nắm trọn quyền thống trị.

Nhân kỉ niệm ngày quốc hận 30 tháng Tư lần thứ 35, chúng tôi xin đúc kết một số tài liệu để vẽ phác chân dung vị cựu Bộ trưởng này và cái chết lẫm liệt của ông như một nén hương tỏ lòng thành kính, ngưỡng mộ ông.

### Những bước đầu tiên

Ông Bộ trưởng Trần Chánh Thành gốc miền Bắc, do cha từng sự tại Huế cho nên ông học và tốt nghiệp Trung học tại đây; sau đó, trở ra Hà Nội học lấy Cử nhân Luật. Ông học rất giỏi, đã đậu đầu kỳ thi ngạch Tri huyện Tư pháp cho toàn cõi Bắc và Trung kỳ, rồi được cử làm Chương lý các tòa án Trung kỳ. Khi chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, ông được bổ làm Chánh văn phòng Bộ Tư pháp cho Tổng trưởng Trịnh Đình Thảo. Không bao lâu sau, nổ ra cuộc Cách Mạng Tháng Tám đưa ông HCM lên nắm chính quyền. Dưới bình phong mặt trận Việt Minh (tên tắt của Mặt trận VN Độc Lập Đồng Minh, ngày 19-5-1941), đảng CS đã thu hút được các thành phần ái quốc với khẩu hiệu đánh Pháp đuổi Nhật. Ông Trần Chánh Thành đã được mời ra Hà Nội trong thời kỳ này và được trọng dụng trong chức vụ Giám đốc Tư pháp Liên khu 3 trong 3 năm, rồi Giám đốc Kinh tế Liên khu 3 trong 2 năm. Song, cũng như trường hợp nhiều trí thức trẻ khác vào thời đó, sau khi đi theo Việt Minh tham gia kháng chiến một thời gian, ông Thành đã hiểu ra bộ mặt thật của Việt – Minh – Cộng – Sản cho nên ông khéo léo cáo bệnh từ chức, để trở về Diên Châu, Nghệ An (Liên khu 4), trú tại nhà ông Cao Xuân Vỹ. Từ Nghệ An, cùng

người em con ông chú là nhà báo Mạc Kinh, ông vượt biển ra vùng quốc gia. Sau vài tháng ở Hà Nội, ông vào Saigon làm nghề luật sư trong văn phòng của Luật sư Trương Đình Du.

Vào tháng 10-1952, ông Ngô Đình Nhu chủ trương tạp chí *Xã Hội*, anh em ông Trần Chánh Thành và Mạc Kinh đã cộng tác với tờ tạp chí và trở thành chỗ thân tình với ông Ngô Đình Nhu. Mỗi giao tình này đánh dấu một khúc rẽ quan trọng trong cuộc đời chính trị của ông.

Bậc lương đồng của nền Cộng Hòa

Có thể nói ngay ông Trần Chánh Thành cùng với các ông Trần Trung Dung, Nguyễn Hữu Châu...là những bậc lương đồng khai quốc công thân của nền Đệ nhất Cộng hòa.

Trong bài báo nhan đề Ông Ngô Đình Diệm Lên Cầm Quyền Như Thế Nào (Thông Luận Số 191, ra ngày 04-4-2005), tác giả? Nguyễn Gia Kiểng chứng minh chính ông Ngô Đình Nhu đã bí mật đạo diễn một vở kịch chính trị lớn để đưa ông Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền chứ không phải là người Mỹ hay Vatican. Trong vở kịch này, ông Trần Chánh Thành được giao cho thủ một vai và ông đã đóng xuất sắc. Duyên do bắt đầu từ mối liên hệ thân tình giữa ông Ngô Đình Nhu với ông Trần Chánh Thành.

Tác giả Nguyễn Gia Kiểng thuật lại, vào tháng 11.2004, ông được ông Trần Minh Châu trao cho 2 bức thư viết tay bằng tiếng Pháp: Một của ông Jacques Bénét, bạn của ông Trần Minh Châu, viết ngày 18-10-2004 gửi cho bà Ngô Đình Nhu và một của ông Ngô Đình Nhu viết ngày 20-4-1955 gửi cho ông J. Bénét. Ông J. Bénét và ông Ngô Đình Nhu là bạn học rất thân khi còn tại trường Ecole des Chartes.

Trong thư gửi cho bà Ngô Đình Nhu, ông J. Bénét xác nhận 2 điểm quan trọng: một là ông (J. Bénét) có đóng vai môi giới trong việc vận động các nhà lãnh đạo nước Pháp để đưa ông

Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền; hai là ông ca ngợi ông Ngô Đình Nhu đã có một ý kiến thiên tài vì đã nắm bắt đúng vào lúc (3-1954) chính quyền Pháp đang lúng túng do viễn ảnh thất trận tại Điện Biên Phủ để mở chiến dịch thuyết phục họ (Thủ tướng Laniel – Ngoại trưởng Bidault – Reynaud) nên mau chóng đưa ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền. Để thực hiện sáng kiến này, Ông Nhu đã cử bạn ông là ông Trần Chánh Thành sang Paris và nhờ ông Jacques Bénét giúp đỡ để tiếp xúc và thuyết phục chính quyền Pháp về đề nghị này. Ông Bénét đã làm được việc này nhờ một người bạn tên là Antoine Ahond quen thân nhiều nhân vật quan trọng trong chính quyền Pháp, đặc biệt là các ông Germain Vidal, chánh văn phòng thủ tướng, ông Bourgenot, bộ trưởng tại phủ thủ tướng, và ngoại trưởng Bidault. Mặt khác, chính ông Trần Chánh Thành cũng tỏ ra xuất sắc. Nhờ thế mà ông Diệm đã được chính quyền Pháp chấp nhận và ép buộc ông Bảo Đại phải chấp nhận.

Ông Trần Chánh Thành được giao nhiệm vụ vận động các yếu nhân trong chính quyền Pháp, tuy được khen là đã hoàn thành xuất sắc, nhưng có lẽ ông chỉ biết phần đầu của vở kịch chính trị lớn của ông Ngô Đình Nhu. Chính trong lá thư thứ hai của ông Ngô Đình Nhu viết gửi ông J. Bénét mới cho biết phần hai của vở kịch chính trị này.

Trong thư viết ngày 20-4-1954 gửi cho ông J. Bénét, ông Ngô Đình Nhu yêu cầu ông Bénét giúp đỡ trong việc vận động để chính quyền Pháp thực hiện khẩn cấp một kế hoạch đã được dự trù. Ông Nhu viết : “Phải vận động để những chỉ thị theo chiều hướng này, mà tao (NGK: họ quá thân nhau) chắc chắn là đã chuẩn bị sẵn, được khẩn cấp gửi sang Saigon”. Theo tác giả Nguyễn Gia Kiểng, “chiều hướng này” được hiểu là một loạt các việc cấp bách yêu cầu chính phủ Pháp làm ngay. Đó là giúp cho ông Ngô Đình Diệm nắm được quân đội quốc gia từ tay Tướng Tham mưu trưởng Nguyễn Văn Hinh, dẹp các giáo phái vũ trang và sau đó tiến tới tổng tuyển cử. Tất cả đã diễn ra thành công mau chóng, suông sẻ, khiến cho các nhà quan sát quốc tế lúc ấy phải lấy làm ngạc nhiên và đánh giá ông Ngô

Đình Diệm như là một lãnh tụ đầy tiềm năng mới ở Á châu. Chưa hết, ông Ngô Đình Nhu chỉ khéo léo than phiền nhẹ nhàng là tướng Ely, Tổng tư lệnh quân đội Pháp tại VN, là một con người tiêu cực và thiếu quả quyết, cũng đủ làm cho chính phủ? Pháp triệu hồi tướng Ely trong thời gian chưa đầy hai tháng!

Do thành tích trước đây, lại là chỗ thân tình với ông cố vấn Ngô Đình Nhu, cho nên ông Trần Chánh Thành rất được Thủ tướng Ngô Đình Diệm tin dùng trong nhiều chức vụ quan trọng:

Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng 06-7-1954

Tổng trưởng Thông tin ngày 10-5-1955

Chủ tịch Phong trào Cách mạng Quốc gia, đã đề ra kế hoạch Tổ Cộng (Nguyễn Trần. Hồi Ký Công Và Tội. Xuân Thu, 1992. Trang 176).

Khi kế hoạch được phát động, chính ông nắm vai trò Chỉ đạo Chiến dịch Tổ Cộng Trung ương bao gồm liên bộ. Thông tin, Tư pháp, Quốc phòng và Nội vụ. Chiến dịch này được phát động nhằm tiêu diệt các tổ chức cán bộ. CS nằm vùng, đồng thời triệt hạ những lực lượng thực dân, phong kiến (bài phong, đã thực), trọng điểm là việc truất phế Quốc trưởng Bảo Đại.

Ngoài ra, ông còn là một Dân biểu Quốc hội và là một trong 14 vị thuộc Ủy ban soạn thảo Hiến Pháp.

Nhìn thoáng qua như thế đủ biết ông Bộ trưởng Trần Chánh Thành đã trở thành ngôi sao sáng vào thời khai mở nền Đệ nhất Cộng hòa.

Tuy nhiên có nghi vấn, đang khi ông được Sài Gòn tin dùng thì, ngoài Huế, ông Ngô Đình Cần lại muốn tách ông Bộ trưởng Trần Chánh Thành và cả ông Cố vấn Ngô Đình Nhu (?) ra khỏi

vòng quyền lực (Thomas L. Ahern Jr. Hai tài liệu của CIA về các tướng lãnh VN và gia đình họ Ngô. Nguyễn Kỳ Phong lược dịch. Nam Úc Tuần Báo, Số 718 ra ngày 30.10.2009).

Thêm vào đó, nếu chiến dịch Tố Cộng triển khai thắng lợi lúc ban đầu, khiến cho khoảng 200 ngàn cán binh CS được cài lại ở miền Nam có nguy cơ bị tiêu diệt thì, tại các địa phương, phát sinh tệ nạn chụp mũ CS lên đầu những người từng có thành tích kháng chiến chống thực dân Pháp. Mà theo ông Nguyễn Trân,... không phân biệt kháng chiến với CS là đi ngược lại lòng dân. (Nguyễn Trân. Hồi ký Công Và Tội. Sd. Trang 177).

Những lực đối kháng này một khi đã nuôi ý đồ, sẽ dễ dàng tạo ra được một mối nghi ngờ trong dư luận về lòng trung thành với phe quốc gia của ông Bộ trưởng Trần Chánh Thành, căn cứ vào việc ông đã nắm giữ những vị trí tư pháp quan trọng ở Liên khu 3, thời Việt Minh. Tuy nhiên Tổng thống Ngô Đình Diệm vẫn tiếp tục tin tưởng ông cho tới cuối tháng 10 năm 1960. Đó là thời điểm xảy ra việc 4 ông bộ trưởng đồng loạt từ chức; gồm có các ông Trần Chánh Thành (Bộ Thông tin), Trần Trung Dung (Bộ Quốc phòng), Lâm Lễ Trinh (Bộ Nội vụ) và Nguyễn Văn Sĩ (Bộ Tư pháp). Có dư luận cho là vì các ông bất đồng về sự lạm quyền của đảng Cản Lao? Chỉ 2 tuần sau đó, ngày 11-11-1960, nổ ra cuộc phản loạn của Nguyễn Chánh Thi – Vương Văn Đông.

Năm 1962, Tổng thống cử ông Trần Chánh Thành đi làm đại sứ tại Tunisie (ở Bắc Phi châu).

Ngày 1-11-1963, Tướng Dương Văn Minh cầm đầu cuộc đảo chánh thành công, chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ đã giao công tác cho ông Trần Chánh Thành đi Nam Vang tiếp xúc thiện chí với Quốc vương Shianouk (18-12-1963).

Trong những năm chính trường miền Nam hết sức rối ren sau đó, ông Trần Chánh Thành rút lui vào bóng tối sống ẩn dật.



Khi nền Đệ nhị Cộng hòa được thành lập, ngày 01-4-1967, một bản Hiến pháp mới được ban hành đưa đất nước trở lại trật tự, quy củ. Rồi ngày 03-9-1967, diễn ra cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội. Ông Trần Chánh Thành ra ứng cử trong liên danh Đoàn Kết Đê Tiên Bộ, dấu hiệu con voi trắng (Bạch Tượng) đứng chung với các ông Trần Văn Lắm (thụ ủy liên danh), Trần Trung Dung, Đào Đăng Vỹ, Bà Phan Nguyệt Minh (Nguyễn Văn Thơ), Nguyễn Văn Chúc, Nguyễn Phương Yêm, Phạm Như Phiên, Đoàn Văn Cừ, Trần Ngọc Oành. Liên danh Bạch Tượng đã đắc cử với 550,157 phiếu (Nguyễn Văn Chúc. VN Chính Sử. Tiền Phong, 1989. Trang 163).

Sau trận đánh Tết Mậu Thân 1968, ngày 28-5-1968, Cụ Trần Văn Hương lại được mời thành lập chính phủ mới thay cho chính phủ của Ls. Nguyễn Văn Lộc. Đây là thời điểm cuộc hòa đàm Paris khởi sự, sắp bước sang giai đoạn công khai, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã tín nhiệm Nghị sĩ Trần Chánh Thành vào chức vụ Tổng trưởng ngoại giao. Đây là chức vụ cao cấp cuối cùng trong sự nghiệp chính trị của ông. Sau khi Tướng Trần Thiện Khiêm trình diện nội các mới vào ngày 01-9-1969, chức vụ tổng trưởng ngoại giao được chuyển sang cho Nghị sĩ Trần Văn Lắm, cũng thuộc Liên danh Bạch Tượng. Ông Trần Chánh Thành trở về giảng dạy môn báo chí tại Trường Luật cho tới ngày trời sập 30.4.1975.

Những dòng lược thuật trên đây cho thấy ông Trần Chánh Thành là nhân vật hiếm hoi được lãnh đạo tin dùng ở những vị trí cao cấp và rất quan trọng trong cả 3 giai đoạn chính trị của đất nước: thời toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp, thời Đệ nhất Cộng hòa và thời Đệ nhị Cộng hòa. Điều đó chứng tỏ ông là một người có thực tài, tận tụy phục vụ. Đặc biệt là ông đặt lợi ích và lý tưởng quốc gia lên trên quyền lợi cá nhân: khi biết rõ đảng CS nắm trọn quyền lèo lái mặt trận Việt Minh, ông từ chức và tìm cách đào thoát; đang khi được TT Ngô Đình Diệm trọng dụng, ông sẵn sàng từ chức bộ trưởng để phản đối phe cánh Cần Lao lạm quyền; và khi nền Đệ nhị Cộng hòa thành lập, ông gạt bỏ mặc cảm là người của chế độ cũ, chấp

nhận trọng trách được giao phó. Cuối cùng, theo gương các bậc tiền bối xưa, hết làm quan ông vui vẻ về làm thầy truyền thụ sở học quý báu cho môn sinh.

Chọn lựa một cách chết lẫm liệt

Từ khi chiến dịch Tây nguyên do Cộng quân mở ra đầu tháng 3-1975 cho tới ngày sập trời 30-4-75 vồn vện chỉ có 55 ngày đêm. VNCH đang đi những bước thụt lùi vội vã, tất tưởi cuối cùng tới bờ vực thẳm. Đương nhiên ông Trần Chánh Thành phải là người tiên đoán được tình hình bi đát và tuyệt vọng ấy và ông đã gửi vợ con đi Pháp trước. Theo nhà báo Đặng Văn Nhâm, ông và hai bạn thân là cựu Thủ tướng Phan Huy Quát và Nghị sĩ Trần Trung Dung được Tòa đại sứ Pháp hứa sẽ bốc đi vào lúc 10 giờ sáng ngày 29. Nhưng vừa khi Tướng Dương Văn Minh ra nhận chức tổng thống lúc 5 giờ 30 chiều 28-4 thì phi trường Tân Sơn Nhất bị CS oanh tạc và chiến dịch HCM bắt đầu. Saigon lên cơn sốt mạnh. Mạnh ai nấy chạy thoát thân. Sáng 29-4, tân Tổng thống Minh gửi thư cho Đại sứ Martin yêu cầu quân Mỹ triệt thoái trong vòng 24 giờ. Yêu cầu này cũng được tân Thủ tướng Vũ Văn Mẫu tuyên bố công khai. Trong tình hình ấy, kế hoạch người Pháp hứa giúp ông Trần Chánh Thành và các bạn ông di tản bằng phi cơ không còn có thể thực hiện được. Cả ba ông bị kẹt ở lại. Nhất thời, ngày 30-4, các ông tạm lánh mặt tại nhà thương Grall của Pháp. 24 giờ sau, bệnh viện yêu cầu các ông ra khỏi nơi này.

Rời bệnh viện Grall, ông Trần Chánh Thành tạt vào một cao ốc trên đường Gia Long sát góc đường Tự Do Khoảng 4 giờ chiều ngày 02-5, nhà báo Mạc Kinh, người em thúc bá rất thân thiết với ông đến đón ông về nhà trên đường Duy Tân. Nhà ông lúc này chỉ còn lại mẹ ông, bà chị tên Nhơn và ba bốn người làm.

Suốt buổi chiều hôm ấy, anh em ông bộ trưởng đã trút hết nỗi niềm tâm sự lần cuối cùng với nhau. Sắp tới 7 giờ chiều là giờ giới nghiêm, khi chi tay với ông Mạc Kinh, ông bộ trưởng nói lời cuối cùng: *Chúng ta đều đã hiểu CS quá rõ. Với anh, chỉ có*

*một lựa chọn cuối cùng. Anh phải tự xử lý anh thôi...Em về đi. Giờ giới nghiêm đã tới rồi. Sáng sớm mai em lên với anh nhé!*□

Ông Mạc kinh nghe lời nói đó mà ngỡ như lời trời trăng. Ông chỉ có thể van vãn ông anh: *Dù thế nào chẳng nữa, xin anh cũng đừng quyết định gì vội. Hãy cố chờ đến sáng mai anh em ta gặp lại nhau.*

Tuy nói như thế, nhưng thâm tâm ông Mạc Kinh vẫn không tin vào hiệu quả của lời mình nói. Linh tính đã báo cho ông biết rằng kể từ giây phút này, ông đã mất hẳn, mất vĩnh viễn ông Thành...

Hôm sau, khi trời vừa sáng, ông Mạc Kinh phóng xe lên nhà ông bộ trưởng.

Cho tới nay, duy nhất chỉ có nhà báo lão thành Đặng Văn Nhâm có thể thuật lại tỉ mỉ, sống động cái chết bi tráng của ông Bộ trưởng Trần Chánh Thành: Vừa đặt chân vào phòng khách. Khác hẳn mọi khi, nơi đây bỗng trở nên vắng lặng như tờ, như không còn một hơi thở nào nữa. Không khí trong căn phòng này đã bao phủ một màu thê lương, ảm đạm. Bà Nhon lẻ loi, đôi mắt đỏ hoe, đang ngồi thu mình nơi bực cầu thang, lối dẫn lên phòng ngủ của ông Thành. Bà Nhon bảo ông Mạc Kinh:

*“Em lên ngay đi. Thành an nghỉ rồi! Hồi hôm, Thành đã nói chuyện lâu với chị...dẫn trao tập giấy màu vàng cho em đó... Thành nằm ở phòng ngủ nhỏ lầu hai... Em ở bên Thành đi. Chị phải tới sứ quán Pháp ngay bây giờ để làm sẵn thủ tục. Chị sẽ quay về thật gấp...”*

Lập tức ông Mạc Kinh phải lo giải quyết ngay một số việc cần kíp.

Trước hết, mời bà cụ thân mẫu của ông Thành đi theo bà Nhon đến tạm trú tại nhà một thân nhân khác, và phải nói dối là cụ

cứ đi trước, còn ông Thành sẽ được tòa đại sứ Pháp cho xe đến đón ra phi trường sau. Ông Mạc Kinh sợ bà cụ mà biết chuyện ông Thành tự tử thì sẽ lòi thối to. Mọi việc lo cho ông Thành bây giờ phải thật kín đáo, không để lộ một chút tin tức hay nghi hoặc nào ra ngoài vòng ruột thịt. Mặt khác, ông Mạc Kinh dặn gia nhân hãy để cho ông Thành ngủ yên, đừng ai quấy rầy, không cần đem sữa sáng như thường lệ, vì đêm qua ông đã thức khuya... Sáng nay ông Thành cũng không muốn tiếp khách nữa!...

Khi còn lại chỉ có một mình trong ngôi nhà rộng thênh thang, ông Mạc Kinh mới đẩy nhẹ cửa phòng ngủ, tiếng máy lạnh vẫn sè sè nho nhỏ.

Ông Thành đang nằm đó, bất động như người đang ngủ mê. Nét mặt bình thản. Nhưng hai bên cánh mũi có hai vệt thuốc nhỏ màu nâu nhạt lẫn chút máu đỏ đọng lại, dài bằng hai đốt ngón tay. Ông MK ôm nhẹ mặt ông Thành, thấy vẫn còn ấm, ngực và chân tay vẫn hầy còn ấm. Ông thầm nghĩ chắc ông Thành chỉ mới vừa từ già cõi đời thôi. Nhìn trên mặt chiếc bàn ngủ, một hộp thuốc ngủ 50 viên chẳng còn sót một viên nào. Nơi bàn giấy góc phòng, mọi thứ đều ngăn nắp. Có một tập giấy 18 trang. Ông Mạc Kinh liếc thoáng qua, biết ngay là những lời trần trối cuối cùng của ông Thành. Ông Thành lên tiếng tố cáo hiểm họa CSVN trước thế giới tự do, sau khi chúng đã cưỡng chiếm miền Nam. Ông Thành cũng tiên liệu để kêu gọi thế giới dân chủ, nhân đạo phải có trách nhiệm tinh thần ngăn chặn bàn tay máu trả thù trút lên mạng sống của toàn thể quân nhân và quần chúng miền Nam. Ngoài ra, ông Thành còn phác họa cho mọi người thấy trước thảm trạng của miền Nam, đồng thời phơi bày âm mưu gây chiến tranh loạn lạc đối với các nước láng giềng trong bán đảo Đông Dương và Thái Lan. Cuối cùng ông Thành minh xác, ông đã lấy cái chết để phản đối CSBV xâm chiếm miền Nam....

Bên cạnh tập giấy đó, ông Thành còn viết sẵn vài dòng chữ trên một tấm danh thiếp, nhằm gửi thẳng cho cơ quan an ninh,

xác định cái chết của ông là do chính ông tự chọn, đừng gây phiền nhiễu cho ai hết!

Trong vòng một tiếng đồng hồ sau, bà Nhơn đã trở về. Lúc này, toàn thân ông ông Thành mới bắt đầu trở lạnh, lạnh ngắt.

Một mặt ông Mạc Kinh phải lo canh chừng đám gia nhân, vài người còn lại. Mặt khác bà Nhơn lo liên lạc báo tin cho vài người bà con trong thân tộc nội, ngoại (bên bà Thành). Nhưng không một ai lui tới. Dường như ai cũng lo ngại, muốn trốn tránh. Không khí thành phố Saigon lúc ấy căng thẳng đến tột độ. Ai cũng có chuyện để phải lo và để sợ. Một tiếng động mạnh cũng đủ làm cho người ta giật mình kinh hoàng, nhón nhác...

Trong hoàn cảnh đó, một mình ông Mạc Kinh phải lo hết mọi việc rửa ráy thi hài và tân liệm cho ông Thành.

Lúc ấy, khoảng ba giờ chiều, bỗng gia nhân báo tin có ban Quân Quản đến khám nhà. Gồm ba cán bộ đeo súng ngắn bên hông, băng đồ trên cánh tay, và một tên bộ đội mang tiểu liên đi theo hộ vệ. Trong trường hợp này, dù muốn dù không, ông Mạc Kinh vẫn phải ra mặt tiếp đón. Ngay câu đầu tiên bọn cán bộ. CS đã nói thẳng, chúng đến tiếp thu ngôi nhà, và ra lệnh đưa chúng đi xét nhà.

Chúng đi thẳng một mạch lên lầu 4, rồi từ đó mới trở xuống, vào từng phòng một, quan sát soi mói và khám xét cẩn thận. Không bỏ sót một phòng nào. Vào đâu chúng cũng ngắm nhìn, để ý kiểm điểm từng ly từng tí, rồi xẵng giọng hạ lệnh: “Đồ đạc ở đâu để nguyên đấy. Cấm tuyệt không được di chuyển!”

Khi xuống đến lầu 2, nơi có phòng thi hài của ông Thành nằm đó, bỗng nhiên đầu óc ông Mạc Kinh trở nên căng thẳng tột độ.

Tinh thần ông bán loạn. Nếu bọn cán bộ. CS bắt chợt thấy thi hài ông Thành đang nằm trơ trơ ở đó, ông sẽ trả lời như thế

nào? Một điều chắc chắn nhất, không thể nào tránh được là bọn cán bộ. CS sẽ hạch hỏi mọi người hiện diện trong nhà. Rồi thì mọi sự sẽ phải khai trình tỉ mỉ, từ tên tuổi, chức phận cũ, rồi đến nguyên nhân cái chết... Nhưng liệu bọn CS ác ôn này có cho phép chôn cất ngay không, hay sẽ đem thi hài đi mổ xẻ, khám nghiệm...?

Lại còn vấn đề sấp giấy ông Thành đã viết di ngôn tố cáo CSVN nữa chứ. Ông Mạc Kinh bối rối vô cùng, không biết sẽ phải ăn nói ra sao, và rồi những gì sẽ xảy ra cho bản thân ông ngay sau đó, ông không thể lường được.

Trong tình cảnh nguy nan đó, ông Mạc Kinh chỉ còn kịp nghĩ đến việc cầu nguyện vong hồn ông Thành, sống khôn, thác thiêng, xin ông phù hộ cho gia đình thoát qua được cơn hiểm nghèo nghiệt ngã này, để còn có cơ hội chôn cất di hài ông êm thấm!

Không ngờ một chuyện lạ của đời người đã xảy đến, chẳng khác nào như lời khẩn vái của ông Mạc Kinh linh ứng, như linh hồn ông Thành hãy còn lẩn khuất đâu đó, để lôi chân bọn cán bộ. CSBV đi qua căn phòng đó. Chúng vừa đi vừa chuyện trò với nhau, và vẫn ra lệnh mở từng cửa phòng, nhưng không còn vẻ tích cực soi mói như vài giây đồng hồ trước đó. Khi chúng đến trước cửa phòng ông Thành nằm, lòng ngực Mạc Kinh tưởng chừng sắp nổ tung. Nhưng chẳng khác nào như một phép lạ, chúng cứ thế đi luôn, không dừng lại, cho đến phòng cuối của tầng lầu 2, rồi chúng đi luôn xuống dưới nhà...

Nơi đây, chúng dừng lại, ghi vội biên bản, coi như ngôi nhà này vô chủ. Chủ nhân đã bỏ đi ngoại quốc! Thì ra bọn cán bộ này cũng ngờ ngợch lắm. Trong đầu chúng đã bị nhồi chặt cứng một mớ lý thuyết Mác Xít, với những giáo điều rẻ tiền, đâu còn chỗ nào để chứa thêm một thứ hiểu biết gì khác! Nhưng chúng đặc biệt quan tâm đến mọi thứ đồ đạc vật chất trong nhà. Cuối cùng, trước khi ra đi, chúng ra lệnh: Mọi người trong nhà chỉ

được phép quay quần ở tầng trệt, không được bén mảng lên lầu. Đồ đạc trong nhà không được tơ hào suy suyễn.

Sau đó bà Nhon và ông Mạc Kinh phân công mỗi người một việc cần kíp. Bà Nhon chạy vội ra phường khai tử cho ông Thành, với lý do bệnh tim. Còn ông Mạc Kinh phóng thẳng về nhà tìm giấy chủ quyền ngôi mộ của bà thân mẫu ở nghĩa trang Mạc Đình Chi (còn một tầng trên), đem trình ban Quân Quản Nghĩa Trang, để xin đóng dấu cho mai táng.

Đến lúc này xét ra cái chết của ông Thành chẳng còn gì cần phải che giấu nữa, nên gia nhân đều được biết hết. Tiếng khóc không còn bị đè nén ảm ức, nghẹn ngào nữa, mà được tự do vang lên, khiến các nhà hàng xóm không khỏi ngạc nhiên. Cách nhà ông Thành chừng hai, ba ngôi biệt thự là trụ sở của “Hội Trí Thức Yêu Nước” thành phố HCM của đám Ngô Bá Thành, ni sư Huỳnh Liên, Trương Đình Dzu, Trần Thúc Linh v.v... Vì thế nên tin ông Thành qua đời đã mau chóng đến tai những người trong hội ấy.

Ngày hôm sau, 3-5-1975, lèo tèo vài thân nhân đến viếng. Trong đám bạn bè, người ta chỉ thấy một mình ông Trần Trung Dung.

Ngày 4-5-75, khoảng vài mươi người đã đến tiễn đưa di thể ông Thành đến nơi an nghỉ cuối cùng. Không khí lo sợ, ngại ngùng lặng lẽ bao trùm hết cả về “tử biệt sinh ly” của một đám tang... (Đặng Văn Nhâm. Ls. Trần Chánh Thành Đã Cõi Cái Chết Nhẹ Như Lông Hồng Để Phản Đối Hành Động Xâm Lăng Của CS Và Cảnh Giác Thế Giới Tự Do: daichung.com).

Ông Bộ trưởng Trần Chánh Thành đã chọn cho mình một cái chết can trường để bảo vệ sĩ khí và tiết tháo của một nhân vật chính trị, của một viên chức cao cấp từng mang trọng trách. Khi biết tình thế không còn có thể cứu vãn được, bản thân không mong thấy được thành quả tốt đẹp của lý tưởng đời

mình nữa thì ông an nhiên, thanh thản ra đi, quyết không chịu để bị lọt vào tay Cộng quân.

Trên chính trường nước ta thời cận đại, một nhân tài, một nhân cách như ông Trần Chánh Thành, rõ ràng là không có nhiều.

Ôi cảm cảnh thay! Anh hùng mạt lộ!

Khi tàn cuộc chiến, nước mất thành đổ, mới rõ mặt anh hùng, bất kể vị anh hùng ấy là võ hay là văn.

Bạch Diện Thư Sinh, 30-4-2010

Tài liệu tham khảo:

- Trần Chánh Thành Web: [luatkhoasanjose.com](http://luatkhoasanjose.com)
- *Cái chết của Bộ trưởng TCT* Blog: [ongvove.wordpress.com](http://ongvove.wordpress.com)



### **Chương thứ sáu: Anh hùng tử ...**

Luận về anh hùng, không phải ở chỗ được thua, chính yếu là ở chỗ khí tiết của con người, hầu hết quân nhân Việt Nam Cộng Hòa đều kính trọng Đại tá Hồ Ngọc Cảnh, cho rằng ông là người hùng, quyết tâm gìn giữ lãnh thổ trách nhiệm của mình.

Dù cho bị địch bắt, trước khi bị xử tử, Đại tá Hồ Ngọc Cảnh vẫn giữ khí tiết của một người anh hùng là “Anh hùng tử, khí hùng bất tử”.

Đại Tá Hồ Ngọc Cảnh là một tử tù khẳng khái phát biểu lời cuối cùng: *“Tôi chỉ có một mình, không mang vũ khí, tôi không đầu hàng, các ông cứ bắn tôi đi. Nhưng trước khi bắn tôi xin được mặc quân phục và chào lá quốc kỳ của tôi lần cuối”*.

## 1) Đại tá Hồ Ngọc Cẩn



### Đại tá Hồ Ngọc Cẩn (1938-1975)

Hồ Ngọc Cẩn sinh ngày 24 tháng 3 năm 1938, tại Cần Thơ. Cha là một hạ sĩ quan trong Quân đội Quốc gia Việt Nam. Năm 1945, ông bắt đầu đi học thi Chiến tranh Pháp-Việt bùng nổ, nên sự học bị gián đoạn. Mãi đến năm 1947 ông mới được đi học lại. Ông học chỉ đứng trung bình trong lớp.

Năm 1951, cha nộp đơn xin cho ông nhập học Trường Thiếu sinh quân Đệ nhất quân khu ở Gia Định. Ông được thu nhận vào lớp Nhì niên khóa 1951-1952, học theo chương trình Pháp và đỗ tiểu học năm 1952.

Cuối năm 1952, trường sở chuyển từ Gia Định về Mỹ Tho. Ông tiếp tục theo học ở đây cho đến năm 1955.

Năm 17 tuổi, ông được gửi lên học tại Liên trường võ khoa Thủ Đức, chuyên ngành vũ khí, niên khóa 1955-1956. Sau 3 tháng, ông đậu chứng chỉ chuyên môn về vũ khí bậc nhất với hạng ưu. Sáu tháng sau đó, ông lại đậu chứng chỉ bậc nhì, và bắt đầu phục vụ trong Quân đội Việt Nam Cộng hòa với cấp

bậc Binh nhì. Sau 9 tháng sau, ông được thăng cấp bậc Trung sĩ huấn luyện viên về vũ khí.

Vào những năm 1961-1962, ông được nhập học khóa đào tạo sĩ quan đặc biệt, khoá 2 Nhân Vị, khai giảng ngày 27-2-1961, mãn khoá ngày 31-1-1962, đào tạo sĩ quan Đặc biệt Hiện dịch tại Trường Hạ sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Đồng Đế, Nha Trang, nhằm giải quyết nhu cầu sĩ quan của Quân đội Việt Nam Cộng hòa và tốt nghiệp với Cấp bậc Chuẩn úy. Sau khi ra trường, ông tiếp tục được cử theo học một khóa huấn luyện Biệt động quân, rồi chuyển về phục vụ tại Tiểu đoàn 42 Biệt động quân với chức vụ Trung đội trưởng, thuộc Khu 42 chiến thuật. Do lập được nhiều công lao, ông nhiều lần được thăng cấp đặc cách tại mặt trận, lên đến cấp Trung úy và được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 42.

Cuối năm 1966, ông được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 33, Sư đoàn 21 Bộ binh. Năm 1968, nhờ có nhiều công lao trong Sự kiện Mậu Thân, ông được thăng cấp thiếu tá và được xem là người có nhiều huy chương nhất quân đội.

Năm 1970, ông được thăng cấp Trung tá và được bổ nhiệm làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 15, Sư đoàn 9 Bộ binh. Năm 1972, ông cùng Trung đoàn 15 được lệnh tham gia Trận An Lộc. Cuối năm 1973, ông được bổ nhiệm làm Tỉnh trưởng, kiêm Tiểu khu trưởng tỉnh Chương Thiện với cấp bậc Đại tá.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, mặc dù có lệnh của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh ra lệnh từ Sài Gòn kêu gọi buông súng, ông vẫn tiếp tục chiến đấu chống lại lực lượng Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam vào tiếp quản. Cuộc chiến đấu kéo dài đến 15 giờ chiều ngày 1-5-1975, vì hết đạn dược, Đại tá Hồ Ngọc Cẩn ra lệnh cho thuộc cấp buông súng tan hàng và ông bị bắt.

Ngày 14-8-1975, ông đã bị toà án cách mạng đưa ra xét xử tại sân vận động Cần Thơ, gồm có một tên cướp giết, Thiếu Tá Trịnh Tấn Tiếp, Quận Trưởng quận Kiên Thiện, bạn đồng khóa với Đại Tá Cần. Thiếu Tá Tiếp đã cùng các chiến sĩ Địa Phương Quân Chi Khu chiến đấu dũng cảm đến sáng ngày 1-5-1975 thì bị bắt. Cả ba đều bị án tử hình, xử bắn tại chỗ.

Đại Tá Cần bị giải lên chỗ hành hình, mấy tên khăn rằn hung hăng ghì súng bao quanh người chiến sĩ. Trước khi bắn người, tên chỉ huy cho phép người được nói. Đại Tá Cần trong chiếc áo tù vẫn hiên ngang để lại cho lịch sử lời khẳng khái: *“Tôi chỉ có một mình, không mang vũ khí, tôi không đầu hàng, các ông cứ bắn tôi đi. Nhưng trước khi bắn tôi xin được mặc quân phục và chào lá quốc kỳ của tôi lần cuối”*. Dĩ nhiên lời yêu cầu không được thỏa mãn. Đại Tá Cần còn muốn nói thêm những lời trời trần hào hùng nữa, nhưng người đã bị mấy tên khăn rằn nón cối xông lên đè người xuống và bịt miệng lại. Tên chỉ huy ra lệnh hành quyết người anh hùng. Điều duy nhất mà bọn chúng thỏa mãn cho người là không bịt mắt, để người nhìn thẳng vào những họng súng thù, nhìn lần cuối quốc dân đồng bào. Rồi người ngao nghể ra đi.

Năm đó, Đại tá Hồ Ngọc Cần mới có 37 tuổi.

Tài liệu:

### **Vinh Danh Cố Đại Tá Hồ Ngọc Cần**

Tên tuổi của Đại Tá Hồ Ngọc Cần đã bắt đầu lừng lẫy từ khi ông còn là một sĩ quan cấp Úy phục vụ trong binh chủng Mũ Nâu Biệt Động Quân ở Miền Tây. Các cấp chỉ huy Biệt Động Quân trong thời điểm đầu những năm 1960 đã để ý nhiều đến tân Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cần, Trung Đội Trưởng BĐQ, về những hành động quả cảm đến phi thường trong những cuộc giao tranh. Người Trung Đội Trưởng trẻ mới có 22 tuổi đời đã đứng xông lưng dẫn quân Mũ Nâu xung phong lên đánh những trận long trời trên chiến trường đồng bằng sông Cửu Long.

Những chiếc lon mới nở nhanh theo cùng với những chiến thắng. Chỉ trong vòng bốn năm, Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn đã được vinh thăng lên đến cấp bậc Đại Úy và được điều về làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 33 của Sư Đoàn 21 Bộ Binh “Tia Sét Miền Tây”. Lúc đó trên lãnh thổ Vùng 4 Chiến Thuật đã nổi lên những khuôn mặt chiến binh dũng mãnh mà đã được ca tụng là những con mãnh hổ miền Tây,

Đại Úy Hồ Ngọc Cẩn có vinh dự nằm trong số năm vị này. Những vị còn lại gồm những tên tuổi như sau:

- Thiếu Tá Nguyễn Văn Huy, Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân
- Thiếu Tá Lưu Trọng Kiệt, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân.
- Thiếu Tá Lê Văn Dần, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân.
- Thiếu Tá Lê Văn Hưng, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 31, SĐ21BB.
- Thiếu Tá Vương Văn Trổ, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3, Trung Đoàn 33, SĐ21BB.

Thật ra bản danh sách này chỉ có tính cách ước lệ và tượng trưng, đâu phải một Miền Tây rộng bát ngát mà chỉ có vồn vện có năm người hùng. Mỗi người lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa xứng đáng được vinh danh là những anh hùng, vì những đóng góp máu xương quá lớn cho tổ quốc.

Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn sinh ngày 24.3.1938 tại xã Vĩnh Thạnh Vân, Rạch Giá. Thân phụ của ông là một hạ sĩ quan phục vụ trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam (danh xưng của quân đội trong thời Đế Nhất Cộng Hòa, dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm). Đại Tá Cẩn không may sinh ra và lớn lên trong thời buổi chiến tranh, nên khi lên bảy tuổi ông sắp sửa cấp sách đến trường, thì chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, việc học của ông bị gián đoạn. Mãi hai năm sau, tức vào năm

1947 ông mới được đi học lại, sau khi tình hình ở các thành phố trở lại yên tĩnh, quân Việt Minh rút về các chiến khu, quân Pháp chiếm đóng các thành phố. Cậu bé Cẩn học muộn đến những hai năm, khi ông học tiểu học được bốn năm thì thân sinh của cậu quyết định xin cho cậu nhập học Trường Thiếu Sinh Quân Gia Định. Có lẽ vị thân sinh của người đã nhìn thấy được những dấu hiệu, những nảy nở của tinh thần và ý hướng, mà sau này sẽ hướng người vào con đường binh nghiệp, sẽ làm nên những công nghiệp lớn có ích lợi cho đất nước

Cuộc đời đèn sách trẻ nãi của chàng thiếu niên Hồ Ngọc Cẩn, lúc này đã 17 tuổi, đã ngáng bước đi lên về mặt văn hóa. Theo học quy của Trường Thiếu Sinh Quân, một học sinh ở độ tuổi 17 chưa học xong Đệ Ngũ, sẽ được gửi đi học chuyên môn. Vì vậy chàng thiếu niên Hồ Ngọc Cẩn được trường gửi lên Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức học khóa chuyên môn CC1 Vũ Khí. Trong lớp văn hóa hồi ở Trường TSQ, ông chỉ ở mức trung bình, nhưng sau ba tháng học ở Thủ Đức, chàng trai trẻ lại đậu hạng ưu. Ông được cho học thêm khóa chuyên môn vũ khí bậc nhì CC2. Sau khóa học này ông quyết định đăng vào phục vụ trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, với cấp bậc Binh Nhì. Theo quy chế dành cho các Thiếu Sinh Quân, thì ba tháng sau, Binh Nhì Hồ Ngọc Cẩn sẽ được thăng lên Hạ Sĩ, ba tháng kế tiếp được lên Hạ Sĩ Nhất và ba tháng sau nữa được thăng Trung Sĩ. Trong vòng chín tháng kế tiếp, với khả năng ưu hạng về môn vũ khí, Trung Sĩ Hồ Ngọc Cẩn được chọn làm huấn luyện viên vũ khí cho trường.

Cuộc đời làm huấn luyện của ông những tưởng êm đềm trôi và tài năng quân sự của người sẽ bị mai một trong một ngôi trường khiêm tốn. Nhưng định mệnh đã dành cho người anh hùng một vị trí xứng đáng trong quân đội và những cơ hội thi thố tài năng, mà sau này được mọi người truyền tụng lại như là những huyền thoại, để phục vụ và bảo vệ tổ quốc. Tình hình quân sự ngày càng nghiêm trọng cho một quốc gia non trẻ và một quân đội còn tập tễnh kinh nghiệm chiến đấu, sĩ quan chỉ huy thiếu hụt. Bộ Quốc Phòng quyết định mở các khóa Sĩ

Quan Đặc Biệt bắt đầu từ năm 1962 để cung cấp thêm sĩ quan có khả năng cho chiến trường và nâng đỡ những Hạ Sĩ Quan có ước vọng thăng tiến. Một may mắn lớn cho Trung Sĩ Hồ Ngọc Cẩn, mà cũng là may mắn cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Đại Tướng Lê Văn Ty, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, một cựu Thiếu Sinh Quân, đã nâng đỡ cho các đàn em TSQ. Những Thiếu Sinh Quân không hội đủ năm năm quân vụ và có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp vẫn được cho đi học Khóa Sĩ Quan Đặc Biệt. Hơn nữa, dường như Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Đại Tướng Lê Văn Ty có mật lệnh, các tân Chuẩn Úy xuất thân từ Thiếu Sinh Quân đều được đưa về các binh chủng thiện chiến hay đặc biệt như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Thiết Giáp, Biệt Động Quân, Quân Báo, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt. Tổng Thống Diệm và Đại Tướng Ty cũng không quên gửi những Thiếu Sinh Quân tốt nghiệp Tú Tài vào học các Trường Cao Đẳng Sư Phạm và Y Khoa để có nhân tài phục vụ xã hội và huấn luyện lại cho những thế hệ tuổi trẻ kế tiếp. Đặc biệt nhiều Thiếu Sinh Quân cũng được cho vào học Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt để làm nền tảng cho cái xương sống chỉ huy chuyên nghiệp trong hệ thống quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Trung Sĩ Hồ Ngọc Cẩn được cho theo học Khóa 2 Sĩ Quan Hiện Dịch tại Trường Hạ Sĩ Quan QLVNCH, Đồng Đế, Nha Trang. Các tân Chuẩn Úy Đặc Biệt, trong đó có Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn tung cánh đại bàng bay đi khắp bốn phương và sau này đã trở thành những sĩ quan tài giỏi nhất của quân lực, lưu danh quân sử. Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn được chuyển về Biệt Động Quân Vùng 4 Chiến Thuật Miền Tây, sau một khóa học Rừng Núi Sinh Lây của binh chủng Mũ Nâu. Lúc đó các đại đội BĐQ biệt lập theo lệnh của TT Diệm, đã được cải tổ và sát nhập thành các tiểu đoàn. Khu 42 Chiến Thuật gồm lãnh thổ các tỉnh Phong Dinh, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu và An Xuyên, có hai tiểu đoàn BĐQ, mà lại là hai tiểu đoàn lừng lẫy nhất của binh chủng. Đó là Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân “Cọp Ba Đầu Rắn”, và Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân “Cọp Xám”. Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn nhận sự vụ lệnh trình

diện Tiểu Đoàn 42 BĐQ và làm Trung Đội Trưởng. Khả năng quân sự thiên bẩm, tài chỉ huy và sự chiến đấu hết sức gan dạ của Chuẩn Úy Cận, mà đã đem nhiều chiến thắng vang dội về cho TD42BĐQ, được thăng cấp đặc cách nhiều lần tại mặt trận, đã nhanh chóng xác nhận Trung Úy tân thăng Hồ Ngọc Cận có khả năng chỉ huy tiểu đoàn. Trung Úy Cận được bổ nhiệm làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 42BĐQ, đặt dưới quyền chỉ huy của một chiến binh lừng lẫy và nhiều huyền thoại không kém gì Trung Úy Hồ Ngọc Cận. Thiếu Tá Lưu Trọng Kiệt, xuất thân từ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, với tác phong chiến đấu dũng cảm làm quân giặc kiêng sợ và thuộc cấp kính phục. Cung cách đánh giặc như vũ bão của Trung Úy Cận còn được nhân lên thập bội, khi lời yêu cầu của ông lên cấp chỉ huy xin cho các chiến binh gốc Thiếu Sinh Quân được về chiến đấu chung với ông. Lời yêu cầu này được thỏa mãn một phần, nhưng cũng đủ để cho Trung Úy Cận có thêm được sức mạnh cần thiết. Có lần ông tâm sự với một người bạn lý do này: “Một là để dễ sai. Tất cả bọn cựu Thiếu Sinh Quân này đều ra trường sau tôi. Chúng là đàn em, dù tôi không phải là cấp trên của chúng, mà chúng nó lộn xộn, tôi vẫn hèo vào đấy chúng nó được. Nay tôi muốn chúng nó về với tôi, để tôi có thể dạy dỗ chúng nó những gì mà quân trường không dạy. Hai là truyền thống của tôi khi ra trận là chết thì chết chứ không lùi. Vì vậy cần phải có một số người giống mình, thì đánh nhau mới đã. Bọn cựu Thiếu Sinh Quân đều như tôi”.

Một câu chuyện dũng cảm và cảm động khác kể về Trung Tá Hồ Ngọc Cận, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 15 Bộ Binh tại mặt trận An Lộc năm 1972. Trong khi quân của Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh bị pháo địch nã hàng ngàn quả ghim đầu xuống trong những hố cá nhân bên đường Quốc Lộ 13 gần thị xã An Lộc, thì binh sĩ trung đoàn ngạc nhiên lẫn cảm kích khi thấy vị Trung Đoàn Trưởng của họ dẫn vài người lính cũng quả cảm như vị chỉ huy điem tĩn đi thẳng lưng dưới cơn hỏa pháo cường kích như bão lửa của Sư Đoàn 7 Bắc Việt từ công sự này sang hố chiến đấu kia thăm hỏi chiến sĩ, an ủi các chiến thương và khích lệ tinh thần binh sĩ. Chiến binh Hồ



Ngọc Cần coi thường cái chết, mà dường như cái chết cũng sợ hãi và tránh xa con người kiệt xuất ấy. Định mệnh sẽ dành cho người một cái chết cao cả nhất, ít nhất cũng chưa phải là trong mùa hè đỏ lửa của năm 1972. Dường như giữa Trung Tá Cần và cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí có rất nhiều chất hào hùng quả cảm giống như nhau. Đại Tướng Đỗ Cao Trí thường nói với các phóng viên ngoại quốc đi trong cánh quân của người, khi họ tỏ lòng khâm phục người chiến binh Nhảy Dù ấy đã đứng giờ cao khẩu súng Browning thúc giục binh sĩ tiến lên, giữa những làn đạn đan chéo như vải trâu của địch quân: “Nếu đạn không trúng mình thì mình được tiếng anh hùng, mà nếu đạn có trúng thì mình cũng được tiếng anh hùng luôn”!

Các loại pháo địch từ 122 ly đến 130 ly, chưa kể đến những loại cối 81 ly và các loại súng đại bác không giật 75 ly và 90 ly dội hàng chục ngàn quả lên vị trí của quân ta. Quân Trung Đoàn 15 đánh lên An Lộc dọc theo QL13 từ Tân Khai tiến rất chậm vì đạn pháo giặc. Để tránh bị thiệt hại nặng, Trung Tá Hồ Ngọc Cần đã lệnh cho binh sĩ mỗi người đào một hố nhỏ như những cái “miệng ve” để ẩn trú. Nếu pháo dội trúng cái “miệng ve” nào, thì chỉ một chiến sĩ ở chỗ đó bị tử thương mà thôi. Trong một khoảng chiến tuyến mỗi chiều bề dài 300 thước, có hàng mấy trăm cái hố nhỏ, mấy ngàn quả pháo của cộng quân dội xuống, tính trung bình mỗi mét vuông lãnh vài trái. Nếu tính theo lý thuyết toán học thì mỗi chiến sĩ Trung Đoàn “ăn” từ hai trái lấy lên, và như vậy toàn bộ trung đoàn coi như chết hết. Nhưng thật kỳ diệu, chiến thuật “cò ỉa miệng ve” của quân ta lại cứu sống hàng ngàn sinh mạng chiến sĩ. Dứt cơn pháo địch, chiến sĩ ta nhủ đầu lên điểm danh quân số, thì thấy rằng, nhờ ơn trời, rất ít chiến thương. Tuy nhiên khi quân Trung Đoàn 15 tiến quân trên QL13 và giao chiến với quân địch, thì con số thương vong lên rất cao. Có nhiều đại đội trên 100 người, khi tàn cuộc chiến trở về Quân Khu IV chỉ còn khoảng ba chục chiến sĩ.

Ở phía Nam Tân Khai, Sư Đoàn 21 Bộ Binh cũng bị thiệt hại nặng vì pháo, nhiều sĩ quan cao cấp bị tử thương. Trung Đoàn

Trưởng của một trung đoàn là Trung Tá Nguyễn Viết Cần và một vị Trung Tá Trung Đoàn Phó của một trung đoàn khác hy sinh vì pháo địch quá ác liệt. Trung Tá Nguyễn Viết Cần chính là bào đệ của cố Trung Tướng Nguyễn Viết Thanh. Ông xuất thân từ binh chủng Mũ Đỏ Nhảy Dù, con đường binh nghiệp đang có nhiều triển vọng đi lên thì ông bị liên can trong vụ thuộc cấp ngộ sát hai Quân Cảnh Mỹ tại Sài Gòn. Thiếu Tá Cần bị chuyển về SĐ 21 BB, ít lâu sau ông thăng Trung Tá và nắm trung đoàn. Cuối cùng thì dòng họ Nguyễn Viết đã cống hiến cho đất nước đến hai người con ưu tú. Theo lời kể lại của Đại Úy Tiên, một vị Tiểu Đoàn Phó của Trung Đoàn 15 Bộ Binh lên An Lộc tham chiến, thì Trung Tá Cần đã lệnh cho ông phải đứng lên điều động binh sĩ giữa lúc đạn pháo giặc dội như bão xuống các vị trí Trung Đoàn. Tất cả các vị chỉ huy cao cấp của Trung Đoàn đều phải nêu gương dũng cảm cho thuộc cấp và chiến sĩ, để cùng xông lên giải cứu An Lộc. Vì những chiến công ngoài chiến trường, tính đến năm 1970 thì Trung Tá Hồ Ngọc Cần là chiến sĩ được thưởng nhiều huy chương nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, với 78 chiếc gồm 1 Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương, 25 Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu, 45 Anh Dũng Bội Tinh với các loại Ngôi Sao, 3 Chiến Thương Bội Tinh và 4 Huy Chương Hoa Kỳ.

Sau khi trở về từ An Lộc, Trung Đoàn 15 Bộ Binh còn tăng viện cho các trung đoàn bạn và Sư Đoàn 7 Bộ Binh đánh những trận long trời ở miền biên giới Việt-Miên, các tỉnh bờ Bắc sông Tiền Giang. Những tổn thất và vết thương còn chưa hồi phục từ chiến trường Miền Đông, lại vỡ toác ra từng mảnh lớn khác. Nhưng có sá gì chuyện tử sinh, làm thân chiến sĩ thì người lính của chúng ta chỉ biết tận lực hiến dâng xương máu cho nền tự do của tổ quốc và cho niềm hạnh phúc của dân tộc. Một lần nữa, Đại Tá Hồ Ngọc Cần được trao cho một chức vụ trọng yếu và hết sức khó khăn, khó có ai đảm đương nổi. Ông sẽ đi trấn nhậm tỉnh Chương Thiện, một tỉnh có địa hình phức tạp nhất vùng đồng lầy Miền Tây, với cái gai nhọn nhức nhối mặt khu U Minh Thượng trong lãnh thổ, từ đó quân Bắc Việt

và Việt Cộng phóng ra những cuộc đánh phá lớn, uy hiếp các quận xã hẻo lánh. Chờ Đại Tá Cẩn về trấn giữ tỉnh Chương Thiện, vị Tư Lệnh Quân Đoàn IV biết chắc Đại Tá Cẩn cùng với lực lượng Địa Phương Quân-Nghĩa Quân thiện chiến của ông sẽ ít nhất hóa giải được áp lực giặc, không cho chúng tiến xuống Cần Thơ. Giữ vững được Chương Thiện tức là bảo đảm an toàn cho lãnh thổ Quân Khu IV ở bờ Nam sông Hậu Giang.

Trong thời gian Đại Tá Cẩn làm tỉnh trưởng Chương Thiện, nhiều huyền thoại khác về ông đã được kể lại. Đại Tá Cẩn chẳng những là một nhà quân sự xuất chúng, mà còn là một nhà cai trị và bình định tài ba. Một ngày trước khi ông nhận bàn giao tỉnh Chương Thiện, Đại Tá Cẩn đã ăn mặc thường phục, giả dạng thường dân đi thanh tra ngầm một vòng tỉnh lỵ Vị Thanh. Ông vào các sông bãi, những nơi nhận tiền đánh số đề và những ổ điểm quan sát.

Ngày hôm sau, khi đã chính thức là vị Tỉnh Trưởng Chương Thiện, Đại Tá Cẩn cho gọi người Thiếu Tá Trưởng Ty Cảnh Sát tỉnh đến cất vấn nghiêm khắc về những tệ đoan xã hội trong tỉnh, rồi lập tức cách chức ông này. Thay vào đó là Trung Tá Đường, một vị sĩ quan mẫn cán và tài năng. Trung Tá Đường là cánh tay mặt vững chãi của Đại Tá trong lĩnh vực bình định, xã hội và truy bắt bọn Việt Cộng hoạt động dày đặc trong tỉnh. Bọn cộng phi rất căm thù Trung Tá Đường, đến nỗi sau ngày 30.4.1975, chúng bắt được Trung Tá Đường, chỉ giam giữ ông một thời gian ngắn rồi đem ông ra xử bắn tại Vị Thanh. Cùng đền ơn tổ quốc với Trung Tá Đường còn có Đại Úy Bé, Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Thám Báo Tỉnh. Đại Úy Bé đã làm điều đứng bọn giặc cộng, với những chiến sĩ Thám Báo nhảy sâu vào hậu cứ địch báo cáo tin tức, địch tình, cũng như tọa độ trú quân để Không Quân, Pháo Binh dội những cơn bão lửa lên đầu chúng. Trung Tá Đường và Đại Úy Bé bị giặc tàn nhẫn bắn chết tại chân cầu dẫn vào thành phố Vị Thanh.

Có một ông Quận Trưởng nọ, muốn cho chi khu của mình được an toàn tối đa, chiều nào cũng xin Pháo Binh tiểu khu

yếm trợ hỏa lực, nại lý do Việt Cộng pháo kích hay tấn công. Đại Tá Cần thỏa mãn tối đa và được báo cáo là quận bị thiệt hại một kho xăng và kho lương thực. Đại Tá tin thật, ông lệnh cho sĩ quan Trưởng Phòng 3 chuẩn bị xe Jeep đi xuống quận.

Buổi chiều chạng vạng trên những con đường đất hoang vắng rợn người ở vùng quê Chương Thiện mà vị Tỉnh Trưởng trẻ của chúng ta dám đi xe Jeep cùng với một vài người lính, chỉ có những chiến binh dũng cảm như Đại Tá Cần mới làm được. Ông Quận Trưởng đang nằm trên võng rung đùi uống Martell hoàng kinh ngồi bật dậy mặt mũi tái xanh đứng nghiêm chào vị Tỉnh Trưởng đầy huyền thoại. Đại Tá Cần đi thẳng xuống Trung Tâm Hành Quân của Chi Khu xem bản đồ và ra lệnh cho ông Quận: “Tôi muốn những ấp loại C sau ba tháng được nâng lên loại B. Những ấp loại B sau ba tháng phải được nâng lên loại A”. Ngài Quận Trưởng tạm ngưng uống rượu và làm việc trời chết. Đại Tá Cần không trừng trị tội xao nhãng nhiệm vụ của ông Quận, nhưng cung cách độ lượng và cương quyết của Đại Tá Cần giống như lưỡi gươm trừng phạt treo đung đưa trên đầu.

Đúng ba tháng sau, nhận được báo cáo khả quan của vị Quận Trưởng, Đại Tá Cần lại xuống quận ngủ đêm, sau khi đã trân trọng gắn lon mới tưởng thưởng cho ông này. Nếu tất cả 44 tỉnh của Việt Nam Cộng Hòa đều có những vị Tỉnh Trưởng can đảm, mẫn cán và tài ba như Đại Tá Cần, làm sao giang sơn hoa gấm của tổ tiên của chúng ta có thể lọt vào tay bọn cộng nô tay sai Nga Tàu dễ dàng như vậy được. Chúng ta cũng được biết rằng, Đại Tá Cần là vị Tỉnh Trưởng trẻ tuổi nhất của Việt Nam Cộng Hòa. Ông nhận chức vụ này hồi năm 1973, lúc ông mới có 35 tuổi.

Những đóng góp và hy sinh của Đại Tá Hồ Ngọc Cần lớn lao và nhiều không sao có thể kể được hết, suốt một đời người đã tận tụy với nước non, danh tiếng lừng lẫy và nắm giữ những chức vụ khó khăn, mà người vẫn khiêm nhường hết mực, giữ cuộc sống trong sáng và thanh liêm, tâm tư lúc nào cũng hướng

về những thế hệ đàn em. Một người bạn cũ trong một dịp gặp lại Đại Tá Cần ở Cần Thơ vào mùa hè 1974, đã hỏi ông: “Anh từng là Trung Đoàn Trưởng, hiện làm Tỉnh Trưởng, anh có nghĩ rằng sau này sẽ làm Tư Lệnh sư đoàn không”? Con người danh tiếng lưng lẩy trên các chiến trường đã khiêm tốn trả lời: “Tôi lặn lội suốt mười bốn năm qua gỏi chưa mồi, nhưng kiến thức có hạn. Được chỉ huy trung đoàn là cao rồi, mình phải biết liêm sỉ chớ, coi sư đoàn sao được. Làm Tỉnh Trưởng bất quá một hai năm nữa rồi tôi phải ra đi, cho đàn em họ có chỗ tiến thân. Bây giờ tôi xin về coi Trường Thiếu Sinh Quân, hoặc coi các lớp huấn luyện Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, đem những kinh nghiệm thu nhặt được dạy đàn em. Tôi sẽ thuật trước sau hơn ba trăm trận đánh mà tôi đã trải qua”. Ôi cao cả biết ngần nào tấm chân tình với nước non và với thế hệ chiến binh đàn em của người. Con người chân chính để lại cho hậu thế những lời khí khái.

Cuối cùng thì cái ngày tang thương 30-4-1975 của đất nước cũng đến. Dân tộc Việt Nam được chứng kiến những cái chết bi tráng hào hùng của những vị thần tướng nước Nam, của những sĩ quan các cấp còn chưa được biết và nhắc nhở tới. Và của những người chiến sĩ vô danh, một đời tận tụy vì nước non, những đôi vai nhỏ bé gánh vác cả một sức nặng kinh khiếp của chiến tranh. Sinh mệnh của Đại Tá Hồ Ngọc Cần cũng bị cuốn theo cơn lốc ai oán của vận mệnh đất nước. Chu vi phòng thủ của Tiểu Khu Chương Thiện co cụm dần, quân giặc hung hăng đưa quân tràn vào vây chặt lấy bốn phía. Những chiến sĩ Địa Phương Quân-Nghĩa Quân của Chương Thiện nghiêng răng ghì chặt tay súng, quyết một lòng liều sinh tử với vị chủ tướng anh hùng của mình. Đại Tá Cần nhớ lại lời danh thếp của ông: “Chết thì chết chứ không lùi”. Ông tự biết những khoảnh khắc của cuộc đời mình cũng co ngắn lại dần theo với chu vi chiến tuyến. Ông nhớ lại những ngày sinh lầy với Biệt Động Quân, những ngày lên An Lộc với chiến sĩ Sư Đoàn 9 Bộ Binh đi trong cơn bão lửa ngựa nghiêng, những lúc cùng chiến sĩ Sư Đoàn 21 Bộ Binh đi lũng giặc trong những vùng rừng U Minh hoang dã, và những chuỗi ngày chung vai

chiến đấu với chiến sĩ Địa Phương Quân-Nghĩa Quân thân thiết và dũng mãnh của ông trên những cánh đồng Chương Thiện hoang dã. Hơn ba trăm trận chiến đấu, nhưng chưa lần nào ông và chiến sĩ của ông phải đương đầu với một cuộc chiến cuối cùng khó khăn đến như thế này.

Khoảng hơn 9 giờ tối ngày 30-4-1975, gần nửa ngày sau khi Tướng Dương Văn Minh đọc lệnh cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng, Đại Tá Cần cố liên lạc về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV xin lệnh của Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam. Người trả lời ông lại là phu nhân Thiếu Tướng Lê Văn Hưng. Đại Tá Cần ngỡ ngác không biết chuyện hệ trọng nào mà đã đưa Bà Hưng lên văn phòng Bộ Tư Lệnh. Bà Hưng áp sát ống nghe vào tai, bà nghe có nhiều tiếng súng lớn nhỏ nổ âm âm từ phía Đại Tá Cần. Như vậy là Tiểu Khu Chương Thiện vẫn còn đang chiến đấu ác liệt và không tuân lệnh hàng của tướng Minh. Trước đó, khoảng 8 G 45 phút tối 30-04-1975 Thiếu Tướng Lê Văn Hưng đã nổ súng từ tiết, Thiếu Tướng Nam đang đi thăm chiến sĩ và thương bệnh binh lần cuối cùng trong Quân Y Viện Phan Thanh Giản Cần Thơ, rồi người tự sát ngay trong đêm. Bà Thiếu Tướng Hưng biết Đại Tá Cần kiên quyết chiến đấu đến cùng, thà chết không hàng, vì đó là tính cách thiên bẩm của người chiến sĩ Hồ Ngọc Cần. Nếu có chết thì Đại Tá Cần phải chết hào hùng, trong danh dự của một người chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa công chính. Đại Tá Hồ Ngọc Cần cùng các sĩ quan trong Ban Chỉ Huy Tiểu Khu và các chiến sĩ Tiểu Khu Chương Thiện đã đánh một trận tuyệt vọng nhưng lừng lẫy nhất trong chiến sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đánh tới viên đạn và giọt máu cuối cùng và đành sa cơ giữa vòng vây của bầy lang sói. Cuộc chiến đấu kéo dài đến 11 giờ trưa ngày 1-5-1975, quân ta không còn gì để bắn nữa, Đại Tá Cần lệnh cho thuộc cấp buông súng. Khi những người lính Cộng chia súng vào hầm chỉ huy Tiểu Khu Chương Thiện, Đại Tá Hồ Ngọc Cần, vị Trung Úy tùy viên và các sĩ quan tham mưu, hạ sĩ quan và binh sĩ từng sự đều có mặt. Một viên chỉ huy Việt Cộng tên Năm Thanh hùng hổ chia khẩu K 54 vào đầu Đại Tá Cần dữ dằn giọng:”Anh Cần,

tội anh đáng chết vì những gì anh đã gây ra cho chúng tôi”. Đại Tá Cẩn cười nhạt không trả lời.

Nhưng bọn cộng phi không giết ông ngay, chúng đã có kế hoạch làm nhục người anh hùng sa cơ nhưng cứng cỏi của chúng ta. Các sĩ quan tham mưu được cho về nhà, nhưng Đại Tá Cẩn thì không, địch áp giải ông sang giam trong Ty Cảnh Sát Chương Thiện. Vài ngày sau, các sĩ quan Tiểu Khu Chương Thiện cũng bị gọi vào giam chung với Đại Tá Cẩn. Để làm nhục và hành hạ tinh thần người dũng tướng nước Nam, giặc cho phá hủy nhà cầu trong Ty Cảnh Sát và thay vào bằng một cái thùng nhựa. Mỗi buổi sáng, ngày nào chúng cũng bắt Đại Tá Cẩn cùng một người nữa kiêng thùng phân đi đổ. Người ưu tiên được làm nhục thứ hai là vị Phó Tỉnh Trưởng. Dù cho các sĩ quan của ta có đề nghị hãy để cho mọi người làm công tác công bằng, nhưng bọn Cộng vẫn nhất quyết đày đọa Đại Tá Cẩn. Người anh hùng của chúng ta chỉ mỉm cười, ung dung làm công việc của mình. Chúa Jesus đã chẳng từng nói khi lên thập giá: “Lạy Cha ở trên trời, họ không biết việc họ đang làm” đó sao. Bà Đại Tá Cẩn lo sợ bị cộng quân trả thù nên bà đã đem cậu con trai duy nhất của ông bà là Hồ Huỳnh Nguyên, lúc ấy được 5 tuổi, về Cần Thơ ẩn náu và thay đổi lý lịch nhiều lần. Nhớ thương chồng, nhiều lúc bà đã liều lĩnh choàng khăn che mặt xuống Vị Thanh tìm đến Ty Cảnh Sát đứng bên này bờ con rạch nghẹn ngào nhìn vào sang dây tường rào kín bung. Một vài sĩ quan ra xách nước trông thấy bà đã tìm cách dẫn Đại Tá Cẩn ra. Những khoảnh khắc cuối cùng đầm đìa nước mắt ấy sẽ theo ký ức của bà Đại Tá Cẩn đến suốt khoảng đời còn lại của bà. Đầu năm 1979 bà Cẩn cùng bé Nguyên liều chết vượt biển. Thượng Đế đã dang tay từ ái bảo vệ giọt máu duy nhất của Đại Tá Cẩn. Bà Cẩn và bé Nguyên đến được đảo Bidong thuộc Mã Lai. Mười tháng sau hai mẹ con bà Đại Tá Cẩn được phái đoàn phỏng vấn Mỹ cho định cư tại Hoa Kỳ theo dạng ưu tiên có chồng và cha bị cộng sản bắn chết tại Việt Nam.

Bọn phi không giết Đại Tá Cận ngay, chúng muốn làm nhục người và làm nhục quân dân Miền Tây. Bọn chúng sẽ thiết trí một pháp trường và dành cho người một cái chết thảm khốc hơn. Đại Tá Cận không thể tử tiết, vì là con chiên ngoan đạo, luật Công Giáo không cho phép con cái Chúa được tự tử. Đại Tá Cận thường cầu nguyện mỗi buổi sáng và thổ lộ tâm tư với thuộc cấp trước khi ra trận: “Sống chết nằm trong tay Chúa”. Vì vậy viên đạn cuối cùng người bắn vào kẻ thù, để cho chúng biết rằng nước Nam không thiếu anh hùng.

Quân dân Miền Tây đã tiếc thương cái chết của hai vị thần tướng Nguyễn Khoa Nam và Lê Văn Hưng trong ngày u ám đen tối nhất của lịch sử Việt Nam. Giờ đây, cũng trong bầu không khí ảm đạm đau buồn của ngày 14-8-1975, người dân thủ phủ Cần Thơ sẽ được chứng kiến giây phút lia đời cao cả của người anh hùng Hồ Ngọc Cận. Bọn sói lang đã áp giải người tù Chương Thiện về Cần Thơ và cho bọn ngu ngu đầu đi phóng thanh loan báo địa điểm, giờ phút hành hình người anh hùng cuối cùng của Quân Lực Việt Cộng Hòa.

Bọn tiểu nhân cuồng sát thay vì nghiêng mình kính phục khí phách của người đối địch, thì chúng lại lấy lòng dạ của loài khỉ và loài quỷ để đòi máu của người phải chảy. Chúng quyết tâm giết Đại Tá Cận để đánh đòn tâm lý phủ đầu lên những người yêu nước nào còn dám tổ chức kháng cự lại bọn chúng. Thật đau đớn, trong khoảnh khắc cuối cùng này, bà Đại Tá Cận và người con trai còn phải ẩn trốn một nơi kín đáo theo lời căn dặn của Đại Tá Cận trước khi ông bị bắt, vì sợ bọn chúng bắt bớ tra tấn, nên bà không thể có mặt để chứng kiến giây phút Đại Tá Cận đi vào lịch sử.

Đại Tá Cận bị giải lên chỗ hành hình, mấy tên khăn rằn hung hăng ghim súng bao quanh người chiến sĩ. Trước khi bắn người, tên chỉ huy cho phép người được nói. Đại Tá Cận trong chiếc áo tù vẫn hiên ngang để lại cho lịch sử lời khẳng khái: “Tôi chỉ có một mình, không mang vũ khí, tôi không đầu hàng, các ông cứ bắn tôi đi. Nhưng trước khi bắn tôi xin được mặc



quân phục và chào lá quốc kỳ của tôi lần cuối”. Dĩ nhiên lời yêu cầu không được thỏa mãn. Đại Tá Cẩn còn muốn nói thêm những lời trời trần hào hùng nữa, nhưng người đã bị mấy tên khản rần nón cối xông lên đè người xuống và bịt miệng lại. Tên chỉ huy ra lệnh hành quyết người anh hùng. Điều duy nhất mà bọn chúng thỏa mãn cho người là không bịt mắt, để người nhìn thẳng vào những họng súng thù, nhìn lần cuối quốc dân đồng bào. Rồi người ngao nghể ra đi.

Cùng ngẩng cao đầu đi vào chiến sự Việt Nam với Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn tại sân vận động Cần Thơ là người anh hùng Thiếu Tá Trịnh Tấn Tiếp, Quận Trưởng quận Kiến Thiện, bạn đồng khóa với Đại Tá Cẩn. Thiếu Tá Tiếp đã cùng các chiến sĩ Địa Phương Quân Chi Khu chiến đấu dũng cảm đến sáng ngày 1-5-1975 thì ông bị sa vào tay giặc. Thiếu Tá Tiếp là một sĩ quan xuất sắc, trí dũng song toàn. Ông đã từng gây rất nhiều tổn thất nặng nề cho quân địch, nhờ tổ chức thám sát chính xác, có lần ông đã gọi B 52 dội trúng một trung đoàn cộng quân và hầu như xóa sổ trung đoàn này. Cộng quân ghi nhớ mỗi thù này, người anh hùng của chúng ta sa vào chúng, thì chúng sẽ giết chết ông không thương tiếc. Hai người anh hùng cuối cùng của miền Tây đã vĩnh viễn ra đi. Đất trời những ngày đầu mùa mưa bỗng tối sầm lại.

Một nhân chứng đứng ở hàng đầu dân chúng kể lại rằng, trong những giây phút cuối cùng, Đại Tá Cẩn đã đồng dục hét lớn: “Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm! Đả Đảo Cộng Sản!” Năm sáu tên bộ đội nhào vào tấn công như lũ lang sói, chúng la hét man rợ và đánh đấm người anh hùng sa cơ tàn nhẫn.

Người phụ nữ nhân chứng nước mắt ràn rụa, bà nhắm nghiền mắt lại không dám nhìn. Bà nghe trong cõi âm thanh rùng rú có nhiều tiếng súng nổ chát chúa. Khi bà mở mắt ra thì thấy nhiều tên Việt Cộng vây quanh thi thể của Đại Tá Cẩn và khiêng đem đi.



Đúng ra, phải vinh danh Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn là Chuẩn Tướng Hồ Ngọc Cẩn, vì người đã anh dũng chiến đấu trên chiến trường và vị quốc vong thân. Nhưng Tổng Thống Tổng Tư Lệnh, Tổng Tham Mưu Trưởng đã bỏ chạy từ lâu, Tư Lệnh Quân Khu IV đã tử tiết, lấy ai đủ tư cách trao gấm lon và truy thăng Chuẩn Tướng cho người. Anh linh của Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn đã thăng thiên. Tên tuổi của ông đã đi vào lịch sử đến ngàn đời sau. Xin người hãy thương xót cho dân tộc và đất nước Việt Nam còn đang chìm đắm trong tối tăm và gông xiềng cộng sản, xin hãy ban cho những người còn đang sống khắc khoải sức mạnh và quyết tâm. Để cùng nhau đứng dậy lật đổ chúng, hát bội chúng, tất cả bọn tự nhận là con cháu loài vượn đó vào vực thẳm lạnh lẽo nhất của địa ngục.

*Phạm Phong Dinh*

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Ngọc Cẩn Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Vinh danh cố Đại tá Hồ Ngọc Cẩn Web: [hon-viet.co.uk](http://hon-viet.co.uk)

## Câu chuyện về gia đình Đại tá Hồ Ngọc Cẩn

*Giao Chi-San Jose*



*Các cựu sĩ quan Khóa 2 Đồng Đế thăm phu nhân cố Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn tại tư gia - ảnh. Thiếu tá Hồ Đức Huân cung cấp.*

### NGƯỜI VỢ LÍNH Ở THỦ ĐỨC

#### **Đám cưới nhà quê. Chuyện người vợ**

Mùa xuân năm 1959. Họ đạo Thủ Đức có đám cưới nhà quê. Cô dâu Nguyễn thị Cảnh mỗi tuần giúp lễ và công tác thiện nguyện cho nhà Thờ. Chú rể là anh trung sĩ huấn luyện viên của trường bộ binh Thủ Đức.

Cha làm phép hôn phối. Họ Đạo tham dự và chúc mừng. Bên nhà gái theo đạo từ thuở xa xưa. Bên nhà trai cũng là gia đình Thiên Chúa Giáo. Cô gái quê ở Thủ Đức, 18 tuổi còn ở với mẹ. Cậu trai 20 tuổi xa nhà từ lâu. Cha cậu là hạ sĩ quan, gửi con vào thiếu sinh quân Gia Định từ lúc 13 tuổi. Khi trưởng thành, anh thiếu sinh quân nhập ngũ. Đi lính năm 1956. Mấy năm sau đeo lon trung sĩ. Quê anh ở Rạch Giá, làng Vĩnh Thanh Long, sau này là vùng Chương Thiện. Ngày đám cưới, ông già từ quê lên đại diện nhà trai. Đứng trước bàn thờ, cha xứ hỏi rằng anh

quân nhân này có nhận cô gái làm vợ không. Chú rề đáp thưa có. Cha hỏi cô gái có nhận anh trung sĩ này làm chồng. No đôi có nhau. Gian khổ có nhau. Cô gái Thủ Đức vui mừng thưa có. Anh trung sĩ Rạch Giá phục vụ trường bộ binh đi lễ nhà thờ gặp cô gái xóm đạo Thủ Đức nên kết nghĩa vợ chồng. Cô gái thê trước nhà Chúa, có cả họ Đạo chứng kiến. Cô đã giữ trọn đời làm vợ người lính. Từ vợ trung sĩ trại gia binh cho đến phu nhân đại tá trong dinh tỉnh trưởng. Cô theo chồng đi khắp 4 phương suốt 16 năm chinh chiến để rồi 30 tháng 4 năm 75 trở thành vợ người tử tội. Cô đem con trở về Thủ Đức lánh nạn chờ ngày chồng bị xử bắn. Dù thắng cấp, dù thắng hay bại, dù sống hay chết, chồng cô vẫn là người anh hùng. Cô mãi mãi vẫn là người vợ lính. Anh lính đầu đời chinh phu của cô lúc lấy nhau đeo lon trung sĩ và khi ra đi đeo lon đại tá. Thủy chung cô vẫn sống đời vợ lính. Chồng của cô là đại tá Hồ Ngọc Cần. Hiện nay cô vợ lính gốc Thủ Đức, sau khi tìm đường vượt biên, đem con trai duy nhất qua Bidong, Mã Lai rồi vào Mỹ sống ở Nam Cali. Cô may thuê. Bán quán nuôi con. Con trai lập gia đình có 2 cháu. Người vợ lính năm xưa từ 75 đến nay, ở vậy thờ chồng đã trở thành bà nội ở chung một nhà với con cháu. Suốt đời vẫn nghèo, nghèo từ trung sĩ mà nghèo lên đại tá. Nghèo từ Thủ Đức mà nghèo qua Chương Thiện. Nghèo từ Việt Nam mà đem theo cái nghèo qua Mỹ. Bởi vì suốt đời chỉ là người vợ lính.

### **Một đời chinh chiến. Chuyện người chồng.**



Hồ Ngọc Cẩn sinh ngày 24 tháng 3 năm 1938. Xuất thân thiếu sinh quân Gia Định rồi nhập ngũ và lên cấp trung sĩ huấn luyện viên vũ khí tại trường bộ binh. Sau khi lập gia đình có 1 con thì anh trung sĩ tìm cách tiến thân xin vào học lớp sĩ quan đặc biệt tại Đồng Đế. Từ anh sinh viên sĩ quan Đồng Đế 1960 cho đến 15 năm sau Hồ Ngọc Cẩn trở thành đại tá tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Chương Thiện, hầu hết cấp bậc đều lên tại mặt trận. Ông đã từng mang màu áo của Biệt động quân và các sư đoàn bộ binh. Huy chương và chiến công nhiều vô kể. Suốt một đời chinh chiến từ trung đội trưởng lên đến trung đoàn trưởng, Hồ ngọc Cẩn tung hoành khắp Hậu giang và Tiền giang. Năm 1972 ông Thiệu cho lệnh toàn thể sư đoàn 21 từ miền Tây lên tiếp tay cho quân đoàn 3 giải tỏa An Lộc. Lại cho lệnh tăng cường thêm 1 trung đoàn của sư đoàn 9. Tư lệnh quân khu, ông Trưởng nói với ông Lạc sư đoàn 9 đưa 1 trung đoàn nào coi cho được. Trung tá Hồ ngọc Cẩn dẫn trung đoàn 15 lên đường. Trung đoàn ông Cẩn phối hợp cùng nhảy dù đánh dọc đường 13 tiến vào An Lộc. Anh đại úy đại đội trưởng của trung đoàn suốt mấy tuần dằng co với địch trước phòng tuyến của tướng Hưng tư lệnh An Lộc, nhưng chưa vào được. Lính hai bên chết đều chôn tại chỗ. Thiết vận xa M113 của ta còn phải lui lại phía sau. Chỉ có bộ binh của trung đoàn 15 nằm chịu trận ở tiền tuyến. Anh sĩ quan kể lại, chợt thấy có một M113 của ta gầm gừ đi tới. A, tay này ngon. Chợt thấy một ông xếp từ thiết vận xa bước ra, phóng tới phòng tuyến của đại đội. Nhìn ra ông trung đoàn trưởng Hồ Ngọc Cẩn. Ông quan sát trận địa rồi hô quân tiến vào. Cùng với tiền đạo của nhảy dù, trung đoàn 15 bắt tay với lính phòng thủ An Lộc. Sau khi Bình Long trở thành Bình Long Anh Dũng, ông Thiệu hứa cho mỗi người lên 1 cấp. Trung tá Hồ Ngọc Cẩn ngoài 30 tuổi đeo lon đại tá trở về trong vinh quang tại bản doanh Sa Đéc. Rồi ông được đưa về làm tiểu khu trưởng Chương Thiện. Vùng đất này là sinh quán của ông ngày xưa. Cho đến 30 tháng 4-1975 Sài Gòn đã đầu hàng, nhưng Chương Thiện chưa nhận được lệnh Cần Thơ nên Chương Thiện chưa chịu hàng. Chiều 29 sang 30 tháng 4, tiểu khu trưởng vẫn còn bay trực thăng chỉ huy. Khi radio Sài Gòn tiếp vận về tin bùng súng, các đơn vị bên ta rã ngũ. Lính

tráng từ tiểu khu và dinh tỉnh trưởng tan hàng, đại tá tiểu khu trưởng Hồ Ngọc Cẩn bị lính cộng sản vây quanh khi còn ngồi trên xe Jeep với vũ khí, quân phục cấp bậc đầy đủ. Câu chuyện về giờ phút cuối cùng của người chồng, đã được người vợ kể lại cho chúng tôi. Thực là một kỷ niệm hết sức bi thảm.

### **Giây phút cuối của Chương Thiện,**

Bà Cẩn với âm hưởng của miền quê Thủ Đức kể lại qua điện thoại. Cô Cảnh nói rằng suốt cuộc đời chưa ai hỏi thăm người thiếu phụ Thủ Đức về một thời để yêu và một thời để chết. Bà nói:

*“Kể lại cho bác rõ, những ngày cuối cùng nhà em vẫn hành quân. Đánh nhau ngay trong tiểu khu. Anh Cẩn vẫn còn bay hành quân. Nhà bị pháo kích. Tuy gọi là dinh tỉnh trưởng nhưng cũng chỉ là ngôi nhà thường. Chiều 30 tháng 4 mẹ con em theo các chú lính chạy ra ngoài. Đi lẫn vào dân. Ở Chương Thiện không ai biết em là vợ tỉnh trưởng. Ai cũng tưởng là vợ lính. Từ xa ngó lại mẹ con em thấy anh Cẩn bị chúng bắt giải đi. Bà con kéo mẹ con em tìm đường chạy về Cần Thơ. Chú lính nói rằng bà không đem con chạy đi chúng nó bắt thì khó. Em dẫn thằng con nhỏ chạy bộ. Mẹ con vừa đi vừa khóc. Hình ảnh cuối cùng thằng con hơn 10 tuổi nhìn thấy bố ngồi trên xe Jeep, Việt cộng cầm súng vây quanh. Bước xuống xe, anh không chống cự, không vùng vằng, không nói năng. Đưa mắt nhìn về phía dân ở xa, gơ tay phất nhẹ. Như một dấu hiệu mơ hồ cho vợ con. Chạy đi. Đó là hình ảnh cuối cùng đã gần 40 năm qua. Từ đó đến nay mẹ con không bao giờ gặp lại. Thân nhân bên anh Cẩn, mẹ và các chị giữ không cho em và con trai ra mặt. Sợ bị bắt. Được tin anh ra tòa nhận án tử hình. Rồi tin anh bị xử bắn. Thời gian anh bị giam gia đình bên anh có đi tiếp tế nhưng không thấy mặt. Chỉ giao tiếp tế cho công an rồi về. Hôm anh bị bắn ở sân vận động Cần Thơ, gia đình cũng không ai được báo tin riêng, nhưng tất cả dân Tây Đô đều biết. Mỗi nhà được loan báo gửi một người đi coi. Bà chị họ đi xem thằng em bị bắn. Chị kể lại là không khí im lặng. Từ xa, nhìn*

qua nước mắt và nín thở. Chị thấy chú Cấn mặc quần áo thường dân tỏ ý không cần bị bắt. Nhưng bọn cộng sản vẫn bị bắt. Bác hỏi em, bà chị có kể lại rõ ràng ngày xử bắn 14 tháng 8 năm 1975. Mỗi lần nói đến là chị em lại khóc nên cũng không có gì mà kể lại. Chúng bị mồm, bị mắt nên anh Cấn đâu có nói năng gì. Suốt cuộc đời đi đánh nhau anh vẫn làm lì như vậy. Vẫn làm lì chịu bị bắt, không giơ tay đầu hàng, không khai báo, không nói năng gì cho đến chết. Anh làm trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng rồi đến tiểu khu trưởng. Báo chí, anh em nói gì thì nói, anh Cấn chả nói gì hết. Bác hỏi em là mô mả ra sao. Em và con về nhà mẹ ở Thủ Đức. Gia đình không cho em ra mặt. Bà chị và mẹ anh Cấn đi xin xác không được. Chúng đem chôn ở phía sau Trung tâm nhập ngũ Cần Thơ. Mấy năm sau mới xin được đem về Rạch Giá. Rồi đến khi khu này bị giải tỏa nên lại hỏa thiêu đem tro cốt về nhà ông chú bên Long Xuyên. Ngày nay, em nói để bác mừng là sau khi vượt biên qua Mỹ em đã đưa di hài anh Cấn qua bên này. Anh Cấn bây giờ cũng đoàn tụ bên Mỹ với gia đình. “

“Cô đi năm nào”, tôi hỏi bà Cấn.

“Mẹ con em ở Thủ Đức ba năm sau 75. Đến 78 thì vượt biên qua Pulo Bidong. Ở trại 8 tháng thì bà con bảo trợ qua Mỹ. Qua bên này mình chả biết ai, không ai biết mình. Cũng như bao nhiêu thuyền nhân, mẹ con ở với nhau. Em đi làm nghề may, rồi đi bán quán cho tiệm Mỹ. Bây giờ cháu trai duy nhất của anh Cấn đã có gia đình sinh được 2 con.”

Chuyện đời người vợ lính thời chinh chiến với kết thúc bi thảm và anh hùng, tôi nghe kể lại thấy lòng xót xa lắng đọng. Tôi bèn quay qua hỏi chị Cấn sang đề tài khác. “Nãy giờ nói toàn chuyện buồn, cô nhớ lại xem suốt đời từ đám cưới cho tới 75, cô có những kỷ niệm nào vui không.”

Bà Cấn ngừng lại suy nghĩ.

*“Em thấy năm nào tháng nào cũng vậy thôi. Toàn lo việc nhà, nội trợ nuôi con. Anh Cử đi đâu thì mẹ con cũng đi theo. Từ trại gia binh đến cư xá sĩ quan. Chúng em không có nhà riêng, không có xe hơi, không có xe gắn máy. Từ Sa Đéc trung đoàn 15 qua đến tiểu khu Chương Thiện, toàn là ở trại lính”.*

Tôi hỏi tiếp:

*“Cô có đi dự tiệc tùng, mừng lên lon, thăng cấp, dạ hội gì không?”.*

*“Không, em chả có đi đâu. Ở Chương Thiện em cũng không đi chợ. Dân chúng cũng không biết em là ai. Mua bán gì em về Cần Thơ, đồng người, cũng chả ai biết em là ai. Em cũng không có nhà cửa nên cũng không mua sắm đồ đạc. Lương nhà binh cũng chẳng có là bao. Em cũng không ăn diện nên chẳng có nhiều quần áo. Năm 1972 ở An Lộc về, anh Cử mang lon đại tá không biết nghĩ sao anh nói với em, vợ chồng chụp được một tấm hình kỷ niệm. Đây là tấm hình gần như duy nhất. Xin bác dùng tấm hình này của nhà em mà để lên tấm bia lịch sử”.*





Tôi nói rằng, tấm hình của cô và anh Cấn rõ ràng và đẹp lắm. Hoàng Mộng Thu có đưa cho tôi xem. Chúng tôi sẽ dùng hình này. Nhưng tôi vẫn gặng hỏi. “Thế bao nhiêu lần anh thăng cấp cô có dự lễ gắn lon không?”.

*“Em đâu có biết. Chỉ thấy anh Cấn đi về đeo lon mới rồi cười cười. Cũng có thể gọi là những giây phút hạnh phúc của đời nhà binh”.*

“Thế cô chú ở Thủ Đức có khi nào đi chơi Vũng Tàu tắm biển không?”.

Bà Cấn thật thà nói rằng.

*“Khi anh Cấn học ở Đồng Đế thì em và con có ra thăm Nha Trang nên thấy biển. Còn chưa bao giờ được đi với anh Cấn ra Vũng Tàu. Sau này đến khi vượt biên thì mẹ con em mới thấy biển Vũng Tàu...”*

Trong số một triệu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa, dường như sĩ quan, anh nào cũng có 1 lần đi với vợ con hay người yêu trên bãi biển Vũng Tàu. Chỉ có hàng binh sĩ, chỉ những người lính là chưa có dịp. Hồ Ngọc Cấn ở Rạch Giá suốt đời chưa đem vợ Thủ Đức đi Vũng Tàu. Vì vậy chị Cấn suốt đời vẫn chỉ là vợ lính. Trong quân đội, dù là tướng tá hay sĩ quan, anh nào mà chả có thời làm lính. Sau đó mới làm quan. Chỉ riêng cô Nguyễn thị Cảnh, vợ đại tá Hồ Ngọc Cấn là người đóng vai vợ lính suốt đời. Những ngày vui nhất của chị là thời gian được làm vợ anh trung sĩ hiện lành của trường bộ binh Thủ Đức. Ngày đó đã xa rồi hơn nửa thế kỷ, ở bên kia địa cầu, trên ngọn đồi Tăng Nhơn Phú, có vợ chồng anh lính trẻ mỗi sáng chủ nhật cầm tay nhau để đi lễ nhà thờ.

*Giao Chỉ, San Jose.*

### **Chương thứ bảy: Phát biểu của những nhà lãnh đạo**

Những nhà lãnh đạo luôn được người dân theo dõi từ hành động cho tới lời nói của họ, để người đời đánh giá về khả năng, đạo đức của mỗi người.

Đã là con người thì ai cũng có cái hay, cái dở, cái được, cái thua, hành động của họ sẽ được hậu thế lưu danh.

### 1) Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu (1923-2001)



Lúc 17 giờ ngày 21-4-1975, trong lễ bàn giao, vị Đệ nhị Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã nói với quốc dân đồng bào:

*“Tôi sẵn sàng nhận lãnh sự phán xét và buộc tội của đồng bào nhưng sự sống còn của cả một dân tộc không có thể mang ra mặc cả như con cá ở ngoài chợ. Tôi từ chức nhưng tôi không đào ngũ”.*

## 2) Tổng Thống Trần Văn Hương (1902-1982)



Khi nhận bàn giao chức vụ, Đệ tam Tổng Thống Trần Văn Hương đã nhắn gửi quân nhân các cấp:

*“Chừng nào các anh em còn tiếp tục chiến đấu, bao giờ tôi cũng đứng tôi cũng sẽ đứng bên cạnh các anh em. Đất nước chúng ta đang rơi vào cơn thảm họa nhưng ước vọng quý giá nhất của tôi là sẽ được đóng góp xương máu và chia xẻ mọi gian nguy của các anh em ở chiến trường. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết”.*



Trong ngày 29-4-1975, dù rất bận rộn trong việc di tản hàng chục ngàn người Mỹ và người tị nạn VN, Đại sứ Martin cũng đã tìm cách đến gặp ông Trần Văn Hương, cựu Tổng Thống VNCH tại phủ Phó Tổng Thống trên đường Công Lý lần chót.

Cùng đi với ông đại sứ, có một tham vụ sứ quán nói tiếng Pháp. Đại khái đại sứ nói :

“Thưa Tổng Thống, tình trạng hiện nay rất nguy hiểm. Nhon danh chính phủ Hoa Kỳ, chúng tôi đến mời Tổng Thống rời khỏi nước, đi đến bất cứ xứ nào, ngày giờ nào với phương tiện nào mà Tổng Thống muốn. Chính phủ chúng tôi cam kết bảo đảm cho Ngài một đời sống xứng đáng với cương vị Tổng Thống cho đến ngày Tổng Thống trăm tuổi già”

Tổng Thống Trần Văn Hương mỉm cười trả lời :

*“Thưa Ngài đại sứ, tôi biết tình trạng hiện nay rất là nguy hiểm. Đã đến hồi như vậy, Hoa Kỳ cũng có phần trách nhiệm trong đó. Nay ông đại sứ đến mời tôi ly hương, tôi rất cảm ơn Ông đại sứ. Nhưng tôi đã suy nghĩ và quyết định dứt khoát ở lại nước tôi. Tôi cũng dự biết Cộng Sản vào được Saigon, bao nhiêu đau khổ nhục nhã sẽ trút xuống đầu dân chúng miền Nam. Tôi là người lãnh đạo đứng hàng đầu của họ, tôi tình nguyện ở lại để chia xẻ với họ một phần nào niềm đau đớn tủi nhục, nỗi thống khổ của người dân mất nước. Cảm ơn ông Đại sứ đã đến viếng tôi.”*

Năm 1980, cựu Tổng Thống Trần Văn Hương cũng được CS trả lại quyền công dân, nhưng ông đã từ chối qua bức thư gửi đến cấp lãnh đạo chính quyền CS như sau:

*“... Hiện nay vẫn còn có mấy trăm ngàn nhơn viên chế độ cũ, cả văn lẫn võ, từ Phó Thủ tướng đến Tổng bộ trưởng, các tướng lãnh, quân nhân công chức các cấp, các chính trị gia, các vị lãnh đạo tôn giáo, đảng phái, đang bị tập trung cải tạo, rĩ tai thì ngắn hạn mà cho đến nay vẫn chưa thấy về.*

*Tôi là người đứng đầu hàng lãnh đạo chánh phủ VNCH, xin lãnh hết trách nhiệm một mình. Tôi xin chánh phủ mới thả họ về hết, vì họ là những người chỉ biết thừa hành mạng lệnh cấp trên, họ không có tội gì cả. Tôi xin chánh phủ mới tha họ về sum họp với vợ con, còn lo làm ăn xây dựng đất nước.*

*Chừng nào những người tập trung cải tạo được về hết, chừng nào họ nhận được đầy đủ quyền công dân, chừng đó, tôi sẽ là người cuối cùng, sau họ, nhận quyền công dân cho cá nhân tôi”*

### 3) Tổng Thống Dương Văn Minh (1916-2001)



Năm 1987, sau khi qua Pháp, vị Đệ Tứ Tổng Thống VNCH Dương Văn Minh đã gửi cho Tướng Nguyễn Chánh Thi ở Hoa Kỳ bức thư sau đây:

France, Ngày 15-4-87

*Thi*

*Được tin Thi, tôi rất mừng. Lúc nào tôi cũng nhớ anh em thuở xưa, mà tôi còn lưu lại rất nhiều kỷ niệm. Từ khi tôi đến nước Pháp tới nay, lật bật đã gần 6 năm rồi, sống với cuộc đời réfugié (lưu vong) tuy có thông thả nhưng lúc nào cũng bận tâm. Thoát được chế độ với hai bàn tay không. Pháp chẳng giúp đỡ gì. Mình sống trong một đô thị thật nhỏ, kể ra cũng tạm yên. Nghe tin Thi kể chuyện an em quân nhân, tôi rất khổ tâm. Lúc đó, tôi bị đày ở Bangkok, cho nên có nhiều việc tôi không rõ biết. Anh em có đọc sách Đỗ Mậu kể chuyện lại cho*

*tôi nghe, tôi phải công nhận anh Đỗ Mậu kể chuyện lại như vậy là rất can đảm. Lên án Công Giáo và Cần Lao đến mức đó là cùng. Ngoài ra, anh Đỗ Mậu cũng trách tôi sao không biết tự tử như các bậc tiền bối, cũng có phần đúng. Nhưng đây chỉ là vấn đề quan niệm mà thôi. Theo tôi, tự tử không phải lúc nào cũng đúng. Đôi khi mình phải dám sống để hứng nhận những hậu quả do sự quyết định của mình gây ra. Có lẽ anh Đỗ Mậu và (cũng như nhiều người) không rõ là tôi lấy quyết định cuối cùng sau khi đã tham khảo ý kiến với một số những vị dân biểu và nghị sĩ còn lại, với những anh em quân nhân đến gặp tôi vào giờ phút chót, với các bậc thầy, trong đó có thầy Trí Quang và Trí Thủ đã khuyên tôi nhiều nhất để cứu dân.*

*Riêng tôi, tôi không tự tử không phải vì thiếu can đảm, nhưng vì những lý do rất đơn sơ. Tôi không thể tự sát, vì thân thể mình do Trời Đất (Ấn Trên) kết tạo, cha mẹ sinh dưỡng, mình không có quyền quyền sinh. Mình có quyền hy sinh tên tuổi, uy tín tài sản, công nghiệp . v.v .*

*Tóm tắt, mình chỉ hy sinh những gì mình tạo ra mà thôi. Đây là một lý thuyết tôi đã hấp thụ từ khi tôi biết khôn và áp dụng suốt đời, đối với tôi, cũng như tất cả người khác. Hôm nay tôi nói ra để cho Thi hiểu, vì lúc nào tôi cũng coi Thi như một người em trên mọi mặt, chớ không phải nói ra để phân trần chi chi..*

*Tôi đã dám làm thì tôi cũng dám chấp nhận những búa rìu dư luận bất cứ từ đâu tới.. Không có gì thắc mắc cả; và tôi coi đây chỉ là một giai đoạn thôi.. Cầu xin dân ta và anh em giữ vững tinh thần thì có ngày xum họp trên quê cha đất tổ. Tôi đã nói nhiều quá! Lúc nào cũng nhớ anh em, nhờ Thi gửi lời thăm tất cả. Tôi không mong gì hơn, được gặp lại các bạn.*

*Thân mến*

*DƯƠNG VĂN MINH10-bis, Boulevard du Téméraire 9130  
Montherey . France*



Phụ lục:

### 1) Danh sách những Quân nhân tử tiết

*Xin dành một nén hương lòng cho những người anh hùng của quân lực VNCH, đã anh dũng hy sinh hoặc tử tiết trong những ngày cuối của cuộc chiến. Họ đáng để cho chúng ta tôn vinh và đời đời nhớ ơn...*

- 1- Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, cựu tư lệnh Quân Đoàn II 30-4-1975
- 2- Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh 30-4-1975
- 3- Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, tướng tư lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh 30-4-1975
- 4- Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, tư lệnh phó Quân Đoàn IV 30-4-1975
- 5- Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh Quân Đoàn IV 1-5-1975
- 6- Đại Tá Lê Câu, trung đoàn trưởng 47 Bộ Binh, Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Tự sát ngày 10-3-1975
- 7- Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, trung đoàn trưởng 42 Bộ Binh, Sư Đoàn 22 Bộ Binh- khóa 16 Đà Lạt 31-3-1975 tự sát tại Quy Nhơn
- 8- Hải Quân Thiếu Tá Lê Anh Tuấn (bào đệ của Trung Tướng Lê Nguyên Khang). 30-4-1975
- 9- Thiếu Tá Không Quân Nguyễn Gia Tập, đặc trách khu trục tại Bộ Tư Lệnh KQ. Tự sát 30-4-75 tại BTLKQ
- 10- Trung Tá Nguyễn Văn Long CSQG 30-4-1975 tự sát tại công trường Lam Sơn, Sài Gòn
- 11- Trung Tá Nguyễn Đình Chi Phụ Tá Chánh sở 3 ANQĐ - Cục An Ninh Quân Đội. Tự sát 30-4-1975 tại Cục An Ninh
- 12- Trung Tá Phạm Đức Lợi, phụ tá Trưởng Khối Không Ảnh P2/ Bộ TTM. 30-4-1975
- 13- Trung Tá Vũ Đình Duy, trưởng Đoàn 66 Đà Lạt. 30-4-1975
- 14- Trung Tá Nguyễn Văn Hoàn, trưởng Đoàn 67 Phòng 2 Bộ

Tổng Tham mưu. Tụ sát ngày 30-4-1975

15- Hải Quân Trung Tá Hà Ngọc Lương, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang. Tụ sát ngày 28-4-1975 cùng vợ, 2 con và cháu (bằng súng)

16- Thiếu Tá Đặng Sỹ Vĩnh, trưởng Ban Binh Địa P2 Bộ TTM, sau biệt phái qua Cảnh Sát 30-4-1975 tụ sát cùng vợ và 7 con

17- Thiếu Tá Mã Thành Liên (Nghĩa), tiểu đoàn trưởng 411ĐP, TK Bạc Liêu- khoá 10 Đà Lạt. 30-4-1975 tụ sát cùng vợ

18- Thiếu Tá Lương Bông, phó ty An Ninh Quân Đội Cần Thơ- Phong Dinh. Tụ sát ngày 30-4-1975

19- Thiếu Tá Trần Thế Anh, đơn vị 101. Tụ sát ngày 30-4-75

20- Đại Úy Vũ Khắc Cần, Ban 3, Tiểu Khu Quảng Ngãi. Tụ sát 30-4-1975

21- Đại Úy Tạ Hữu Di, tiểu đoàn phó 211 Pháo Binh Chương Thiện. Tụ sát 30-4-1975

22- Trung Úy CSQG Nguyễn Văn Cảnh, trưởng cuộc Văn Đoàn, Q.8. Tụ sát ngày 30-4-1975

23- Chuẩn Úy Đỗ Công Chính, TĐ 12 Nhảy Dù. Tụ sát ngày 30-4-1975 tại cầu Phan Thanh Giản

24- Trung Sĩ Trần Minh, gác Bộ Tổng Tham Mưu. Tụ Sát 30-4-1975

25- Thiếu Tá Đỗ Văn Phát, quận trưởng Thạnh Trị Ba Xuyên 1-5-1975

26- Thiếu Tá Nguyễn Văn Phúc, tiểu đoàn trưởng, Tiểu Khu Hậu Nghĩa 29-4-1975

27- Trung Tá Phạm Thế Phiệt 30-4-1975

28- Trung Tá Nguyễn Xuân Trân, Khoá 5 Thủ Đức, Ban Ước Tính Tình Báo P2 /Bộ TTM. Tụ sát ngày 1-5-1975

29- Trung Tá Phạm Đức Lợi, Phòng 2 Bộ TTM, khoá 5 Thủ Đức, học giả, nhà văn, thơ, soạn kịch... bút danh: Phạm Việt Châu, cựu giảng viên SNQĐ, trưởng phái đoàn VNCH thực hiện HĐ Paris tại Hà Nội. Tụ sát tại nhà riêng ngày 5-5-1975

30- Đại Úy Nguyễn Văn Hựu, trưởng Ban Văn Khố P2/Bộ TTM. Tụ sát sáng 30-4-1975 tại P2/Bộ TTM

31- Thiếu Úy Nguyễn Phụng, CS đặc biệt, 30-4-1975 tại Thanh

Đà, Sài Gòn

32- Thiếu Úy Nhảy Dù Huỳnh Văn Thái, khoá 5/69 Thủ Đức.  
30-4-1975 tự sát tập thể cùng 7 lính Nhảy Dù tại Ngã 6 Chợ  
Lớn.

33- Trung Úy Đặng Trần Vinh (con của Thiếu Tá Đặng Sĩ  
Vĩnh), P2 BTM. Tự sát cùng vợ con 30-4-1975

34- Trung Úy Nghiêm Viết Thảo, An Ninh Quân Đội, khóa  
1/70 Thủ Đức. Tự sát 30-4-1975 tại Kiến Hòa

35- Thiếu Úy Nguyễn Thanh Quan (Quan Đen), phi công PĐ  
110 Quan Sát (khóa 72). Tự sát chiều 30-4-1975

36- Hồ Chí Tâm B2, TĐ 490 ĐP ( Mãnh Sư) TK Ba Xuyên  
(Cà Mau). Tự sát bằng súng M16 trưa 30-4-1975 tại Đầm Cùn,  
Cà Mau

37- Thượng Sĩ Phạm Xuân Thanh, trường Truyền Tin Vũng  
Tàu. Tự sát ngày 30-4-1975 tại Vũng Tàu

38- Thượng Sĩ Bùi Quang Bộ, trường Truyền Tin Vũng Tàu.  
Tự sát ngày 30-4-1975 cùng gia đình 9 người tại Vũng Tàu

39- Thiếu Tá Trần Thế Anh - đơn vị 101 T ự sát ngày 30/4/75

40- Đại Úy Nguyễn Văn Hựu, Trưởng ban văn khố, P2/Bộ  
TTM Tự sát sáng 30-4-75 tại P2/Bộ TTM

41- Thiếu Tá Lê Văn Chính tham mưu phó tiếp vận BCH Tiểu  
Khu Hậu Nghĩa tự sát ngày 29-4-1975 tại xã Đức Lập, Quận  
Đức Hòa tỉnh Hậu Nghĩa

42- Thiếu Tá Lê Vĩnh Xuân , trước làm việc tại P2/Bộ TTM  
sau chuyển về làm Biệt Đội Trưởng Biệt Đội Quân  
Báo tại Biệt Khu Thủ Đô , tự sát cùng vợ và con trai trưa ngày  
30-4-1975.

43- Trung Tá Đặng Xuân Thoại, Sở Tâm Lý Chiến Nha Kỹ  
Thuật Bộ Tổng Tham Mưu, tự sát ngày 30-4-1975 tại Sài Gòn.

44- Thiếu Tá Trần Đình Tự, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 38 –  
Liên Đoàn 32 BĐQ Từ chối đầu hàng bị Cộng Quân giết ngày  
30 tháng 4.

HUYỀN ÁI TỔNG

Danh sách này do một cựu SVSQ khoá 3/73 Thủ Đức sưu tầm từ những tư liệu không được đầy đủ, cần có một cơ quan nào đó làm việc cập nhật bản danh sách các anh hùng của QLVNCH để được đầy đủ và chính xác nhằm lưu danh cho hậu thế.

THÀ CHẾT VINH HƠN SỐNG NHỤC

Cùng soạn giả:

- *Văn học Miền Nam (1623-1954)*
- *Văn học Miền Nam 1954-1975*
- *Hai mươi năm Văn học miền Bắc 1954-1974*
- *Văn học Việt Nam cận và hiện đại*
- *Báo chí và nhà văn Quốc ngữ thời sơ khởi*
- *Những nhà bất đồng chính kiến*